

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

Vũ Tự Long

**ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT CHÈO
CỦA NHÀ HÁT CHÈO QUÂN ĐỘI**

Ngành: Lý luận và lịch sử sân khấu

Mã ngành: 9210221

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ SÂN KHẤU

Hà Nội - 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

Vũ Tỵ Long

**ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT CHÈO
CỦA NHÀ HÁT CHÈO QUÂN ĐỘI**

Ngành: Lý luận và lịch sử sân khấu
Mã ngành: 9210221

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ SÂN KHẤU

Người hướng dẫn khoa học

GS.TS Đào Mạnh Hùng

TS. Trần Thị Minh Thu

Hà Nội - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Nghiên cứu sinh cam đoan luận án tiến sĩ *Đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội* là công trình nghiên cứu do tôi viết. Các trích dẫn, kết quả nghiên cứu nêu trong luận án này là trung thực và có xuất xứ rõ ràng.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan của mình.

Tác giả luận án

Vũ Tự Long

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH TRONG LUẬN ÁN.....	v
MỞ ĐẦU.....	6
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN.....	13
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	13
1.1.1. Nhóm tài liệu nghiên cứu về lý luận chèo.....	13
1.1.2. Nhóm tài liệu nghiên cứu về Nhà hát Chèo Quân đội.....	24
1.1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu và những vấn đề đặt ra.....	27
1.2. Cơ sở lý luận.....	29
1.2.1. Một số khái niệm liên quan đến đề tài.....	29
1.2.2. Một số lý thuyết và lý luận vận dụng trong luận án.....	33
1.3. Khái quát quá trình hình thành, phát triển Nhà hát Chèo Quân đội.....	50
1.3.1. Giai đoạn 1954 - 1985.....	50
1.3.2. Giai đoạn 1986 - 2009.....	58
1.3.3. Giai đoạn 2010 đến nay.....	60
Tiểu kết.....	61
Chương 2: NHẬN DIỆN ĐẶC ĐIỂM VỀ NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT CỦA NHÀ HÁT CHÈO QUÂN ĐỘI.....	63
2.1. Những yếu tố tác động đến đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội.....	63
2.1.1. Yêu cầu phục vụ chính trị của Nhà hát Chèo Quân đội.....	63
2.1.2. Yêu cầu nâng cao đời sống tinh thần người lính của Nhà hát Chèo Quân đội.....	64
2.1.3. Yêu cầu bảo tồn, phát huy giá trị nghệ thuật chèo trong Quân đội của Nhà hát Chèo Quân đội.....	65
2.2. Nhận diện đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội trên phương diện nội dung.....	66
2.2.1. Về đề tài.....	66
2.2.2. Về hình tượng nhân vật.....	77
2.2.3. Về chủ đề tư tưởng.....	92
2.3. Nhận diện đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội trên phương diện hình thức.....	104

2.3.1. Kết cấu.....	104
2.3.2. Thể tài.....	110
2.3.3. Nghệ thuật biểu diễn.....	118
2.3.4. Nghệ thuật dàn dựng.....	126
Tiêu kết.....	133
Chương 3: NHỮNG ĐÓNG GÓP NGHỆ THUẬT CỦA NHÀ HÁT CHÈO QUÂN ĐỘI VÀ VẤN ĐỀ GÌN GIỮ, PHÁT HUY TRONG BỐI CẢNH ĐƯƠNG ĐẠI.....	136
3.1. Những đóng góp nghệ thuật của Nhà hát Chèo Quân đội.....	136
3.1.1. Kế thừa giá trị nghệ thuật chèo truyền thống.....	136
3.1.2. Phát triển nghệ thuật chèo cách mạng.....	144
3.1.3. Hiện đại hóa nghệ thuật chèo đương đại.....	146
3.1.4. Tạo dựng nên "chiều chèo" riêng - "chiều chèo" Quân đội.....	150
3.2. Những yếu tố tác động đến việc giữ gìn, phát huy đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội.....	149
3.2.1. Đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước.....	149
3.2.2. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và giao lưu văn hóa.....	150
3.2.3. Sự phát triển khoa học và công nghệ.....	153
3.2.4. Sự thay đổi thị hiếu và nhu cầu tiếp nhận nghệ thuật của khán giả.....	154
3.2.5. Sự thiếu hụt đội ngũ sáng tạo trong ngành chèo.....	158
3.3. Vấn đề giữ gìn, phát huy đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội trong bối cảnh đương đại.....	162
3.3.1. Giữ vững tư tưởng chính trị trong đội ngũ nghệ sĩ - chiến sĩ Nhà hát Chèo Quân đội.....	162
3.3.2. Tăng cường giáo dục nhận thức và xây dựng đội ngũ chuyên môn vững vàng.....	165
3.3.3. Đổi mới và nâng cao chất lượng sáng tạo nghệ thuật.....	169
3.3.4. Tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới trên nền tảng văn hóa dân tộc.....	172
3.3.5. Đầu tư công nghệ biểu diễn nâng cao hiệu quả nghệ thuật.....	174
Tiêu kết.....	178
KẾT LUẬN.....	181
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ.....	185
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	186
PHỤ LỤC.....	193

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
BCH TƯ	Ban Chấp hành Trung ương
ĐHQG	Đại học Quốc gia
HCM	Hồ Chí Minh
NCS	Nghiên cứu sinh
Nxb.	Nhà xuất bản
PGS.TS	Phó Giáo sư, Tiến sĩ
PL	Phụ lục
QĐNDVN	Quân đội Nhân dân Việt Nam
ThS.	Thạc sĩ
TP.	Thành phố
Tr.	Trang
TS.	Tiến sĩ

DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH TRONG LUẬN ÁN

Bảng 1.1.	Đặc điểm Chèo cách mạng	47
Bảng 2.1.	Bảng thống kê so sánh các vở tiêu biểu đề tài người lính với đề tài khác	66
Bảng 2.2.	Bảng so sánh Nhà hát Chèo Quân đội với các đơn vị nghệ thuật chèo dân sự	67
Hình 2.1.	Sơ đồ kết cấu tự sự của chèo truyền thống	105

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, giao lưu và hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới, việc phát huy bản sắc văn hóa nghệ thuật dân tộc ngày càng được chú ý. Nghị quyết Hội nghị lần thứ V của BCH TƯ Đảng (khóa VIII) nhấn mạnh xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đại hội lần thứ XII của Đảng (2016) chủ trương: “Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại làm giàu văn hóa dân tộc xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý hài hòa giữa bảo tồn phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế xã hội” [29, tr.673]. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng về lĩnh vực văn hóa, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định tiếp tục xây dựng, giữ gìn, chấn hưng và phát triển nền văn hoá dân tộc. Báo cáo chính trị Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh định hướng phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Chèo - thể loại nghệ thuật sân khấu kịch hát dân tộc, là bộ phận không thể tách rời trong nền văn hóa Việt Nam. Chèo được sinh ra trong cái nôi văn hóa vùng châu thổ Bắc Bộ. Trải qua quá trình hình thành, phát triển, nghệ thuật Chèo luôn đi sâu vào đời sống văn hóa, xã hội, trở thành một trong những môn nghệ thuật truyền thống tiêu biểu, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Do đó, việc bảo tồn, phát huy giá trị của nghệ thuật Chèo gắn liền với việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam - nguồn lực nội sinh, động lực quan trọng của phát triển đất nước

và bảo vệ Tổ quốc.

Nhà hát Chèo Quân đội là đơn vị nghệ thuật Chèo duy nhất trực thuộc Tổng cục Chính trị, phục vụ Quân đội nhân dân Việt Nam. Trong quá trình hình thành và phát triển, Nhà hát Chèo Quân đội đã dàn dựng và biểu diễn nhiều vở diễn mang nét riêng làm nên đặc điểm nghệ thuật của Nhà hát. Chính nhờ đặc điểm riêng biệt này, Nhà hát Chèo Quân đội đã vươn mình lớn mạnh, đưa sân khấu Chèo truyền thống có thêm một “chiều chèo mới” - “chiều chèo bộ đội” trực thuộc Quân đội Nhân dân Việt Nam, góp phần vào sự nghiệp bảo tồn, phát huy giá trị nghệ thuật chèo truyền thống của dân tộc.

Về phương diện thực tiễn, những năm gần đây Nhà hát Chèo Quân đội đứng trước nhiều yêu cầu mới: nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền trong Quân đội ngày càng cao, cơ cấu khán giả và cách thưởng thức nghệ thuật cũng thay đổi; Nhà hát phải vừa giữ bản sắc Chèo truyền thống, vừa đổi mới hình thức thể hiện cho phù hợp môi trường quân đội và công chúng đương đại. Nhiều vở diễn, vai diễn mang dấu ấn “chiều chèo bộ đội” đã được dàn dựng, lưu diễn rộng rãi nhưng chưa được tổng kết, hệ thống hóa về phương diện nghệ thuật, khiến bản sắc riêng của Nhà hát có nguy cơ bị pha loãng trong bối cảnh chuyển giao thể hệ nghệ sĩ và cạnh tranh với các loại hình giải trí mới. Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu cần có một công trình nghiên cứu chuyên sâu về đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội, làm cơ sở khoa học cho công tác sáng tác, dàn dựng, đào tạo, quản lý và quảng bá của đơn vị hiện nay.

Trên thực tế, mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về nghệ thuật chèo, nhưng về đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội hiện vẫn chưa có chuyên luận nào đi sâu phân tích. Do đó, qua nghiên cứu *Đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội*, NCS mong muốn tìm hiểu một cách đầy đủ hơn về những đóng góp của Nhà hát Chèo Quân đội đối với ngành chèo.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án nghiên cứu đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội nhằm làm rõ những nét riêng biệt của Nhà hát Chèo Quân đội, để từ đó làm căn cứ tìm ra phương hướng thúc đẩy sự phát triển của Nhà hát Chèo Quân đội trong cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, luận án tập trung giải quyết những nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Hệ thống hóa một cách chọn lọc một số khái niệm và lý thuyết, lý luận để làm cơ sở cho việc tiếp cận đối tượng nghiên cứu.
- Khái quát quá trình hình thành và phát triển của Nhà hát Chèo Quân đội để có được cái nhìn toàn diện và hệ thống về đối tượng nghiên cứu.
- Phân tích những yếu tố tác động đến đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội.
- Xác định những đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội.
- Những đóng góp nghệ thuật của Nhà hát Chèo Quân đội.
- Bàn luận về việc gìn giữ, phát huy đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội trong bối cảnh phát triển cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội trên phương diện nội dung và hình thức được thể hiện thông qua các vở diễn của Nhà hát Chèo Quân đội.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về mặt không gian*: Đề tài được giới hạn trong phạm vi Nhà hát Chèo Quân đội, đơn vị nghệ thuật Chèo trực thuộc Tổng cục Chính trị Quân đội

nhân dân Việt Nam.

- *Về mặt thời gian*: Đề tài này tập trung nghiên cứu các vở diễn tiêu biểu, nổi bật của Nhà hát Chèo Quân đội từ năm 1954 đến nay gắn với quá trình hình thành, phát triển của Nhà hát Chèo Quân đội để thấy được cái nhìn tổng thể, xuyên suốt về đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội.

- *Về nội dung nghiên cứu*: Luận án chỉ bàn về đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội trên các phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật.

4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu nêu trên, có bốn câu hỏi nghiên cứu được đặt ra để giải quyết vấn đề:

Câu hỏi nghiên cứu 1: Quá trình hình thành và phát triển của Nhà hát Chèo Quân đội như thế nào?

Câu hỏi nghiên cứu 2: Đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội là gì?

Câu hỏi nghiên cứu 3: Những đóng góp nghệ thuật của Nhà hát Chèo Quân đội và vấn đề giữ gìn, phát huy trong bối cảnh đương đại ra sao?

4.2. Giả thuyết nghiên cứu

Để trả lời cho những câu hỏi nghiên cứu trên, luận án đưa ra các giả thuyết nghiên cứu như sau:

Giả thuyết nghiên cứu 1: Quá trình hình thành và phát triển của Nhà hát Chèo Quân đội được thể hiện qua ba giai đoạn: 1954-1985, 1986-2009, 2010 đến nay, gắn liền với hoạt động sáng tạo và biểu diễn nghệ thuật của Nhà hát.

Giả thuyết nghiên cứu 2: Đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội được thể hiện về mặt nội dung và hình thức nghệ thuật, gắn với đề tài, hình tượng nhân vật, chủ đề tư tưởng, kết cấu, thể tài, nghệ thuật biểu diễn, nghệ thuật dàn dựng qua các vở diễn của Nhà hát.

Giả thuyết nghiên cứu 3: Những đóng góp nghệ thuật của Nhà hát Chèo Quân đội thể hiện ở sự kế thừa những giá trị cốt lõi của nghệ thuật chèo truyền thống cũng như cách tân, đổi mới phù hợp với xã hội đương đại và hiện thực chiến đấu của người lính. Việc giữ gìn, phát huy đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội đòi hỏi sự đổi mới trên tinh thần “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cách tiếp cận

Luận án sử dụng cách tiếp cận liên ngành trên cơ sở phối hợp các phương pháp và thành tựu nghiên cứu của văn hóa học, sử học, nghệ thuật học để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu đề ra, trong đó nghệ thuật học là chủ yếu. Trong đó:

- Cách tiếp cận liên ngành giúp NCS xem xét đối tượng nghiên cứu ở góc nhìn từ rộng đến hẹp. Bởi nghệ thuật Chèo cũng nằm trong văn hóa Việt Nam, đồng thời việc nghiên cứu không thể xét trên cả phương diện lịch đại và đồng đại.

- Cách tiếp cận nghệ thuật học, trong đó tiếp cận dưới góc độ nghệ thuật sân khấu là trọng tâm bởi gắn với mã ngành của luận án và đối tượng nghiên cứu của luận án.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích - tổng hợp: Giúp NCS tổng hợp các tài liệu tham khảo trên cơ sở đó phân tích các vấn đề nghiên cứu liên quan đến đối tượng nghiên cứu của luận án.

- Phương pháp khảo tả: Giúp NCS mô tả những sáng tạo nghệ thuật của Nhà hát Chèo Quân đội nhằm làm minh chứng cụ thể, rõ ràng trong luận án.

- Phương pháp so sánh - đối chiếu: Giúp NCS so sánh những sáng tạo nghệ thuật của Nhà hát Chèo Quân đội với các đơn vị nghệ thuật Chèo dân sự để làm rõ những nét riêng biệt của Nhà hát Chèo Quân đội.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

6.1. Ý nghĩa khoa học

- Luận án góp phần hệ thống hóa những vấn đề lý luận liên quan đến đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội.

- Luận án giúp cho các nghệ sĩ và những ai quan tâm tới sân khấu Chèo những nhận thức ban đầu về đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội.

- Luận án sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà hoạt động sân khấu khi muốn nghiên cứu, tìm hiểu về nghệ thuật Chèo nói chung và Nhà hát Chèo Quân đội nói riêng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Thông qua kết quả nghiên cứu về đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội, các nghệ sĩ sẽ có được những nhận thức mới cho công tác sáng tạo để dàn dựng, biểu diễn các tác phẩm mới đạt chất lượng, hiệu quả.

- Cũng thông qua kết quả nghiên cứu, Nhà hát sẽ có những định hướng đúng đắn trong việc giữ gìn, phát huy đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội trong giai đoạn hiện nay.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu (07 trang), Kết luận (04 trang), Danh mục công trình nghiên cứu của tác giả luận án, Tài liệu tham khảo, luận án gồm có 3 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và thực tiễn (50 trang).

Chương 2: Nhận diện đặc điểm về nội dung và hình thức nghệ thuật của Nhà hát Chèo Quân đội (73 trang).

Chương 3: Những đóng góp nghệ thuật của Nhà hát Chèo Quân đội và vấn đề gìn giữ, phát huy trong bối cảnh đương đại (45 trang).

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Nhóm tài liệu nghiên cứu về lý luận chèo

Trong hệ thống các công trình, bài viết đi trước nghiên cứu về nghệ thuật chèo, phải khẳng định rằng, các công trình, bài viết lý luận về chèo chiếm số lượng chủ yếu và tập trung vào 13 nội dung sau:

Thứ nhất, nghiên cứu cơ sở triết học, văn hóa học và mỹ học của chèo cổ. Hướng nghiên cứu này được thể hiện qua công trình cùng tên của tác giả Trần Trí Trắc, Nxb Sân khấu, 2011. Công trình đã đi sâu phân tích cơ sở triết học Âm dương - Ngũ hành trong chèo cổ thể hiện ở *Vô cực như Thái cực* - tính tổng thể trong chèo cổ; *Lưỡng nghi* - Âm dương trong Chèo cổ; *Ngũ hành* trong Chèo cổ; *Thuyết Tam tài* trong Chèo cổ; Thế giới quan và tư duy của người Việt trong Chèo cổ. Về cơ sở văn hóa học của chèo cổ, công trình đã cho người đọc thấy rõ văn hóa cội nguồn của chèo cổ đi từ sự so sánh văn hóa phương Tây và phương Đông, văn hóa Đông Nam Á và cuối cùng làm rõ văn hóa bản địa châu thổ sông Hồng; những tiền đề văn hóa của chèo cổ thể hiện ở sinh hoạt văn hóa dân gian (lễ hội), diễn xướng dân gian, truyện kể dân gian, dân ca và thơ lục bát, tính nguyên hợp của văn hóa dân gian và nho sĩ - trí thức; nội dung văn hóa Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo và văn hóa phụ nữ trong chèo cổ. Về cơ sở mỹ học, cuốn sách đã phân tích khách thể thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ, chủ thể hành động, hình thức hành động, kết cấu, xung đột, tự sự, nhóm nhân vật, không gian, hình tượng sân khấu trong chèo cổ.

Thứ hai, nghiên cứu về nghệ thuật chèo dưới góc nhìn thể loại. Có một số công trình tiêu biểu như: *Việt Nam văn học sử trích yếu* của Nghiêm Toàn,

phát hành năm 1949, đã phân loại ca kịch, bao gồm tuồng và chèo, là những thể loại thuộc văn Nôm. Cuốn *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* quyển II, có tựa đề *Văn học lịch triều: Việt văn*, của Phạm Thế Ngũ, xuất bản vào những năm đầu thập kỉ 60 của thế kỉ XX, được tái bản bởi Nxb Đồng Tháp vào năm 1997, đã đưa ra quan điểm tuồng và chèo đều là ca vũ kịch, có sử dụng đủ các thể cách văn Hán, văn Nôm, mà không thể thành một loại văn học và việc nghiên cứu nên đặt ngoài địa hạt văn học sử - trừ vài trường hợp đặc biệt. Hay cuốn *Việt Nam văn học sử yếu*, Dương Quảng Hàm, Bộ Giáo dục - Trung tâm Học liệu xuất bản năm 1968, đã phân loại văn kịch Việt Nam thành hai hình thức chính: hát bội (hoặc tuồng) và chèo, đồng thời coi chèo từng là một hình thức nghệ thuật của tài tử, nhưng sau đó đã phát triển thành một tổ chức nghề nghiệp với các diễn viên là nghệ sĩ chuyên nghiệp, được đào tạo theo truyền thống gia đình. Đỉnh cao của sự phát triển này cũng đánh dấu sự đa dạng và phong phú của nhạc chèo. Ngoài ra, còn có cuốn sách *Thi pháp chèo cổ* của tác giả Trần Trí Trắc xuất bản năm 2019, đã đi sâu phân tích cơ sở của thi pháp chèo cổ - là triết học, văn hóa, chính trị - xã hội, truyện kể dân gian, dân ca, thơ lục bát, nho sĩ... là những tiền đề, môi trường tạo ra các nhân tố mang ý nghĩa phát sinh và quy định cho thi pháp chèo cổ ra đời, tồn tại, phát triển; phân tích thi pháp chèo cổ và những đặc điểm thi pháp cơ bản trong *Tuyển tập chèo cổ* do Hà Văn Cầu sưu tầm... cung cấp cho người đọc cái nhìn khái quát nhất dưới góc độ thi pháp thể loại các khía cạnh liên quan thể hiện ở danh xưng, chủ thể sáng tạo, đối tượng biểu hiện, tính nguyên hợp, phương pháp sáng tác, tự sự, tích và trò, mô hình nhân vật, hành động, xung đột, hình tượng nhân vật, ngôn ngữ, âm nhạc, múa, không gian, thời gian, trang phục, cái quạt, môi trường trong chèo cổ.

Thứ ba, nghiên cứu về đặc trưng của nghệ thuật chèo. Hướng nghiên cứu này được thể hiện qua một số công trình của các tác giả Lương Thế Vinh,

Trần Huyền Trân, Lộng Chương, Trần Việt Ngữ, Hoàng Kiều, Hà Văn Cầu và Trần Bảng. Trong đó công trình *Hí phường phả lục* (Khảo cứu về hát chèo) của Trạng nguyên Lương Thế Vinh, ra đời năm 1501, được coi là công trình nghiên cứu chèo cổ đầu tiên, đã đề cập đến các nguyên tắc lý luận nghệ thuật, từ đó định hình và phát triển chèo như một loại hình nghệ thuật có hệ thống. Công trình cũng ghi lại các khoán ước của phường chèo, kịch bản và diễn xuất, cách đánh trống chèo, phương pháp múa và hát. Công trình này cho thấy, ngay từ thời phong kiến, chèo đã được coi trọng và nghiên cứu một cách bài bản, tạo tiền đề cho các nhà nghiên cứu sau này viết về chèo, khẳng định giá trị, vai trò của chèo trong nền văn hóa nghệ thuật Việt Nam. Hay cuốn *Quan Âm Thị Kính (Chèo cổ)* của Trần Huyền Trân, 1957, đã nêu rõ chèo nổi bật với tiếng cười châm biếm, tính chiến đấu, lạc quan, giản dị nhưng sâu sắc và tinh tế; kết hợp chặt chẽ với thơ ca, dựa trên dân ca, dân vũ và dân nhạc, đặc biệt là tính quần chúng, với sự tham gia của khán giả qua các nhạc cụ và tiếng hò reo. Bài viết “Nhận xét một số đặc điểm của nghệ thuật chèo cổ qua vở *Quan Âm Thị Kính*” của Lộng Chương, đăng trên Tạp chí *Văn nghệ*, phát hành số 19, tháng 12/1958, đã đưa ra. Theo ông, chèo thường xoay quanh một câu chuyện có cấu trúc rõ ràng, tập trung vào các tình huống cụ thể mà không tuân theo một quy luật nhất quán. Chèo hiếm khi sử dụng phong cách tự sự. Nghệ thuật chèo được thể hiện qua các hình thức biểu tượng, với các động tác của nhân vật được cách điệu hóa. Hoặc ở cuốn *Bước đầu tìm hiểu sân khấu chèo* của Trần Việt Ngữ và Hoàng Kiều, Nhà xuất bản Văn hóa Nghệ thuật, 1961, đã cho rằng chèo phát triển dựa trên hai yếu tố cốt lõi: tích diễn và ứng diễn; chèo là một dạng sân khấu lễ hội có gốc rễ dân gian, nhận được sự đánh giá cao từ cộng đồng nông thôn; là một nghệ thuật tổng hợp, thuộc loại sân khấu kể chuyện, yêu cầu người xem phải trực tiếp tham gia ; là một dạng bi hài kịch mang tính dân tộc, nơi mà chèo Việt Nam tách biệt so với kịch bi hài

phương Tây, chủ yếu vì chèo không chỉ đơn giản là hài kịch thông qua tiếng đế và lời hề, mà còn chứa đựng nội dung nhân đạo, trữ tình và hiện thực sâu sắc. Cuốn *Tìm hiểu phương pháp viết chèo*, Hà Văn Cầu, Nxb Văn hóa Nghệ thuật, 1964, đã đưa ra quan điểm cho rằng chèo thuộc loại hình tự sự, với đặc điểm là yếu tố tự sự có vai trò nổi bật hơn yếu tố trữ tình. Bài viết “Những đặc điểm của nghệ thuật chèo cổ” của Trần Việt Ngữ đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Nghệ thuật* số 3, 1983 đã phân tích sáu đặc điểm cơ bản của nghệ thuật chèo cổ: chèo là loại sân khấu khuyến giáo đạo đức; thuộc loại kịch hát dân tộc với sự tổng hợp của hát, múa, nhạc, kịch; là loại kịch hát bi hài dân tộc; là sân khấu kể chuyện Việt Nam (còn gọi là sân khấu tự sự dân gian); thuộc loại sân khấu ước lệ và cách điệu; đặc điểm chuyên dùng và đa dùng bộc lộ quy luật phát triển của chèo cổ. Mỗi đặc điểm không chỉ bổ sung mà còn tác động lẫn nhau, đều dựa trên một quan điểm triết học và mỹ học rõ ràng. Ngoài ra, còn có bài viết, sách của Trần Bảng như “Lại bàn về sự phát triển của sân khấu truyền thống” in trong Tập san *Văn hóa* số 183, 1969; sách *Khái luận về chèo* với các nội dung: Chèo - Một hiện tượng sân khấu dân tộc; Chèo - sân khấu tự sự; Chèo - sân khấu ước lệ; Chèo - nghệ thuật ngẫu hứng; Chèo - phương pháp xây dựng, xử lý và chuyển hóa mô hình; Chèo - vấn đề bảo tồn và phát triển. Cùng hướng nghiên cứu này, năm 2005, có cuốn *Nguyên tắc cơ bản trong nghệ thuật chèo* của Trần Đình Ngôn khi cũng bàn về nguyên tắc tự sự, ước lệ, xây dựng và chuyển hóa mô hình trong chèo truyền thống.

Thứ tư, nghiên cứu về nhạc chèo. Các bài viết, công trình viết về nhạc chèo không nhiều, đi vào 6 nhóm vấn đề:

(1) Nghiên cứu về vai trò của âm nhạc trong sân khấu dân tộc và phân tích đặc điểm âm nhạc trong sân khấu dân tộc, trong đó có nghệ thuật chèo. Hướng nghiên cứu này được thể hiện qua công trình *Âm nhạc và sân khấu*

dân tộc của Tuấn Giang, Nxb Văn hóa dân tộc, 1996; “Vai trò của âm nhạc trong nghệ thuật chèo và múa rối nước ở Thái Bình” của Hà Thị Hoa, đăng trên Tạp chí *Văn hóa Dân gian*, số 4, 2007.

(2) Nghiên cứu những nét đặc trưng của âm nhạc chèo truyền thống, thể hiện qua một số công trình, bài viết như: *Nhạc chèo* của Bùi Đức Hạnh, Ban Nghiên cứu Chèo và Vụ Nghệ thuật xuất bản, 1960; “Sự nhận diện chèo qua âm nhạc” của Đôn Truyền, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, tháng 10, 1995; “Một vài nhận thức về nhạc chèo”, Hoàng Kiêu, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, tháng 4, 2001; *Tìm hiểu âm nhạc sân khấu chèo* của Bùi Đức Hạnh, Nxb Sân khấu, 2004...

(3) Nghiên cứu về cách lòng điệu và sử dụng các làn điệu chèo, phương pháp phổ thơ, cấu trúc ca khúc chèo và những nhân tố tổ hợp thành điệu chèo, thể hiện qua cuốn *Tìm hiểu các làn điệu chèo cổ* của Hoàng Kiêu, Nxb Sân khấu, 2001.

(4) Nghiên cứu về âm nhạc chèo dưới góc nhìn lịch sử, thể hiện qua đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ *Âm nhạc sân khấu chèo nửa cuối thế kỉ XX* năm 2004 của Nguyễn Thị Thanh Phương. Công trình cung cấp cho người đọc cái nhìn tổng thể về âm nhạc chèo trước Cách mạng tháng Tám, các làn điệu chèo cổ, các làn điệu chèo mới và những nét chính của chặng đường nghệ thuật âm nhạc chèo nửa cuối thế kỉ XX.

(5) Nghiên cứu diễn xướng âm nhạc chèo, từ cơ sở lý thuyết đến tình hình nghiên cứu, sự biến đổi trong chèo đương đại, thể hiện qua luận án Tiến sĩ chuyên ngành văn hóa dân gian *Diễn xướng âm nhạc chèo giai đoạn 1951-2013 - truyền thống và biến đổi* của Nguyễn Thị Thanh Phương.

(6) Nghiên cứu về âm nhạc chèo hiện đại, những thành tựu và hạn chế của việc sáng tác nhạc chèo đề tài hiện đại thể hiện qua sự quan tâm của tác giả Tào Mạt với bài viết “Thử bàn về âm nhạc kịch hát dân tộc hiện đại”,

đăng trên Tạp chí *Sân khấu*, tháng 2, năm 1988; của Ngọc Chung với bài viết “Nghĩ về nhạc chèo”, đăng trên Tạp chí *Sân khấu*, tháng 1, 2012 và “Bếp núc nhạc chèo về đề tài hiện đại” đăng trên Tạp chí *Sân khấu*, tháng 6, 2012...

Thứ năm, nghiên cứu về múa chèo. Hướng nghiên cứu cũng không được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm đến, chỉ có một số công trình đi vào 3 vấn đề sau:

(1) Nghiên cứu về múa chèo dưới góc nhìn lịch sử hình thành, thể hiện qua công trình *Tổng luận nghệ thuật chèo nửa sau thế kỷ XX* của Lê Thanh Hiền. Cuốn sách đã khẳng định đã xuất hiện từ khoảng thế kỷ X đến thế kỷ XIV, vào thời Trần. Dựa vào đời sống và sự nghiệp của những nhân vật quan trọng trong lịch sử chèo như Phạm Thị Trân, Đào Văn Sớ, Sái Át, Trịnh Vĩnh Càn, Đào Nương và Từ Đạo Hạnh, Lê Thanh Hiền cho rằng, múa chèo cùng với hát chèo đã được phổ cập trong quần chúng từ những giai đoạn lịch sử đầu tiên của thời kỳ tự chủ; mặc dù không thể xác định chính xác thời điểm xuất hiện của hình thức hát múa và trò nhại, song sau thời kỳ tự chủ, đã có sự phân hóa rõ rệt giữa nghệ thuật hát múa tại cung đình và trong dân gian.

(2) Nghiên cứu về khả năng diễn tả hiện thực và giá trị nghệ thuật của múa trong chèo truyền thống. Mối quan tâm này được tập trung trong Luận văn Thạc sĩ Nghệ thuật Sân khấu của Trần Lan Hương về *Khả năng diễn tả và giá trị nghệ thuật của múa chèo trong sân khấu chèo truyền thống (qua trích đoạn tiêu biểu “Thị Mầu lên chùa” và “Súy Vân giả dại”)*, trường Đại

học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, 2006, sau đó được in thành cuốn *Nghệ thuật múa trong chèo truyền thống*, Nxb Sân khấu, 2014. Công trình phân tích sâu sắc về vị thế quan trọng của múa trong không gian sân khấu chèo; bản chất đặc trưng của múa chèo, nhấn mạnh vào tính linh hoạt và biểu cảm cao độ mà hình thức nghệ thuật này mang lại; những nguyên tắc cốt lõi của múa chèo truyền thống; các dạng thức múa chèo.

(3) Nghiên cứu đổi mới múa chèo trong khuôn khổ nghệ thuật chèo hiện đại, thể hiện qua cuốn sách *Nghệ thuật chèo - nhận thức từ một phía* của Tất Thắng, đã thực hiện một phân tích tường tận về cách thức thành công của những đổi mới trong múa chèo trong khuôn khổ của nghệ thuật chèo hiện đại. Tác giả nhấn mạnh rằng, để một tác phẩm sáng tạo được công nhận và đánh giá cao, điều tiên quyết là phải có sự am hiểu sâu sắc về truyền thống và nguồn gốc văn hóa của loại hình nghệ thuật này. Chỉ khi người biên đạo múa hiểu rõ và tôn trọng những giá trị cốt lõi của chèo truyền thống, họ mới có thể tạo ra những sự biến đổi sáng tạo mà vẫn giữ được bản sắc văn hóa đặc trưng. Nguyễn Thúy Hương trong Luận án Tiến sĩ Nghệ thuật *Múa trong sự phát triển của nghệ thuật chèo*, 2019, đã phân tích vai trò cùng những biến đổi của múa đi cùng với sự phát triển của nghệ thuật chèo hiện nay.

Thứ sáu, nghiên cứu về kịch bản chèo. Có khá nhiều công trình, bài viết quan tâm đến vấn đề này, thể hiện ở 6 khía cạnh sau:

(1) Nghiên cứu về đặc trưng của kịch bản chèo cổ, có bài viết “Sự phân cách về mặt thể loại giữa kịch dram và chèo truyền thống” đăng trên Tạp chí *Văn học* tháng 11 năm 1969 của Nguyễn Thị Nhung, đã chỉ ra một đặc trưng quan trọng của kịch bản chèo cổ là yếu tố truyện kể. Các nhân vật trong chèo được lấy từ các câu chuyện dân gian, tái hiện trên sân khấu qua các sự kiện và hành động đã được quy định từ trước, không phải trong một tình huống đang phát triển hoặc xung đột đang diễn ra như trong kịch nói.

(2) Nghiên cứu về *yếu tố dân gian và bác học trong kịch bản chèo*, có Luận án cùng tên của Phó Tiến sĩ chuyên ngành Ngữ văn của Trần Đình Ngôn, 1996. Luận án đã trình bày quá trình hình thành, phát triển các yếu tố dân gian và bác học trong kịch bản chèo, cùng sự kết hợp giữa các yếu tố đó.

(3) Nghiên cứu về cách viết một vở chèo, được chia làm hai nhóm: Nhóm thứ nhất, nghiên cứu phương pháp sáng tác chèo truyền thống, được

thể hiện qua các cuốn sách như: *Tìm hiểu phương pháp viết chèo*, Nxb Văn hóa Nghệ thuật (1964) *Mấy vấn đề trong kịch bản chèo*, Nxb Văn hóa (1977), *Cách viết một vở chèo* của Trần Việt Ngữ, Nxb Văn hóa, 1984; *Nguyên tắc cơ bản trong nghệ thuật chèo* của Trần Đình Ngôn, Nxb Sân khấu (2005)...

Nhóm thứ hai, nghiên cứu phương pháp sáng tác chèo hiện đại, thể hiện qua công trình *Trần Bảng - đạo diễn chèo* của Trần Bảng, Nxb Sân khấu (2006). Theo tác giả, để áp dụng cho các câu chuyện hiện đại, một lựa chọn là biến chúng thành huyền thoại hoặc ngụ ngôn. Nếu không, tác giả cần phải tìm cách nhìn mới, khai thác những điều bất thường từ những sự kiện hằng ngày, tập trung vào việc mô tả nội dung tinh thần thay vì hình thức bề ngoài.

(4) Nghiên cứu các mô hình nhân vật trong chèo. Các công trình, bài viết chủ yếu tập trung nghiên cứu về hình tượng người phụ nữ và hệ chèo như: *Hình tượng người phụ nữ trong chèo cổ*, Luận văn Thạc sĩ Văn hóa dân gian của Chu Thơm; *Bước đầu tìm hiểu tiếng cười trong chèo cổ* của Trần Việt Ngữ và Hoàng Kiều, Nxb Khoa học xã hội, 1967; *Hệ chèo* của Hà Văn Cầu, Nxb Văn hóa, 1977; *Đường trường phải chiều* của Trần Đình Ngôn, Nxb Sân khấu, 1993; “Hệ chèo tục mà thanh” của Trần Đình Ngôn, Tạp chí *Sân khấu*, số 180, tháng 4, 1996... Các công trình, bài viết đã giới thiệu các mô hình nhân vật nữ trong chèo cổ; các mô hình hệ chèo; một số đặc điểm về nội dung, tính chiến đấu, phản phong, khuyến giáo đạo đức trong các mô hình nhân vật.

(5) Nghiên cứu ngôn ngữ trong chèo. Có thể kể đến cuốn *Đường trường phải chiều* của Trần Đình Ngôn, Nxb Sân khấu, 1993 và *Trò nhời trong chèo truyền thống* của Trần Bích Ngọc, Nxb Sân khấu, 2008 đã phân tích đặc điểm kể chuyện bằng trò, môi trường văn hóa và phương thức sáng tạo trò nhời, nghệ thuật trò nhời trong chèo truyền thống.

Thứ bảy, nghiên cứu về trang trí và đạo cụ trong chèo, có trong cuốn

Đường trường phải chiều của Trần Đình Ngôn, Nxb Sân khấu, 1993; *Mỹ thuật chèo - đề tài truyền thống, lịch sử, dân gian* (tập 1), *Mỹ thuật sân khấu chèo - đề tài hiện đại* (tập 2), Nxb Sân khấu, 2012 và *Mỹ thuật sân khấu chèo - phục trang biểu diễn*, Nxb Sân khấu, 2018 của Nguyễn Dân Quốc; *Một số khuynh hướng thiết kế mỹ thuật trong chèo*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Sân khấu của Trần Đức Minh, 2013. Các cuốn sách đã trình bày những thiết kế mỹ thuật cho các vở diễn đề tài truyền thống, lịch sử, dân gian và hiện đại; giới thiệu các mẫu trang phục chèo có giá trị thẩm mỹ và tính ứng dụng cao được tuyển chọn từ các trang phục chèo truyền thống mà NSND Nguyễn Dân Quốc đã thiết kế cho các vở chèo.

Thứ tám, nghiên cứu về đạo diễn chèo, có công trình *Trần Bảng - đạo diễn chèo* của Trần Bảng, Nxb Sân khấu, 2006. Cuốn sách đã giới thiệu kiến thức và kinh nghiệm của tác giả khi đạo diễn các vở chèo; khả năng phản ánh đề tài hiện đại của chèo qua bàn tay đạo diễn Trần Bảng khi dàn dựng một số vở.

Thứ chín, nghiên cứu về chèo cách mạng. Có công trình *35 năm sân khấu ca kịch cách mạng*, Nxb Văn hóa, 1980, ở phần viết về chèo do Hà Văn Cầu thực hiện, đã đi sâu vào việc khám phá và đánh giá sự phát triển của nghệ thuật sân khấu cách mạng, trong đó có Chèo, trong suốt 35 năm. Trần Việt Ngữ với bài viết “Nghệ thuật chèo khai thác đề tài cách mạng” đăng trên Tạp chí *Sân khấu*, tháng 1-2 + 4/2013 đã đề cập đến sự đóng góp của Chèo trong việc xây dựng và phát triển hình tượng con người mới trong thời kỳ cách mạng. Cuốn sách *Chèo cách mạng* của Trần Trí Trắc, Nxb Sân khấu, 2020, lần đầu tiên khái quát các vấn đề toàn diện liên quan đến đối tượng nghiên cứu thể hiện qua 4 chương: những tiền đề của nghệ thuật chèo cách mạng; khái lược sự hình thành, phát triển của nghệ thuật chèo cách mạng; khái lược chân dung một số nghệ sĩ tiêu biểu của nghệ thuật chèo cách mạng; những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật chèo cách mạng. Bốn chương này tạo cho

công trình mang tính lịch sử và tính lý luận, tức là lý luận được sinh ra từ thực tiễn lịch sử và thực tiễn lịch sử sinh ra lý luận, đồng thời đã minh chứng chèo cách mạng không phải là một hiện tượng lịch sử biệt lập, ngẫu nhiên, mà được nằm trong dòng chảy “đồng đại” chung của văn học nghệ thuật cách mạng Việt Nam.

Thứ mười, nghiên cứu về sự kế thừa và biến đổi trong chèo. Có một số công trình đi sâu vào vấn đề này như: *Sự kế thừa và biến đổi của nghệ thuật chèo hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Nghệ thuật của Đinh Quang Trung, 2009; “Kế thừa và biến đổi âm nhạc chèo” của Nguyễn Thị Bích Ngoan, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 405, tháng 3/2018; *Kế thừa và biến đổi truyền thống trong kịch bản chèo của Trần Đình Ngôn*, Luận án Tiến sĩ Nghệ thuật học của Lê Tuấn Cường, 2020; *Múa trong sự phát triển của sân khấu chèo*, Luận án Tiến sĩ Nghệ thuật học của Nguyễn Thúy Hường,... Các công trình, bài viết đã cho người đọc thấy được sự kế thừa và biến đổi chèo hiện nay từ góc nhìn tổng thể trên cả hai phương diện nội dung và hình thức hoặc từ góc nhìn lịch sử hay âm nhạc, múa của chèo hiện nay từ chèo cổ, từ đó đưa ra những ý kiến bàn luận góp phần tìm ra hướng đi phù hợp cho chèo hiện nay.

Thứ mười một, nghiên cứu về thực trạng chèo. Có nhiều công trình, bài viết quan tâm đến vấn đề này. Có thể kể đến chùm sách và bài viết của Trần Việt Ngữ như “Mấy vấn đề nghệ thuật chèo hiện nay”, Tạp chí *Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật*, số 1, 1986; “Mấy khuynh hướng nghệ thuật chèo hiện nay”, Tạp chí *Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật*, số 2, 1987; “Khuynh hướng làm ca kịch mới trong mấy đoàn chèo và khán giả hôm nay”, Tạp chí *Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật*, số 1, 1988; *Nghìn năm sân khấu Thăng Long*, Nxb Sân khấu, 2003. Sách *Đường trường chông chênh* của Trần Đình Ngôn, Nxb Sân khấu, 1993. Bài viết “Bàn về đào tạo tác giả chèo” của Trần Trí Trắc đăng trên Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, tháng 3/2013. Các bài viết của Đinh

Quang Trung, Nguyễn Văn Thành và Trần Minh Phượng như “Nghĩ về nhân lực của sân khấu truyền thống hiện nay”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, tháng 6/2003; “Đổi mới phương pháp giảng dạy vai mẫu cho diễn viên kịch hát dân tộc”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, tháng 4/2014; “Thực trạng và lối ra của sân khấu hiện nay”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, tháng 6/1997; “Đào tạo tác giả kịch hát dân tộc từ nhận thức đến thực tế”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, tháng 1/2006; “Chèo đề tài hiện đại và những vấn đề đặt ra”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, tháng 9/2012; “Vài nét về thực trạng của sân khấu chèo gần đây”, Tạp chí *Sân khấu*, tháng 8/1993... Các cuốn sách, bài viết đều tập trung đi vào “mở xẻ” các vấn đề thực trạng của chèo liên quan đến sáng tác, đạo diễn, biểu diễn, đào tạo, đề tài phản ánh, khán giả... của chèo.

Thứ mười hai, nghiên cứu về giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị nghệ thuật chèo. Có thể kể đến bài viết “Về việc định hướng cho chèo hôm nay”, đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật*, số 2, 1991 của Trần Việt Ngữ; “Bảo tồn sân khấu bằng vai diễn, vở diễn sân khấu”, Tạp chí *Sân khấu*, tháng 3/2012 của Tất Thắng; “Nghệ thuật chèo truyền thống phục hồi và phát triển”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, tháng 1/2002, rồi “Về chất lượng đào tạo tác giả kịch hát dân tộc”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, tháng 3/2006 và “Bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống của chèo Hà Nội”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, tháng 10/2006 của Trần Trí Trắc; “Chèo phải dám phủ định cái đã quá thời” của Phạm Duy Khuê, đăng trên Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, tháng 1/2014; “Mấy giải pháp bảo tồn và phát triển nghệ thuật sân khấu truyền thống”, Nguyễn Văn Thành, Tạp chí *Sân khấu*, tháng 11/2011 v.v... Các bài viết đã đưa ra nhiều giải pháp như cần nhận thức thế nào là bảo tồn và phát huy; xây dựng và hoàn thiện luật bảo tồn, phát huy nghệ thuật sân khấu truyền thống; quy hoạch, kiện toàn, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ các đơn vị nghệ thuật sân khấu truyền thống; nâng cao chất lượng đào tạo, chú trọng nguồn

nhân lực; chú trọng phục hồi các vở diễn kinh điển, bảo tồn bằng vai diễn, vở diễn sân khấu; sửa đổi cơ chế, chính sách đặc thù; chú trọng đến hiện thực đương đại; đào tạo và tìm hiểu thị hiếu khán giả v.v...

1.1.2. Nhóm tài liệu nghiên cứu về Nhà hát Chèo Quân đội

Nghiên cứu về Nhà hát Chèo Quân đội, có 4 hướng chính sau:

Thứ nhất, các công trình, bài viết về lịch sử của Nhà hát Chèo Quân đội.

Hướng này thể hiện chủ yếu qua hai cuốn Kỷ yếu nhân dịp kỉ niệm ngày thành lập đơn vị. Cuốn thứ nhất là *50 năm Đoàn Nghệ thuật Tổng cục Hậu cần (1954-2004)* với các bài viết: “Đề mãi mãi xứng đáng là đoàn chèo của bộ đội và nhân dân, là người chiến sĩ xung kích trên mặt trận văn hóa tư tưởng” của Vũ Cao Bằng; “Nửa thế kỉ theo bước chân người lính” của Hoàng Chương; “50 năm truyền thống của một đoàn chèo Quân đội” của Đình Quang; “Chặng đường đầu tiên là như thế” của Lê Đình Lâm; “Ghi tên mình vào lịch sử chèo” của Trần Đình Ngôn; “50 năm chiếu chèo của người lính” của Nguyễn Hùng Phong... Cuốn thứ hai là *Nhà hát Chèo Quân đội 60 năm xây dựng và trưởng thành (1954-2014)* với các bài viết: “60 năm chiếu chèo chiến sĩ, những người giữ lửa” của Ban Giám đốc Nhà hát Chèo Quân đội; “Rộn ràng chiếu chèo người lính” của Nguyễn Đình Phụng; “Bùng sáng chiếu chèo Quân đội” của Phương Anh... Hai cuốn kỷ yếu đã cung cấp cho người đọc hiểu rõ về quá trình hình thành, phát triển cũng như những cống hiến, đóng góp của Nhà hát Chèo Quân đội đối với văn nghệ Quân đội, đối với ngành chèo trong suốt chặng đường dài tồn tại và không ngừng khẳng định con đường đi riêng của mình trong dòng chảy lịch sử của thời đại, của ngành chèo, của quân đội nhân dân Việt Nam. Ngoài ra, còn có bài viết “Nhà hát Chèo Quân đội vững bước đi lên” của Kim Cương, được đăng trên tạp chí *Sân khấu* năm 2013 đã phác họa rõ nét quá trình phát triển, những thăng trầm và đặc biệt là các thành tựu nghệ thuật đáng chú ý của Nhà hát Chèo Quân đội, sau khi được nâng cấp từ Đoàn Chèo

Tổng cục Hậu Cần không chỉ là một sự thay đổi về mặt tổ chức, mà còn phản ánh sự mở rộng và phát triển về quy mô hoạt động, chất lượng nghệ thuật cũng như sự chuyên nghiệp hóa trong quản lý và sản xuất.

Thứ hai, các bài viết giới thiệu các vở diễn hay và mới của đơn vị. Có thể kể đến bài “*Chuyện tình người mất tích*, một bài ca về tình người”, “*Lời ước nguyện, hành trình trở về chèo truyền thống*” của Nguyễn Văn Thành; “*Rung rức bên nước đời người*” của Xuân Đình (Kỷ yếu *Nhà hát Chèo Quân đội 60 năm xây dựng và trưởng thành (1954-2014)*); “*Nhà hát Chèo Quân đội công diễn vở chèo Những người mẹ*” của Thu Hòa, đăng trên báo *Quân đội nhân dân*, ra ngày 21/12/2017; “*Đoàn diễn 2/Nhà hát Chèo Quân đội - Rặng trâm bầu*” của Duy Thịnh, đăng trên website của trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội ngày 14/11/2018; “*Ra mắt vở chèo Ngày trở về*” của Vương Hà, đăng trên báo *Quân đội nhân dân*, ra ngày 12/6/2020; “*NSND Tự Long ra mắt vở chèo chuyên thể từ kịch nói*”, *Báo Nhân dân*, ra ngày 2/5/2024; “*Nhà hát Chèo Quân đội ra mắt vở mới “Nguyễn Văn Cừ: Tuổi trẻ chí lớn*” của HN đăng trên trang web daihoi13.dangcongsan.vn ngày 2/5/2024 v.v... Các bài viết không chỉ cung cấp thông tin cho người đọc biết về hoạt động nghệ thuật của Nhà hát qua việc dàn dựng và cung cấp các vở diễn mới, mà còn khẳng định những thành tựu của Nhà hát khi bám sát nhiệm vụ chính trị trong quân đội.

Thứ ba, các công trình, bài viết về đặc điểm nghệ thuật của Nhà hát Chèo Quân đội. Năm 2004, tác giả Trần Trí Trắc trong bài viết “*Dáng đứng của chiến chèo Tổng cục Hậu cần*” in trong cuốn kỷ yếu *50 năm Đoàn Nghệ thuật Tổng cục Hậu cần (1954-2004)* và phần viết “*Nhà hát Chèo Quân đội*” trong công trình nghiên cứu *Chèo cách mạng* được Nxb Sân khấu in năm 2020 đã khẳng định những thành tựu của Nhà hát Chèo Quân đội đã thể hiện những nét riêng mang phong cách của “*chiều chèo Quân đội*” thông qua sự gắn kết

giữa tư duy sáng tạo của các chiến sĩ, nghệ sĩ trong việc xây dựng hình tượng nhân vật đầy tính nhân văn, chiến đấu và trữ tình. Đây là cơ sở đầu tiên cho hướng nghiên cứu về phong cách Chèo Quân đội. Cũng trong tập kỷ yếu trên, bài viết “Đoàn Chèo Tổng cục Hậu cần và những ấn tượng khó quên” của tác giả Hà Văn Cầu đã phản ánh sức mạnh nội sinh và tinh thần không khuất phục của chèo quân đội qua những thử thách và khó khăn. Sự trưởng thành và lớn mạnh của chèo quân đội được miêu tả không chỉ như một chiến thắng nghệ thuật mà còn là một minh chứng cho dũng khí và sự kiên cường của người lính. Năm 2013, luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Sân khấu của Nguyễn Quốc Trọng về *Nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội thời kỳ đổi mới* đã đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu về giá trị nghệ thuật của Nhà hát Chèo Quân đội thời kỳ đổi mới thể hiện ở nội dung tôn vinh vẻ đẹp người lính; bám sát hiện thực nóng bỏng về cuộc sống của người lính sau chiến tranh; hiện đại hóa đề tài lịch sử, dân gian; định hướng xây dựng phong cách; một số nét riêng của Nhà hát Chèo Quân đội thể hiện ở tổ chức và quản lý hoạt động nghệ thuật, lựa chọn và hoàn thiện kịch bản, các làn điệu và nhạc đệm.

Năm 2019, Nguyễn Thị Thanh Nga trong luận án Tiến sĩ Nghệ thuật học “Sự kế thừa và phát triển nghệ thuật chèo truyền thống của Tào Mạt qua bộ ba *Bài ca giữ nước*” đã nghiên cứu sự kế thừa và phát triển nghệ thuật chèo truyền thống trong bộ ba vở *Bài ca giữ nước* của tác giả Tào Mạt, do các nghệ sĩ Đoàn Chèo Tổng cục Hậu cần dàn dựng và biểu diễn trên các phương diện xây dựng cốt truyện, nhân vật hề chèo, sáng tác và sử dụng làn điệu, phương pháp dàn dựng và nghệ thuật biểu diễn. Năm 2023, Nguyễn Thị Thanh trong luận văn Thạc sĩ Nghệ thuật Sân khấu về *Nhân vật người lính trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội qua ba vở chèo Điều động lại sau chiến tranh, Người chiến sĩ năm xưa và Ánh sao đầu núi* đã phân tích hệ thống nhân vật, nghệ thuật biên kịch, đạo diễn, biểu diễn. Đáng chú ý, phần cuối luận văn có phân tích qua

những đặc điểm nghệ thuật thể hiện nét riêng của Nhà hát Chèo Quân đội.

Thứ tư, hướng nghiên cứu về Nhà hát Chèo Quân đội dưới góc nhìn quản lý văn hóa nghệ thuật, thể hiện qua Luận văn thạc sĩ của Hà Quang Hảo năm 2018 với đề tài *Quản lý Nhà hát Chèo Quân đội*, trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương. Công trình này cung cấp một cái nhìn riêng về quản lý một nhà hát trong môi trường quân đội thể hiện qua phân tích vai trò của công tác quản lý, thực trạng công tác quản lý thể hiện ở mô hình tổ chức và cơ chế quản lý, nguồn nhân lực và hoạt động quản lý, đồng thời đưa ra một số phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý Nhà hát.

1.1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu và những vấn đề đặt ra

Tổng quan các công trình nghiên cứu đi trước, có thể có một số đánh giá sau:

Một là, trong những năm qua, nghệ thuật chèo đã trở thành đề tài nghiên cứu quan trọng, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu và học giả. Điều này thể hiện thông qua nhiều công trình nghiên cứu, luận án, luận văn, bài báo,... đi sâu phân tích về nghệ thuật chèo qua nhiều góc độ khác nhau. Qua các nghiên cứu đi trước này, cộng đồng học thuật đã dần hiểu rõ hơn về giá trị và vị thế của nghệ thuật chèo trong nền văn hóa dân tộc Việt Nam.

Hai là, các công trình nghiên cứu đi trước về nghệ thuật chèo đã đóng góp quan trọng trên cả phương diện lý luận lẫn thực tiễn, từ công tác quản lý, nghiên cứu, cho đến giảng dạy và học tập nghệ thuật chèo. Qua đó, chúng ta có thể thấy sự phong phú và đa dạng trong cách tiếp cận, phân tích, từ những nghiên cứu lịch sử, văn hóa, đến những công trình tập trung vào phân tích kỹ thuật, biểu diễn và thẩm mỹ. Những đóng góp này không chỉ giúp làm sâu sắc thêm kiến thức về nghệ thuật chèo, mà còn góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho các thế hệ sau trong việc tiếp cận và phát triển thể loại sân khấu kịch

hát dân tộc này.

Ba là, các công trình, bài viết đi trước về Nhà hát Chèo Quân đội đa số tiếp cận Nhà hát trên các phương diện lịch sử hình thành và phát triển, giới thiệu vở mới, quản lý văn hóa, sáng tạo nghệ thuật của các nghệ sĩ. Có rất ít bài viết, công trình đã bước đầu nghiên cứu những nét riêng thể hiện dấu ấn đặc biệt của “chiếng chèo Quân đội” một cách chuyên sâu. Đây là điểm trống còn để ngỏ trong công tác nghiên cứu lý luận chèo.

Bốn là, mặc dù các công trình đi trước nghiên cứu lý luận về nhiều khía cạnh khác nhau của nghệ thuật chèo, nhưng sự nghiên cứu này chưa đồng đều. Phần lớn các công trình tập trung đi sâu vào đặc trưng của nghệ thuật chèo, âm nhạc chèo, múa chèo, kịch bản chèo. Trong khi đó, các công trình nghiên cứu về đạo diễn chèo, kế thừa và biến đổi trong chèo, thực trạng và giải pháp bảo tồn và phát huy nghệ thuật chèo, chèo cách mạng hay về đặc điểm nghệ thuật của các đơn vị nghệ thuật chèo chuyên nghiệp, trong đó có Nhà hát Chèo Quân đội còn hạn chế. Hiển nhiên, sự chênh lệch này cho thấy mối quan tâm về đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội hay các đơn vị nghệ thuật chèo khác chưa tương xứng với đóng góp vốn có.

Như vậy, có thể thấy đã có một quá trình thực tiễn nghiên cứu về lý luận chèo, về Nhà hát Chèo Quân đội. Các công trình, bài viết đã có nhiều giá trị cao trên cả phương diện lý luận lẫn thực tiễn. Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn chưa có công trình nào cụ thể nghiên cứu về đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội. Điều này mở ra một hướng nghiên cứu mới, hứa hẹn sẽ khám phá và làm rõ thêm những đóng góp nghệ thuật của Nhà hát Chèo Quân đội. Việc nghiên cứu sâu hơn về đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội không chỉ là bước tiếp theo tự nhiên trong việc phát triển lĩnh vực nghiên cứu về chèo, mà còn góp phần vào việc bảo tồn và phát huy giá trị của nghệ thuật truyền thống trong thời đại mới.

1.2. Cơ sở lý luận

1.2.1. Một số khái niệm liên quan đến đề tài

1.2.1.1 Khái niệm đặc điểm nghệ thuật

Đặc điểm nghệ thuật là những thuộc tính, dấu hiệu riêng biệt giúp phân biệt một loại hình nghệ thuật, một tác phẩm nghệ thuật này so với những loại hình, tác phẩm, đơn vị nghệ thuật khác. Chúng bao gồm cả nội dung và hình thức của tác phẩm, tạo nên giá trị thẩm mỹ và truyền tải thông điệp, cảm xúc đến người thưởng thức.

Trong nghệ thuật, nội dung là cái bên trong, cái cốt lõi của tác phẩm, bao gồm đề tài phản ánh trong tác phẩm, hình tượng nhân vật, chủ đề tư tưởng, tình cảm, cảm xúc, ý nghĩa mà người nghệ sĩ muốn gửi gắm. Chẳng hạn, vở kịch *Antigone* của nhà soạn kịch Sophocles đi vào đề tài giai cấp quý tộc phong kiến, qua hình tượng nhân vật Antigone đã truyền đến chủ đề tư tưởng là “luật pháp phải phù hợp với tình người”, “sống để yêu thương, chứ không sống để hận thù”; vở kịch *Romeo và Juyliet* của William Shakespeare đi vào đề tài tình yêu, qua hình tượng nhân vật Romeo và Juyliet, phản ánh chủ đề tư tưởng là “tình yêu chiến thắng hận thù”...

Trong một tác phẩm nghệ thuật, hình thức là cái bên ngoài, là cách thức, phương tiện để thể hiện nội dung... Ở mỗi một loại hình nghệ thuật, hình thức thể hiện khác nhau. Ví dụ: trong hội họa, hình thức có thể là màu sắc, đường nét, bố cục của bức tranh; trong âm nhạc, hình thức là giai điệu, tiết tấu, hòa âm,...; còn trong sân khấu, hình thức là kết cấu kịch, thể tài, nghệ thuật biểu diễn, nghệ thuật dàn dựng,...

Nội dung và hình thức nghệ thuật có mối quan hệ biện chứng, nghĩa là luôn gắn bó mật thiết với nhau, không thể tách rời và có tác động qua lại lẫn nhau. Trong đó, nội dung định hướng cho hình thức, hình thức làm nổi bật nội dung. Một tác phẩm nghệ thuật thành công là khi nội dung và hình thức

hài hòa, thống nhất, tạo nên hiệu quả nghệ thuật cao. Một tác phẩm sân khấu hay không chỉ có nội dung ý nghĩa, mà còn phải có hình thức đẹp, đầy sức sáng tạo, phù hợp với nội dung. Việc hiểu rõ nội dung và hình thức giúp khán giả tiếp cận tác phẩm sâu hơn, cảm nhận được giá trị nghệ thuật đích thực. Đối với nghệ sĩ, nắm vững mối quan hệ giữa nội dung và hình thức giúp họ tạo ra những tác phẩm nghệ thuật có giá trị, có tính độc đáo và sức lay động.

1.2.1.2. Khái niệm Chèo

Chèo là một loại hình sân khấu kịch hát dân gian truyền thống của Việt Nam, vừa thuộc lĩnh vực văn học dân gian, vừa thuộc sân khấu dân gian. Về phương diện văn học, chèo là một thể loại tự sự – trữ tình với hệ thống tích trò, cốt truyện, nhân vật, lời ca và lời thoại mang tính ước lệ, trào lộng, phản ánh đời sống và tâm thức người nông dân vùng đồng bằng Bắc Bộ. Về phương diện sân khấu, chèo là loại hình nghệ thuật tổng hợp, kết hợp diễn xuất, ca hát, âm nhạc, múa và trò diễn trong không gian lễ hội, sinh hoạt cộng đồng. Theo Trần Việt Ngữ, nghệ thuật chèo ban đầu xuất hiện trong cung đình, sau đó lan tỏa ra ngoài xã hội, trở thành loại hình nghệ thuật phổ biến ở làng quê; Hà Văn Cầu cũng nhấn mạnh chèo không chỉ là hình thức biểu diễn, mà còn là sản phẩm văn hóa kết tinh kinh nghiệm sống, tư duy và tâm hồn người Việt xưa [10].

Về đặc điểm nghệ thuật, chèo mang tính ước lệ, sử dụng động tác cách điệu để biểu đạt cảm xúc và tình huống. Lời thoại trong chèo thường được viết theo thể thơ lục bát, song thất lục bát hoặc hát nói, giúp tăng tính nhạc và tạo sự dễ hiểu cho người xem. Hệ thống làn điệu của chèo rất phong phú, bao gồm những làn điệu vui tươi như *Xẩm xoan*, *Đường trường thu không*, các làn điệu trữ tình như *Sa lệch*, *Hát ru*... và cả những làn điệu bi thương như *Vãn*, *Đào liễu*...

Trong lịch sử phát triển, chèo trải qua ba giai đoạn chính. Chèo cổ, hay còn gọi là chèo sân đình, chủ yếu được biểu diễn tại đình làng vào các dịp hội hè, đình đám. Các vở diễn thường xoay quanh những câu chuyện dân gian, mang tính giáo huấn và truyền tải những bài học đạo đức, điển hình như *Quan Âm Thị Kính*, *Kim Nham*, *Lưu Bình Dương Lễ*. Đến đầu thế kỷ XX, chèo văn minh, sau đó là chèo cải lương xuất hiện dưới ảnh hưởng của sân khấu hiện đại và kịch nói phương Tây. Nguyễn Đình Nghi là một trong những người tiên phong cải cách chèo, đưa vào đối thoại văn xuôi và xây dựng kịch bản có cấu trúc chặt chẽ hơn, từ đó hình thành nên chèo văn minh và chèo cải lương. Theo nhà nghiên cứu Trần Việt Ngữ, trong cuốn *Về nghệ thuật chèo*, chèo văn minh ra đời gắn với sự xuất hiện của ban hát Đồng Lạc (1908) và Sán Nhiên (1917) ở Hà Nội; Văn minh ca quán (1916) ở Hải Phòng; Hộ Lan (1918) ở Nam Định). Còn chèo cải lương được cho là ra đời vào những năm 20 của thế kỷ XX (khoảng năm 1923, 1924) gắn với cải cách của ban hát Sán Nhiên [62, tr.393-395, 411, 414-420]. Ngày nay, chèo hiện đại tiếp tục được phát triển tại các nhà hát chuyên nghiệp, với nội dung mở rộng hơn, không chỉ giới hạn trong các câu chuyện dân gian, mà còn đề cập đến các vấn đề lịch sử, xã hội và chính trị,...

1.2.1.3. Khái niệm Nhà hát Chèo Quân đội

Nhà hát Chèo Quân đội là đơn vị biểu diễn nghệ thuật chèo chuyên nghiệp trực thuộc Quân đội Nhân dân Việt Nam. Theo Quyết định số 294/NQ-BQP ngày 02 tháng 02 năm 2010 của Bộ Quốc phòng về việc *Tổ chức lại Đoàn Nghệ thuật Tổng cục Hậu cần thuộc Tổng cục Hậu cần thành Nhà hát Chèo Quân đội trực thuộc Tổng cục Chính trị*, Nhà hát Chèo Quân đội là đơn vị nghệ thuật Chèo duy nhất của cả nước trực thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam.

Nhà hát Chèo Quân đội có chức năng là đơn vị nghệ thuật chuyên

nghiệp hoạt động biểu diễn nghệ thuật Chèo truyền thống, tham gia góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và Quân đội, bồi dưỡng, phát triển nhân cách Bộ đội Cụ Hồ, nâng cao trình độ thẩm mỹ của người lính, góp phần vào việc cải tạo, xây dựng đất nước, quân đội ngày càng phát triển giàu mạnh.

Nhà hát Chèo Quân đội có nhiệm vụ nghiên cứu, sáng tác, dàn dựng, biểu diễn các tác phẩm sân khấu đặc sắc, bao gồm các đề tài: lịch sử, dã sử, dân gian, đề tài về lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng đậm đà bản sắc dân tộc theo đúng quan điểm, đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng và Quân đội Nhân dân Việt Nam; đấu tranh phòng chống sự xâm nhập của các hiện tượng, sản phẩm văn hóa nghệ thuật lai căng, góp phần bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc và Quân đội.

Nhà hát Chèo Quân đội có vai trò quan trọng trong giáo dục chính trị - tư tưởng, giúp nâng cao nhận thức của cán bộ, chiến sĩ về truyền thống dân tộc và tinh thần yêu nước. Bên cạnh đó, các chương trình biểu diễn của Nhà hát cũng góp phần bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật chèo trong môi trường quân đội.

Những chức năng, nhiệm vụ nói trên là căn cứ để Nhà hát Chèo Quân đội tập trung biểu diễn phục vụ quân đội, góp phần tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước đến với chiến sĩ và nhân dân; kế tục và phát huy lòng yêu nước, ý chí chiến đấu trong lòng mỗi người lính đang làm nhiệm vụ thiêng liêng và gian khổ là bảo vệ Tổ quốc; giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống quý giá của dân tộc trong quân đội.

Do các diễn viên vừa là nghệ sĩ, vừa là chiến sĩ và phục vụ cho đối tượng khán giả chủ yếu là chiến sĩ nên khi sáng tạo nghệ thuật cả về nội dung và hình thức, Nhà hát Chèo Quân đội “đã xác lập cho mình một dáng đứng độc đáo trong làng Chèo - dáng đứng hào hùng, đậm chất lính - anh bộ đội cụ

Hồ” [88, tr.31].

1.2.2. Một số lý thuyết và lý luận vận dụng trong luận án

1.2.2.1. Lý thuyết nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa

Lý thuyết nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa có nguồn gốc từ phong trào cách mạng vô sản tại Nga - Xô Viết vào đầu thế kỷ XX.

Trong không khí cách mạng vô sản thắng lợi xu hướng văn học vô sản lên cao. Các nhà lí luận Mác xít Nga, các nhà lí luận văn hóa vô sản, các văn nghệ sĩ như Lunacharski, M. Gorki, A. Fadeev... đã đấu tranh cho hướng sáng tác mới. Họ “muốn vứt bỏ hết nghệ thuật quá khứ để xây dựng một nghệ thuật vô sản mới” [77].

Xuất phát từ nhu cầu phản ánh hiện thực cuộc sống dưới góc nhìn của giai cấp công nhân và cách mạng, lý thuyết này được định hình và chính thức công nhận tại Đại hội Nhà văn Xô Viết lần thứ nhất vào năm 1934. Tại đại hội này, Maxim Gorky - một trong những nhà văn, nhà soạn kịch tiên phong của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa - đã xác định lý thuyết này được thể hiện qua nguyên tắc cốt lõi của phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa là “miêu tả hiện thực cuộc sống trong tiến trình cách mạng của nó, nhằm phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội” [77].

Trong sách *Nguyên lí mỹ học thực chứng* viết năm 1903 và tái bản nguyên xi năm 1923, A. Lunacharski đề cao tác phẩm *Người Mẹ*, kịch *Những kẻ thù* của M. Gorki. Ông nêu rõ quan điểm:

“Những ai không biết sống trong tương lai, trong sáng tạo, không khát khao thì hãy tránh xa nơi này bây giờ tuy chỉ là đồng gạch vụn, nhưng chẳng bao lâu người ta sẽ dựng xây một lâu đài nguy nga hùng vĩ”, thể hiện xu hướng xây dựng một nền nghệ thuật miêu tả cái sẽ có, cần phải có, chứ không phải cái hiện có” [77].

Từ ngày 17/8 đến ngày 01/9/1934 tại Moscow, Đại hội thành lập Hội

nhà văn Liên Xô được tổ chức, đã được Đảng chỉ đạo về cương lĩnh sáng tác trong Điều lệ:

“Nó kế thừa truyền thống chủ nghĩa hiện thực - miêu tả hiện thực một cách chân thật, cụ thể lịch sử. Với truyền thống này, nó chống chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tượng trưng, chủ nghĩa hiện đại, chủ nghĩa vị lai... Nhưng đồng thời nó khác chủ nghĩa hiện thực truyền thống ở khuynh hướng xã hội chủ nghĩa: miêu tả hiện thực trong tiến trình phát triển cách mạng của nó, mà tiến trình ấy đang đi lên chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, sự miêu tả ấy phải kết hợp với việc giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho nhân dân. (...) Với nhiệm vụ này, nó chống lại các sáng tác tự do chủ nghĩa, không gắn bó với sự nghiệp cách mạng của Đảng” [77].

Trên cơ sở đó, từ những năm 30 cho đến những năm 70 của thế kỉ XX, các tác phẩm kinh điển của M. Gorki, V. Maiakovski, L. Leonov, M. Sholokhov, V. Vishnevski, N. Pogodin... đều đậm đặc chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Nhiều tác phẩm sân khấu, điện ảnh nổi tiếng như *Những kẻ thù*, *Những đứa con của Mặt Trời*, *Dưới đáy*, *Bài ca người lính*, *Khi đàn sếu bay qua*, *Người thứ 41*,... đều đi theo sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Lý thuyết nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa sau đó nhanh chóng lan rộng ra toàn thế giới, đặc biệt là các nước theo đường lối cách mạng vô sản, trong đó có Việt Nam. Lý thuyết nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa đã được giới thiệu và đi vào đời sống văn hóa văn nghệ nước ta khá sớm. *Đề cương văn hóa Việt Nam* (1943) của Trường Chinh đã chính thức hóa chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa thành định hướng sáng tác cho văn nghệ cách mạng. Trong các tài liệu Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam (1948) của Trường Chinh, *Vấn đề văn nghệ* (1973) của Tô Hữu, *Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa* (1958) của Hồng Chương đều coi tả thực xã hội

chủ nghĩa là bắt buộc đối với nền văn nghệ mới Việt Nam.

“Do hoàn cảnh lịch sử, giai đoạn 1945 đến 1975, học thuyết macxit được giới thiệu và chiếm vị trí độc tôn trong nghiên cứu văn học nghệ thuật ở miền Bắc. Sau khi đất nước thống nhất, lý thuyết nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa chiếm vị trí quan trọng trong nghiên cứu và sáng tác văn học nghệ thuật ở cả hai miền. Nhận xét về nghiên cứu lý thuyết văn học nghệ thuật ở Việt Nam khi ấy, PGS. TS Phan Trọng Thuởng cho rằng: “Nhưng chính trong thời kỳ này, do sự độc tôn của lý thuyết nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa, các lý thuyết ngoài hệ thống, trong đó bao gồm cả Âu - Mỹ hiện đại đã không có được chỗ đứng cần thiết trong đời sống tư tưởng học thuật của Việt Nam cũng như một số nước khác trong khu vực” [43].

Trên cơ sở đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, lý thuyết này trở thành kim chỉ nam cho toàn bộ nền nghệ thuật cách mạng, bao gồm sân khấu, hội họa, âm nhạc, điện ảnh..., góp phần tạo nên những tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, phản ánh chân thực cuộc sống đấu tranh và lao động của nhân dân, đề cao chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết và sự hi sinh vì độc lập, tự do của dân tộc.

Trọng tâm của lý thuyết nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa là phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa, với đặc điểm chính sau:

Thứ nhất, phản ánh hiện thực một cách chân thực, lịch sử - cụ thể. Khác với chủ nghĩa hiện thực phê phán chỉ tập trung vào việc tố cáo những bất công xã hội, phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa miêu tả hiện thực trong sự phát triển cách mạng của nó. Nghĩa là, các tác phẩm không chỉ mô tả xã hội như nó vốn có, mà còn nhấn mạnh đến xu hướng phát triển đi lên, sự đổi thay của con người và xã hội dưới tác động của cách mạng. Điều này thể hiện ở chỗ trong phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa, những hình ảnh về

giai cấp công nhân, nông dân, quân đội cách mạng được miêu tả một cách sinh động, phản ánh những khó khăn, thử thách nhưng cũng thể hiện tinh thần lạc quan, ý chí kiên cường, niềm tin vào tương lai tươi sáng. Điều này “giúp cho tác phẩm không rơi vào chủ nghĩa bi quan, bế tắc, mà luôn mang tính định hướng, dẫn dắt người đọc, người xem theo tinh thần cách mạng” [77].

Thứ hai, các tác phẩm phải phục vụ chính trị - tính đảng, thể hiện quan điểm, lập trường của Đảng và giai cấp công nhân. Trong mọi tác phẩm hiện thực xã hội chủ nghĩa, hình tượng nhân vật trung tâm thường là những con người đại diện cho lý tưởng cách mạng, là hình mẫu để quần chúng noi theo. Trong nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa, hình ảnh những người chiến sĩ, công nhân, nông dân, lãnh đạo cách mạng thường xuất hiện như những hình tượng tiêu biểu, mang đậm chất lý tưởng và cách mạng. Các tác phẩm theo khuynh hướng hiện thực xã hội chủ nghĩa luôn có sự chỉ đạo tư tưởng rõ ràng, phản ánh sâu sắc sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Thứ ba, tác phẩm phải phản ánh cuộc sống, tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân. Tác phẩm thường khai thác cuộc sống của công nhân, nông dân, bộ đội, trí thức cách mạng... phản ánh những vấn đề xã hội gần gũi với quần chúng. Nhân vật trung tâm thường là những con người bình dị nhưng mang lý tưởng cách mạng, có phẩm chất cao đẹp, đại diện cho sức mạnh tập thể. Tác phẩm sử dụng ngôn ngữ đời thường, giản dị, dễ hiểu, thể hiện đúng tâm lý và cách nói của quần chúng. Tính nhân dân làm cho các tác phẩm gắn bó với đời sống thực tế, trở thành công cụ phục vụ cách mạng; tạo nên sức sống và chiều sâu nhân văn cho tác phẩm; góp phần xây dựng hình ảnh con người mới xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư, miêu tả con người với tinh thần lạc quan cách mạng. Nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa luôn khắc họa con người trong sự chuyển

biến và phát triển. Những nhân vật trong sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa không phải là những cá nhân đơn lẻ, mà là đại diện cho một tập thể, một giai cấp, luôn mang trong mình tinh thần lạc quan, ý chí vươn lên và khát vọng xây dựng một xã hội công bằng, văn minh. Trong văn học nghệ thuật cách mạng, hình tượng người lính được xây dựng theo tinh thần này: không chỉ chiến đấu dũng cảm ngoài chiến trường, mà còn có đời sống nội tâm phong phú, có lý tưởng cao đẹp, luôn sẵn sàng hi sinh vì đồng đội, vì đất nước.

Thứ năm, nghệ sĩ phải chọn lọc, khái quát, nâng cao những nét tiêu biểu, điển hình của hiện thực, tạo ra những hình tượng nghệ thuật có tính khái quát cao. Một trong những nguyên tắc quan trọng của phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa là sự kết hợp giữa tính chân thực và tính điển hình hóa. Các tác phẩm không chỉ phản ánh hiện thực một cách chính xác, mà còn xây dựng những hình tượng nhân vật mang tính biểu tượng, đại diện cho lý tưởng cách mạng. Các nhân vật như người lính, bà mẹ, người vợ, nông dân, công nhân, chiến sĩ... không chỉ là những cá nhân cụ thể, mà còn là biểu tượng cho tinh thần yêu nước, sự kiên trung, bất khuất của dân tộc.

Thứ sáu, tác phẩm phải kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Đây là cách văn nghệ sĩ thể hiện tinh thần yêu nước, bảo vệ và phát huy giá trị truyền thống trong quá trình phản ánh hiện thực và phục vụ lý tưởng cách mạng. Tính dân tộc là sự thể hiện bản sắc văn hóa, truyền thống, ngôn ngữ, phong tục, tâm lý và tinh thần của dân tộc trong tác phẩm. Tác phẩm thường lấy bối cảnh lịch sử dân tộc, các cuộc kháng chiến, phong tục tập quán, truyền thống yêu nước làm nền tảng; xây dựng nhân vật mang tâm hồn và phẩm chất dân tộc; thể hiện tinh thần yêu nước và khát vọng độc lập dân tộc; sử dụng lời ăn tiếng nói, thành ngữ, tục ngữ, biểu tượng văn hóa dân gian để tạo nên màu sắc riêng biệt,... làm cho tác phẩm hòa trộn giữa tính hiện thực, tính cách mạng

và tính bản địa, vừa phổ quát, vừa đậm đà bản sắc riêng.

Lý thuyết nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa với trọng tâm là phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa đã trở thành “kim chỉ nam” quan trọng xuyên suốt trong nền nghệ thuật cách mạng Việt Nam và càng đóng vai trò quan trọng trong sáng tạo của các nghệ sĩ - chiến sĩ Nhà hát Chèo Quân đội.

Thông qua việc vận dụng phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa, các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội không chỉ tiếp tục bảo tồn và phát huy nghệ thuật chèo truyền thống, mà còn trở thành một công cụ hiệu quả để thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong môi trường Quân đội.

1.2.2.2. Lý thuyết về giao lưu, tiếp biến văn hóa

Giao lưu, tiếp biến văn hóa là thuật ngữ được nhiều học giả trên thế giới quan tâm đến và có những cách dịch khác nhau. Trong đó, cách dùng của người Mỹ được nhiều nhà nghiên cứu chấp nhận hơn cả, với chữ “acculturation” có nghĩa là giao lưu văn hóa, tiếp (xúc) và biến (đổi) văn hóa. Giao lưu, tiếp biến văn hóa được các nhà khoa học Mỹ như R.Redified, R.Linton và M.Herkovits định nghĩa “là hiện tượng xảy ra khi những nhóm người có văn hóa khác nhau, tiếp xúc lâu dài và trực tiếp, gây ra sự biến đổi mô thức (pattern) văn hóa ban đầu của một hay cả hai nhóm” [94, tr.48].

Với định nghĩa trên, theo GS. Trần Quốc Vượng, giao lưu, tiếp biến văn hóa là sự vận động thường xuyên của xã hội, gắn bó với tiến hóa xã hội nhưng cũng gắn bó với sự phát triển văn hóa, là sự vận động thường xuyên của văn hóa.

“Giao lưu, tiếp biến văn hóa vừa chính là bản thân sự trao đổi, vừa là kết quả trao đổi. Bởi lẽ, con người sống thành cộng đồng và đã là con người thì ai cũng có những nhu cầu trong cuộc sống. Để đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu đó, họ đã chế tạo những công cụ sản xuất cần thiết. Trải qua năm tháng, sống trong những hoàn cảnh địa lí và

lịch sử khác nhau, từng nhóm dân cư khác nhau đã tạo nên những nền văn hóa riêng biệt, in đậm dấu ấn của họ. Trên bước đường phát triển, nhu cầu kinh tế đã đẩy nhanh sự biến đổi xã hội. Những nét lạc hậu, lỗi thời sẽ dần mất đi, thay thế bằng những yếu tố văn minh, hiện đại. Ngoài hoạt động trao đổi về kinh tế, còn có những hoạt động trao đổi về văn hóa qua các mối quan hệ đa dạng trong xã hội” [94, tr.50-51].

Giao lưu, tiếp biến văn hóa là sự tiếp nhận văn hóa nước ngoài bởi dân tộc chủ thể được thể hiện thông qua mối quan hệ biện chứng giữa yếu tố nội sinh và ngoại sinh. Cũng theo GS. Trần Quốc Vượng, hai yếu tố này luôn có khả năng chuyển hóa cho nhau và rất khó tách biệt trong một thực thể văn hóa. Có yếu tố ở giai đoạn này là yếu tố ngoại sinh nhưng đến giai đoạn sau, những tính chất của yếu tố ngoại sinh ấy không còn hoặc nhạt dần đến nỗi người ta tưởng rằng đó là yếu tố ngoại sinh. Hơn nữa, kết quả của sự tương tác giữa hai yếu tố này thường diễn ra theo hai trạng thái: một là yếu tố ngoại sinh lấn át, triệt tiêu yếu tố nội sinh; hai là có sự cộng hưởng lẫn nhau, yếu tố ngoại sinh dần dần trở thành yếu tố nội sinh hoặc bị phai nhạt căn tính của yếu tố ngoại sinh. Nhìn ở phương diện thái độ của tộc người chủ thể, sự tiếp nhận các yếu tố ngoại sinh cũng có hai dạng thể hiện: một là tự nguyện tiếp nhận; hai là cưỡng bức tiếp nhận. Mức độ của sự tiếp nhận trong giao lưu cũng khác nhau: có sự tiếp nhận đơn thuần khi nhìn ở ý nghĩa tương đối là phổ biến trong mọi người ở tộc người chủ thể; sự tiếp nhận có sáng tạo lại là sự tiếp nhận có sự kiểm soát của lí trí, có ba mức: (1) Không tiếp nhận toàn bộ, mà chỉ chọn lọc lấy những giá trị thích hợp cho tộc người mình; (2) Tiếp nhận cả hệ thống, nhưng đã có sự sắp xếp lại theo quan niệm giá trị của tộc người chủ thể; (3) Mô phỏng và biến thể một số thành tựu của văn hóa tộc người khác bởi tộc người chủ thể. Và như thế, theo GS. Trần Quốc Vượng,

quan hệ biến chứng giữa yếu tố nội sinh và yếu tố ngoại sinh đặt ra đòi hỏi với chính tộc người chủ thể là nội lực của chính nó hay nói cách khác là bản sắc và truyền thống văn hóa của tộc người tiếp nhận.

Trong lịch sử, Việt Nam có sự giao lưu, tiếp biến mạnh mẽ và lâu dài với văn hóa Trung Hoa, văn hóa Ấn Độ và văn hóa phương Tây. Từ năm 1945 - 1986, văn hóa Việt Nam có sự giao lưu tiếp biến với văn hóa các nước XHCN, đặc biệt là văn hóa Nga - Xô Viết. Nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa được tiếp nhận, đi cùng các với văn nghệ phục vụ chính trị, phục vụ cách mạng.

Từ năm 1986 đến nay, gắn với cơ chế Đổi mới, phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, văn hóa Việt Nam có điều kiện giao lưu, tiếp biến với văn hóa thế giới. Sự giao lưu, tiếp biến này diễn ra đa chiều, hoàn toàn mang tính tự nguyện, chủ động, khiến cho văn hóa Việt Nam thu được nhiều kết quả khả quan từ kinh tế, xã hội đến khoa học công nghệ, văn hóa, thông tin..., song cũng phải đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn, phức tạp, đòi hỏi Nhà hát Chèo Quân đội giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc mạnh mẽ.

1.2.2.3. Lý thuyết chức năng của B. Malinowski

Trong luận án này, chúng tôi vận dụng Lý thuyết chức năng của B. Malinowski làm khung lý thuyết chủ đạo. Theo Malinowski, mọi thiết chế và hiện tượng văn hóa đều tồn tại vì đảm nhiệm những chức năng nhất định đối với đời sống cộng đồng; hình thức và nội dung của chúng được quy định bởi chính các chức năng đó. Vận dụng vào trường hợp Nhà hát Chèo Quân đội, luận án xem Nhà hát như một thiết chế văn hóa – nghệ thuật đặc thù của Quân đội nhân dân Việt Nam, nơi nghệ thuật chèo được tổ chức, sáng tạo và biểu diễn nhằm thực hiện đồng thời nhiều chức năng: phục vụ nhiệm vụ chính trị, nâng cao đời sống tinh thần bộ đội, bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật chèo truyền thống trong môi trường quân đội và trong đời sống văn hóa hiện đại.

Từ góc nhìn chức năng luận, các “yếu tố tác động đến đặc điểm nghệ

thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội” mà luận án đã nêu (yêu cầu phục vụ chính trị, yêu cầu nâng cao đời sống tinh thần người lính, yêu cầu bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật chèo truyền thống) thực chất là những chức năng cơ bản của Nhà hát. Chính hệ thống chức năng này quy định những lựa chọn về đề tài, hình tượng nhân vật, giọng điệu, kết cấu vở diễn, tổ chức không gian – thời gian sân khấu, cũng như phong cách biểu diễn của nghệ sĩ. Do đó, việc sử dụng Lý thuyết chức năng của Malinowski giúp luận án lý giải một cách hệ thống mối quan hệ giữa chức năng xã hội – chính trị của Nhà hát Chèo Quân đội và đặc điểm hình thức, nội dung nghệ thuật chèo của đơn vị.

1.2.2.4. Lý luận về sân khấu học và chèo cách mạng

a. Lý luận về sân khấu học

- Sân khấu là một loại hình nghệ thuật tổng hợp

Trong các loại hình nghệ thuật, sân khấu là một loại hình nghệ thuật tổng hợp. Mỗi tác phẩm (vở diễn) là một tổng thể phối hợp của các phương tiện biểu hiện bằng ngôn ngữ như: văn học, mỹ thuật, âm nhạc, múa, điện ảnh, kĩ thuật âm thanh và ánh sáng; có các thành phần sáng tạo là tác giả, chuyển thể, đạo diễn và trung tâm là nghệ thuật biểu diễn của diễn viên với đặc trưng ngôn ngữ của sân khấu là hành động, cùng với sự tham gia trực tiếp của khán giả. Đây là không gian mà ở đó, câu chuyện, nhân vật, cảm xúc được tái hiện một cách sống động, thông qua ngôn ngữ cơ thể, giọng nói, ánh sáng, âm nhạc và các yếu tố sân khấu khác. Sân khấu còn mang trong mình những nội dung phong phú, đa dạng về cuộc sống, từ triết học, mỹ học, sử học, dân tộc học, xã hội học đến chính trị, đạo đức, tôn giáo...

Một trong những dẫn chứng nổi bật của sân khấu là sự phát triển của nghệ thuật kịch nói Shakespeare, nơi mà ngôn ngữ, cốt truyện và nhân vật được kết hợp một cách tinh tế, tạo nên những tác phẩm vĩ đại như *Hamlet*, *Othello*, *Romeo và Juliet*. Ở Việt Nam, chèo là thể loại sân khấu truyền thống mang tính tổng hợp khi kết hợp hát, múa, kể chuyện và diễn xuất, thể hiện sâu

sắc tinh thần dân gian, qua đó giáo dục, giải trí và truyền bá giá trị văn hóa.

Trong nghệ thuật sân khấu, tác giả văn học và kịch bản văn học đóng vai trò đầu tiên, quan trọng nhất. Vì không có kịch bản thì sân khấu không có gì để diễn và không có tác giả thì không có kịch bản nào được ra đời. Kịch bản văn học giữ vai trò nguyên liệu cho nghệ thuật sân khấu và là cơ sở cho sự phát triển của loại hình.

Nghệ thuật sân khấu không thể thiếu diễn viên. Ở trên sân khấu, người diễn viên vừa là họ, vừa không phải là họ. Vì nghệ sĩ có cuộc sống, tính cách và tên tuổi khác. Người nghệ sĩ lên sân khấu không phải diễn về mình, mà để sáng tạo hình tượng nghệ thuật, còn nhân vật sống trên sân khấu qua tài năng biểu diễn của nghệ sĩ. Họ là “tác giả của nhân vật”, là “ông hoàng, bà chúa của nghệ thuật sân khấu” [86, tr.20].

Sân khấu không thể thiếu khán giả. Khán giả là “một trong những bộ phận cấu thành và có tính quyết định sự tồn tại, phát triển nghệ thuật sân khấu”. Khán giả “vừa là đối tượng khách thể để phản ánh, vừa là đối tượng chủ thể hưởng thụ, đánh giá, sáng tạo nghệ thuật” [87, tr.21].

Đạo diễn - thành phần sáng tạo thứ tư của nghệ thuật sân khấu, là tác giả của vở diễn. Đạo diễn “là người xây dựng hình tượng nghệ thuật từ những dòng chữ trên trang giấy của nhà văn thành những người sống động, chân thực, có da, có thịt, có số phận trên sân khấu; là người tổ chức phối hợp các loại hình nghệ thuật, các thành viên sáng tạo vào một hướng cụ thể; là người chỉ đạo diễn xuất cho từng diễn viên để thành những hình tượng độc đáo” [87, tr.24].

Như vậy, nghệ thuật sân khấu với sự kết hợp của nhiều thành phần.

Những thành phần đó tạo nên tính tổng hợp của nghệ thuật sân khấu.

- *Thể tài chính kịch*

Thể tài là một khái niệm có nguồn gốc từ phương Tây. Trong tiếng Anh, có từ “genre” (loại, thể loại). Khi vào Việt Nam, ngành văn học dịch là

“thể loại”, ngành sân khấu dịch là thể tài, nhưng về nghĩa thì giống nhau.

PGS.TS Trần Trí Trắc, trong cuốn *Sân khấu học đại cương*, đã định nghĩa thể tài “là hình tượng nghệ thuật do nghệ sĩ sáng tạo trên cơ sở mối quan hệ thâm mĩ của nghệ sĩ đối với hiện thực”, hay nói cách khác, thể tài “là thái độ thâm mĩ của nghệ sĩ đối với hiện thực bằng hình tượng nghệ thuật”, là hình thức của nội dung tác phẩm [87, tr.127].

Sân khấu phương Tây có ba thể tài: bi kịch, hài kịch và chính kịch. Ở luận án này, NCS chỉ bàn đến thể tài chính kịch vì liên quan đến các vở diễn của Nhà hát Chèo Quân đội.

Chính kịch có nguồn gốc từ nước Pháp vào thế kỉ XVIII và Diderot (1713-1784) là cha đẻ của chính kịch và được Victor Hugo phát triển cho các thế hệ sau hoàn thiện. Đối tượng của chính kịch là những người bình thường thuộc tầng lớp thứ ba trong xã hội qua các mối quan hệ đời thường. Bởi vậy, các nghệ sĩ không hướng tới khắc họa số phận nhân vật từ hạnh phúc đến bất hạnh hoặc ngược lại như thể tài bi kịch và hài kịch, mà chủ yếu là những tính cách chân thực trong đời thực; quan tâm tới cảm xúc chân thật và hướng khán giả quan tâm đến không chỉ là những sự kiện, tình huống bên ngoài, mà còn cả tâm hồn, tình cảm bên trong của nhân vật. Chính kịch là thể tài tự do, không tuân theo nguyên tắc lý luận như bi kịch và hài kịch, nên có nhiều khuynh hướng khác nhau như: Chính kịch tâm lí, chính kịch luận đề, chính kịch anh hùng ca, chính kịch sinh hoạt tả thực, chính kịch phê phán v.v...

Trong khi đó, ở sân khấu phương Đông, với sự phát triển của sân khấu kịch hát, thể tài được thể hiện dưới dạng các thể loại sân khấu khác nhau như: Noh, Kabuki (Nhật Bản); Kinh kịch, Việt kịch, Bình kịch (Trung Quốc); Tuồng, Chèo, Cải lương, Kịch nói, Kịch dân ca, Múa rối (Việt Nam). Ở sân khấu kịch hát có tổng hợp ca, múa, nhạc, kịch...

Mỗi thể tài này đều có vị trí riêng biệt trong nghệ thuật sân khấu, phản

ánh đa dạng về cảm xúc và trải nghiệm con người, từ niềm vui, sự hài hước cho đến nỗi buồn, sự suy tư và đấu tranh nội tâm.

- *Một số hình thức kết cấu xung đột*

Hình thức kết cấu xung đột kiểu Aristotle. Aristotle (384-322 TCN) là cha đẻ của lý luận kịch phương Tây, trong tác phẩm *Nghệ thuật thi ca* đã đúc kết nguyên lý cơ bản của nghệ thuật kịch thể giới theo 7 bước: mở màn (là nghệ thuật sáng tạo của nghệ sĩ nhằm lôi kéo khán giả từ tư duy đời thường chuyển sang tư duy hình tượng nghệ thuật và cảm thụ nghệ thuật” [87, tr.54]; giao đãi (giới thiệu lý lịch, các mối quan hệ của nhân vật, không gian, thời gian, mục đích, vấn đề của kịch); thắt nút (bắt đầu vào xung đột kịch với những va chạm mâu thuẫn giữa các nhân vật); phát triển (xung đột chuyển hóa theo chiều phức tạp hơn, tác động mạnh vào tư duy, tình cảm của khán giả); cao trào (xung đột đẩy đến mức cao nhất, dẫn đến quyết định thắng thua cuối cùng của mỗi bên); cởi nút (xung đột được giải quyết, phân định thắng thua rõ ràng); đóng màn (công đoạn cuối cùng của nghệ sĩ sáng tạo, nhằm tác động vào tâm giác của khán giả).

(1) *Một số hình thức kết cấu xung đột tự sự*

Tự sự phương Tây “là hình thức được chứa đựng cả hai hành động của người kể chuyện và người được kể chuyện trong câu chuyện kể. Câu chuyện thuộc về thời gian quá khứ, thuộc về cái đã xảy ra, còn hành động của người kể và người được kể lại được hiện tại hóa như đang xảy ra trước mắt khán giả” [87, tr.60]. Ở đây, hành động của nghệ sĩ và hành động của nhân vật có lúc hoà nhập vào nhau, hòa cảm với khán giả, tạo thành tính chân thực trong cảm thụ của khán giả.

Tự sự phương Đông là lối kể chuyện sân khấu của các nghệ sĩ phương Đông trên cơ sở của tư duy văn hóa nông nghiệp với câu chuyện kể thuộc về quá khứ, được diễn ra theo trình tự thời gian từ đầu cho đến cuối trong nhiều

không gian, thời gian khác nhau; cốt truyện được cấu trúc trên cơ sở số phận của một nhân vật chính trải qua nhiều sự kiện trọng đại với tinh thần triết lý : “ở hiền gặp lành”, “nhân nào quả ấy”, tạo nên tính khuyến giáo cao; nghệ thuật biểu diễn mang tính ước lệ, cách điệu, tượng trưng cao; các hình tượng nhân vật theo *mô hình* (lão, mù, đào, kép, hề).

Tự sự Bertholt Brecht do Bertholt Brecht (1898 - 1956) - một nghệ sĩ, đạo diễn cách tân sân khấu của nước Đức đầu thế kỉ XX khai sinh ra. Nó còn được gọi là *phương pháp tự sự biện chứng gián cách*. Trong đó, *tự sự* là câu chuyện đã xảy ra, được kể lại bằng sân khấu. *Biện chứng* là cách trình bày, lí giải cuộc sống một cách khách quan và đòi hỏi người nghệ sĩ phải phản ánh thế giới như một cái gì có thể biến đổi. *Gián cách* là những thủ pháp được xử lí nhằm ngăn cản khán giả hòa cảm, dùng lí trí để cảm nhận tác phẩm.

Tự sự Chèo Việt Nam, theo PGS.TS Trần Trí Trắc, là kể lại một câu chuyện đã xảy ra trong quá khứ, các sự kiện được diễn biến theo trình thời gian từ đầu đến cuối, với độ dài một đời người hoặc một hay nhiều đoạn của một đời người. Chủ nhân của tự sự Chèo Việt Nam là diễn viên. Họ kể lại câu chuyện bằng nghệ thuật biểu diễn của mình với kết cấu theo *tích* và *trò*. *Tích* là câu chuyện có sẵn ở trong các truyện cổ tích, dân gian, dã sử mà ai ai cũng biết; còn *trò* là phần biểu diễn, sáng tạo của nghệ sĩ trên sân khấu kể về tích đó, diễn lại tích đó bằng biểu diễn sân khấu. Một vở diễn chèo có kết cấu tự sự bao gồm nhiều sự kiện và các sự kiện này diễn ra tuần tự theo cuộc đời nhân vật và kéo dài cho đến kết thúc vở - tức kết thúc câu chuyện kể thì thôi. Mỗi sự kiện lại là một miếng trò diễn hay, độc đáo, mang tính hoàn thiện cao, có liên quan trực tiếp tới chủ đề của vở và bộc lộ thái độ của nghệ sĩ trước sự kiện đó. Tự sự của Chèo không thể thiếu vai trò của khán giả. Khán giả của Chèo không chỉ là thành phần *xem*, mà còn là một bộ phận diễn, hát, giao lưu, đối đáp, khen thưởng, hòa đồng với các nghệ sĩ trên sân khấu. Kết cấu tự sự

của Chèo theo hình thức *mở, ngẫu hứng* và không gian, thời gian *ước lệ* trong không khí *hội hè* của làng quê Việt Nam [87, tr.70-71].

- *Thế hệ Stanislavski*

Thế hệ Stanislavski là một phương pháp biểu diễn hiện thực tâm lý do nhà hoạt động sân khấu Konstanlin Stanislavski phát triển vào nửa đầu thế kỷ XX. Thế hệ Stanislavski đòi hỏi diễn viên khai thác chiều sâu nội tâm nhân vật, sáng tạo ra những hình tượng rất cụ thể và chân thực như trong cuộc sống, biết nhập vai một cách tự nhiên và sống cuộc đời của nhân vật như cuộc đời của mình. Điều đó có nghĩa là trên sân khấu, người diễn viên phải biết nhìn, nghe, suy nghĩ, cảm xúc và hành động như thật, chứ không phải biểu hiện như là đang suy nghĩ, đang hành động. Trong Thế hệ Stanislavski, hành động xuyên và nhiệm vụ tối cao là quan trọng nhất. “Nó chi phối toàn bộ con đường khám phá, phân tích nhân vật và tạo nền móng vững chắc cho sức thể hiện sự sống của nhân vật trên sân khấu” [35]. Hành động xuyên trong một vở kịch theo Stanislavski được hiểu “là toàn bộ những diễn biến nằm trong một tuyến kịch, hành động này có thể tìm thấy trong một nhóm nhân vật có chung mục đích, cũng có khi hành động xuyên của vở đồng thời là hành động xuyên của nhân vật chính” [35]. Nó gắn kết toàn bộ diễn biến của kịch và làm nên những giá trị cho hình tượng nghệ thuật. “Stanislavski thường xuyên đặt ra nhiệm vụ cho diễn viên trong mỗi buổi tập và xác định xem họ muốn đạt tới điều gì thông qua các hành động của nhân vật trong lớp kịch đó. Các nhiệm vụ trong từng lớp kịch, từng màn được dồn nén, được tích lũy trong một nhiệm vụ lớn và trở thành nhiệm vụ tối cao của vở diễn, nhiệm vụ ấy đã gọi mở ra cái mục đích tư tưởng nghệ thuật mà vở diễn cần đạt tới” [35].

b. Lý luận về chèo cách mạng

Chèo cách mạng là hình thức chèo được kế thừa, biến đổi từ chèo cổ, sau đó là chèo văn minh và chèo cải lương, được sinh ra, tồn tại, phát triển

trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam. Theo PGS.TS Trần Trí Trắc, Chèo cách mạng ra đời ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nhưng các nhà nghiên cứu thường lấy mốc năm 1951 - thời điểm Tổ Chèo, trực thuộc Đoàn Văn công Nhân dân Trung ương ra đời và cho tới năm 1985 (trước Đổi mới). Tuy nhiên, cho đến nay, Chèo cách mạng vẫn tiếp tục được duy trì [89, tr.9].

Chèo cách mạng có những đặc điểm sau [49, tr.375-376]:

Bảng 1.1. Đặc điểm Chèo cách mạng

Đặc điểm	Nội dung
Tổ chức	Các đoàn, nhà hát, đội, câu lạc bộ... của Nhà nước.
Thành phần sáng tạo	Tác giả, đạo diễn, diễn viên, nhạc công, họa sĩ, nhạc sĩ, biên đạo múa, nhân viên kỹ thuật âm thanh, ánh sáng, phục trang...
Chủ thể sáng tạo	Cán bộ, chiến sĩ, nhân dân, nghệ sĩ đi theo và làm cách mạng.
Tổ chức, chế độ	Được Nhà nước cấp kinh phí dàn dựng, định hướng, nuôi dưỡng, đào tạo, sử dụng, trả lương, phong tặng danh hiệu, ghi công và chăm lo mọi mặt cả vật chất lẫn tinh thần cho người nghệ sĩ.
Đề tài	Phong phú, đa dạng, trọng tâm đi vào đề tài cuộc sống mới, con người mới gắn với hiện thực cách mạng.
Nhân vật trung tâm	Xây dựng thành công hình tượng con người mới của hiện thực mới Việt Nam biết sống tự giác trước nhiệm vụ chung, biết hành động tích cực để tồn tại, hoàn thành trách nhiệm công dân, khắc phục và cải tạo hiện thực.

Nội dung, tư tưởng	Hướng đến mục đích phục vụ chính trị, gắn bó chặt chẽ với đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam trong từng giai đoạn lịch sử.
Hình thức nghệ thuật	Kế thừa, phát triển nghệ thuật chèo cổ thời trung đại cùng với tiếp nhận chủ nghĩa hiện thực phương Tây trong sáng tạo nghệ thuật, phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa (miêu tả hiện thực một cách chân thật, cụ thể, lịch sử trong sự phát triển cách mạng của nó, kết hợp với nhiệm vụ giáo dục quần chúng, thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền chính trị) và Thê hệ Stanislavski (tái hiện chân thực tâm lý nhân vật, đề cao vai trò quan trọng của đạo diễn, nâng cao tính khoa học, tính hiện đại, tính đồng bộ, tính chân thực, sâu sắc).
Tác phẩm tiêu biểu	<i>Chị Trầm, Chị Tấm anh Điền, Máu chúng ta đã chảy, Cô gái sông Lam, Thạch Sanh, Sợi tơ vàng, Đường về trận địa, Tầm vóc đại hồng, Bài ca giữ nước,...</i>

Với những đặc điểm trên, PGS.TS Trần Trí Trắc đã đưa ra cái nhìn sâu sắc về vai trò và ý nghĩa của nghệ thuật sân khấu chèo trong bối cảnh lịch sử mới của Việt Nam, đặc biệt là trong quá trình cách mạng và đổi mới đất nước. Ông nhấn mạnh rằng:

“Sân khấu cách mạng nói chung và chèo nói riêng, là con đẻ của hiện thực cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. (...) Cũng nhờ đó mà Việt Nam đã có một đội ngũ văn nghệ sĩ hùng hậu luôn luôn nêu cao tinh thần yêu nghề, yêu nước, gắn bó máu thịt với nhân dân, tạo ra nhiều tác phẩm phản ánh hiện thực cách mạng chân thực, sâu sắc và giàu tính nhân văn, đáp ứng nhu cầu đa dạng về

chân - thiện - mỹ của các tầng lớp nhân dân, góp phần quan trọng vào công cuộc phụng sự Tổ quốc xã hội chủ nghĩa” [89, tr. 368].

Chèo Quân đội là một loại hình nghệ thuật chèo được phát triển từ nghệ thuật chèo truyền thống nhưng được các nghệ sĩ của Nhà hát Chèo Quân đội sưu tầm, biên soạn, chỉnh lý để hợp với phong cách, tác phong và nhu cầu thưởng thức của người chiến sĩ trong quân đội nhân dân Việt Nam.

Từ phân kịch bản, đạo diễn, họa sĩ, biên đạo múa đều mang hơi thở, vóc dáng, tính cách, tính thời sự, tính nghệ thuật, tính biểu cảm của người lính chân thật, sống động và lột tả cuộc sống chiến đấu, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của người lính quân đội nhân dân Việt Nam. Mà vẫn giữ được những nét truyền thống cơ bản của chèo. Nó không làm mất đi hay viển vông chỉ làm giàu thêm, phong phú thêm cho kho tàng nghệ thuật truyền thống của dân tộc Việt Nam.

1.2.2.5. Kết quả của việc áp dụng lý thuyết, lý luận vào nghiên cứu đề tài

Việc vận dụng lý thuyết nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa, lý thuyết về giao lưu, tiếp biến văn hóa, cũng như lý luận về sân khấu học và chèo cách mạng trong đề tài giúp nghiên cứu sinh giải quyết những vấn đề khoa học sau:

- Từ lý thuyết nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa, luận án tìm những đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội thông qua các tác phẩm vận dụng phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa.

- Từ lý thuyết giao lưu, tiếp biến văn hóa, luận án tìm ra một số đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội khi tiếp nhận lý luận sân khấu phương Tây, trong đó có thể tài chính kịch, Thê hệ Stanislavski, kết cấu kiểu Aristotle được tiếp nhận từ sân khấu phương Tây, cụ thể là sân khấu Nga Xô Viết.

- Lý luận về sân khấu học và chèo cách mạng giúp luận án phân tích

những đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội được thể hiện thông qua những sáng tạo của các nghệ sĩ trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội thể hiện trên phương diện ở tính tổng hợp, ở thể tài, kết cấu xung đột kịch và những đặc điểm của chèo cách mạng.

- Cũng từ các lý thuyết, lý luận nói trên, luận án tìm hiểu, nghiên cứu và xác định, phân tích đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội. Bên cạnh đó, những lý thuyết, lý luận đó còn là cơ sở để NCS đánh giá những đóng góp nghệ thuật của Nhà hát Chèo Quân đội và vấn đề giữ gìn, phát huy trong bối cảnh đương đại.

1.3. Khái quát quá trình hình thành, phát triển Nhà hát Chèo Quân đội

Nhà hát Chèo Quân đội là một trong những đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp trực thuộc Tổng cục Chính trị, Quân đội Nhân dân Việt Nam. Với hơn sáu thập kỷ hình thành và phát triển, Nhà hát Chèo Quân đội đã có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp văn hóa nghệ thuật quân đội, đồng thời giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống của nghệ thuật Chèo trong bối cảnh hiện đại. Quá trình phát triển của Nhà hát có thể chia thành ba giai đoạn chính:

1.3.1. Giai đoạn 1954 - 1985

Nhà hát Chèo Quân đội được thành lập vào ngày 1/10/1954 tại xã Phú Minh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên với tên gọi ban đầu là Đội Vận động công tác văn nghệ (Văn công), trực thuộc Cục Chính trị, Tổng cục Cung cấp. Đây là một trong những đơn vị nghệ thuật quân đội ra đời ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc, với mục tiêu ban đầu là phục vụ nhu cầu văn hóa, nghệ thuật của cán bộ, chiến sĩ, đồng thời tuyên truyền, cổ vũ tinh thần yêu nước và đoàn kết quân dân. Trong kháng chiến chống Mỹ, khi đường dây 559 ra đời, Đội Văn công được bổ sung thêm Đội Chèo của Tỉnh đội Hưng Yên và Đội Văn công Sư đoàn 330, đổi tên thành Đoàn Văn công

Trường Sơn, thuộc Tổng cục Hậu cần. Năm 1966, Đoàn Văn công Trường Sơn sáp nhập với Đội Văn công Tổng cục Hậu cần thành Đoàn Văn công Tổng cục Hậu cần, do Cục Chính trị trực tiếp quản lý và chỉ đạo. Sau năm 1975, Đoàn đổi tên là Đoàn Chèo Tổng cục Hậu cần, Đoàn Nghệ thuật Tổng cục Hậu cần.

Những ngày mới thành lập, mặc dù còn nhiều thiếu thốn, khó khăn, Đoàn đã nhanh chóng xây dựng các chương trình nhỏ, đa dạng cả kịch nói và ca múa nhạc phục vụ nhiệm vụ chính trị, cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân và dân ta. Những bài ca, hoạt cảnh, vở diễn tiêu biểu như *Tiếng gọi non sông*, *Chiến thắng Bạch Đằng*, *Cô thủ kho*, *Cô thợ chữa pháo*, *Chuyến đò sông Mã*, *Anh lái xe và cô chống lầy*... đều phản ánh tinh thần anh dũng của bộ đội cụ Hồ, đã cùng các nghệ sĩ vang lên khắp các mặt trận, được đông đảo cán bộ và chiến sĩ đón nhận trên bước đường hành quân.

Trong thời gian này, cùng với sự tích cực đi biểu diễn phục vụ các chiến trường, Đoàn đã được bổ sung lực lượng từ các hạt nhân xuất sắc trong phong trào của Tổng cục Hậu cần. Vừa phục vụ, Đoàn vừa tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao trình độ sáng tác, biểu diễn cho anh chị em. Nhiều nghệ sĩ tài năng của Đoàn trưởng thành từ trong gian khó, khói lửa chiến tranh như: NSND Trịnh Quang Thái, NSND Trần Lực, NSƯT Thế Phiệt, NSƯT Thu Hòa, NSƯT Đồng Bảo Quý, NSƯT Đỗ Tùng, NSƯT Xuân Dinh, NSND Đào Lê, Văn Thom, Nguyễn Thành, Hoa Tâm, Cao Lưu, Ngọc Sửu, Minh Tâm, Thanh Hậu, Tâm Vũ, Ngọc Trai, Tâm Vũ, Kim Yên, Quý Đông, Phương Hoa, Tuấn Sửu, Minh Túy, Quý Đông, Kim Quy...

Trong kháng chiến chống Mỹ, Đoàn biểu diễn đủ các bộ môn ca múa, kịch nói, chèo, theo bước chân các cán bộ, chiến sĩ đi khắp các chiến trường với hàng ngàn đơn vị, nơi nào có bộ đội và thanh niên xung phong là nơi đó có dấu chân các diễn viên của Đoàn. Đội ngũ nghệ sĩ không chỉ biểu diễn tại

các đơn vị quân đội ngoài Bắc, mà còn có mặt trên chiến trường miền Nam ác liệt phục vụ các lực lượng vũ trang và nhân dân, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân dân ta. Có thể nói, trên suốt tuyến đường Trường Sơn lịch sử, với hàng ngàn đơn vị, nơi nào có bộ đội, thanh niên xung phong là nơi ấy có dấu chân các diễn viên của Đoàn. Đoàn cũng có các đợt biểu diễn lưu động, đi sâu vào các vùng căn cứ cách mạng, mang nghệ thuật truyền thống đến với đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa. Một số nghệ sĩ đã hi sinh trên đường làm nhiệm vụ, thể hiện tinh thần kiên trung của người chiến sĩ như Ngọc Minh, Ma Văn Quy, Trịnh Quý... Những vở diễn tiêu biểu giai đoạn này như *Đâu có giặc là ta cứ đi*, *Đường ra biên giới*, *Hũ gạo chống Mỹ*, *Đường về trận địa*, *Người năm ấy*, *Đôi mắt*, *Nguyễn Viết Xuân*, *Lá thư tiền tuyến*... thâm đậm vẻ đẹp của người lính cụ Hồ. Đáng chú ý, ngày 28 tháng 3 năm 1967, Đoàn vinh dự được vào Phủ Chủ tịch biểu diễn báo cáo với Bác Hồ và Bộ Chính trị vở chèo *Anh lái xe và cô chống lầy* và chương trình ca múa nhạc đặc sắc.

Trong tiến trình hình thành và phát triển, chèo Quân đội gắn chặt với lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc, có thể nhận diện hai chặng đường lớn: giai đoạn chiến tranh, khi chiến trường là sân khấu, và giai đoạn sau 1975, khi đất nước hòa bình, đoàn nghệ thuật được kiện toàn, chuyên nghiệp hóa và hội nhập sâu hơn với đời sống sân khấu hiện đại.

Ở giai đoạn chiến tranh, người nghệ sĩ thực sự là “nghệ sĩ – chiến sĩ”, lấy chính chiến trường làm sân khấu biểu diễn. Sân khấu của họ có thể là hào sâu, ụ đất, miệng hầm, vòng vây pháo đài, thậm chí là nóc xe tăng hay thùng xe tải giữa cung đường Trường Sơn. Trong điều kiện thiếu thốn mọi phương tiện biểu diễn, tiếng hát nhiều khi không cần micro, nhạc cụ không đủ dàn, nhưng “âm thanh” chủ đạo lại vang lên từ trái tim người nghệ sĩ, đúng với

tinh thần “tiếng hát át tiếng bom”, tiếng hát vang vọng giữa núi rừng, bên cạnh tiếng pháo, tiếng súng.

Nhiều kịch ngắn và tiết mục chèo được viết ngay trên đường hành quân, ngay bên hầm hào, hoặc được chuẩn bị vội nhưng kỹ về ý tưởng trước khi đưa vào chiến trường. Dù dung lượng không dài, các tác phẩm vẫn mang đậm hơi thở thời cuộc, nâng bước quân hành “vì miền Nam ruột thịt”, “xe dọc Trường Sơn đi đánh Mỹ”. Những tiết mục ấy phản ánh cục diện chiến tranh và tâm thế hậu phương – tiền tuyến: cảnh giác với mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù; ca ngợi lòng dũng cảm, kỷ luật và tình đồng đội.

Nhiều tác phẩm, tình huống tiêu biểu có thể kể đến: hình ảnh người giao liên trên đường về trận địa, luôn tỉnh táo và cẩn trọng khi dẫn đường cho bộ đội; người lính tìm về đơn vị cũ mà không còn nhớ đường; anh lái xe, cô chống lầy sục sôi với một mục tiêu duy nhất là đưa hàng, vũ khí, đạn dược kịp thời ra tiền tuyến. Mâu thuẫn giữa yêu cầu kỷ luật (“đường chưa thông thì không được khởi hành”) với áp lực thời gian (“chờ đường thông thì sợ giao hàng không kịp tiến độ”) được đặt trong bối cảnh tất cả cùng hướng về tiền tuyến, vì miền Nam, vì mục tiêu chung. Khi được giải thích, chia sẻ kịp thời, cả người lính và cô giao liên đều cởi bỏ mặc cảm, thêm tin tưởng, càng thấy rõ ý nghĩa của kỷ luật quân đội và sức mạnh của khối đại đoàn kết quân – dân.

Hình tượng những người nghệ sĩ “vai mang ba lô, lưng đeo đàn nguyệt, tay ôm chiếc xác, dắt chiếc xe đạp chất đầy sáo, nhị, bầu, trống, chiếu...” tới các binh trạm, trạm phẫu, bệnh xá đã chiến là hình tượng giàu tính biểu tượng. Tiếng hát của họ có khi cất lên trong đêm, giữa ca mổ, giữa lúc bác sĩ phải khâu vá, phẫu thuật khi đã cạn thuốc mê. Ở những thời khắc ấy, tiếng hát trở thành phương thuốc tinh thần xoa dịu nỗi đau, tiếp sức cho cả thầy thuốc

lẫn thương binh. Đó là biểu hiện rất đặc trưng của tinh thần dân tộc, của ý chí kiên gan, bất khuất trong chiến tranh.

Từ trong lửa đạn chiến trường, hàng loạt ca khúc, tiểu phẩm, kịch ngắn ca ngợi người lính, chiến công, đời sống chiến hào, bếp Hoàng Cầm, khẩu hiệu “người lính đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng” đã in sâu vào tâm khảm nghệ sĩ. Sau này, những hình tượng đó được kể lại trên các diễn đàn, được sân khấu hóa qua các vở chèo, kịch ca, trở thành chất liệu sống động cho sáng tác.

Có thể khái quát đặc điểm nghệ thuật ở giai đoạn này là “kịch – ca chiến trường” với hình thức biểu diễn sử dụng ngôn ngữ chèo, nhưng nội dung tập trung vào hiện thực chiến đấu, hơi thở chiến tranh, ít điều kiện khai thác sâu chiều kích tích lũy, triết lý cổ truyền. Các tiết mục thường ngắn gọn, dễ hiểu, trực diện, không rườm rà, đánh thẳng vào cảm xúc người xem – là những người lính đang ở ngay trước mặt. Không có nhiều vở diễn được đầu tư dài hơi như điều kiện thời bình, nhưng những vở, mảng trò ấy được lặp đi lặp lại ở các binh trạm, chiến hào, ngã ba đường Trường Sơn, để lại dấu ấn sâu sắc. Nhiều nghệ sĩ – chiến sĩ của đoàn chèo quân đội đã vĩnh viễn nằm lại nơi chiến trường, góp phần xây nên truyền thống “chiến đấu bằng tiếng hát” của đơn vị.

Từ nền tảng đó, bước sang giai đoạn thứ hai, từ sau năm 1975 đến khoảng những năm thập niên 1990, khi đất nước hoàn toàn giải phóng, đời sống nghệ thuật nói chung phát triển mạnh, chèo quân đội bước vào quá trình kiện toàn lực lượng, chuyên nghiệp hóa và đa dạng hóa hình thức biểu hiện. Trong bối cảnh “trăm hoa đua nở” của tuồng, chèo, cải lương, kịch nói, kịch thơ..., Nhà hát Chèo Quân đội (tiền thân là đoàn nghệ thuật Tổng cục Hậu cần) đã dàn dựng hàng trăm vở chèo, tiếp tục khắc họa bản chất chiến tranh,

kể lại những câu chuyện thời chiến, đồng thời mở rộng sang nhiều đề tài lịch sử, chính trị, đạo đức, văn hóa.

Các vở như *Người tử tù mất tích*, *Người về từ thiên đường*, *Chuyện tình bên mái đình xưa*, *Nước mắt bà chúa kho*, *Kho điều động lại sau chiến tranh*, *Ánh sao đầu núi...* không chỉ lưu giữ ký ức chiến tranh trên sân khấu, mà còn cho thấy sự chuyển dịch từ “chèo chiến trường” sang “chèo nhà hát” với kịch bản được hoàn thiện, cấu trúc chặt chẽ, ngôn ngữ nghệ thuật được trau chuốt hơn.

Nổi bật nhất trong giai đoạn này là bộ ba vở *Bài ca giữ nước* của Đại tá, Nghệ sĩ Nhân dân Tào Mạt. Ông không chỉ có công giữ lại “chiều kèo” của người lính, mà còn xây dựng được một bộ “chèo pho” mang tầm vóc sử thi, trở thành mốc son của làng chèo hiện đại. Với bộ ba *Bài ca giữ nước*, Tào Mạt cùng nhà văn Đào Hồng Cẩm đã được trao Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt đầu tiên (năm 1996), khẳng định vị thế của chèo quân đội trong đời sống sân khấu chuyên nghiệp.

Về nghệ thuật, Tào Mạt vừa kế thừa chèo truyền thống, vừa quay về “cách làm chèo cổ”: một người viết kịch bản, đồng thời là đạo diễn, là người “sắp trò, sắp lời”, bao quát toàn bộ cấu trúc vở diễn, hệ thống nhân vật và làn điệu. Hệ thống vai của ông vẫn tuân theo mô hình vai chèo cổ (chính, tà, hề, đào, kép, lão, mục...), nhưng được đặt trong bối cảnh lịch sử cụ thể với những nhân vật như Ý Lan, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, Thái sư Lê Văn Thịnh, Mục Thân, Lý Thường Kiệt, Lý Đạo Thành... tạo thành một “dàn nhân vật sử thi” mang tính cách rõ nét.

Ở phương diện làn điệu, ông giữ nguyên khung lề chèo cổ: đường trường, làn điệu tính cách, nói, ngâm, vìa, vịnh, mưu..., nhưng tự viết và “sắp lời” một cách giàu kịch tính. Bên cạnh đó, ông sưu tầm, chỉnh lý, chèo hóa một số làn điệu dân ca như quan họ, dân ca Thanh Hóa, đưa vào vở diễn

một cách nhuần nhuyễn, tạo nên màu sắc vùng miền đa dạng. Về múa, ngoài múa chèo truyền thống, ông đưa thêm múa Xuân Phả, múa đi cấy của Thanh Hóa..., giúp ngôn ngữ hình thể vừa giữ bản sắc dân gian, vừa giàu sức gợi.

Với vai trò đạo diễn, Tào Mạt đặc biệt chú ý tới các mảng trò, lớp diễn mang tính chính luận và đời sống. Cảnh Nhiếp chính Ý Lan cùng Thái úy Lý Thường Kiệt, Lý Đạo Thành bàn việc nước; cảnh quan Chi Châu, lớp “chim chuột” ba thầy trò, cảnh lột mũ áo quan Chi Châu... vừa phản ánh hơi thở đời sống chính trị – xã hội, vừa sử dụng nhiều ẩn dụ nghệ thuật. Hình tượng Ý Lan giả làm con buôn, làm thường dân đi vi hành được khắc họa rõ nét, gần với mô-típ điển hình của sân khấu truyền thống, nhưng mang tâm vóc thời đại.

Âm nhạc trong các vở của Tào Mạt (cùng các nhạc sĩ như Đôn Truyền, Thế Phiệt...) không đơn thuần minh họa mà có kịch tính, cao trào, được đặt đúng điểm nút xung đột. Lớp Sứ Tống mang hơi hướng phương Bắc qua âm sắc kèn sona, gọi không khí Quảng Đông; sự pha trộn giữa dân ca đồng bằng Bắc Bộ, quan họ, ví giặm Nghệ An, dân ca Thanh Hóa... tạo nên bản sắc âm thanh rất riêng của chèo quân đội. Âm nhạc vừa giữ cốt truyền thống, vừa tiếp thu tinh hoa vùng miền, làm giàu thêm ngôn ngữ biểu hiện.

Từ thành tựu của Tào Mạt, Nhà hát Chèo Quân đội tiếp tục khẳng định thương hiệu với sự xuất hiện của nhiều đạo diễn tên tuổi như Nghệ sĩ Nhân dân Ngô Xuân Huyền, Nghệ sĩ Nhân dân Lê Hùng, đặc biệt là Nghệ sĩ Nhân dân Doãn Hoàng Giang. Nếu Tào Mạt là người “giữ” và đặt nền móng, thì Doãn Hoàng Giang được xem là người “chấn hưng”, “mở rộng” thương hiệu đoàn với hàng chục vở mang dấu ấn riêng như *Ánh sao đầu núi*, *Kho điều động lại sau chiến tranh*, *Trần Thủ Độ*, *Công lý không gục ngã*, *Hùng ca Bạch Đằng Giang*... Dưới bàn tay đạo diễn của ông, nhiều thế hệ nghệ sĩ như Minh Tiến, Phương Thúy, Lê Quốc Trường, Tự Long, Xuân Nghĩa, Thùy

Linh... đã trưởng thành, trở thành lực lượng nòng cốt của Nhà hát Chèo Quân đội.

Từ thập niên 1990 trở lại đây, cùng với sự xuất hiện của lớp đạo diễn trẻ (Hà Quốc Minh, Nguyễn Quốc Trọng, Đào Văn Lê, Vũ Tự Long, Bùi Như Lai...), nhiều vở diễn mới như *Đồng đội*, *Biển vẫn con đường mòn*, *Chuyện làng tôi*, *Nguyễn Văn Cừ – tuổi trẻ chí lớn*, *Võ Nguyên Giáp*, *Nguyễn Chí Thanh*, *Chu Văn An*... tiếp tục khẳng định vị trí của chèo Quân đội. Đặc điểm nghệ thuật giai đoạn này là thời lượng vở ngắn hơn, nhịp điệu kịch nhanh hơn, xung đột, cao trào, bất ngờ, chất hài dí dỏm được tăng cường; đôi khi kết thúc bỏ ngỏ để khán giả tự suy nghĩ, tự phán xét. Cấu trúc kịch không còn hoàn toàn theo lối tự sự dài hơi như chèo cổ, mà hòa nhập sâu hơn với ngôn ngữ sân khấu hiện đại, đặc biệt là kịch nói. Tuy nhiên, chủ đề trung tâm vẫn là chiến tranh cách mạng, người lính trong thời chiến lẫn thời bình, được kể lại bằng hình thức ngắn gọn, trực diện, dễ tiếp nhận.

Có thể khẳng định, từ chiến hào đến sàn diễn nhà hát, chèo Quân đội luôn giữ được hai mạch nguồn: bảo tồn vốn cổ chèo cha ông và hòa nhập, cách tân để phù hợp với đời sống hiện đại. Hình tượng người lính trong chèo quân đội vì thế vừa mang chiều sâu truyền thống, vừa phản ánh sinh động đời sống, tâm thế của các thế hệ chiến sĩ qua từng thời kỳ lịch sử.

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, nhiệm vụ cách mạng thay đổi cho phù hợp với tình hình mới. Các bộ phận ca mới, kịch nói của Đoàn tách ra và sáp nhập với đơn vị mới, bộ phận chèo được giữ lại phát triển thành Đoàn Chèo Tổng cục Hậu cần. Lúc này, Đoàn là một trong những đơn vị nghệ thuật có mặt sớm nhất tại các vùng giải phóng. Lần đầu tiên, Đoàn đem tiếng hát chèo cách mạng, một đặc phẩm của văn hóa nghệ thuật miền Bắc đến với miền Nam. Đoàn đã biểu diễn hơn 100 đêm với các vở diễn *Trần Quốc Toản ra quân*, *Người năm ấy*, *Cô thủ kho*, *Đôi mắt*..., gây xúc động hàng vạn khán

giã miền Nam mới được giải phóng.

Sự đóng góp không nhỏ của Đoàn Chèo Tổng cục Hậu cần cho nghệ thuật chèo, cho khán giả trong và ngoài Quân đội còn được đánh dấu bằng thành công của bộ Chèo ba tập *Bài ca giữ nước* của cô NSND Tào Mạt. Bộ ba tác phẩm chèo *Bài ca giữ nước* của Đoàn trở thành một hiện tượng của sân khấu Việt Nam những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ XX và được ghi nhận: *Bài ca giữ nước* là mẫu mực của phương hướng cách tân, đổi mới chèo truyền thống, là bộ tác phẩm kinh điển của sân khấu chèo đương đại.

1.3.2. Giai đoạn 1986 - 2009

Sau năm 1986, khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, Nhà hát Chèo Quân đội (khi đó vẫn hoạt động dưới tên Đoàn Chèo Tổng cục Hậu cần, rồi Đoàn Nghệ thuật Tổng cục Hậu cần) tiếp tục có những bước chuyển mình mạnh mẽ để thích nghi với tình hình mới. Trong bối cảnh văn hóa nghệ thuật chịu ảnh hưởng của kinh tế thị trường, Nhà hát đã chủ động đổi mới cả về nội dung lẫn hình thức hoạt động để đáp ứng nhu cầu thưởng thức của khán giả.

Ở giai đoạn này, có thời điểm sân khấu chèo bị khủng hoảng về định hướng. Tuy nhiên, “Chèo Hậu cần” vẫn đứng vững trong cơ chế thị trường và kiên định phát triển nghệ thuật Chèo truyền thống. Từ năm 1990, Đoàn Chèo đã có sự chuyển hướng trong nội dung kịch mục: không chỉ tập trung vào đề tài lịch sử và cách mạng, mà còn khai thác nhiều câu chuyện về đời sống quân nhân thời bình, những vấn đề xã hội đương đại, nhằm mở rộng đối tượng khán giả. Một số vở diễn tiêu biểu trong giai đoạn này có thể kể đến như, *Chiếc bóng oan khiên*, *Người tử tù mất tích*, *Nữ tú tài*, *Hùng ca Bạch Đằng Giang*, *Người trong bóng tối*, *Tình yêu Yến Hoa*, *Người về từ thiên đường*, *Tiếng hát người áo rách*, *Nước mắt Bà Chúa kho*, *Hoa tuyết trinh*, *Chuyện tình bên mái đình xưa*, *Trái tim người con gái*, *Điều động lại sau chiến tranh*, *Chuyện tình người mất tích*, *Ông Trạng xứ Đoài*, *Người anh hùng áo vải...*và

đã đạt nhiều giải thưởng cao tại các kỳ liên hoan, hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc và toàn quân, đã có sức sống trong lòng hàng triệu khán giả mỗi khi nhắc đến Đoàn Nghệ thuật Tổng cục Hậu cần.

Dù gặp không ít khó khăn, nhưng các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội vẫn tiếp tục phát huy tốt truyền thống của đơn vị nghệ thuật Chèo duy nhất thuộc Quân đội Nhân dân Việt Nam. Nhiều tác phẩm vang bóng một thời của đoàn cũng được tái dựng thành công, như: *Anh lái xe và cô chống lầy*, *Đôi mắt*, *Người năm ấy...* Đồng thời, Đoàn đã cộng tác với các tác giả kịch bản và đạo diễn trong và ngoài quân đội; tổ chức tọa đàm, đi thực tế, đặt hàng, thẩm định... để xây dựng nhiều vở diễn mới được dư luận đánh giá cao như: *Dòng chảy thần kỳ*, *Ánh sao đầu núi*, *Vụ án sau 20 năm*, *Đã một lần*, *Chuyện người xưa*, *Trạng Quỳnh*, *Đêm trắng...* Nhiều nghệ sĩ tài năng của Đoàn được tỏa sáng từ những tác phẩm này như: NSND Quốc Trọng, NSND Xuân Theo, NSND Hạnh Nhân, NSND Ngọc Viễn, NSUT Thanh Hải, NSUT Trần Trung Sinh, NSUT Thu Hòa, NSUT Phạm Văn Chính, NSUT Mai Tú Lệ, NSUT Tiến Lợi, Thanh Nghị, NSUT Nguyễn Thanh Nga, Ngô Thị Phương Hoa, Nguyễn Thị Yến, Nguyễn Đình Mai...

Ý thức được trọng trách và niềm vinh dự là đơn vị Chèo Quân đội Nhân dân Việt Nam, Đoàn thường xuyên cơ động phục vụ bộ đội và nhân dân ở khắp mọi miền tổ quốc, từ đất liền cho tới hải đảo, kể cả Trường Sa, Tây Bắc, Việt Bắc, miền Trung, Tây Nguyên, Nam Bộ... và nước bạn Lào, khẳng định uy tín của thương hiệu *Chiếnng chèo bộ đội* trong tình cảm của khán giả quân và dân Việt Nam. Năm 2004, Đoàn Nghệ thuật Tổng cục Hậu cần vinh dự được Nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới.

1.3.3. Giai đoạn 2010 đến nay

Giai đoạn này chứng kiến sự kiện quan trọng: vào ngày 2/2/2010, Đoàn

Nghệ thuật Tổng cục Hậu cần chính thức được nâng cấp thành Nhà hát Chèo Quân đội, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong quá trình phát triển của đơn vị. Việc trở thành Nhà hát Chèo chuyên nghiệp giúp mở rộng quy mô hoạt động, tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, con người và nghệ thuật, đưa Nhà hát trở thành một trong những đơn vị nghệ thuật truyền thống hàng đầu của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Từ sau khi được nâng cấp thành Nhà hát, đơn vị đã có những bước tiến lớn trong việc phát triển nghệ thuật Chèo theo hướng vừa giữ gìn bản sắc truyền thống, vừa đổi mới để phù hợp với xu thế hiện đại. Nhà hát tiếp tục khai thác các đề tài về chiến tranh, cách mạng, lịch sử dân tộc, đồng thời mở rộng sang các đề tài hiện đại, phản ánh cuộc sống người lính trong thời kỳ mới, các vấn đề xã hội mang tính nhân văn sâu sắc.

Trong những năm gần đây, Nhà hát đã dàn dựng thành công nhiều vở diễn có chất lượng nghệ thuật cao như *Bến nước đời người*, *Thương nhớ trầu cau*, *Tiếng đàn vùng mê thảo*, *Đêm Nguyễn Công Hoan*, *Người tình nguyện*, *Người thầy của muôn đời*, *Đời luận anh hùng*, *Ba ngày làm vua*, *Ánh sao đầu núi*, *Công lý không gục ngã*, *Nguyễn Chí Thanh - Sáng trong như ngọc một con người*, *Điều động lại sau chiến tranh*, *Người về nơi đất cũ*, *Rặng trâm bầu*, *Những người mẹ*, *Bến nước Ngũ Hồ*, *Nguyễn Văn Cừ - Tuổi trẻ chí lớn*, *Ngày trở về*, *Biển vẫn con đường mòn...* Nhiều tác phẩm không chỉ phục vụ biểu diễn nội bộ trong quân đội, mà còn tham gia các kỳ liên hoan, hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc và giành được nhiều giải thưởng cao. Nhiều nghệ sĩ của Nhà hát nổi danh trong và ngoài Quân đội cũng như trong và ngoài ngành Chèo như: NSND Tự Long, NSND Thùy Linh, NSND Minh Tiến, NSND Đình Óng, các NSUT Hà Quang Hào, NSUT Phương Thúy, NSUT Vũ Duy Từ, NSUT Lâm Thanh, NSUT Ngọc Sơn, NSUT Thanh Tuyết, NSUT Đức Hải, NSUT Thu Hiền, NSUT Hiền Lương, NSUT Phạm Hữu Vương, NSUT Nguyễn Văn Minh, NSUT Xuân Hải, NSUT Trần Hồng

Minh, NSUT Thái Phương Ngọc, NSUT Trần Liên, NSUT Hoàng Tiến Dũng, Quỳnh Sen, Văn Cường, Thanh Huân...

Bên cạnh hoạt động biểu diễn truyền thống, Nhà hát Chèo Quân đội cũng chú trọng đến việc ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển các hình thức truyền thông để tiếp cận công chúng rộng rãi hơn. Các chương trình nghệ thuật được phát trên sóng truyền hình quốc gia, các nền tảng trực tuyến giúp khán giả có thể tiếp cận nghệ thuật Chèo một cách dễ dàng hơn, đặc biệt trong bối cảnh số hóa và xu hướng giải trí thay đổi.

Ngoài ra, Nhà hát cũng tích cực tổ chức các chương trình biểu diễn phục vụ cán bộ, chiến sĩ tại các đơn vị biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, thể hiện rõ vai trò của nghệ thuật trong việc nâng cao đời sống tinh thần cho lực lượng vũ trang. Việc mở rộng hợp tác với các đơn vị nghệ thuật trong và ngoài nước cũng giúp Nhà hát tiếp thu thêm những yếu tố mới, từ đó sáng tạo nên những tác phẩm có chất lượng cao hơn.

Tiểu kết

Chương 1 của luận án đã trình bày tổng quan về tình hình nghiên cứu liên quan đến lý luận chèo và Nhà hát Chèo Quân đội. Qua việc tổng hợp các nguồn tư liệu và nghiên cứu trước đây, có thể thấy rằng nghệ thuật chèo là một thể loại sân khấu truyền thống quan trọng của Việt Nam.

Chương này cũng làm rõ những cơ sở lý luận liên quan đến đối tượng nghiên cứu, trong đó làm rõ một số khái niệm như đặc điểm nghệ thuật, nghệ thuật chèo và Nhà hát Chèo Quân đội; phân tích lý thuyết nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa, lý thuyết giao lưu, tiếp biến văn hóa, lý luận về sân khấu học và chèo cách mạng giúp định hướng cho việc tìm hiểu đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội.

Đặc biệt, việc khái quát quá trình hình thành và phát triển của Nhà hát Chèo Quân đội theo từng giai đoạn (1954-1985, 1986-2009, 2010 đến nay) đã

giúp tái hiện bức tranh toàn diện về đơn vị, từ một đoàn văn công phục vụ chiến trường đến một nhà hát chuyên nghiệp có vị thế vững chắc trong nền sân khấu Việt Nam. Qua đó, có thể thấy lịch sử của Nhà hát Chèo Quân đội gắn liền với những biến động của đất nước, đặc biệt là trong các giai đoạn chiến tranh và thời kỳ đổi mới. Nhà hát không chỉ có nhiệm vụ bảo tồn nghệ thuật chèo, mà còn phải đổi mới nội dung, hình thức biểu diễn để phù hợp với xu hướng của xã hội hiện đại. Đây là yếu tố quan trọng để lý giải đặc điểm nghệ thuật chèo của một nhà hát chèo trong môi trường quân đội.

Từ những cơ sở lý luận và thực tiễn đã được phân tích trong chương này, nghiên cứu tiếp theo sẽ đi sâu vào đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội, nhằm làm rõ những yếu tố tạo nên bản sắc riêng của Nhà hát Chèo Quân đội.

Chương 2

NHẬN DIỆN ĐẶC ĐIỂM VỀ NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT CỦA NHÀ HÁT CHÈO QUÂN ĐỘI

2.1. Những yếu tố tác động đến đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội

2.1.1. Yêu cầu phục vụ chính trị của Nhà hát Chèo Quân đội

Nhà hát Chèo Quân đội là đơn vị trực thuộc Quân đội Nhân dân Việt Nam - lực lượng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, có nhiệm vụ quan trọng trong công tác chính trị, tư tưởng, dân vận và phát triển kinh tế - xã hội. Yêu cầu phục vụ chính trị của Nhà hát không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ nguyên tắc, kỷ luật, mà còn đòi hỏi phải giữ vững bản chất cách mạng, chính quy, hiện đại và gần bó mật thiết với nhân dân.

Từ khi được thành lập đến nay, các cán bộ, nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội đã xác định rõ vai trò của mình là công cụ quân sự, là lực lượng tiên phong trong công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Họ hai lần là chiến sĩ: chiến sĩ thực sự, khoác trên mình màu xanh áo lính, mang sứ mệnh "trung với nước, trung với Đảng, hiếu với dân", luôn đặt lợi ích của đất nước, nhân dân lên trên hết; chiến sĩ trên mặt trận văn hóa tư tưởng, dùng sáng tạo nghệ thuật để khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần cách mạng trong quân đội, đồng thời định hướng rõ trách nhiệm chính trị của quân đội không chỉ trong thời chiến mà cả trong thời bình.

Yêu cầu phục vụ chính trị của Nhà hát Chèo Quân đội không tách khỏi ba nội dung quan trọng trong Quân đội: giữ vững bản chất cách mạng; xây dựng quân đội chính quy, hiện đại; kết hợp giữa nhiệm vụ quân sự với công tác giáo dục chính trị, văn hóa, văn nghệ.

Trên cơ sở đó, các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội luôn phải kiên định với tư tưởng chính trị của Đảng, không ngừng nâng cao nhận thức, lý luận cách mạng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và

chế độ xã hội chủ nghĩa, không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, không dao động trước những biến động của tình hình thế giới và khu vực.

Bên cạnh đó, công tác văn hóa, văn nghệ đóng vai trò quan trọng trong công tác chính trị của quân đội. Bởi vậy, Nhà hát Chèo Quân đội đã biến nghệ thuật chèo thành phương tiện tuyên truyền hiệu quả, giúp lan tỏa bản sắc văn hóa dân tộc, tư tưởng yêu nước, tinh thần cách mạng, đồng thời phản ánh chân thực cuộc sống của người lính trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

2.1.2. Yêu cầu nâng cao đời sống tinh thần người lính của Nhà hát Chèo Quân đội

Yêu cầu nâng cao đời sống tinh thần người lính của Nhà hát Chèo Quân đội là một phần quan trọng của việc xây dựng môi trường văn hóa quân sự lành mạnh và phong phú. Bởi vậy, các tác phẩm của Nhà hát Chèo Quân đội phục vụ khán giả trong Quân đội không chỉ nhằm bảo đảm sức khỏe tinh thần cho người lính, mà còn góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp, nâng cao hiệu quả huấn luyện và chiến đấu, đồng thời xây dựng phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” - một yếu tố không thể thiếu trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Việc các tác phẩm của Nhà hát Chèo Quân đội phải hướng tới nâng cao đời sống tinh thần của người lính quán triệt tư tưởng Đạo đức Hồ Chí Minh “gắn xây với chống”, “lấy xây để chống”, “lấy cái đẹp dẹp cái xấu” trong quân đội khi luôn coi trọng giáo dục, bồi dưỡng nâng cao khả năng tự đề kháng của cán bộ, chiến sĩ và chủ động đấu tranh với những loại hình văn hóa xấu độc, các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; nhận diện và đấu tranh kiên quyết với mọi biểu hiện phản văn hóa, không để văn hóa xấu độc thâm nhập vào đơn vị. Cùng với giáo dục, bồi dưỡng, Nhà hát Chèo Quân đội còn phải chú trọng bồi đắp các giá trị văn hóa dân tộc, đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, đấu tranh phê phán những biểu hiện lệch chuẩn giá trị, những thói hư, tật xấu trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Yêu cầu nâng cao đời sống tinh thần của người lính của Nhà hát Chèo

Quân đội vừa thể hiện bản chất, truyền thống tốt đẹp của Quân đội nhân dân Việt Nam, vừa góp phần tạo nên môi trường văn hóa rèn luyện, hoàn thiện nhân cách cho cán bộ, chiến sĩ phong phú, đa dạng và lành mạnh, phản ánh rõ nét tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc và sự sẵn sàng chiến đấu vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng và nhân dân.

Nhà hát Chèo Quân đội là đơn vị biểu diễn nghệ thuật Chèo, mà nghệ thuật bao giờ cũng có chức năng giáo dục, nhận thức, giải trí, thẩm mỹ... Do đó, với tư cách là đơn vị nghệ thuật của Quân đội nhân dân Việt Nam, Nhà hát Chèo Quân đội làm phong phú đời sống tinh thần của cán bộ, chiến sĩ, góp phần xây dựng Quân đội vững mạnh về tinh thần và phát triển nhân cách "con người mới" - người lính của thời đại mới, với tư duy mới, phẩm chất và năng lực mới, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ của quân đội trong tình hình mới.

2.1.3. Yêu cầu bảo tồn, phát huy giá trị nghệ thuật chèo trong Quân đội của Nhà hát Chèo Quân đội

Nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc trong Quân đội là một phần quan trọng của việc xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị, tư tưởng và văn hóa. Nó bao gồm việc bảo vệ an ninh văn hóa, tư tưởng, phát huy các giá trị truyền thống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong quân đội, và nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị cho cán bộ, chiến sĩ.

Nghệ thuật chèo là thể loại sân khấu truyền thống, kết tinh trí tuệ, óc sáng tạo của nhân dân lao động và mang đậm bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam. Do đó, bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật chèo trong Quân đội là một nhiệm vụ quan trọng, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân, đồng thời quảng bá hình ảnh đẹp của Quân đội và đất nước.

Bên cạnh đó, việc bảo tồn và phát triển nghệ thuật Chèo truyền thống trong Quân đội của Nhà hát Chèo Quân đội còn có ý nghĩa quan trọng khi góp

phần ngăn chặn mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa; tác động của mặt trái kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng làm văn hóa dân tộc bị lai căng, ảnh hưởng không nhỏ đến thị hiếu của khán giả trẻ là các cán bộ, chiến sĩ Quân đội.

2.2. Nhận diện đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội trên phương diện nội dung

2.2.1. Về đề tài

Trong suốt quá trình phát triển, Nhà hát Chèo Quân đội đã đi vào nhiều đề tài khác nhau. Tuy nhiên, khác với các đơn vị chèo dân sự, *phần lớn các vở diễn của Nhà hát Chèo Quân đội khai thác đề tài người lính qua từng thời kỳ lịch sử*. Điều này được thể hiện rõ qua bảng thống kê so sánh các vở diễn tiêu biểu đề tài người lính với các vở diễn đề tài khác trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội như sau:

Bảng 2.1. Bảng thống kê so sánh các vở tiêu biểu đề tài người lính với đề tài khác

Đề tài	Số lượng vở diễn	Tỉ lệ
Đề tài người lính	64/86	74.4%
Đề tài khác	22/86	25,6%

Theo bảng thống kê so sánh trên, trong số các tác phẩm tiêu biểu của Nhà hát Chèo Quân đội từ năm 1954 đến 2024, đề tài người lính có ưu thế rõ rệt với tổng cộng 64/86 vở diễn, thể hiện sự tập trung mạnh mẽ của Nhà hát Chèo Quân đội vào các chủ đề liên quan đến người lính, chiến tranh, hậu chiến và những giá trị tinh thần quân đội. Các vở đề tài khác có 22/86 vở diễn, chủ yếu khai thác các câu chuyện dân gian, lịch sử, dã sử... Sự phân bổ này khẳng định phản ánh rõ định hướng và sự ưu tiên, chú trọng của Nhà hát Chèo Quân đội trong việc khai thác đề tài người lính, đóng góp vào việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa quân đội qua các vở diễn.

So sánh với các đơn vị nghệ thuật chèo ngoài quân đội, có thể thấy

điểm khác biệt sau:

**Bảng 2.2. Bảng so sánh Nhà hát Chèo Quân đội
với các đơn vị nghệ thuật chèo dân sự**

So sánh	Nhà hát Chèo Quân đội	Các đơn vị nghệ thuật chèo dân sự
Điểm giống	Đa dạng, phong phú về đề tài.	
Điểm khác	Đề tài người lính <u>chiếm phần lớn</u> trong hệ thống đề tài.	Đề tài người lính <u>chỉ là một phần</u> trong hệ thống đề tài

Trong các vở diễn đề tài người lính, các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội hướng đến 4 nhóm chính: nhóm đề tài người lính thời phong kiến, nhóm đề tài người lính trong chiến tranh cách mạng, nhóm đề tài người lính hậu chiến và nhóm đề tài người lính trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.2.1.1. Nhóm đề tài người lính thời phong kiến

Nhóm đề tài người lính thời phong kiến trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội là một trong những đề tài quan trọng, mang đậm tinh thần lịch sử và giá trị nhân văn sâu sắc. Những vở diễn thuộc nhóm đề tài này đã tái hiện những cuộc chiến bảo vệ đất nước lấy lòng của quân và dân Việt Nam. Qua các tác phẩm, khán giả có cơ hội nhìn lại những trang sử oai hùng của dân tộc, đồng thời nhận thức sâu sắc hơn về những bài học lịch sử quý báu liên quan đến lòng yêu nước, tình đoàn kết và sự công minh trong việc sử dụng nhân tài.

Ở nhóm đề tài người lính thời phong kiến, các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội đã chủ yếu khai thác cuộc đời hoặc một giai đoạn trong cuộc đời của các danh tướng, anh hùng dân tộc trong các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc với tinh yêu nước, tinh thần anh dũng, hi sinh, xả thân vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc đi cùng những chiến công oanh liệt ghi vào sử sách. Có thể kể đến các vở diễn tiêu biểu như: *Trần Quốc Toản ra quân*, *Lý Nhân Tông kế nghiệp*, *Lý Thánh Tông tuyển hiền*, *Nhiếp chính Ý Lan*, *Người anh hùng áo vải*, *Hùng ca Bạch Đằng giang*, *Đời luận anh hùng*,

Công lý không gục ngã, Bến nước Ngũ Bò...

Một số vở chèo khác của Nhà hát cũng khai thác đề tài người lính thời phong kiến ở góc độ chiều mộ lực lượng cứu nước (như *Bến nước Ngũ Bò*); sự hi sinh to lớn của những người lính vì đất nước, vì lẽ phải, thậm chí chịu tiếng xấu để giữ yên ổn cho giang sơn, xã tắc (như vở *Ngàn năm tình sử*); hay khai thác những bi kịch oan khuất của người lính, lên án sự đồ kỵ, lòng ghen ghét và những âm mưu chính trị trong triều đình phong kiến, khiến cho không ít bậc trung thần phải chịu cảnh hàm oan (như vở *Sóng dựng Lô Giang*)...

Nhìn chung, nhóm đề tài người lính thời phong kiến trong các vở diễn của Nhà hát Chèo Quân đội không chỉ là một mảng quan trọng trong dòng chảy nghệ thuật chèo, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục truyền thống lịch sử và tinh thần yêu nước cho khán giả là những người lính thuộc các thế hệ sau.

2.2.1.2. Nhóm đề tài người lính trong chiến tranh cách mạng

Chiến tranh cách mạng là giai đoạn đầy biến động của lịch sử Việt Nam, đánh dấu sự kiên cường, hi sinh và tinh thần bất khuất của những người lính bộ đội Cụ Hồ. Trong bối cảnh đó, Nhà hát Chèo Quân đội đã xây dựng nhiều tác phẩm xuất sắc đề tài người chiến sĩ trong những cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, từ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cho đến các cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới của Tổ quốc...

Ở nhóm đề tài người lính thời chiến, Nhà hát Chèo Quân đội đi vào 05 nội dung sau:

Thứ nhất, các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội khai thác đề tài về những người lính xuất thân là nông dân, có tinh thần giác ngộ, đi theo cách mạng. Họ là “những con người nhỏ bé” có cuộc sống nghèo khổ, bị áp bức, bóc lột dưới chế độ thực dân nửa phong kiến, nhưng nhờ có cách mạng, cuộc đời của họ đã bước sang trang mới theo chiều hướng tốt đẹp. Và chính “những con người nhỏ bé” đó khi thấy Tổ quốc lâm nguy, đã đứng lên tham gia kháng

chiến, trở thành những chiến sĩ kiên trung. Như vở *Ánh sao đầu núi* được các nghệ sĩ Chèo Quân đội tái hiện không khí hào hùng của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng thời tôn vinh những người lính bình dị, những người nông dân tay lấm chân bùn nhưng sẵn sàng cầm súng bảo vệ đất nước.

Thứ hai, các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội khai thác đề tài về những người lính chiến đấu, hi sinh anh dũng trong hoàn cảnh chiến tranh. Nhiều vở diễn của Nhà hát Chèo Quân đội đã phản ánh đề tài này như: *Nguyễn Viết Xuân, Đường về trận địa, Anh lái xe và cô chống lầy, Đại đội trưởng của tôi, Đất liền và biển cả, Người tử tù mất tích, Chiếc bóng oan khiên, Chuyện tình bên mái đình xưa, Biển vẫn con đường mòn, Ngày trở về, Rặng trám bầu, Những người mẹ, Người chiến sĩ năm xưa...* Trong các vở diễn, chiến tranh là hoàn cảnh vô cùng khốc liệt với những cuộc hành quân vượt đèo cao, sông sâu, núi cả, những trận mưa bom bão đạn đánh giáp mặt quân thù, cùng biết bao những tình huống bất ngờ và hết sức nghiệt ngã của cuộc chiến... Trong hoàn cảnh đó, tất cả người lính đều phải đối mặt với bờ vực của sự sống và cái chết để khẳng định bản lĩnh.

Có thể kể đến vở *Đại đội trưởng của tôi* đã đặt người lính với hoàn cảnh chiến tranh ác liệt ngay trên trận địa. Đứng trước sự lựa chọn sinh tử, làm kẻ hèn nhát hay anh hùng, qua mối quan hệ giữa những người đồng đội, giữa cha và con, giữa cấp trên cấp dưới, những người lính đã vượt qua mọi rào cản, hoàn cảnh khốc liệt, gian khổ, khó khăn của chiến tranh, để khẳng định lòng dũng cảm, sự hi sinh, tinh thần chiến đấu anh dũng vì độc lập, thống nhất của Tổ quốc. Hay vở *Biển vẫn con đường mòn* tái hiện hành trình của Đoàn tàu không số - lực lượng vận tải chiến lược trên tuyến đường Hồ Chí Minh trên biển, vận chuyển vũ khí, lương thực từ miền Bắc vào chiến trường miền Nam. Khi bị kẻ thù bao vây, những người lính đã lựa chọn ở lại cùng con tàu, chiến đấu đến hơi thở cuối cùng để bảo vệ bí mật của tuyến đường vận tải. Vở *Ngày trở về* khai thác đề tài về những chiến sĩ tình báo hoạt

động trong bóng tối không chỉ chiến đấu với kẻ thù, mà còn đấu tranh với chính tình cảm cá nhân của mình. Vì nhiệm vụ, họ buộc phải hi sinh hạnh phúc riêng tư, sống trong vỏ bọc của kẻ thù để thu thập tin tức cho cách mạng.

Thông qua các tác phẩm, các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội đã khắc họa một cách chân thực những khó khăn, gian khổ của người lính trong chiến tranh. Họ không chỉ chiến đấu với kẻ thù, mà còn đấu tranh với chính bản thân, với những nỗi đau, mất mát không thể nói thành lời.

Thứ ba, khai thác đề tài về tình đồng chí, đồng đội trước những gian khổ, khốc liệt của cuộc chiến tranh. Trên chiến hào cùng nhau “chia lửa”, lúc khó khăn cùng giúp đỡ sẻ chia, trong hoạn nạn quên mình cứu đồng đội, trong vinh quang cùng chia ngọt sẻ bùi, chiến đấu vì dân, quên mình vì Tổ quốc. Đó là những phẩm chất cao đẹp nhất của Bộ đội Cụ Hồ - những người lính thời đại Hồ Chí Minh chiến đấu quên mình trong thời chiến, lặng lẽ hi sinh trong thời bình. Khán giả không thể quên trong những năm tháng chống Mỹ cứu nước, ở vở *Nguyễn Viết Xuân*, các nghệ sĩ Chèo Quân đội khá thành công khi đưa lên sân khấu những cảnh sinh hoạt tập thể của chiến sĩ, chia ngọt sẻ bùi trong gian khó, góp phần không nhỏ để đưa người xem những hình ảnh trung thực và toàn diện về anh bộ đội cụ Hồ trong kháng chiến. Hay ở vở *Anh lái xe và cô chống lầy*, cô thanh niên xung phong và anh bộ đội lái xe cùng giúp nhau để đưa xe đi đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ đưa hàng vào Nam, phục vụ cho tiền tuyến. Trong vở *Đôi mắt*, tại trạm quân y dã chiến ở núi rừng Trường Sơn, những người lính bị thương luôn quan tâm lẫn nhau và giữa gian khổ đi cùng cái chết rình rập, mối tình đẹp vẫn diễn ra giữa những người lính. Tình yêu của họ nảy nở giữa cuộc chiến, đầy lòng nhân ái, vị tha, đức hi sinh và trên tất cả là tính nhân văn, cao cả của con người Việt Nam.

Thứ tư, khai thác đề tài về tình quân dân đẹp đẽ trong chiến tranh gian khổ. Như vở *Đường về trận địa* kể về anh bộ đội và chị dân quân gặp nhau giữa đường giữa đêm tối. Không nhìn rõ mặt nhau, cả hai đều cảnh giác đề

phòng kẻ gian, gây ra sự hiểu lầm thú vị, để đến lúc mọi việc được giải quyết, tình quân dân càng thêm thắm thiết. Hay ở vở *Biển vẫn con đường mòn*, trong những chuyến tàu không số, không chỉ là hàng hóa, vũ khí, con người chi viện cho miền Nam, đó còn là tình cảm của những chiến sĩ trên tàu với bà con nơi tàu cập bến bờ; của đồng bào hai miền Nam - Bắc dành gửi cho nhau. Vở diễn *Những người mẹ* nổi bật lên là tình cảm của những người mẹ dành cho người chiến sĩ cách mạng, bảo vệ, chở che, chăm sóc bộ đội ta trong chiến tranh. Hơn thế, những người mẹ còn tiếp tục dồn hết tình yêu thương cũng như giữ niềm tin tưởng tuyệt đối vào phẩm chất, bản lĩnh cách mạng của người chiến sĩ trong mọi hoàn cảnh... Ở đây, các vở diễn phản ánh tình quân dân của Nhà hát Chèo Quân đội đã cho chúng ta thấy tình cảm gắn bó máu thịt giữa quân đội và nhân dân đã trở thành một biểu tượng thiêng liêng, là cội nguồn sức mạnh để dân tộc ta vượt qua muôn vàn thử thách, giành được nhiều thắng lợi. Đặc biệt, trong suốt hành trình đấu tranh giành độc lập và bảo vệ Tổ quốc, mối quan hệ quân dân không chỉ dừng lại ở tình cảm, mà còn được hun đúc thành một giá trị văn hóa, tinh thần cao đẹp, in sâu trong từng trang sử vàng của dân tộc.

Thứ năm, khai thác đề tài về sự tha hóa của người lính trong chiến tranh. Hướng nội dung này tuy không có nhiều vở đề cập đến, nhưng phản ánh cái nhìn đa chiều của các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội khi đi vào đề tài người lính. Có thể thấy rõ ở vở *Đêm trắng* kể về cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong quân đội thời kháng chiến chống Pháp, khi mà bên cạnh những chiến công trên mặt trận, một số cán bộ thoái hóa đã lợi dụng quyền lực để trục lợi, làm ảnh hưởng đến tinh thần chiến đấu của quân đội.

Qua các vở diễn, các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội đã phát huy hiệu quả vai trò của mình trong việc phản ánh đề tài người lính trong chiến tranh cách mạng. Các vở diễn giúp thế hệ hôm nay hiểu hơn về quá khứ hào hùng của dân tộc, nhắc nhở họ về giá trị của hòa bình, về sự trân trọng đối với những người đã ngã xuống.

2.2.1.3. Nhóm đề tài người lính thời hậu chiến

Sau khi đất nước giành được độc lập và thống nhất, những người lính từng vào sinh ra tử trên chiến trường buộc phải đối mặt với một cuộc chiến khác - cuộc chiến với chính cuộc sống thời bình. Họ mang trên mình những vết thương thể xác lẫn tinh thần, phải vật lộn với những định kiến, mất mát, sự xa cách và đôi khi là sự lãng quên của xã hội. Nhóm đề tài này trong Chèo Quân đội không chỉ nhằm tôn vinh những người lính, mà còn đào sâu vào những bi kịch của người lính do hậu quả của chiến tranh. Các vở diễn thuộc nhóm đề tài này có thể kể đến như: *Người trong bóng tối*, *Người tử tù mất tích*, *Chuyện tình bên mái đình xưa*, *Tiếng hát người áo rách*, *Điều động lại sau chiến tranh*, *Bến nước đời người*,...

Các vở diễn của Nhà hát Chèo Quân đội thuộc nhóm đề tài người lính thời hậu chiến đi vào khai thác chủ yếu 06 nội dung sau:

Thứ nhất, khai thác đề tài về những người lính bị nhiễm chất độc da cam. Như vở diễn *Bến nước đời người*, *Chuyện tình người mất tích* đều đi sâu những góc khuất cùng số phận bất hạnh của người lính cùng vợ của người lính trong và sau chiến tranh khi bị nhiễm chất độc da cam. Các vở chèo khắc họa hình ảnh người lính không phải là một huyền thoại bất khả chiến bại, mà là một con người với những nỗi đau rất thật, rất đời thường.

Thứ hai, khai thác đề tài về những người lính bị hiểu lầm, oan khuất trong chiến tranh. Như vở *Những người mẹ* kể về một chiến sĩ bị thương, được mẹ và em gái của một viên trung úy nguy cứu giúp, khiến bị hiểu lầm là phản bội, không dám trở về quê hương, phải sống lưu vong. Hay vở *Người tử tù mất tích* xoáy sâu vào nỗi đau đớn oan ức của những người lính anh hùng, bị hiểu lầm, bị kết án thành tử tù. Bởi vậy, điều mà các nghệ sĩ Chèo Quân đội muốn hướng tới là chúng ta phải sẵn sàng nhìn thẳng vào sự thật, dũng cảm suy xét và nếu sai sẵn lòng nhận lỗi. Đó là thể hiện trách nhiệm cao nhất của người hôm nay với đồng đội, với quá khứ, trả lại công bằng cho những người

lính đã hi sinh xương máu, hạnh phúc, tuổi trẻ vì Tổ quốc.

Thứ ba, khai thác đề tài về những người lính bị thương tật hành hạ sau chiến tranh. Như vở *Người trong bóng tối* phản ánh số phận người lính từng chiến đấu với bọn Phun Rô, trong một lần cứu người bạn Campuchia anh bị thương và mù cả hai mắt. Trở về hậu phương, anh phải đối mặt với cuộc sống không ánh sáng cùng bao tủi cực, mặc cảm và tổn thương tinh thần: từ khó khăn trong sinh hoạt thường ngày đến nỗi cô đơn khi người yêu dần xa cách, rồi bỏ anh để đến với người khác. Bên cạnh đó là hình ảnh những thương binh khác: người mắc bệnh tâm thần, người gửi lại một phần cơ thể nơi chiến trường, người mang về mảnh đạn như một ký ức đau đớn của chiến tranh, mỗi khi trái gió trở gió lại nhức nhối tận xương tủy... Tất cả đã khắc họa nỗi đau thể xác và tinh thần dai dẳng của những người lính sau chiến tranh, đồng thời gọi lên trần trở về cách xã hội và những người xung quanh ứng xử với họ.

Thứ tư, khai thác đề tài về những người lính bất hạnh trong tình yêu hạnh phúc riêng. Như vở *Chuyện tình bên mái đình xưa* có người lính mất liên lạc nhiều năm ròng với người yêu và con bị kẻ xấu cướp đi. Sau chiến tranh, người lính trở về thì mái đầu đã bạc, người yêu đã xuất gia cửa Phật. Hay trong vở *Ngày trở về*, hai chiến sĩ biệt động Sài Gòn đã phải hi sinh tình yêu để tham gia hoạt động cách mạng trong lòng địch, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Qua các vở diễn này, các nghệ sĩ đã cho chúng ta thấy sự hi sinh lớn lao của người lính không chỉ về thể xác, mà còn về tinh thần, về hạnh phúc riêng.

Thứ năm, khai thác đề tài về những người lính bị ám ảnh tâm lý, không thoát ra khỏi ký ức chiến tranh, lạc lõng giữa sự đổi thay của xã hội. Như vở *Người chiến sĩ năm xưa*, *Ngày trở về* là một trong những vở chèo xúc động nhất về hành trình của những người lính đi tìm lại chính mình. Họ từng vào sinh ra tử trên chiến trường, nhưng khi hòa bình lập lại, không thể quay về với cuộc sống bình thường, chọn cách sống lạng lẽ, trông coi nghĩa trang liệt sĩ, để

gần đồng đội và người yêu đã hi sinh. Vở diễn không chỉ tái hiện những nỗi đau mất mát mà còn đặt ra câu hỏi: Hòa bình có thực sự là kết thúc của cuộc chiến? Chiến tranh đã khép lại nhưng những vết thương trong tâm hồn người lính vẫn còn đó. Họ phải đấu tranh với những ký ức ám ảnh, với nỗi cô đơn và những tổn thương không thể chữa lành. *Ngày trở về* là câu chuyện của rất nhiều người lính, những người đã đánh đổi cả thanh xuân cho đất nước nhưng khi trở về không hòa nhập được với xã hội, nỗi đau mất đi người thân, đồng đội, di chứng về những trận đánh khốc liệt vẫn luôn đậm nét trong tâm trí họ.

Thứ sáu, phản ánh đề tài về những người thương binh bị đối xử không công bằng. Như vở *Người trong bóng tối*, người thương binh bị mù lòa còn phải chịu thiệt thòi khi vợ bỏ đi lấy người khác, chính quyền không công nhận những đóng góp, hi sinh của anh...

Đề tài người lính sau chiến tranh trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội đâu chỉ là những câu chuyện về sự vinh danh, mà hơn thế còn là những lát cắt chân thực về cuộc sống của họ khi hòa bình lập lại. Các vở diễn về đề tài người lính thời hậu chiến của Nhà hát Chèo Quân đội đã giúp các thế hệ sau này thấy được sự hi sinh cao quý của biết bao lớp người, bao thế hệ và nhắc nhở cho họ thấy được cái giá phải trả cho cuộc sống hòa bình hôm nay. Trên cơ sở đó, các vở chèo về người lính sau chiến tranh giúp thế hệ trẻ hiểu hơn về quá khứ, đồng thời đặt ra những câu hỏi quan trọng về trách nhiệm của xã hội với những người đã hi sinh cho đất nước.

2.2.1.4. Nhóm đề tài người lính trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Sau khi đất nước giành được độc lập và thống nhất, nhiệm vụ của người lính không còn là trực tiếp chiến đấu trên chiến trường mà chuyển sang một giai đoạn mới: bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và xây dựng đất nước. Dù không còn tiếng bom rơi, đạn nổ như những cuộc chiến trong quá khứ, nhưng nhiệm vụ của người lính trong thời bình vẫn vô cùng quan trọng và đầy thách thức.

Ngay từ năm 1990, Đoàn Chèo Tổng cục Hậu cần đã dàn dựng vở diễn

đề tài người lính theo nội dung này, đó là vở *Người về từ thiên đường* nói về hai nhân vật là bộ đội đã xuất ngũ, trở lại địa phương, đứng trước cơ chế thị trường, đã tích cực lao động, làm giàu và đem đồng tiền chính đáng ấy giúp những người nghèo khó, có hoàn cảnh khó khăn. Đến năm 1997, cũng từ nguồn cảm hứng sáng tạo này, các nghệ sĩ Chèo Quân đội tiếp tục dựng vở diễn *Điều động lại sau chiến tranh* tái hiện hình ảnh người lính, tình yêu, tình đồng đội trong chiến tranh; ca ngợi phẩm chất Bộ đội cụ Hồ với tinh thần dũng cảm, sẵn sàng chiến đấu, hi sinh vì nền độc lập, tự do cho Tổ quốc. Vượt qua những đau thương, mất mát nơi chiến trường, khi trở về cuộc sống đời thường, một bộ phận cựu chiến binh đã gặp không ít khó khăn trong cuộc sống. Tuy nhiên, trên tất cả, họ vẫn phát huy phẩm chất người lính, vượt qua gian lao, vất vả, giữ vững sự đoàn kết, tập trung phát triển kinh tế, góp phần xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Hay vở *Người về nơi đất cũ* năm 2017 cho khán giả thấy người lính thời nay còn tích cực tham gia vào xây dựng cơ sở hạ tầng và bảo vệ môi trường. Bởi lẽ trong thời kỳ hiện đại, những vấn đề khai thác tài nguyên bừa bãi, ô nhiễm môi trường, mất rừng, mất đất canh tác cũng là những mối đe dọa lớn đến an ninh quốc gia. Lực lượng quân đội không chỉ đóng vai trò trong việc bảo vệ lãnh thổ, mà còn tham gia vào các dự án trồng rừng, cứu hộ, cứu nạn, giúp đỡ nhân dân trong thiên tai, bão lũ.

Vở diễn *Đất liền và biển cả* dàn dựng năm 2023, ca ngợi về sự anh dũng hy sinh của người chiến sĩ Hải quân bảo vệ nhà dân DK1.

Từ các vở chèo về đề tài người lính trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, các nghệ sĩ Chèo Quân đội đã cho khán giả thêm nhận thức về người lính Quân đội nhân dân Việt Nam. Đó là những người lính tiếp nối thế hệ đi trước, giàu lòng yêu nước và trách nhiệm với Tổ quốc, hi sinh hạnh phúc riêng tư, đối mặt với hiểm nguy để bảo vệ chủ quyền biển đảo. Đó là những người lính nêu cao tinh thần thượng tôn pháp luật, đấu tranh chống tội phạm và khẳng định cho khán giả thấy: trong bất kỳ thời đại nào, quân đội

cũng là lực lượng nòng cốt trong việc bảo vệ kỷ cương, giữ gìn sự ổn định cho đất nước. Qua đó, chúng ta có thể nhận diện được sự tập trung vào đề tài người lính trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội qua mức độ khai thác của từng nhóm.

Thông qua các đề tài khác nhau về người lính nói trên, có thể thấy rõ tính đảng - phục vụ chính trị vốn là đặc điểm của nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa được thể hiện rõ. Tính đảng - phục vụ chính trị ở đây được đặt trong môi trường quân đội khi các vở diễn đề tài người lính bám sát từng bước đi của cách mạng, nhiệm vụ của Quân đội Nhân dân Việt Nam và hiện thực đất nước: ca ngợi cách mạng và cuộc sống mới (như vở *Ánh sao đầu núi*, *Nguyễn Đức Cảnh*,...); cổ vũ kháng chiến, theo sát từng chiến dịch, biểu dương các chiến công (như vở *Đường lên biên giới*, *Lá thư tiền tuyến*, *Cô thợ chữa pháo*, *Chuyến đò sông Mã*, *Cô thủ kho và bà sư đuổi chuột*,...); phục vụ cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (như vở *Nguyễn Viết Xuân*, *Đường về trận địa*, *Anh lái xe và cô chống lầy*, *Trần Quốc Toản ra quân*, *Rặng trâm bầu*...); cổ vũ cao trào chống Mỹ cứu nước của toàn dân tộc (như vở *Hũ gạo chống Mỹ*, *Nguyễn Chí Thanh – Sáng trong như ngọc một con người*, *Đại đội trưởng của tôi*...); hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa (như vở *Bến nước đời người*, *Chuyện tình người mất tích*, *Người trong bóng tối*, *Những người mẹ*, *Người tử tù mất tích*, *Đêm trắng*, *Chuyện tình bên mái đình xưa*, *Ngày trở về*, *Biển vẫn con đường mòn*, *Người về từ thiên đường*, *Điều động lại sau chiến tranh*, *Người về nơi đất cũ*,...).

2.2.2. Về hình tượng nhân vật

Do số lượng vở diễn đề tài người lính chiếm đa số, nên hình tượng nhân vật trung tâm trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội cũng là người lính qua các thời kỳ lịch sử khác nhau. Khắc họa một cách sinh động, chân thực về đời sống, chiến đấu, lao động, học tập của người chiến sĩ Quân đội nhân dân

Việt Nam, xứng đáng là đội quân chiến đấu, đội quân lao động và đội quân công tác. Hình tượng nhân vật người lính trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội phong phú, đa dạng, vừa mang trong mình đầy đủ đặc điểm tiêu biểu của hình tượng nhân vật hiện thực xã hội chủ nghĩa.

2.2.2.1. *Chân thực, giản dị, đời thường*

Người lính trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội là người anh hùng trong các cuộc chiến, nhưng lại đầy chân thực, giản dị, đời thường, dù ở thời phong kiến hay thời hiện đại.

Hình tượng người lính thời phong kiến trên sân khấu Chèo Quân đội có xuất thân khác nhau. Họ có thể là nông dân như Nguyễn Huệ trong vở *Người anh hùng áo vải* ở vùng Tây Sơn, phủ Quy Nhơn, Bình Định; có thể là con nhà quan lại, nối đời làm quan theo thức thế tập (tức là truyền chức vĩnh viễn qua các đời) như Lý Thường Kiệt trong vở *Ngàn năm tình sử* ở phường Giáo Hòa, thành Thăng Long; có thể là con cháu hoàng tộc như Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản trong vở *Trần Quốc Toản ra quân*, con trai của Trung Thành Vương; hay như Trần Nguyên Hãn trong vở *Sóng dựng Lô giang*, cháu nội của Tư đồ Trần Nguyên Đán - nhà thơ, nhà thiên văn và lịch pháp nổi tiếng cuối thời Trần, cháu nhiều đời của Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải... nhưng lại gần gũi với khán giả ở những khía cạnh riêng tư đời thường. Đó là Trần Quốc Toản mang tuổi trẻ khí thịnh, chỉ vì buồn bực, hờn thẹn không được tham dự Hội nghị Bình Than mà bóp nát quả cam. Đó là Nguyễn Huệ quan tâm đến quân sĩ ăn Tết sớm và kết mối duyên đẹp với công chúa Ngọc Hân. Đó là Lý Thường Kiệt, vào cung làm hoạn quan, gạt đi nỗi đau riêng để gồng gánh giúp vua giữ nước. Đó là Trần Nguyên Hãn anh hùng thời chiến, bị vu oan mưu phản thời bình, phải nhảy xuống sông tự vẫn để chứng minh trong sạch, tài sản, ruộng đất đều bị tịch thu...

Hình ảnh nhân vật người lính trong chiến tranh cách mạng trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội đơn giản, mộc mạc từ những người con chân lấm tay

bùn gấn bó với làng quê, đồng ruộng, sông thật thà, chất phác, đi đánh đuổi giặc thù cứu nước trong gian khổ, hi sinh nhưng vẫn không quên “cây đa, giếng nước, sân đình” thân thuộc... cho đến những trí thức thành thị khoác áo lính với lòng yêu nước thiết tha, ý chí chiến đấu kiên cường, sẵn sàng “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, chiến đấu hết mình cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Họ, những người chiến sĩ, dù hoàn cảnh khác nhau, nhưng đều chung một chí hướng: bảo vệ Tổ quốc. Sự gian khổ, hi sinh của họ được thể hiện rõ nét qua hình ảnh “áo anh rách vai, quần tôi có vài mảnh vá”, nhưng tinh thần dũng cảm, quyết chiến quyết thắng vì độc lập, tự do dân tộc luôn ngời sáng.

Khán giả khó quên anh chiến sĩ vận tải dí dỏm, bình dị, chân chất trong vở *Anh lái xe và cô chống lầy*. Bất chấp gian khổ, chiến tranh, đạn bom ác liệt, anh vẫn tràn đầy tinh thần lạc quan, vui vẻ. Hay trong vở *Đường về trận địa*, trên sân khấu trống trơn, người lính nông dân giản dị với đôi dép cao su, tấm áo mong manh, được khắc họa “từ nhân dân mà ra”, đạp đêm khuya, trời mưa, tìm đường về đơn vị. Anh hỏi đường chị du kích đi họp mừng công ở huyện về quê bằng cách xưng danh: “Tên anh là Trần Văn Nghĩa. Tình nghĩa này là tình nghĩa của nhân dân”. Chị du kích nhớ con. Anh bộ đội nhớ đơn vị. Chị du kích trao cành lá cọ cho anh bộ đội. Anh bộ đội tước lá, kết thành con châu chấu. Chị chèo đò cho anh qua sông. Hai người chia tay, anh gửi chị con châu chấu về làm quà cho cháu nhỏ. Chỉ một cây súng, một mái chèo, một cành cọ, nhưng các nghệ sĩ “đã dựng được một khoảng trời bao la, một tình nghĩa bao la và một tâm hồn bao la giữa quân và dân” [65, tr.127]... Hình ảnh những người lính trên là bước tiếp nối với hình tượng người lính yêu nước trong quá khứ và là mở đầu cho nhân vật chiến sĩ giải phóng quân kiên cường trong cuộc kháng chiến chống Mỹ sau này.

Người lính trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội cũng mơ ước về một tình yêu thủy chung son sắt, về một mái ấm gia đình hạnh phúc ở làng quê. Đó là niềm mơ ước giản dị, chân thực rất đời thường của người lính như bao

người dân khác. Như nhân vật Tiến trong vở *Ánh sao đầu núi*, luôn nhớ lời dặn của mẹ và Ngân trước lúc ra đi, cố gắng chiến đấu để ngày toàn thắng anh được về sum họp gia đình và món quà mộc mạc nhưng thấm đượm tình cảm của Ngân tặng anh là chiếc túi đựng thuốc Lào mà cô khâu từ mảnh vải vụn đã theo anh suốt dặm đường dài. Trong vở *Điều động lại sau chiến tranh*, tình yêu của người lính mộc mạc mà tươi đẹp giữa bom đạn của quân thù. Khán giả không quên hình ảnh khi phải ra chiến trường gấp, Đạt chỉ kịp gửi tặng Bích chiếc khăn dù làm kỷ niệm cùng những lời nhắn gửi mộc mạc nhưng chan chứa yêu thương “*lúc nào mình cũng yêu và nhớ cô ấy*” hay hình ảnh Bích ngồi khâu áo cho con bằng tấm vải dù, mong ước ngày con ra đời, rừng Trường Sơn sẽ che chở cho con khôn lớn. Sự chân thực, giản dị, đời thường của những người lính còn là hình ảnh những gương mặt các cô thanh niên xung phong trong vở *Điều động lại sau chiến tranh* lem luốc khói súng nhưng vẫn toát lên sự hồn nhiên, tinh nghịch của tuổi thanh xuân; là hình ảnh nhân vật Thắng và Quốc lấy khăn dù quấn lên đầu làm tiêu Kính Tâm, người choàng khăn dù làm váy đóng vai Thị Màu và múa hát bài Cầm giá, gây được sự thích thú đối với khán giả bởi sự gần gũi, đáng yêu.

Hình tượng nhân vật người lính thời hậu chiến trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội khi hòa bình lập lại, trở về với đời thường, sống cuộc đời đơn giản, không đòi hỏi chế độ đãi ngộ của nhà nước, mà vẫn vui vẻ với cuộc sống đơn sơ. Những người lính trong vở *Điều động lại sau chiến tranh* buôn trái mưu sinh bằng nghề bán báo, bán vé số sống qua ngày. Những người lính trong vở *Người chiến sĩ năm xưa* lại đoàn tụ với nhau phát triển nông trường Chiến binh, tự làm chủ cuộc đời mình mà không cần dựa dẫm vào một tổ chức nào. Họ là những người anh hùng ở cả thời chiến lẫn thời bình nhưng khoác bên mình sự chân chất, giản dị, mộc mạc như tâm hồn ấm áp của người lính.

2.2.2.2. Thấm đượm tâm hồn và tính cách dân tộc

Dù đi vào đề tài nào, thì hình tượng nhân vật trên sân khấu Nhà hát

Chèo Quân đội luôn thấm đượm tâm hồn, tính cách dân tộc.

Tâm hồn và tính cách Việt Nam được hình thành và phát triển, tích lũy và kết tinh trong mấy nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, được nâng lên tới đỉnh cao trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Biểu hiện rõ nhất của tâm hồn, tính cách dân tộc đó là lòng yêu nước. Lòng yêu nước của dân tộc Việt Nam được hình thành trong suốt chiều dài lịch sử hàng ngàn năm và đã trở thành điểm cốt lõi của bản sắc văn hóa Việt Nam, là sợi dây bền chặt gắn bó, cố kết con người Việt Nam tạo thành sức mạnh chống giặc ngoại xâm, giữ gìn bảo vệ non sông bờ cõi. Chính nhờ sức mạnh diệu kỳ ấy mà dưới ách đô hộ hơn một nghìn năm của phong kiến phương Bắc, dân tộc ta đã không bị khuất phục, không bị đồng hóa mà liên tiếp dựng cờ khởi nghĩa chống quân xâm lược. Lòng yêu nước đã tạo thành sức mạnh giúp ông cha ta nhiều lần đánh thắng những kẻ thù xâm lược lớn mạnh hơn nhiều lần như: Hán, Đường, Tống, Mông - Nguyên, Minh, Thanh, Pháp, Nhật, Mỹ. Thông qua các cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm, lòng yêu nước đã trở thành sợi dây kết nối toàn dân tộc, gắn bó cộng đồng để cùng nhau bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ nền độc lập của dân tộc, không chịu khuất phục trước quân thù, “thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Trong nhiều vở diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, lòng yêu nước luôn thấm đẫm trong máu xương của nhân dân và từng người lính xưa và nay. Cho dù người lính nào đó còn có sự nhỏ nhen, hẹp hòi với đồng đội (như nhân vật Mãi trong *Điều động lại sau chiến tranh*), nhưng lòng yêu nước trong họ vẫn ngời sáng. Đáng chú ý, biểu hiện lòng yêu nước rõ nhất qua hành động của người lính đó là sẵn sàng hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu anh dũng trong mọi hoàn cảnh, cả nước một lòng “giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh”, nêu cao tính cố kết cộng đồng với thể vững của kiềng ba chân, dũng cảm đứng mũi chịu sào trong chiến đấu, tạo nên lớp trai hùng, gái đảm, tre già, măng mọc. Trần Quốc Toàn (trong vở *Trần Quốc Toàn ra quân*), Lý Thường

Kiệt (trong vở *Ngàn năm tình sử*), Ngô Quyền (trong vở *Hùng ca Bạch Đằng Giang*), Nguyễn Huệ (trong vở *Người anh hùng áo vải*), Nguyễn Viết Xuân (trong vở *Nguyễn Viết Xuân*), Đại tướng Võ Nguyên Giáp (trong vở *Đại tướng Võ Nguyên Giáp*), Đại tướng Nguyễn Chí Thanh (trong vở *Sáng trong như ngọc một con người*), Hải (trong vở *Biển vẫn con đường mòn*),... chính là những hình tượng như thế.

2.2.2.3. Tinh thần đồng đội cao đẹp

Hình tượng nhân vật người lính trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội có thể rất khác nhau về tính nết, hoàn cảnh nhưng lại gắn kết với nhau bởi tinh thần đồng đội luôn chia ngọt sẻ bùi, bởi vì chính họ mới cảm nhận được sự quý giá của tình đồng đội trước sự sống và cái chết.

Nhân vật Tiến trong *Ánh sao đầu núi* thấy đồng đội không biết chữ, anh xung phong đọc hộ thư, trong khi bản thân anh không nhận được thư nhà. Anh lấy niềm vui của đồng đội là niềm vui của chính mình, không ngần ngại chia sẻ cùng đồng đội những vui buồn khi nghe thư nhà. Khi biết tốp dân công bị địch bắt giữ và bắt làm bia đỡ đạn ở trên bốt giặc, anh đã không màng đến tính mạng của mình, sẵn sàng vì đồng đội, đồng bào mạo hiểm xông lên giải cứu. Tình đồng đội, đồng chí đã tạo thành sức mạnh đoàn kết, góp phần vào chiến thắng Điện Biên.

Tinh thần đồng đội, đoàn kết, gắn bó keo sơn của hình tượng người lính trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội còn tỏa sáng cả trong thời bình. Họ vẫn sát cánh bên nhau, giúp đỡ nhau vượt qua những khó khăn của cuộc sống và tìm lại công bằng, hạnh phúc cho đồng đội mình. Trong vở *Điều động lại sau chiến tranh*, khi hòa bình lập lại, những người lính năm xưa như Đạt, Thắng, Quốc lại tiếp tục đùm bọc, giúp đỡ nhau, dựa vào nhau trong cuộc sống. Đạt đã tự nhận mình là Mãi để giúp mẹ của Mãi ra đi thanh thản khi nhìn thấy con lần cuối và đã thực hiện lời hứa với Mãi, nuôi con của Mãi khôn lớn. Sáu Thành trong vở *Người chiến sĩ năm xưa* đã cải tạo nơi chiến đấu thành nông

trường Chiến binh, tạo công ăn việc làm cho biết bao đồng đội, giúp đỡ các thương binh và con em của họ có việc làm. Khi Sáu Thành vì chống lại mệnh lệnh cưỡng chế khu rừng, bước vào vòng lao lý, tất cả đồng đội của anh đã quay về để bảo vệ anh, bảo vệ lẽ phải. Trong mọi hoàn cảnh tinh thần đồng đội của người lính vẫn vẹn nguyên, thủy chung, son sắc.

2.2.2.4. Đối mặt với nhiều gian khổ, hi sinh

Hình tượng nhân vật trung tâm trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội – người lính luôn phải nếm trải nhiều gian khổ, thiếu thốn, nhiều nỗi đau mất mát, hi sinh. Song hoàn cảnh khắc nghiệt không quật ngã họ. Tâm hồn họ vẫn toát lên vẻ đẹp kiên trung, đặc biệt là lý tưởng xả thân cho tổ quốc không bao giờ phai nhạt.

Sự gian khổ, hi sinh của nhân vật người lính trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội hiển hiện từ những vở đề tài lịch sử cho đến chiến tranh cách mạng, hậu chiến và hiện đại.

Đó là Lý Thường Kiệt trong vở *Ngàn năm tình sử*, vì tình yêu lỡ làng, vào cung làm hoạn quan, gạt đi nỗi đau riêng để gồng gánh giúp vua giữ nước. Đó là Trần Nguyên Hãn, trong vở *Sóng dựng Lô giang*, anh hùng thời chiến, bị vu oan mưu phản thời bình, phải nhảy xuống sông tự vẫn để chứng minh trong sạch, tài sản, ruộng đất đều bị tịch thu...

Đó là Sáu Thành trong vở *Người chiến sĩ năm xưa* đã tận mắt chứng kiến cảnh “những cái chết xương trắng giữa rừng”; và một người lính đã đánh dư vài chục trận như Sáu Thành, đã bao lần “phải tiễn đưa biết bao anh em đồng đội về một cõi khác”. Giữa chiến trường ác liệt, sự hi sinh của đồng đội càng làm sôi sục tinh thần quyết chiến của những người lính, chiến đấu để bảo vệ tổ quốc, chiến đấu để trả thù cho quê hương và đồng đội mình.

Nhân vật Tiến trong *Ánh sao đầu núi* phải chịu cảnh bị áp bức, bóc lột nặng nề, cuộc sống đói khổ làm than, tính mạng luôn bị đe dọa dưới nòng súng của quân giặc, khiến anh không khỏi đau xót “tiếng súng từ bất nào

vọng lại, rơi vào nhà ai, ai mắc nạn đêm nay rồi”. Anh quyết tâm đi theo cách mạng, với mong muốn giải phóng cho quê hương mình.

Hình tượng người lính Lãng trong *Bến nước đời người* là một cựu chiến binh trở về sau chiến tranh với di chứng chất độc da cam. Bi kịch của anh không chỉ dừng lại ở việc mất đi sức khỏe, mà còn ở việc bị xã hội kỳ thị khi những đứa con sinh ra không được như người bình thường. Nỗi đau của Lãng không chỉ là thể xác, mà còn là tinh thần, khi chính người thân cũng hoài nghi và xa lánh anh. Hình tượng người lính trong vở diễn này là minh chứng cho những tổn thương kéo dài mà chiến tranh để lại.

Nhân vật Mai Tấn Hồng *Người tử tù mất tích* bị bắt, bị thương, bị lĩnh án tử hình, khi trở về quê thì mất vợ, mất con, mất luôn cả lòng tin của những người thân, bị đẩy vào tình thế khắc nghiệt tương chừng như không thể đứng vững nổi. Nhưng từ trong sâu thẳm của tâm hồn người lính, Mai Tấn Hồng vẫn giữ được niềm tin bất diệt vào những điều tốt đẹp của xã hội.

Tương tự, vở *Những người mẹ* xây dựng hình tượng nhân vật Trường - một người lính bị tổn thương cả về thể xác lẫn tinh thần sau chiến tranh, đã phải sống trong sự hiểu lầm của xã hội và gia đình khi cho rằng anh là kẻ phản bội. Không thể thanh minh trong sạch cho mình, anh phải sống lưu vong. Những khổ đau vì oan ức và xa xứ đè nặng tâm hồn người lính. Nhưng trong anh vẫn không mất đi phẩm chất tốt đẹp của người lính cụ Hồ.

Ngày trở về lại tập trung vào Trần Đức và Bảo Yến - những người lính hoạt động tình báo, những người đã hi sinh cả cuộc đời cho nhiệm vụ mà không thể có được một cuộc sống cá nhân trọn vẹn. Họ yêu nhau, nhưng phải gạt tình riêng vì nhiệm vụ. Bảo Yến đã anh dũng hi sinh. Còn nhân vật Trần Đức sau khi hoàn thành nhiệm vụ và trở về, không còn nơi nào để thuộc về. Anh tìm đến nghĩa trang liệt sĩ, lập một ngôi mộ gió cho người đồng đội yêu thương của mình, như một cách để lưu giữ kỷ niệm và thể hiện lòng trung nghĩa. Vở diễn đặt ra câu hỏi sâu sắc về giá trị của hòa bình và sự ghi nhận

dành cho những con người đã hi sinh cả tuổi trẻ vì đất nước.

Trong *Người trong bóng tối*, nhân vật chính là anh thương binh Sơn bị mù lòa. Anh phải sống trong sự chăm sóc, chào đón giả tạo của người thân. Trong thế giới bóng tối, Sơn dần dần tìm thấy ánh sáng của sự thật. Anh đau đớn nhận ra mẹ nói dối vì thương mình, anh trai lừa mình vì muốn lợi dụng mình “đổ vổ” cho cái thai trong bụng bạn gái mình - kết quả ngoại tình của anh ta. Sơn vừa phải đấu tranh với hoàn cảnh sống trong bóng tối, vừa phải đấu tranh để giữ phẩm chất trung thực, vị tha, cao thượng của người lính cụ Hồ.

Trong vở *Chuyện tình bên mái đình xưa*, nhân vật chính là Kiên bị kẻ ác chia duyên rẽ thùy với người yêu là Luyến. Anh đi theo kháng chiến, thành bộ đội cụ Hồ, lạc mất người yêu bao năm ròng rã, đứa con bị kẻ xấu cướp đi. Kiên vẫn thăm lặng hi sinh tình nhà vì nghĩa nước. Đến khi trở về mái đầu đã bạc gió sương, người trong lòng đã quy y cửa Phật. Anh bộ đội Kiên giống muôn vàn người lính khác ngoài đời thực. Lạc vợ, mất con, nhưng người chiến sĩ ấy vẫn không hề nhụt chí, biết đấu tranh tìm lại hạnh phúc của mình, lại nhân hậu nuôi con của kẻ thù đã gây bao tội ác. Anh bộ đội Kiên xuyên suốt vở diễn không có mùi thuốc súng, mà chất phác, đôn hậu, nghĩa tình. Trong anh hòa quyện máu thịt một tình yêu đất nước, tình yêu đôi lứa, tình đồng đội gắn bó. Những hi sinh của anh đã được đền bù xứng đáng bởi sự trân trọng của nhân dân, sự đoàn tụ của gia đình và sự trả giá của kẻ ác.

Có thể thấy rằng, các nhân vật người lính trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội đều nếm trải qua những gian khổ, mất mát, hi sinh trong hoàn cảnh chiến tranh. Từ những gian khổ, mất mát, hi sinh đó, phẩm chất cao đẹp của người lính càng được tỏa sáng.

2.2.2.5. Phẩm chất anh hùng

Hình tượng nhân vật trung tâm trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội – những người lính luôn mang trong mình những phẩm chất anh hùng qua mọi thời đại.

Hình tượng nhân vật người lính thời phong kiến trên sân khấu Chèo Quân đội đều là những vị danh tướng có tài mưu lược, tầm nhìn xa trông rộng và giành được nhiều chiến công lẫy lừng.

Đó là hình tượng nhân vật Thái úy Lý Thường Kiệt đã tài tình chỉ huy quân và dân ta giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến quân Tống xâm lược diễn ra trên phòng tuyến Như Nguyệt thuộc địa phận Bắc Ninh ngày nay. Nhờ vị trí đặc địa của phòng tuyến Như Nguyệt mà chỉ sau vài tháng, quân dân nhà Lý dưới sự chỉ huy của dũng tướng Lý Thường Kiệt đã chặn đứng 10 vạn quân xâm lược nhà Tống, mang lại thắng lợi toàn diện cho Đại Việt. Cũng chính trên chiến trường phòng tuyến sông Cầu, giữa lúc cuộc chiến đang diễn ra vô cùng quyết liệt, vào một đêm, Lý Thường Kiệt sai người tâm phúc đọc vang bài thơ *Nam quốc sơn hà* trong đền thờ Trương Hống, Trương Hát. Bài “thơ thần” truyền đi đã có một sức mạnh kỳ lạ, làm nao núng tinh thần quân địch, làm tăng nhuệ khí và thêm sức chiến đấu cho quân ta, trực tiếp góp phần làm xoay chuyển cục diện cuộc chiến, tạo điều kiện cho cuộc phản công chiến lược của quân ta giành thắng lợi quyết định, mở ra giai đoạn phát triển cường thịnh của quốc gia Đại Việt thế kỷ XI, là tiền đề phát triển rạng rỡ của nền văn hóa Việt Nam.

Đó là hình tượng nhân vật Trần Quốc Toản, trong lứa tuổi thiếu niên, đã hùng hực khát vọng đánh giặc cứu nước. Vua Trần mở Hội nghị Bình Than để bàn kế chống quân Nguyên lần thứ hai, Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản còn trẻ tuổi, không cho dự bàn, trong lòng phần kích, tay cầm quả cam, bóp nát lúc nào không biết. Sau đó Quốc Toản lui về, huy động hơn nghìn gia nô và thân thuộc, sắm vũ khí, đóng chiến thuyền, viết lên cờ sáu chữ: “Phá cường địch, báo hoàng ân” (Phá giặc mạnh, báo ơn vua). Sau này, khi đối trận với giặc, tự mình xông lên trước quân sĩ, giặc trông thấy phải lui tránh, không dám đối địch.

Đó còn là hình tượng Quân – Người chiến sĩ Hải quân, có bố là liệt sĩ,

được ưu tiên ở lại đất liền nhưng anh vẫn sẵn sàng xin nhận nhiệm vụ nơi nhà dàn DK1 đầy hiểm nguy, gian khó, và đã anh dũng hy sinh để bảo vệ nhà dàn – chủ quyền biển đảo thiêng liêng của tổ quốc. Đó còn là nhân vật Hoàng trong vở *Vùng trời bình yên* (2025), một học viên cảnh sát ra trường với tấm bằng xuất sắc, bỏ lại thành phố sau lưng, xung phong lên nhận công tác ở vùng biên giới xa xôi, nhiều khó khăn, thiếu thốn với khát vọng, ước mơ cống hiến sức trẻ, bảo vệ bình yên cho tổ quốc.

Phẩm chất anh hùng, sẵn sàng hi sinh vì tổ quốc và nhân dân của những người lính trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội luôn ngời sáng. Phẩm chất anh hùng đó càng được tô đậm qua các nhân vật người lính ở mọi thời điểm, mọi không gian và tính chất của cuộc chiến, thể hiện giá trị cao quý nhất của anh bộ đội cụ Hồ, đó là: Trung với nước, hiếu với dân, sẵn sàng hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

2.2.2.6. *Tinh thần lạc quan cách mạng*

Trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt hay trong thời bình, những người lính dù phải đối mặt với bao thiếu thốn, gian khổ, hi sinh, nhưng ở họ không bao giờ phai nhạt ý chí quyết tâm chiến đấu cao độ với ước mơ về ngày đất nước được hòa bình, thống nhất, được sum họp gia đình. Chính lòng lạc quan cùng tình yêu nước, lý tưởng cách mạng đã giúp người lính đứng vững như “thành trì Tổ quốc”.

Trước cảnh nước mất nhà tan, nhân vật Tiến nói với Ngân trong vở *Ánh sao đầu núi* quyết tâm chiến đấu chống giặc và lạc quan, tin tưởng vào tương lai: “Ta phải đứng lên để giải phóng quê hương” và “Anh tin rồi đây quê mình sẽ được tự do em ạ!”. Người lính khẳng định mơ ước của mình sẽ thành hiện thực khi có “ánh sao đầu núi” dẫn đường. Lúc đó, cuộc sống của người dân sẽ “có người vui chim ca suối hát, ăn sắn ăn khoai mà tươi mà mát, mà ấm mà êm mà làng xóm thuận hòa”. Chính tinh thần lạc quan cách mạng đó mà Tiến càng

quyết tâm lên đường vào chiến trường Điện Biên, kiên trì với mục tiêu lý tưởng mà anh đã chọn: “Anh lên Tây Bắc, anh vào bộ đội, anh theo Bác Hồ”.

Trong chiến trường, đối đầu với mưa bom bão đạn từ quân thù, đối diện với cái chết nhưng người lính vẫn dũng cảm với một niềm tin mãnh liệt vào tương lai tươi sáng. Sáu Thành trong vở *Người chiến sĩ năm xưa* và đồng đội của anh ngày đêm chiến đấu trên mảnh đất giáp ranh với quân địch, sự sống và cái chết chỉ cách nhau trong gang tấc nhưng các anh luôn lạc quan, tin tưởng vào “một ngày mai không còn chiến tranh, một ngày mai yên bình và chúng mình còn sống” và “mong đến ngày bình yên, Bắc - Nam sum họp hai miền”, thống nhất đất nước, không còn cảnh chia cắt, không còn cảnh người dân bị mất tự do, đến lúc đó nhà nhà được sống trong yên bình, hạnh phúc. Khi gặp phải những con người xấu xa, hèn kém, vụ lợi cá nhân đang hiện hữu trong hàng quân của mình, Sáu Thành đã trấn trở vì những vết nhơ vẫn đục đã lẫn trong đồng đội anh em, nhưng rồi nỗi buồn đó bị xóa bỏ vì “cuộc chiến này cần những người như anh” và “hãy giữ vững lòng tin về những điều tốt đẹp” bởi đất nước còn cần các anh - những người cầm súng, các anh phải giữ vững lòng tin, không để bị ảnh hưởng bởi một điều nhỏ nhoi, chiến tranh chưa kết thúc và tương lai tươi sáng đang chờ họ.

Chính tinh thần lạc quan cách mạng đã khiến hình tượng nhân vật trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội mang chất sử thi, lãng mạn. Sở dĩ như vậy bởi lẽ trong những năm tháng cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cả dân tộc tung bừng khí thế: “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước, Mà lòng phơi phới rộn tương lai”. Một thế hệ anh hùng lớn lên và trưởng thành, tự giác cao về sứ mệnh cứu nước. Họ là “Những người con gái, con trai, Đẹp hơn hoa hồng, cứng hơn sắt thép, Chia tay không hề rơi nước mắt” (Nam Hà). Họ ra trận với lòng căm thù giặc sâu sắc, với ý thức bảo vệ quê hương, với sứ mệnh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tất cả trái tim và khối óc của họ đều hướng ra tiền tuyến, quên đi tất cả những toan tính riêng tư, không sợ hi sinh,

gian khổ để vì độc lập tự do của Tổ quốc. Trên cơ sở đó, những cảm hứng sử thi, lãng mạn tràn ngập trong nhân vật trung tâm là những người lính trẻ trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội, là động lực khích lệ những khán giả - người lính tiến lên và tin vào chiến thắng, vào tương lai độc lập, tự do, hạnh phúc.

2.2.2.7. *Hòa trộn giữa tính chính trị, tính chiến đấu và tính nhân văn*

PGS.TS Trần Trí Trắc trong bài viết “Bản sắc của Nhà hát Chèo Quân đội” đã nhận định:

“Ở mỗi tác phẩm, mỗi hình tượng nghệ thuật của người lính ấy đã được thể hiện đậm tính chính trị, tính chiến đấu và tính nhân văn cao cả. (...) tính chính trị trong hình tượng nghệ thuật chèo của Quân đội không chỉ là lý trí, mà còn là tình cảm của người chiến sĩ - nghệ sĩ. Nhờ có tính chính trị ấy, các chiến sĩ - nghệ sĩ có được điểm tựa vững vàng, đứng đắn để nhận thức, khám phá, đánh giá cuộc sống chiến đấu, nhằm xây dựng nên những hình tượng điển hình. Tính chiến đấu (...) chính là cái đẹp đã gắn liền và đồng nghĩa với cái chân - thiện - mỹ ở đời. Thông qua tính chiến đấu này của hình tượng, khán giả có thể nhận thức được khá sâu sắc về những quy luật của mối quan hệ giữa con người với con người, giữa người lính với nhân dân, giữa cái xấu với cái đẹp, giữa cái sống với cái hi sinh, giữa mình với mọi người một cách biện chứng. (...) Còn tính nhân văn cao cả (...) chính là tư tưởng độc lập, tự do trong nhân cách của “bộ đội Cụ Hồ” và “bộ đội Cụ Hồ” quyết chiến đấu đến cùng để bất kể kẻ thù phải thừa nhận quyền được hưởng độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam. (...) Nhờ đó, các hình tượng nhân vật trong các vở chèo (...) không bị ngăn cách bởi không gian, thời gian mà đã cùng sống động với những hương vị chung ở chiến trường Chèo Quân đội và đã để lại nhiều dấu ấn sâu đậm trong tâm khảm của đông đảo khán giả - người lính” [90].

Lý giải cho sự hòa trộn của tính chính trị, tính chiến đấu, tính nhân văn cao cả trong hình tượng nghệ thuật của Nhà hát Chèo Quân đội, PGS.TS Trần Trí Trắc cho rằng:

“Trong mỗi hình tượng nghệ thuật chèo đã chứa đựng được và thống nhất được ba mối quan hệ biện chứng: hiện thực chính trị của Quân đội nhân dân Việt Nam với hiện thực chiến đấu của người chiến sĩ trên khắp các mặt trận và hiện thực sáng tạo của người nghệ sĩ mặc áo lính. Hiện thực chính trị của Quân đội nhân dân Việt Nam là sứ mệnh thiêng liêng của bộ đội Cụ Hồ, được Đảng, Bác Hồ và nhân dân giao phó, thành kim chỉ nam, khuynh hướng tư tưởng, hành động cho mọi tác phẩm chèo. Còn hiện thực chiến đấu của người chiến sĩ trên khắp các mặt trận là đời sống sinh động, nguồn cảm hứng vô tận cho mọi nội dung của hình tượng nghệ thuật chèo. Và hiện thực sáng tạo của nghệ sĩ mặc áo lính là hoàn cảnh, điều kiện, khả năng của nghệ sĩ thành sắc thái, hương vị, hình thức phong phú, đa dạng cho nghệ thuật Chèo Quân đội. Ba phạm vi hiện thực trên đã trở thành ba nhân tố cơ bản vừa tồn tại độc lập, vừa là hợp thể tác động qua lại lẫn nhau, xâm nhập vào nhau để tạo thành phẩm chất của phong cách độc đáo trong chèo Quân đội. Vì vậy, Chèo Quân đội, bằng ba nhân tố cơ bản nội tại của mình, đã có thể tiếp cận được tới bất kỳ đề tài nào, dù là lịch sử, dã sử và huyền thoại, cổ tích, dân gian hay hiện đại và nếu trong sáng tạo nào mà thiếu một trong ba nhân tố đó hoặc chúng bị tách biệt nhau, mâu thuẫn nhau, phủ định nhau thì sẽ không phải là Chèo Quân đội”[90].

Trên cơ sở đó, những hình tượng nhân vật được các nghệ sĩ Chèo Quân đội xây dựng phần lớn là hình tượng điển hình với tính cách dường như kết tinh đầy đủ những phẩm chất cao quý của người lính Quân đội Nhân dân Việt

Nam, nên các nghệ sĩ không phải nhân danh cá nhân, mà nhân danh cộng đồng để khẳng định, ngợi ca họ. Bởi lẽ, trong cuộc chiến tranh vô cùng ác liệt, đương đầu với kẻ thù hung ác và hùng mạnh nhất thời đại đã khiến cả dân tộc phải thống nhất muôn người như một. Hơn nữa, là đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam, mang sứ mệnh bảo vệ Tổ quốc, do vậy, đối tượng để các nghệ sĩ tìm tòi, phản ánh không phải là cái riêng, cái khác biệt, mà là cái tiêu biểu chung cho cả dân tộc. Điều này lí giải vì sao nhân vật Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Toản, Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh... đâu phải là những cá nhân, mà là nhân dân vĩ đại, là đất nước đứng lên, là sự vùng dậy của đất nước Việt Nam yêu dấu...

Trong *Rặng trâm bầu*, “tổ tam tam” Tư Đục, Năm Mộc, Sáu Quy - đã cùng hàng vạn, hàng triệu người dân tham gia đội quân cách mạng. Họ đại diện cho lính biệt động, lính đặc công hoặc dân quân, du kích trong những năm tháng chiến tranh chống Mỹ ác liệt. Dù hoạt động bí mật ở “cứ”, trên “rú”, đấu tranh công khai (phản đối bắt người vô cớ, phản đối di dân vào ấp...), thực hiện các nhiệm vụ bí mật (đánh tàu tuần tra, bao vây chặn địch...) hay dò la tin tức qua việc bơi ghe câu cá..., họ đều thể hiện sự mưu trí, tinh thần dũng cảm, không ngại nguy hiểm, gian khổ, sẵn sàng chiến đấu, hi sinh vì Tổ quốc. Những người con của miền Nam “thành đồng Tổ quốc” xác định rất rõ: “Đất nước đang có chiến tranh, chuyện mất mát hi sinh cũng là bình thường” (lời của Tư Đục). Trong họ, niềm tin vào chiến thắng của cách mạng, của chính nghĩa, niềm tin vào một ngày mai tươi sáng khi đất nước độc lập, thống nhất luôn dạt dào, đầy ắp như sông nước miền Nam bao la: “Ủng hộ cho cách mạng, đến ngày thống nhất đất nước, lúc đó nỗi khổ sẽ vui đi” (lời của Năm Mộc). Và, tất cả những con người đó, suy nghĩ và hành động đó, sự đoàn kết thống nhất đó đã làm nên sức mạnh vô địch của dân tộc ta chiến thắng kẻ thù, đem lại ấm no cho mọi người, như câu hò Nam Bộ của người chiến sĩ cách mạng Ngọc Hiệp xuyên suốt vở diễn: “*Chung nhau uống một*

dòng sông, Theo lính quốc gia thì xương tan thối nát, Mà theo cách mạng hạnh phúc ấm no”.

Nhân vật Hải trong vở *Biển vẫn con đường mòn* đã bỏ lại giấy gọi đi học ở Liên Xô để lên đường theo tiếng gọi của non sông, theo con đường của ông nội và bố đã đi. Ban đầu còn những bỡ ngỡ, nhưng Hải đã trưởng thành qua từng chuyến tàu và trở thành một thuyền trưởng mưu trí, bản lĩnh, thực hiện nhiều chuyến đi an toàn. Khi đối mặt với kẻ thù, anh cùng đồng đội đã chiến đấu dũng cảm và khi chỉ còn một phương án cuối, anh là người ở lại hi sinh cùng với con tàu - người anh em của mình trong niềm tự hào: “Thật đau lòng khi để bạn yên nghỉ dưới lòng biển sâu... Hỡi người bạn của tôi, thật vinh dự khi được cùng sống, cùng chết với bạn”. Cùng với Hải, còn có Đức - một thuyền trưởng bản lĩnh, hiểu biết, dày dặn kinh nghiệm; Nậm đã tự cầm dao chặt chân bị thương đi cho đỡ vướng để tiếp tục chiến đấu đến hơi thở cuối cùng; Thường cái gì cũng bình thường nhưng làm được những việc phi thường... Qua họ, khán giả nhận thấy trong những chuyến tàu không số, không chỉ là hàng hóa, vũ khí, con người chi viện cho miền Nam, đó còn là tình cảm của những chiến sĩ trên tàu với bà con nơi tàu cập bến bờ; của đồng bào hai miền Nam-Bắc dành gửi cho nhau; trong đó có cả tình đồng chí, đồng đội, tình yêu đôi lứa... Tính chính trị, tính chiến đấu và tính nhân văn hòa quyện trong hình tượng nhân vật trung tâm là người lính trên sân khấu Chèo Quân đội làm cho các vở diễn có chiều sâu tư tưởng, chân thực và nghiêm túc.

2.2.3. Về chủ đề tư tưởng

2.2.3.1. Ca ngợi người lính trong mọi hoàn cảnh

Các vở diễn của Nhà hát Chèo Quân đội đều chủ yếu đi vào chủ đề tư tưởng ca ngợi người lính trong mọi hoàn cảnh với những phẩm chất cao đẹp, nhân cách kiên trung và lòng trung thành với Tổ quốc. Bởi lẽ Nhà hát Chèo Quân đội, với sứ mệnh nghệ thuật phục vụ quốc phòng, coi việc đề cao những giá trị cốt lõi của người lính: tinh thần trách nhiệm, dũng cảm, tình yêu

nước và sự hi sinh thầm lặng... là nhiệm vụ trọng tâm để tuyên truyền chính trị, cổ vũ chiến đấu, khơi dậy niềm tự hào dân tộc, lòng trung thành với Tổ quốc và nhân dân, ý thức kỷ luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Những phẩm chất này không chỉ hiện diện trong thời phong kiến, trong chiến tranh cách mạng, mà còn tỏa sáng trong thời bình, khi người lính tiếp tục đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Các vở diễn trên sân khấu Chèo Quân đội hướng đến ca ngợi người lính ở nhiều khía cạnh khác nhau, phản ánh những thử thách và trọng trách mà họ phải gánh vác trong từng giai đoạn lịch sử. Các vở *Trần Quốc Toản ra quân*, *Người anh hùng áo vải*, *Hùng ca Bạch Đằng giang*, *Sóng dựng Lô giang*... đã cho người xem thấy “những tượng đài sừng sững, cao đẹp” những vị tướng tài ba, có tầm nhìn chiến lược, biết thu phục lòng dân, luôn đặt lợi ích quốc gia lên trên hết: từ Trần Quốc Toản giương cao ngọn cờ “Phá cường địch, báo hoàng ân”, Lý Thường Kiệt chọn tấn công để lấn át khí thế quân thù; Trần Hưng Đạo chọn cách rút lui để lật ngược tình thế: chủ động tránh sức mạnh địch, kéo địch vào trận tuyến chiến tranh toàn dân và đại phá; cho đến Nguyễn Huệ tuyên thệ “Đánh cho để dài tóc/ Đánh cho để đen răng/ Đánh cho nó chích luân bất phản/ Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn/ Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ”... Qua đó, các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội không chỉ tái hiện hình mẫu nhà lãnh đạo quân sự, mà còn nhấn mạnh tầm quan trọng của nhân cách và đạo đức trong việc dẫn dắt quân đội, đất nước.

Ở đây, Nhà hát Chèo Quân đội đã thành công trong việc xây dựng các vở diễn với chủ đề tư tưởng ca ngợi người lính với đầy đủ các phẩm chất cao đẹp: từ lòng dũng cảm, tinh thần chiến đấu kiên cường, đến sự nhân hậu và lòng trung thành với nhân dân. Điều này không chỉ giúp khán giả hiểu hơn về vai trò của quân đội trong bảo vệ đất nước, mà còn truyền cảm hứng cho thế hệ trẻ noi gương những tấm gương sáng ngời trong lịch sử dân tộc.

Nhìn nhận về việc đề cao, ca ngợi người lính, ông Nguyễn Thế Phiệt đã

khẳng định:

“Việc thể hiện hình tượng anh bộ đội trong thời đại mới tuy khó, nhưng không phải là không làm được. Đoàn Nghệ thuật Chèo Tổng cục Hậu cần đang làm hết sức mình để tiếp tục xây dựng những vở chèo mới mà anh bộ đội cụ Hồ là hình tượng trung tâm. Hình tượng anh bộ đội trên sân khấu Đoàn Chèo Tổng cục Hậu cần luôn luôn ngời sáng những phẩm chất cao quý, vốn có trong đời thực. Đó là những chiến sĩ anh dũng, vì nghĩa lớn không ngại hi sinh, cũng là những người con hiếu thảo, những người chồng, người cha mẫu mực, những người đồng chí chân tình... Họ vừa trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng chiến thắng, lại vừa là người có tâm hồn Việt Nam phong phú và rộng mở” [65, tr.114].

2.2.3.2. *Đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước*

Trong kháng chiến chống Mỹ, Nhà hát Chèo Quân đội coi nghệ thuật là vũ khí tinh thần, vừa phản ánh hiện thực, vừa cổ vũ ý chí chiến đấu. Các vở diễn tập trung vào ba phương diện:

Thứ nhất, tố cáo tội ác và phủ định chế độ phong kiến, thực dân, đế quốc, đồng thời lên án bọn bán nước, tay sai. Nghệ thuật trở thành công cụ phê phán mạnh mẽ, khẳng định lẽ chính nghĩa của dân tộc. Trong giai đoạn cuối những năm 1980, Nhà hát Chèo Quân đội đã dàn dựng nhiều vở diễn mang tính chất tố cáo mạnh mẽ những thế lực cường quyền, qua đó khẳng định tiếng nói phản kháng và tinh thần dân tộc. Các tác phẩm như *Chiếc bóng oan khiên* của NSND Doãn Hoàng Giang, *Chuyện người xưa của Xuân Huyền* hay *Tình yêu YẾN Hoa* của NSƯT Bùi Đức Hạnh đều chung một mạch cảm hứng phê phán chế độ phong kiến mục ruỗng, đồng thời vạch trần sự cấu kết giữa thế lực thống trị trong nước với bọn ngoại bang xâm lược. Trong *Chiếc bóng oan khiên*, bóng tối oan trái bao phủ số phận

con người không chỉ bởi sự tàn bạo của tầng lớp quan lại phong kiến mà còn bởi sự dung dưỡng của một trật tự xã hội bất công, nơi dân lành trở thành vật hi sinh cho lợi ích của kẻ thống trị. *Người trong bóng tối* lại dựng lên hình ảnh xã hội đen tối, nơi những kẻ tay sai, bán nước cầu vinh tiếp tay cho thực dân, biến người dân thành những thân phận nô lệ ngay trên chính mảnh đất quê hương mình. Còn *Tình yêu Yên Hoa* không chỉ kể một câu chuyện tình bi thương mà còn là lời cảnh báo về bi kịch của cả một thế hệ khi bị kìm kẹp bởi hủ tục, bởi sự thối nát của xã hội phong kiến và bóng dáng kẻ thù ngoại bang. Từ tình riêng của nhân vật, vở diễn mở ra mối liên hệ lớn lao hơn: tình yêu đất nước, tình yêu tự do không thể dung hòa với áp bức, phản bội và cường quyền. Có thể thấy, qua cả ba tác phẩm, Nhà hát Chèo Quân đội đã khẳng định dứt khoát thái độ phê phán, phủ định chế độ phong kiến và thực dân, đồng thời chĩa mũi nhọn tố cáo trực diện vào bọn bán nước và cướp nước. Đây không chỉ là tiếng nói nghệ thuật mà còn là tiếng nói chính trị, góp phần khơi dậy ý thức dân tộc, bồi đắp tinh thần phản kháng trong lòng công chúng đương thời.

Thứ hai, khơi dậy tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh, tiêu biểu qua những vở diễn xây dựng hình tượng các lãnh tụ cách mạng, trí thức yêu nước, hay thanh niên học sinh dũng cảm. Các vở diễn của Nhà hát Chèo Quân đội trong thập niên 1990 tiếp tục khẳng định tiếng nói sử thi của nghệ thuật chèo hiện đại, hướng mũi nhọn vào việc khơi dậy tinh thần dân tộc, khát vọng độc lập và sức mạnh đoàn kết của nhân dân. Tiêu biểu là *Người tử tù mất tích* của NSND Doãn Hoàng Giang và *Ánh sao đầu núi* của NSND Lê Hùng. Nếu như *Người tử tù mất tích* tái hiện hình ảnh những người anh hùng kiên trung, đấu đối diện với tù đầy, tra tấn và cái chết vẫn một lòng vì dân, vì nước, thì *Ánh sao đầu núi* lại là bản hùng ca về sự hi sinh và ý chí quật cường của dân tộc trong hành trình bảo vệ non sông. Hai vở diễn không chỉ khắc họa tinh thần quả cảm, lòng yêu nước cháy bỏng của những chiến sĩ vô danh mà còn cất lên lời hiệu

triệu đến mọi tầng lớp nhân dân: hãy đồng lòng, chung sức đứng lên giành lấy độc lập và bảo vệ Tổ quốc. Thông qua mạch kể giàu kịch tính, hình tượng nhân vật bi tráng và sự kết hợp giữa nghệ thuật truyền thống với cảm hứng hiện đại, Nhà hát Chèo Quân đội đã biến những trang sử đấu tranh của dân tộc thành những lát cắt sân khấu đầy xúc động, vừa là lời tri ân với quá khứ, vừa là ngọn lửa hun đúc ý chí tự cường cho các thế hệ sau. Như vậy, các tác phẩm không chỉ dừng lại ở việc tái hiện tinh thần đấu tranh mà còn khẳng định sứ mệnh của sân khấu chèo: trở thành tiếng nói hiệu triệu, khơi dậy và nhân lên lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc trong lòng khán giả đương thời.

Thứ ba, khẳng định chủ nghĩa anh hùng toàn quân và toàn dân. Nhiều vở diễn khắc họa hình tượng người lính, nhân dân và phụ nữ trong chiến tranh: người chiến sĩ kiên trung, nhân dân bất khuất, hậu phương bền bỉ. Trong tiến trình sáng tác, Nhà hát Chèo Quân đội không chỉ dừng lại ở việc phơi bày tội ác kẻ thù hay khơi dậy lòng yêu nước, mà còn đi xa hơn khi xây dựng những tượng đài nghệ thuật về chủ nghĩa anh hùng toàn quân và toàn dân, như một bản anh hùng ca bất tận của dân tộc. Tiêu biểu là vở *Người anh hùng áo vải* (1999), nơi hình tượng người anh hùng nông dân đứng lên từ trong gian khổ, lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa chống áp bức, trở thành biểu tượng của sức mạnh tập thể. Đến *Đồng đội* (2004), chủ nghĩa anh hùng không chỉ được phản ánh ở tầm vóc cá nhân mà còn lan tỏa thành tình đồng chí, đồng đội keo sơn, nơi mỗi người lính là một mắt xích trong sức mạnh tổng hợp của cả quân đội, làm nên những chiến công hiển hách. Tiếp nối mạch nguồn ấy, *Con đường năm ấy* (2005) khắc họa hành trình chiến đấu đầy gian khổ nhưng kiêu hùng, trong đó sự hi sinh của từng con người hòa quyện thành con đường chiến thắng chung của dân tộc. Điểm chung của cả ba vở diễn là đã nâng tầm hình tượng người lính và nhân dân thành những biểu trưng rực rỡ của chủ nghĩa anh hùng cách mạng: kiên cường, bất khuất, dám hi sinh vì lý tưởng lớn lao. Bằng nghệ thuật chèo kết hợp yếu tố hiện đại, Nhà hát đã khắc

họa được bức tranh hoành tráng của một dân tộc biết đồng lòng, toàn quân toàn dân một ý chí, một niềm tin, tạo nên sức mạnh vô địch. Từ đó, các vở diễn không chỉ tôn vinh quá khứ hào hùng mà còn nhấn mạnh giá trị bền vững của chủ nghĩa anh hùng như một nguồn lực tinh thần to lớn, trường tồn cùng dân tộc Việt Nam.

Có thể thấy, từ việc phơi bày tội ác và phủ định chế độ phong kiến, thực dân, đế quốc; đến việc khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần đấu tranh giành độc lập; và cuối cùng là xây dựng hình tượng chủ nghĩa anh hùng toàn quân, toàn dân, các tác phẩm của Nhà hát Chèo Quân đội đã tạo nên một mạch nguồn tư tưởng xuyên suốt, phản ánh đầy đủ sức sống của lịch sử và tinh thần dân tộc Việt Nam. Nghệ thuật chèo trong tay các đạo diễn, nghệ sĩ không chỉ dừng lại ở chức năng giải trí, mà đã trở thành một vũ khí tư tưởng, một công cụ phê phán và khẳng định lẽ chính nghĩa, đồng thời là ngọn lửa hun đúc ý chí tự cường. Thông qua việc tái hiện những lát cắt lịch sử giàu tính sử thi và nhân văn, Nhà hát Chèo Quân đội đã góp phần bồi đắp niềm tự hào dân tộc, khẳng định giá trị bất biến của tinh thần đoàn kết, của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, và đặt nghệ thuật chèo vào vị trí xứng đáng: vừa là di sản văn hóa truyền thống, vừa là tiếng nói chính trị – xã hội giàu sức sống trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

2.2.3.3. Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời bình

Nhà hát Chèo Quân đội không chỉ làm nhiệm vụ nghệ thuật mà còn góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác quan điểm sai trái, củng cố niềm tin của nhân dân và bộ đội. Trong bối cảnh các thế lực thù địch lợi dụng truyền thông để xuyên tạc, nghệ thuật chèo trở thành phương tiện tuyên truyền mềm, giúp khẳng định tính chính nghĩa của quân đội và chủ quyền đất nước. Chủ đề xây dựng và bảo vệ Tổ quốc được thể hiện qua nhiều hướng sau:

Thứ nhất, đạo làm vua, đạo làm quan. Một số vở diễn của Nhà hát như *Bài ca giữ nước, Mật chỉ giữa hoàng cung, Công lý không gục ngã, ...* đã cho

thấy chiều sâu tư tưởng vượt ra ngoài khuôn khổ một tác phẩm nghệ thuật, trở thành những bài học trị quốc còn nguyên giá trị cho hôm nay. Thông qua xung đột kịch và sự khắc họa số phận nhân vật, các vở diễn đều nhấn mạnh triết lý “lấy dân làm gốc”, coi nhân dân là nền tảng, là sức mạnh quyết định vận mệnh quốc gia. Song song với đó, hình tượng những bậc hiền tài được trân trọng và phát huy đã khẳng định quan điểm: một đất nước chỉ hưng thịnh khi biết trọng dụng nhân tài, khơi dậy trí tuệ và tâm huyết của những người ưu tú. Ở chiều khác, *Công lý không gục ngã* lại đặt ra thông điệp mạnh mẽ về kỷ cương phép nước và niềm tin bất diệt vào công lý, cho thấy rằng dù trong hoàn cảnh nào, chính nghĩa vẫn luôn chiến thắng. Nhìn tổng thể, các vở diễn theo hướng chủ đề tư tưởng này đã kết hợp nhuần nhuyễn nghệ thuật chèo truyền thống với tư duy chính luận hiện đại để truyền tải một thông điệp xuyên suốt: sức mạnh dân tộc chỉ bền vững khi nhân dân đồng lòng, hiền tài được trọng dụng và công lý được bảo vệ. Đây không chỉ là giá trị nghệ thuật, mà còn là giá trị lịch sử và triết lý trị quốc mà Nhà hát Chèo Quân đội đã khéo léo gửi gắm qua các sáng tác của mình.

Thứ hai, chống suy thoái đạo đức, tham nhũng. Trong dòng chảy sáng tạo nghệ thuật của Nhà hát Chèo Quân đội, một số vở diễn đã đi thẳng vào vấn đề chống suy thoái đạo đức, tham nhũng. Như vở *Đêm trắng* nổi bật như một tác phẩm trực diện phơi bày bi kịch tha hóa của con người trước cám dỗ quyền lực và lợi ích cá nhân. Hình tượng Hoàng Trọng Vinh – một sĩ quan cấp cao bị tha hóa, tham nhũng – được xây dựng đối lập với người em Hoàng Trọng Dũng – trung kiên, chính trực, là thước đo đạo đức và lý tưởng. Qua sự đối sánh ấy, vở diễn không chỉ dựng lại bi kịch cá nhân mà còn gióng lên hồi chuông cảnh báo về “kẻ thù bên trong” – những con người biến chất, thoái hóa ngay trong hàng ngũ, vốn nguy hiểm chẳng kém gì ngoại xâm. Thông điệp được khẳng định rõ ràng: một quân đội, một quốc gia chỉ vững mạnh khi kiên quyết chống lại tham nhũng, giữ gìn sự trong sạch, đề cao phẩm chất

liêm chính và lòng trung thành với lý tưởng cách mạng. Với tinh thần ấy, *Đêm trắng* đã góp thêm tiếng nói mạnh mẽ của sân khấu nghệ thuật trong cuộc đấu tranh chống thoái hóa, biến chất, đồng thời khẳng định tính nghiêm minh của pháp luật như một giá trị bất biến, bảo vệ sức sống và uy tín của toàn dân tộc.

Thứ ba, nêu cao tinh thần đại đoàn kết dân tộc gắn liền với vai trò quân đội nhân dân. Trong tiến trình xây dựng hình tượng nghệ thuật, Nhà hát Chèo Quân đội đã nhiều lần khẳng định sức mạnh của tinh thần đoàn kết dân tộc gắn liền với vai trò nòng cốt của quân đội, tiêu biểu qua các vở *Hùng ca Bạch Đằng Giang* và *Người anh hùng áo vải*. Với *Hùng ca Bạch Đằng Giang*, chiến thắng của Ngô Quyền trước quân Nam Hán không chỉ là biểu tượng của trí tuệ và tài thao lược mà còn là minh chứng cho sức mạnh đoàn kết quân – dân, khi nhân dân đồng lòng cùng quân đội tạo nên thế trận bất khả chiến bại. Đến *Người anh hùng áo vải*, hình tượng Quang Trung – Nguyễn Huệ lại hiện lên như biểu trưng rực rỡ của người anh hùng dân tộc, dám đứng lên từ phong trào nông dân, quy tụ sức mạnh toàn dân để đánh tan ngoại xâm, khẳng định khát vọng độc lập và tự chủ của dân tộc Việt Nam. Cả hai vở diễn đều được dàn dựng theo phong cách sử thi, nhấn mạnh mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa nhân dân và quân đội, đồng thời khẳng định chân lý: đoàn kết dân tộc chính là chìa khóa của mọi chiến thắng. Thông qua đó, nghệ thuật chèo không chỉ tái hiện lại những trang sử vàng mà còn gửi gắm thông điệp có ý nghĩa trường tồn: sức mạnh quân đội phải luôn bắt nguồn từ nhân dân và gắn bó máu thịt với nhân dân thì mới có thể trở thành lực lượng bảo vệ vững chắc cho độc lập dân tộc.

Thứ tư, ca ngợi truyền thống tôn sư trọng đạo tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Trong dòng chảy chủ đề tư tưởng mà Nhà hát Chèo Quân đội xây dựng, có thể kể đến vở *Chu Văn An – Người thầy của muôn đời* nổi bật như một tác phẩm mang đậm tinh thần “tôn sư trọng đạo”, khẳng định vai trò đặc biệt của

giáo dục và người thầy trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Hình tượng Chu Văn An hiện lên với nhân cách thanh cao, trí tuệ uyên bác và bản lĩnh kiên định, không màng danh lợi, dám dâng “thất trăm sớ” để bảo vệ chính nghĩa. Qua đó, tác phẩm không chỉ ca ngợi đạo đức mẫu mực và trí tuệ lớn lao của một danh sư mà còn khẳng định ông như biểu tượng bất diệt của tri thức và lòng chính trực. Thông điệp vở diễn gửi gắm rất rõ ràng: một quốc gia chỉ có thể trường tồn khi biết đề cao giáo dục, lấy hiền tài làm nguyên khí, và xây dựng xã hội trên nền tảng đạo lý tôn sư trọng đạo. Với nghệ thuật biểu đạt đậm chất chèo, kết hợp giữa tính dân gian và hơi thở chính luận, Nhà hát Chèo Quân đội đã biến hình tượng Chu Văn An thành tấm gương sáng, nhắc nhở các thế hệ hôm nay và mai sau về trách nhiệm giữ gìn, phát huy truyền thống hiếu học, trọng hiền tài – những giá trị căn cốt của văn hóa Việt Nam.

Thứ năm, vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Trong các sáng tác của Nhà hát Chèo Quân đội, chủ đề bảo vệ chủ quyền biển đảo được thể hiện nổi bật qua hai vở *Biển vẫn con đường mòn* và *Đất liền và biển cả*. Các tác phẩm đã tái hiện lại tuyến đường Hồ Chí Minh trên biển – một huyết mạch quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ – với biết bao gian khổ, hiểm nguy nhưng cũng đầy hào hùng, hay hình ảnh những người lính hải quân quả cảm, sẵn sàng đối mặt với bão tố, với kẻ thù để giữ vững con đường chi viện, cùng sự kiên cường của hậu phương bám biển, bám đất liền, đã tạo nên bản hùng ca rực rỡ về ý chí và sức mạnh dân tộc. Không dừng lại ở giá trị lịch sử, các vở diễn còn mang tính thời sự sâu sắc, khi khơi dậy trong lòng khán giả hôm nay tinh thần bảo vệ chủ quyền biển đảo – vùng lãnh thổ thiêng liêng, bất khả xâm phạm của Tổ quốc. Bằng ngôn ngữ chèo đậm chất dân gian hòa quyện với cảm hứng sử thi hiện đại, Nhà hát Chèo Quân đội đã biến những trang sử đấu tranh trên biển thành bài ca bất tử, nhắc nhở rằng mỗi tác đất, tác biển của cha ông để lại đều được giữ gìn bằng máu xương, và

thế hệ hôm nay có trách nhiệm tiếp nối, bảo vệ bằng tất cả tình yêu và lòng trung thành với Tổ quốc.

Từ những chủ đề tư tưởng đa dạng nhưng thống nhất, có thể khẳng định rằng Nhà hát Chèo Quân đội đã kiến tạo một nền sân khấu không chỉ mang chức năng thẩm mỹ, mà còn gắn chặt với sứ mệnh chính trị, tư tưởng và văn hóa của dân tộc. Việc lên án sự suy thoái về đạo đức, chống tham nhũng, khẳng định tinh thần đoàn kết quân – dân, đề cao đạo lý tôn sư trọng đạo, hay bảo vệ chủ quyền biển đảo... đều hội tụ trong một thông điệp xuyên suốt: sức mạnh dân tộc chỉ bền vững khi văn hóa, đạo đức, công lý và lòng yêu nước được đặt làm nền tảng. Nghệ thuật chèo, với sự sáng tạo của các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội, đã trở thành chiếc cầu nối giữa truyền thống và hiện đại, giữa quá khứ lịch sử và những vấn đề nóng bỏng của thời đại. Qua đó, các vở diễn không chỉ khắc họa hình tượng người lính – biểu tượng của bản lĩnh và khí phách Việt Nam – mà còn khẳng định vai trò của văn hóa nghệ thuật như một sức mạnh tinh thần to lớn, góp phần xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Như vậy, có thể thấy rõ: trong tiến trình nghệ thuật của mình, Nhà hát Chèo Quân đội đã và đang thực hiện xuất sắc nhiệm vụ bảo tồn, phát huy di sản chèo truyền thống đồng thời khẳng định tư tưởng cách mạng, hun đúc ý chí tự cường, tạo nên những giá trị bền vững cho hiện tại và mai sau.

2.2.3.4. Bảo vệ, phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc và quân đội

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm và giàu ý nghĩa lịch sử của Nhà hát Chèo Quân đội là bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc trong môi gắn bó hữu cơ với tư tưởng cách mạng, từ đó kiến tạo hình tượng người lính vừa mang đậm bản sắc truyền thống, vừa khẳng định tinh thần chiến đấu bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh hiện đại. Nhiệm vụ này không chỉ được thể hiện qua phương diện nghệ thuật sân khấu mà còn in đậm trong những chủ đề tư tưởng xuyên suốt các vở diễn tiêu biểu.

Trước hết, nhiều tác phẩm đã ngợi ca vẻ đẹp mộc mạc, bình dị của đời sống, qua đó khơi dậy tình yêu quê hương đất nước và tôn vinh hình tượng người lính gắn bó máu thịt với nhân dân. Các vở *Hùng ca Bạch Đằng Giang* và *Người anh hùng áo vải* tuy mang dáng dấp hoành tráng, sử thi với những trận chiến long trời lở đất, nhưng vẫn khéo léo đan cài những chi tiết đời thường: bữa cơm muối mè, bến nước, mái đình, con đường làng. Chính những chi tiết mộc mạc ấy đã đưa hình tượng người anh hùng lịch sử, người lính cách mạng lại gần với đời sống nhân dân, làm nổi bật sự gắn kết giữa cái vĩ đại và cái bình dị, giữa lý tưởng lớn lao và đời sống nhân văn hàng ngày.

Thứ hai, các vở diễn còn ca ngợi những giá trị đạo đức truyền thống thông qua tình cảm gia đình, làng xóm và cộng đồng, qua đó khẳng định nền tảng đạo lý của dân tộc. Vở *Biển vẫn con đường mòn* tái hiện sức mạnh quân – dân đoàn kết trong kháng chiến trên biển, nơi tình đồng đội, tình làng xóm, hậu phương – tiền tuyến hòa quyện, trở thành nguồn lực tinh thần vô giá. Vở *Chu Văn An – Người thầy của muôn đời* lại nhấn mạnh đạo lý “tôn sư trọng đạo”, dựng nên biểu tượng bậc hiền triết thanh cao, trí tuệ, gắn bó với không gian làng quê, làm nổi bật giá trị đạo đức cộng đồng và nhấn mạnh rằng một xã hội chỉ có thể trường tồn khi biết đề cao hiền tài, giữ gìn nền nếp giáo dục.

Thứ ba, Nhà hát Chèo Quân đội còn khẳng định giá trị văn hóa truyền thống thông qua việc tái hiện phong tục, tín ngưỡng và tinh thần thượng võ, coi đó là những biểu tượng văn hóa có sức mạnh trường tồn trong tâm thức dân tộc. Các vở *Nước mắt Bà chúa Kho* hay *Nguyên phi Ỗ Lan* không chỉ gọi lại hình ảnh nhân vật lịch sử gắn liền với niềm tin tín ngưỡng và đạo lý dân gian, mà còn khẳng định sức mạnh văn hóa tinh thần như một cội rễ bền vững nuôi dưỡng bản lĩnh dân tộc qua bao biến cố. Ở đây, nghệ thuật chèo đã trở thành kênh lưu giữ, tái hiện và lan tỏa những giá trị cốt lõi của văn hóa Việt, đồng thời khẳng định vai trò của văn hóa như một vũ khí mềm nhưng có sức mạnh to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Tổng thể mà nói, thông qua việc nuôi dưỡng những chủ đề nghệ thuật gắn với đời sống, đạo lý và tín ngưỡng truyền thống, Nhà hát Chèo Quân đội vừa làm tròn sứ mệnh bảo tồn, phát huy di sản chèo – loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian đặc sắc – vừa khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh hiện đại. Đồng thời, các tác phẩm còn khéo léo gửi gắm thông điệp sâu xa: sức mạnh của dân tộc không chỉ đến từ tiềm lực vật chất hay quân sự, mà trước hết bắt nguồn từ nền tảng văn hóa – tinh thần, từ tình yêu quê hương đất nước, sự gắn kết cộng đồng, lòng tôn trọng tri thức và công lý. Chính ở sự hội tụ ấy, nghệ thuật sân khấu chèo mới thực sự trở thành một phương tiện đặc biệt để vừa giữ gìn bản sắc, vừa tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong mọi thời đại.

2.3. Nhận diện đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội trên phương diện hình thức

2.3.1. Kết cấu

2.3.1.1. Kết cấu tự sự của chèo truyền thống trên sân khấu Chèo Quân đội

Chèo truyền thống là thể loại sân khấu có kết cấu tự sự đặc trưng, mang tính mở và linh hoạt. Kết cấu này cho phép các vở diễn không bị bó hẹp trong một khuôn khổ cứng nhắc, mà có thể kéo dài hoặc rút gọn tùy theo bối cảnh, không gian và đối tượng khán giả. Sự phát triển của sân khấu Chèo Quân đội vẫn kế thừa kết cấu tự sự truyền thống, nhưng đồng thời có sự cải tiến đáng kể để phù hợp hơn với xã hội đương đại và khán giả trẻ - người lính hôm nay.

a. Đặc trưng của kết cấu tự sự trong chèo truyền thống

Kết cấu tự sự của chèo truyền thống có tính chất tuyến tính nhưng linh hoạt, thường gồm ba phần chính:

(1) *Giáo đầu*: Đây là phần mở đầu, có thể có hoặc không, nhằm giới thiệu nội dung câu chuyện, bối cảnh, nhân vật chính. Trong nhiều vở diễn, phần này có thể mang tính ước lệ, thông qua một số màn hát, trò diễn hoặc đối thoại giữa các nhân vật.

(2) *Thân trò*: Đây là phần chính của vở diễn, nơi diễn ra các sự kiện, xung đột, tình huống phát triển dần theo logic nhân quả. Phần thân trò không quá chú trọng vào yếu tố kịch tính cao trào mà thiên về việc mô tả hành trình nhân vật, những biến cố họ phải trải qua, phản ánh tâm tư, tình cảm và đạo lý con người.

(3) *Văn trò*: Đây là phần kết thúc vở chèo, mang tính giáo huấn, triết lý hoặc hướng đến một kết cục có hậu, thể hiện đạo đức và nhân sinh quan của người Việt.

Nhà hát Chèo Quân đội kế thừa kết cấu này trong các vở diễn truyền thống nhưng có sự điều chỉnh nhằm tăng tính hấp dẫn, phù hợp với nhiệm vụ tuyên truyền nghệ thuật. Dưới đây là sơ đồ mô tả kết cấu tự sự của Chèo truyền thống:



Hình 2.1. Sơ đồ kết cấu tự sự của chèo truyền thống

Tính mở của kết cấu tự sự trong chèo giúp nghệ sĩ có thể linh hoạt thay đổi, thêm thắt hoặc lược bỏ một số tình tiết mà không làm mất đi mạch truyện chính. Điều này tạo nên sự đặc trưng của Chèo Quân đội khi vừa duy trì được phong cách truyền thống vừa có thể biến đổi để phù hợp với bối cảnh xã hội và nhiệm vụ nghệ thuật hiện đại.

Một điểm đặc biệt của kết cấu tự sự Chèo truyền thống là tính phi trung

tâm. Nghĩa là thay vì một xung đột tập trung như kịch phương Tây, Chèo có thể phát triển nhiều tình tiết song hành, xoay quanh những nhân vật khác nhau nhưng vẫn liên kết với nhau qua một cốt truyện chính. Điều này tạo ra sự linh hoạt và giúp các vở chèo dễ dàng biến tấu trên sân khấu.

b. Ứng dụng kết cấu tự sự trong sân khấu Chèo Quân đội

Nhà hát Chèo Quân đội, với mục tiêu phục vụ nhiệm vụ chính trị, quân sự, vẫn giữ nguyên tinh thần của kết cấu tự sự trong Chèo truyền thống nhưng có những cải biên đáng kể để phù hợp với nội dung và đối tượng khán giả của mình. Cụ thể, các vở diễn của Chèo Quân đội như *Quan Âm Thị Kính*, *Lưu Bình - Dương Lễ*, *Người anh hùng áo vải*, *Chu Văn An - Người thầy muôn đời*... vẫn duy trì cấu trúc ba phần nhưng có sự điều chỉnh nhằm nâng cao tính giáo dục và tuyên truyền. Điều này thể hiện cụ thể như sau:

- *Kết cấu mở và tính tương tác với khán giả*: Một số vở chèo Quân đội vẫn giữ cách kể chuyện mở như chèo truyền thống, nơi khán giả có thể cảm nhận câu chuyện thông qua các làn điệu, ngôn ngữ ẩn dụ và các màn đối thoại giàu tính triết lý. Các nghệ sĩ có thể linh hoạt trong diễn xuất, thậm chí giao lưu với khán giả ngay trong vở diễn để tăng tính tương tác, giúp người xem cảm nhận rõ hơn về nội dung vở chèo.

- *Tính liên kết giữa các sự kiện không theo một tuyến thời gian cố định*: Trong nhiều vở diễn, đặc biệt là những tác phẩm đề cập đến lịch sử hoặc sự hi sinh của người lính, câu chuyện có thể được kể lại thông qua các đoạn hồi tưởng, ký ức đan xen, tạo nên những góc nhìn đa chiều về nhân vật và sự kiện. Ví dụ, *Bến nước đời người* sử dụng lối kể chuyện phi tuyến tính khi nhân vật chính hồi tưởng về cuộc đời mình, từ thời chiến tranh đến hậu chiến, với những tổn thương và hi sinh sâu sắc.

- *Sự mở rộng không gian và thời gian trong câu chuyện*: Trong một số vở diễn như *Biển vẫn con đường mòn* hay *Người về nơi đất cũ*, không gian diễn xuất không chỉ giới hạn trên một sân khấu cố định, mà còn có sự thay đổi linh

hoạt giữa các bối cảnh khác nhau: từ chiến trường đến hậu phương, từ thời chiến đến thời bình. Điều này giúp vở diễn trở nên phong phú và sống động hơn.

- *Kết hợp trò diễn với trò nhời*: rong nghệ thuật sân khấu truyền thống Việt Nam, đặc biệt là các hình thức kịch dân gian như chèo, tuồng, “trò diễn” và “trò nhời” luôn được xem là hai yếu tố cốt lõi tạo nên sức hấp dẫn và chiều sâu của tác phẩm. Nếu “trò diễn” nghiêng về hành động, xung đột kịch và biểu tượng hình thể, thì “trò nhời” chú trọng lời thoại, lời bình giàu tính ẩn dụ, châm biếm, góp phần chuyển tải thông điệp tư tưởng một cách tinh tế. Bộ ba vở trong *Bài ca giữ nước*, tiêu biểu qua hai cảnh “Lột mũ áo tham quan” và “Chôn Hề già”, là minh chứng điển hình cho sự kết hợp này, làm nên sức sống đặc biệt của sân khấu lịch sử hiện đại.

Trước hết, trong cảnh “Lột mũ áo quan Tri châu”, sức mạnh của “trò diễn” được thể hiện qua hành động lột bỏ mũ áo – biểu tượng quyền lực phong kiến. Hình ảnh các tham quan bị lột bỏ phẩm phục ngay giữa công đường không chỉ gây ấn tượng thị giác mạnh mẽ mà còn trở thành một ẩn dụ sâu sắc về sự sụp đổ của bè lũ tham nhũng trước chính nghĩa. Đây không đơn thuần là một hành động kịch tính mà còn là một “nghệ thức trừng phạt” giàu tính biểu tượng, nhấn mạnh nguyên tắc trị quốc: pháp luật đứng trên quyền lực cá nhân. Song hành với hành động ấy, phần “trò nhời” được khai triển qua những lời thoại chua chát, mỉa mai, thậm chí dí dỏm, phơi bày bản chất lộ bịch của kẻ tham quan khi mất quyền thế. Những câu nói đầy tính giễu nhại không chỉ tạo nên tiếng cười châm biếm mà còn góp phần khắc sâu thông điệp: quyền lực nếu tách khỏi đạo lý sẽ trở nên lộ bịch và đáng khinh.

Đến cảnh “Chôn Hề”, sự kết hợp “trò diễn” và “trò nhời” đạt đến mức nhuần nhuyễn hơn. Trò diễn ở đây không phải là hành động mạnh bạo mà là một “lễ chôn hề” được tái hiện theo phong cách nghi lễ – vừa trang trọng vừa chua xót. Sự kiện này mang hai lớp nghĩa: bề ngoài là chuyện tiền đưa một nghệ nhân hài, nhưng ẩn sau đó là nỗi niềm về sự thoái trào của tiếng cười

chính luận trong đời sống chính trị. Cái chết của Hề già như một lời cảnh báo: khi quyền lực không còn dung nạp tiếng nói phản biện, xã hội sẽ thiếu đi “đôi trọng đạo đức”. Trong không gian tang lễ ấy, “trò nhời” xuất hiện qua những câu nói thâm thúy, khi hài hước, khi triết lý, phản ánh tâm thế của người dân và thân phận nghệ sĩ. Hề già được “chôn” nhưng tiếng nói phê phán vẫn vang vọng, thể hiện sức mạnh bất diệt của nghệ thuật châm biếm trong việc giữ cho xã hội sự quân bình đạo lý.

Điểm đặc biệt trong cả hai cảnh là sự tương tác giữa hai yếu tố: nếu “trò diễn” tạo ấn tượng trực quan, khắc sâu hành động kịch, thì “trò nhời” lại mở rộng chiều sâu tư tưởng, làm cho cảnh kịch không rơi vào đơn điệu mà luôn sống động, giàu tính đối thoại với người xem. Nhờ sự kết hợp này, tác phẩm vừa giữ được màu sắc dân gian của nghệ thuật truyền thống, vừa mang hơi thở thời đại, chuyển tải thông điệp chính trị – xã hội một cách tự nhiên, không khô cứng.

Có thể khẳng định, bộ ba vở thuộc *Bài ca giữ nước* không chỉ thành công trong việc tái hiện lịch sử mà còn nâng cao giá trị nghệ thuật sân khấu Việt Nam qua việc vận dụng nhuần nhuyễn hai yếu tố đặc trưng: “trò diễn” và “trò nhời”. Chính sự hòa quyện ấy tạo nên một thứ “ngôn ngữ kép” – nơi hình ảnh và lời nói bổ trợ cho nhau, cùng khắc họa xung đột giữa thiện – ác, công – tư, chính – tà. Đó cũng là con đường để sân khấu dân tộc vừa bảo tồn bản sắc, vừa đủ sức đối thoại với công chúng đương đại, khiến lịch sử không còn là những trang sách khô khan mà trở thành những câu chuyện sống động, lay động tâm hồn người xem.

c. Sự cải tiến kết cấu tự sự trong Chèo Quân đội

Bên cạnh việc kế thừa những đặc trưng của kết cấu tự sự truyền thống, Chèo Quân đội đã có những điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu mới của khán giả và nhiệm vụ tuyên truyền. Cụ thể như sau:

- *Tăng cường yếu tố kịch tính*: Trong một số vở diễn hiện đại, Chèo

Quân đội đã gia tăng xung đột, cao trào và tính kịch để hấp dẫn hơn với khán giả đương đại. Ví dụ, trong vở *20 năm thù hận*, câu chuyện được xây dựng theo mô hình tuyến tính nhưng có những bước ngoặt gay cấn, thể hiện sự đấu tranh giữa chính nghĩa và tội ác.

- *Kết hợp yếu tố bi - hài để tạo sự cân bằng*: Chèo vốn có đặc điểm vừa trữ tình, vừa trào lộng. Chèo Quân đội vẫn giữ tinh thần này nhưng làm nổi bật hơn những mảng miếng hài trong các vở diễn nhằm tăng sức hấp dẫn, giúp những thông điệp chính trị - xã hội trở nên gần gũi, dễ tiếp cận hơn.

- *Định hướng nhân vật rõ ràng hơn*: Trong Chèo cổ, nhân vật chính diện - phản diện thường có tính ước lệ. Tuy nhiên, Chèo Quân đội đã làm rõ hơn tâm lý nhân vật, khiến họ trở nên đa chiều, có chiều sâu nội tâm và phù hợp với cách kể chuyện hiện đại.

Kết cấu tự sự của Chèo Quân đội vẫn giữ nguyên những giá trị cốt lõi của Chèo truyền thống, bao gồm tính linh hoạt, kết cấu mở và sự kết hợp giữa tự sự - diễn xướng. Tuy nhiên, để đáp ứng nhiệm vụ tuyên truyền chính trị và yêu cầu của nghệ thuật sân khấu hiện đại, Chèo Quân đội đã có những cải tiến đáng kể, trong đó có việc nâng cao tính kịch tính, mở rộng không gian - thời gian và làm sâu sắc thêm tâm lý nhân vật. Điều này không chỉ giúp chèo tiếp tục giữ được vị thế trong lòng khán giả, mà còn làm phong phú thêm kho tàng nghệ thuật sân khấu truyền thống của dân tộc.

2.3.1.2. Kết cấu kiểu Aristotle trên sân khấu Chèo Quân đội

Khác với kết cấu mở của chèo truyền thống, kết cấu kiểu Aristotle là một mô hình chặt chẽ hơn, được xây dựng trên nền tảng kịch cổ điển phương Tây với sự phát triển của một xung đột trung tâm. Kết cấu xung đột kịch kiểu Aristotle gồm có 7 bước như đã phân tích ở Chương 1.

Trong các vở diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, nhiều tác phẩm đã áp dụng kết cấu này một cách linh hoạt, đặc biệt là những vở chèo đề tài lịch sử, chiến tranh cách mạng chiếm phần lớn trong dàn kịch mục của Nhà hát. Những

tác phẩm như *Đêm trắng*, *Công lý không gục ngã*, *20 năm thù hận*, *Ngày trở về* đã được xây dựng theo mô hình kịch Aristotle, với sự phát triển tuyến tính của xung đột, các điểm nút thắt rõ ràng và cách xử lý cao trào hợp lý.

Vở diễn *Đêm trắng* là một ví dụ điển hình cho sự kết hợp giữa Chèo truyền thống và kết cấu Aristotle. Câu chuyện xoay quanh quyết định khó khăn của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi phải ký lệnh tử hình một sĩ quan cao cấp trong quân đội vì tội tham nhũng. Kết cấu vở chèo tuân theo kiểu kết cấu Aristotle cụ thể như sau:

Mở màn: Các chiến sĩ đứng giờ tay như tượng đài trên bục cao; một nữ chiến sĩ giới thiệu kể câu chuyện xảy ra trong kháng chiến gian nan, kháng chiến trường kỳ; nhân vật Vinh bị áp giải và vợ khóc ôm chồng nói lời vĩnh biệt.

Thắt nút: Chiến sĩ thiếu quân nhu, Đại tá Hoàng Trọng Vinh không cấp, gây bức xúc trong quân.

Phát triển: Trung đoàn trưởng Hoàng Trọng Dũng chất vấn Hoàng Trọng Vinh về việc lính thiếu áo rét và cơm ăn, quanh năm toàn nhai sắn cầm hơi; Hoàng Trọng Vinh bỏ mặc người vợ lam lũ ở quê nhà, quan hệ bất chính với cô Thư ký; tiếp đãi cấp trên xa xỉ trong khi Bác Hồ và nhân dân mỗi ngày nhịn ăn một bữa để tiết kiệm cho kháng chiến; sai lính bí mật về Hà thành đem hoa Ngọc Hà, đĩa pha lê Tiệp, champagne và rước ca sĩ Hà Nội về góp vui; Bác Hồ biết tin, quyết định vi hành, đề nghị viện kiểm sát tạm giam Hoàng Trọng Vinh.

Cao trào: Cô vợ mới của Hoàng Trọng Vinh cuỗm hết quỹ quân nhu trốn về Hà thành. Hoàng Trọng Dũng được giao nhiệm vụ truy tìm, chẳng ngờ ả gọi điện cho cảnh sát. Hiến binh thấy động bèn tóa ra truy bắt. Hoàng Trọng Dũng bị bắn tử thương.

Cởi nút: Bác Hồ quyết định ký tử hình Hoàng Trọng Vinh với câu nói “Không ai bôi xấu người cộng sản, trừ khi chính người cộng sản tự bôi xấu mình”.

Đóng màn: Bác Hồ đứng vẫy tay cùng các chiến sĩ đứng chào điều lệnh trong tiếng nhạc.

Vở diễn *Công lý không gục ngã* tái hiện câu chuyện về quan Ngô Thì Nhậm và cuộc đấu tranh bảo vệ công lý trong triều đình Trịnh Sâm. Kết cấu của vở chèo Aristotle:

Mở đầu: Dân tình hỗn loạn khi nghe tên Đặng Mậu Lân xuất hiện

Thắt nút: Đặng Mậu Lân cưỡng bức con gái nhà lành đến chết.

Phát triển: Công chúa Ngọc Lan phản đối lấy Đặng Mậu Lân; Đặng Mậu Lân giết Sứ Trung Hầu khi bảo vệ công chúa khỏi bị Đặng Mậu Lân mạo phạm; công chúa và quốc mẫu tố cáo, Chúa Trịnh Sâm buộc phải cử Ngô Thì Nhậm xử lý "câu trời" về những tội lỗi hấn gây ra; Tuyên phi Đặng Thị Huệ biểu vàng bạc đút lót Ngô Thì Nhậm nhưng thất bại.

Cao trào: Đặng Thị Huệ bày cách cho Đặng Mậu Lân trốn tội; thừa cơ Chúa Trịnh Sâm mê man, ản chỉ dụ dùng xét xử Đặng Mậu Lân.

Cởi nút: Ngô Thì Nhậm đưa các nhân chứng, buộc Đặng Mậu Lân nhận tội và cương quyết xử tử Đặng Mậu Lân trước khi chỉ dụ đến, bất chấp mọi áp lực, hiểm nguy nhằm giữ kỷ cương phép nước...

Đóng màn: Ngô Thì Nhậm trước quốc mẫu, công chúa và nhân dân, khẳng khái “nếu có chết, cũng đã làm tròn trọng trách của một kẻ sĩ Thăng Long”.

Sự ứng dụng kết cấu Aristotle trong sân khấu Chèo Quân đội không đồng nghĩa với việc phá bỏ hoàn toàn kết cấu tự sự truyền thống. Thay vào đó, các vở diễn kết hợp cả hai yếu tố:

(1) *Giữ nguyên yếu tố diễn xướng và hát kể của chèo:* Dù có kết cấu kịch tính hơn, các vở diễn vẫn sử dụng hệ thống làn điệu chèo, lời thoại giàu chất thơ và các màn hát múa đậm chất dân gian. Một số vở có phần giao đãi giống với màn giáo đầu trong Chèo cổ (như vở *Đêm trắng*).

(2) *Tăng cường xung đột và kịch tính:* Thay vì các tình tiết mở rộng

không giới hạn như chèo cổ, Chèo Quân đội sử dụng xung đột kịch rõ nét, có điểm cao trào và giải quyết theo nguyên tắc nhân quả.

(3) *Khai thác tâm lý nhân vật sâu sắc hơn*: Nhân vật không còn chỉ mang tính biểu tượng mà trở nên sống động hơn, với những giằng xé nội tâm và hành động có chiều sâu.

Kết cấu Aristotle đã được Nhà hát Chèo Quân đội vận dụng hiệu quả để tạo ra những vở diễn hấp dẫn, phù hợp với xu hướng sân khấu hiện đại. Do chủ yếu đi vào đề tài người lính qua các cuộc chiến tranh, nên Nhà hát Chèo Quân đội chú trọng, đi sâu áp dụng mô hình này nhiều hơn các đơn vị nghệ thuật chèo dân sự, giúp Chèo Quân đội góp phần làm phong phú thêm nghệ thuật sân khấu dân tộc, đồng thời nâng cao tính kịch tính, phù hợp với các vở diễn đề tài người lính, phù hợp với môi trường phục vụ khán giả trong quân đội. Đây là một bước đi quan trọng, khẳng định sự phát triển và thích nghi của chèo trong bối cảnh nghệ thuật biểu diễn đương đại.

2.3.2. Thể tài

Nếu các đơn vị nghệ thuật chèo dân sự đi vào nhiều thể tài khác nhau, thì Chèo Quân đội lại chỉ tập trung đi vào thể tài chính kịch với hai dạng thức: chính kịch anh hùng ca và chính kịch tâm lý xã hội nhằm phù hợp với các vở diễn đề tài người lính chiếm số đông trên sân khấu của mình.

2.3.2.1. Thể tài chính kịch anh hùng ca trên sân khấu Chèo Quân đội

Thể tài chính kịch anh hùng ca là một trong những đặc trưng nổi bật của sân khấu Chèo Quân đội. Thể tài chính kịch anh hùng ca cũng được áp dụng trong nhiều vở diễn trên sân khấu Tuồng, Chèo, Cải lương, Kịch nói... Tuy nhiên, trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội, thể tài chính kịch anh hùng ca chiếm ưu thế nổi trội trong hệ thống các vở diễn. Bởi lẽ, trong các vở diễn đề tài người lính, thể tài chính kịch anh hùng ca giúp các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội phản ánh hiệu quả nhất tinh thần chiến đấu kiên cường, lòng yêu nước và sự hi sinh cao cả của các thế hệ quân nhân trong lịch sử dân tộc.

Đây là thể tài tập trung xây dựng hình tượng người anh hùng mang tầm vóc lớn lao, vừa là biểu tượng của chủ nghĩa yêu nước, vừa mang những giá trị nhân văn sâu sắc. Các tác phẩm thuộc thể tài này không chỉ tái hiện những chiến công hiển hách, mà còn làm nổi bật lý tưởng cách mạng, sự trung thành với Tổ quốc và tinh thần đồng đội.

Chính kịch anh hùng ca là thể tài quan trọng trong sân khấu Chèo Quân đội, phản ánh tinh thần chiến đấu kiên cường, lòng yêu nước và sự hi sinh cao cả của người lính qua các thời kỳ lịch sử. Các tác phẩm thuộc thể tài này không chỉ tái hiện những chiến công hiển hách, mà còn truyền tải thông điệp nhân văn sâu sắc, khẳng định giá trị của lòng trung thành, chính nghĩa và sự kiên định trước thử thách.

Một trong những đặc trưng nổi bật của thể tài chính kịch anh hùng ca chính là *đặt các nhân vật trong hoàn cảnh chiến tranh*. Nhân vật chính thường là những chiến sĩ, tướng lĩnh hoặc những con người bình thường nhưng khi chiến tranh xảy ra, tất cả những con người bình thường đó đem tất cả tinh thần và vật chất với trách nhiệm cao nhất để góp vào nhiệm vụ chiến thắng giặc xâm lược. Các nhân vật của chính kịch anh hùng ca “thường đặt vào những tình huống đấu tranh gay gắt giữa cái sống với cái chết, giữa quyền lợi riêng tư với nghĩa vụ tập thể. Qua đó, khán giả nhận thấy rõ ràng bản tính bên trong của mỗi nhân vật được bộc lộ cụ thể: một số người thì tiên phong, dũng cảm, anh hùng; còn số khác thì ươn hèn, ích kỷ, giả tạo...” [83, tr.68-69].

Nhân vật trung tâm trong chính kịch anh hùng ca là nhân vật anh hùng được các nghệ sĩ Chèo Quân đội thể hiện chân thực với những nét sinh động đời thường trong những mối quan hệ cha con, mẹ con, vợ chồng, tình yêu, tình bạn... Đứng trước bờ vực sinh tử, khốc liệt, họ cũng biết suy tư, tính toán, lo lắng như bao người khác vì ở đời không ai bỗng dưng muốn chết, nhưng vì cái sống của mọi người, của Tổ quốc nên khi cần thiết, họ đành chấp

nhận hi sinh. Những nhân vật như Nguyễn Viết Xuân trong *Nguyễn Viết Xuân*, Thục trong *Đại đội trưởng của tôi*, Nguyễn Văn Cừ trong *Nguyễn Văn Cừ - Tuổi trẻ chí lớn...* hay Tiến trong *Ánh sao đầu núi* đều được khắc họa với hình ảnh biết sống vượt khỏi cái ích kỉ cá nhân, vượt khỏi hoàn cảnh của chiến tranh, biết gắn mình với hạnh phúc, sự sống còn của Tổ quốc. Nếu họ hi sinh thì cái chết của họ trong chính kịch anh hùng ca Việt Nam, là cái đẹp, đã kích thích khán giả tinh thần hi sinh chiến đấu, nâng cao bản lĩnh anh hùng, lập chiến công, làm sự nghiệp anh hùng để thực hiện ước muốn lý tưởng chiến thắng của người hi sinh. Sự hi sinh của họ tồn tại cho Tổ quốc, cho phong trào, đã gây nên đau xót, tiếc thương, nhưng mặt khác, lại là sự khẳng định cho chân lý, tăng thêm niềm tin, sức mạnh cho lực lượng cách mạng và là ngọn lửa thắp sáng mãi mãi trong chiến công của dân tộc. Họ bất tử cùng nhân dân và dân tộc [83, tr.72].

Bên cạnh đó, *tính kịch cao và xung đột rõ nét* là một yếu tố đặc trưng quan trọng. Trong những vở chèo thuộc thể tài này, xung đột không chỉ đến từ các trận chiến trên chiến trường, mà còn thể hiện qua những cuộc đấu tranh tư tưởng và sự đối đầu giữa các giá trị đạo đức. Các vở diễn thường khai thác những mâu thuẫn gay gắt giữa chính nghĩa và phi nghĩa, giữa tình thân yêu nước và sự phản bội, giữa hi sinh cá nhân và lợi ích tập thể. Chẳng hạn, trong *Ngày trở về*, nhân vật chính dù đã hi sinh cả cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng nhưng vẫn phải đối diện với sự hoài nghi và những khó khăn trong thời bình. Xung đột không chỉ được thể hiện qua hành động mà còn thông qua những dằn vặt nội tâm của nhân vật, giúp vở chèo có chiều sâu và tạo nên sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với khán giả.

Một yếu tố quan trọng khác trong chính kịch anh hùng ca chính là *kết cấu chặt chẽ và giàu tính sử thi*. Khác với kết cấu mở của chèo truyền thống, các vở diễn thuộc thể tài này thường tuân theo cấu trúc ba hồi hoặc năm hồi theo mô hình Aristotle, với diễn biến kịch tính, cao trào rõ nét và kết thúc đầy

bi tráng. Câu chuyện thường khởi đầu bằng việc giới thiệu hoàn cảnh, nhân vật và những thử thách ban đầu; sau đó đẩy lên cao trào khi xung đột trở nên căng thẳng, và cuối cùng là phần kết, nơi mà người anh hùng đạt đến sự hi sinh cao cả hoặc khẳng định chính nghĩa. Vở *Đất liền và biển cả* đã vận dụng kết cấu này một cách xuất sắc khi tái hiện cuộc chiến đấu vật lộn của người lính giữa biên khơi và kết thúc là sự hi sinh anh dũng của người lính trẻ.

Ngoài ra, một điểm đáng chú ý trong chính kịch anh hùng ca trên sân khấu Chèo Quân đội là *sự kết hợp giữa ngôn ngữ chèo truyền thống và thủ pháp sân khấu hiện đại*. Dù các vở diễn vẫn giữ những làn điệu chèo truyền thống với lời ca giàu tính tự sự và trữ tình, nhưng sự kết hợp với âm nhạc, ánh sáng, kỹ thuật dàn dựng hiện đại đã giúp tạo nên những không gian sân khấu hoành tráng, nâng cao tính biểu cảm của tác phẩm. Trong *Đại đội trưởng của tôi*, đạo diễn đã sử dụng ánh sáng và hiệu ứng sân khấu để thể hiện những giằng xé nội tâm của Sư đoàn trưởng Quỳnh khi có một đứa con hèn nhát, của Hùng - một sĩ quan tốt, có tài, được chiến sĩ tin yêu nhưng đứng trước hoàn cảnh bạo liệt của chiến tranh đã thành kẻ bạc nhược, uơ hèn, tháo chạy, để rồi cuối cùng nhận ra lỗi lầm của mình, tình nguyện trở lại chốt thép. Việc kết hợp các yếu tố hiện đại không làm mất đi bản sắc chèo mà ngược lại, giúp Chèo Quân đội tiếp cận gần hơn với khán giả đương đại, đồng thời giữ được sự hài hòa giữa truyền thống và sáng tạo.

Chính kịch anh hùng ca, được PGS.TS Trần Trí Trắc nhận định “là thể tài mới trong lịch sử sân khấu Việt Nam, là sản phẩm của nghệ thuật cách mạng Việt Nam và mãi mãi là bài ca hào hùng của dân tộc ta” [83, tr.74], khi được thể hiện trong sáng tạo của các nghệ sĩ Nhà hát Chèo trực thuộc Quân đội Nhân dân Việt Nam, đã được phát huy hiệu quả khi tôn vinh tính cách anh hùng - nhân dân trong sự nghiệp độc lập, tự do của Tổ quốc.

Các vở diễn chính kịch anh hùng ca của Nhà hát Chèo Quân đội có tác dụng tạo động lực và khích lệ tinh thần cho lực lượng vũ trang và nhân dân.

Các vở diễn không chỉ phục vụ khán giả phổ thông, mà còn được biểu diễn tại các đơn vị quân đội, vùng biên giới, hải đảo nhằm động viên tinh thần chiến đấu và bảo vệ Tổ quốc. Qua đó, Chèo không chỉ là một thể loại nghệ thuật sân khấu, mà còn trở thành một công cụ tuyên truyền hiệu quả, góp phần xây dựng ý thức quốc phòng và củng cố niềm tin vào sự nghiệp bảo vệ đất nước.

Chính kịch anh hùng ca là thể tài có sức sống bền bỉ trên sân khấu Chèo Quân đội, đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục tinh thần yêu nước, khơi dậy tinh thần chiến đấu, hi sinh vì Tổ quốc trong quân đội nhân dân. Với sự kết hợp giữa tính bi kịch và tính lãng mạn trong những câu chuyện mang chiều sâu nhân văn, các vở chèo thuộc thể tài này tiếp tục khẳng định vị thế quan trọng của Nhà hát Chèo Quân đội trong nền sân khấu chèo hiện đại.

2.3.2.2. *Thể tài chính kịch tâm lý xã hội trên sân khấu Chèo Quân đội*

Thể tài chính kịch tâm lý xã hội là một trong những hướng đi quan trọng của sân khấu Chèo Quân đội, giúp phản ánh những biến đổi sâu sắc của đời sống xã hội, những mâu thuẫn nội tâm của con người và đặc biệt là những góc khuất trong cuộc sống của người lính sau chiến tranh. Nếu như chính kịch anh hùng ca tập trung vào sự hào hùng, chiến công của các nhân vật anh hùng - nhân dân, thì chính kịch tâm lý xã hội lại khai thác các khía cạnh đời thường, sự giằng xé về mặt nội tâm. Các vở diễn thuộc thể tài này không chỉ hướng đến việc mô tả hiện thực, mà còn đặt ra nhiều vấn đề triết lý về con người và cuộc đời. Có thể kể các vở *Đôi mắt*, *Điều động lại sau chiến tranh*, *Bến nước đời người*, *Người về nơi đất cũ*, *Người chiến sĩ năm xưa...*

Trong các vở diễn thuộc thể tài chính kịch tâm lý xã hội trên sân khấu Nhà hát Chèo Quân đội, các nhân vật đều là những con người bình thường trong cuộc sống như Đạt, Mãi là các chiến sĩ Đại đội xe chiến đấu tại Trường Sơn, thanh niên xung phong Bích trong vở *Điều động lại sau chiến tranh*; chiến sĩ pháo cao xạ Việt, thương binh Thọ, Thành, bác sĩ Hải, bác sĩ Nga, cô y tá Chim Sơn Ca trong vở *Đôi mắt*; chiến sĩ Sáu Thành, Bảy Tân, cô sinh

viên Diệu Hương trong vở *Người chiến sĩ năm xưa*; kiểm lâm Trung, người yêu Trung, lâm tặc Bất, chủ quán Hồng Đào trong vở *Người về nơi đất cũ*... Những con người bình thường ấy khi được các nghệ sĩ Chèo Quân đội thể hiện có được sự chân thực, dung dị, đời thường như mỗi con người trong cuộc sống quanh ta.

Trong các vở chính kịch tâm lý xã hội của Nhà hát Chèo Quân đội đều đòi hỏi người nghệ sĩ đào sâu khai thác vào hành động nội tâm của nhân vật. Như nhân vật Sáu Thành trong vở *Người chiến sĩ năm xưa* có nhiều hành động nội tâm thể hiện chiều sâu tâm lý nhân vật. Nhân vật Sáu Thành là một người lính biệt động gan dạ, mưu trí, dũng cảm, được quân địch phong cho biệt danh là “Sói xám”. Liên tục phải chứng kiến những cái chết oan uổng của đồng đội, Sáu Thành đã rất đau xót, cay đắng khi thấy cấp trên của mình bảo thủ, chỉ vụ lợi cho cá nhân mà không nghĩ đến tính mạng của anh em. Anh đã trải qua cuộc đấu tranh nội tâm gay gắt giữa quân lệnh và sự sống còn của anh em. Cuối cùng lương tâm và trách nhiệm đã chiến thắng. Không thể ngồi im nhìn thấy đồng đội hi sinh một cách vô ích, Sáu Thành đã chống lại mệnh lệnh mà tự làm theo phương án của bản thân mình, bất chấp sự nguy hiểm và giành chiến thắng. Nhưng chiến công của anh không được cấp trên chấp nhận, mà cho rằng anh là người kiêu ngạo, ngang ngược, muốn chứng tỏ cá nhân. Trong quá trình đấu tranh cho lẽ phải, có những lúc Sáu Thành đã muốn buông xuôi vì phải chứng kiến quá nhiều sự hi sinh oan uổng của đồng đội mà bản thân mình không làm gì được. Anh chỉ biết tâm sự với dòng sông, anh không sợ chết, không sợ giặc, anh chỉ sợ những vết nhơ vẫn đục lặn trong đồng đội anh em. Anh đã tự động viên mình rằng cuộc đời còn nhiều điều tốt đẹp và ta hãy luôn giữ lòng tin vào cuộc sống này và quan trọng hơn là cuộc chiến đấu còn dài, còn nhiều khó khăn, anh phải chiến đấu đánh thắng kẻ thù đó mới là điều quan trọng nhất. Hay Đạt trong *Điều động lại sau chiến tranh* dù trong chiến trường mưa bom, bão đạn ác liệt và luôn có sự ngáng trở, ích

kỷ của Mãi - Đại đội trưởng, nhưng anh vẫn dành cho Bích một tình yêu nồng nhiệt và chân thành. Trong chiến tranh khốc liệt, sự sống và cái chết chỉ cách nhau gang tấc, vậy mà tình yêu của họ vẫn đơm hoa kết trái. Chiến tranh kết thúc, Đạt trở về hậu phương với thân hình không còn lành lặn, nhưng anh vẫn thực hiện đến cùng lời hứa nuôi con trai của Mãi khôn lớn và lặng lẽ đi tìm người yêu cùng với đứa con của mình với Bích năm xưa. Hoặc nhân vật Mãi trong vở cùng tên Thấy Bích yêu say đắm Đạt - là chiến sĩ cấp dưới thuộc quyền, đã đem lòng ghen ghét, ra sức ngáng trở, tìm đủ lý do để điều động Đạt phải vào chiến trường trực tiếp chiến đấu với mục đích chia rẽ tình cảm của hai người. Trong một trận chiến đấu với quân địch, thật tình cờ chính Đạt cùng đồng đội đã kịp thời giải cứu cho Mãi và những người đồng đội, vì vết thương quá nặng nên Mãi đã hi sinh. Trước lúc hi sinh, Mãi xót xa, ân hận, nhận lỗi với Đạt và nhờ Đạt về quê tìm người mẹ già cùng đứa con thơ khi sinh ra chưa biết mặt cha. Mãi dù trong cuộc sống riêng tư có tâm tư nhỏ nhen, nhưng khi ra chiến trường thì bản chất người lính không thể phai nhạt, đó là lòng căm thù giặc, chiến đấu đến hơi thở cuối cùng để bảo vệ Tổ quốc... Thông qua đó, khán giả hiểu sâu hơn về số phận người lính và người thân yêu của họ. Không chỉ khắc họa hình ảnh người chiến sĩ với những chiến công hiển hách trên chiến trường, các vở diễn thuộc thể tài chính kịch tâm lý xã hội còn khai thác những góc khuất, những tổn thương tâm lý và những mất mát không thể đong đếm mà họ phải gánh chịu sau chiến tranh. Họ không chỉ đối diện với những ký ức chiến tranh ám ảnh, mà còn phải đấu tranh để tìm lại chỗ đứng trong một xã hội đang thay đổi.

Ở đây, các vở diễn chính kịch tâm lý xã hội của Nhà hát Chèo Quân đội thông qua đi sâu vào nội tâm nhân vật để mổ xẻ mọi góc cạnh riêng tư, sâu kín của con người để từ đó làm nổi bật những vấn đề không “đao to búa lớn”, mà nhỏ bé, gần gũi và hướng vào chiều sâu bên trong của những vấn đề xã hội. Như vở *Đôi mắt* đâu chỉ là câu chuyện về người lính Việt bị thương ở đôi

mất, mà nói về tình người, tình đồng chí, đồng đội của những người lính ở nơi bom rơi đạn lạc, trong những thời khắc khốc liệt của chiến tranh, vẫn tràn đầy lòng nhân ái, vị tha và trên tất cả là đức hy sinh cùng tính nhân văn cao cả của con người Việt Nam. *Vở Điều động lại sau chiến tranh* đâu chỉ nói về sự ích kỉ, nhỏ nhen giữa những người lính, về tình yêu, tình đồng đội và sự hi sinh, mà hơn thế nói về người lính, dù trong thời chiến hay thời bình, vẫn sáng ngời phẩm chất nhân văn, cao thượng. *Vở Bến nước đời người* đâu chỉ nói về hạnh phúc gia đình, mà sâu hơn cả là vấn đề số phận của người lính và người vợ của họ trong và sau chiến tranh, *Vở Người về nơi đất cũ* đâu chỉ nói về nạn phá rừng, mà ý nghĩa hơn thế nói về bản lĩnh của người lính trước mọi thử thách của kẻ dấn đạp lên luật pháp, vượt lên mọi sự cám dỗ, kiên quyết đấu tranh đưa những kẻ phạm tội ra ánh sáng. Hay *vở Người chiến sĩ năm xưa* đâu chỉ là câu chuyện về những người lính biệt động Sài Gòn, mà là vấn đề cuộc đấu tranh của người lính với đồng đội của mình bị tha hóa và cuộc chiến ấy, dù ở thời chiến hay thời bình đều khốc liệt và đau đớn... Trên cơ sở đó, các vở đề tài chính kịch tâm lý xã hội đã trực diện phản ánh hiện thực xã hội một cách sinh động, chân thực, sâu sắc.

Với việc phản ánh hiện thực và khai thác tâm lý nhân vật, các vở diễn mang thể tài chính kịch tâm lý xã hội góp phần nâng cao giá trị nghệ thuật của Chèo, giúp các vở chèo trên sân khấu Quân đội có chiều sâu hơn và thu hút được sự quan tâm của khán giả hiện đại. Khi kết hợp Chèo với chính kịch tâm lý xã hội, các vở diễn không chỉ giữ được những đặc trưng của Chèo truyền thống, mà còn có thêm nhiều yếu tố mới về kết cấu kịch bản, cách xây dựng nhân vật và cách xử lý tình huống. Chẳng hạn, trong *Những người mẹ*, đạo diễn đã khéo léo lồng ghép các làn điệu chèo truyền thống vào những đoạn hội thoại đầy xúc động, giúp tăng tính biểu cảm của nhân vật mà vẫn giữ được hồn cốt của chèo. Đồng thời, các vở diễn cũng sử dụng những kỹ thuật sân khấu hiện đại như ánh sáng, âm nhạc và hiệu ứng để tăng cường tác động

thị giác, giúp câu chuyện trở nên sống động và hấp dẫn hơn.

Các vở diễn thể tài chính kịch tâm lý xã hội của Nhà hát Chèo Quân đội cũng có vai trò quan trọng trong việc thu hút khán giả trẻ là chiến sĩ đến với Chèo. Nếu như trước đây, Chèo chủ yếu được xem là một thể loại nghệ thuật sân khấu mang tính truyền thống, phù hợp với khán giả lớn tuổi, thì chính kịch tâm lý xã hội đã giúp Chèo tiếp cận với một bộ phận công chúng mới - những người trẻ quan tâm đến các vấn đề xã hội và thích khám phá những câu chuyện có chiều sâu. Những vở diễn như *Ngày trở về* hay *20 năm thù hận* không chỉ phản ánh thực tế đời sống, mà còn đặt ra những câu hỏi về đạo đức, công lý và trách nhiệm cá nhân, khiến khán giả trẻ cảm thấy gần gũi và dễ đồng cảm hơn.

Tóm lại, thể tài chính kịch tâm lý xã hội không chỉ làm phong phú thêm nội dung của sân khấu Chèo Quân đội, mà còn giúp các vở diễn Chèo Quân đội đề tài người lính có sức sống mạnh mẽ hơn trong bối cảnh hiện đại. Bằng cách phản ánh chân thực số phận con người, khai thác sâu sắc các vấn đề xã hội và kết hợp giữa truyền thống với hiện đại, thể tài này đã góp phần khẳng định Chèo không chỉ là một thể loại nghệ thuật sân khấu dân gian, mà còn là một phương tiện quan trọng để truyền tải những giá trị nhân văn và giáo dục đạo đức cho công chúng đương đại.

2.3.3. Nghệ thuật biểu diễn

Trong sân khấu Chèo Quân đội, nghệ thuật biểu diễn không chỉ nhằm mục đích tái hiện lại những sự kiện lịch sử hoặc các câu chuyện về người lính, mà còn tập trung vào việc khắc họa một cách chân thực, sống động hình tượng người chiến sĩ trên sân khấu. Bên cạnh đó, một trong những đặc điểm nổi bật của Chèo Quân đội chính là sự đi sâu vào thế giới nội tâm của nhân vật, tạo nên những vở diễn giàu cảm xúc, giúp khán giả cảm nhận được tinh thần kiên cường của người lính, thấu hiểu những trăn trở, giằng xé của họ trong nhiều bối cảnh lịch sử khác nhau.

2.3.3.1. Nghệ thuật biểu diễn chân thực, sống động về người lính

Các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội vốn cũng là những người lính, do đó, họ có sự đồng cảm sâu sắc với hình tượng người lính trên sân khấu. Người lính diễn về người lính, nói về người lính bao giờ cũng chân thực, sống động, giàu “chất lính” hơn các nghệ sĩ chèo ngoài quân đội. Họ khắc họa chân dung người lính một cách thuyết phục, gần gũi, chinh phục người xem bằng tài năng diễn xuất xuất chúng. Hình ảnh người lính được thể hiện trọn vẹn, từ kỷ luật nghiêm minh, tác phong chuẩn mực, sự tuân thủ tuyệt đối các quy định của đơn vị và quân đội, đến vẻ chất phác, giản dị, gần gũi với đời thường. Chính sự kết hợp hài hòa giữa tính kỷ luật và nét đời thường ấy đã tạo nên sức hút đặc biệt cho các nhân vật người lính do các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội thể hiện.

Vì là những người lính thực thụ nên tư thế, tác phong của các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội luôn tuân thủ nghiêm chỉnh điều lệnh. Đặc biệt, khi hóa thân vào hình ảnh người chiến sĩ, họ giữ vẻ ngoài giản dị, tóc tai gọn gàng, phù hợp quy định. Điều này góp phần quan trọng vào việc khắc họa chân dung người lính chân thực. Trái lại, một số nghệ sĩ thuộc các đoàn chèo ngoài quân đội (dân sự), khi thể hiện nhân vật người lính, lại có tạo hình thiếu tính chân thực: tóc tai bóng mượt, kiểu cách; dáng đi thiếu khí chất quân nhân; động tác chào chưa chuẩn mực, tạo cảm giác xa rời thực tế, làm mất đi vẻ mộc mạc vốn có của hình tượng người lính.

Trong đài từ sân khấu, các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội luôn khắc họa hình ảnh người lính dung dị, đời thường, gần gũi, tránh sự cường điệu thái quá. Như buổi chia ly đầy xúc cảm giữa nữ thanh niên xung phong Bích và đồng đội trong vở kịch *Điều động lại sau chiến tranh* được khắc họa chân thực, sâu sắc. Hình ảnh những người con gái trẻ, với hành động giản dị mà ý nghĩa: gói ghém vội vàng món quà nhỏ bé, chiếc khăn, tấm áo... tượng trưng cho sự sẻ chia, tình cảm thấm thiết. Đó là minh chứng chân thực về tình đồng đội gắn bó keo sơn, cùng trải qua bom rơi đạn lạc, nay phải chia xa, ai nấy

đều lưu luyến, xót xa. Cảnh tượng ấy đã chạm đến trái tim người xem, khắc họa rõ nét sự luyến tiếc, không muốn lìa xa giữa những người bạn, người đồng chí. Hay như vai diễn Tiến trong *Ánh sao đầu núi*, một người nông dân nghèo với trang phục giản dị, được thể hiện sinh động. Dù cuộc sống khó khăn, nhưng anh vẫn giữ vững khí phách, kiên quyết chống lại kẻ thù dân tộc, thể hiện rõ nét qua ngôn ngữ hình thể mạnh mẽ, dứt khoát. Tình yêu của Tiến và Ngân được diễn tả tinh tế, e lệ, phù hợp với bối cảnh lịch sử. Cảnh Ngân vượt sông đến Điện Biên được tái hiện chân thực qua những động tác chèo thuyền, những giọt mồ hôi và sự lo lắng. Dù là cảnh tượng được cách điệu, song sự thể hiện tài tình của diễn viên đã giúp khán giả cảm nhận sâu sắc những gian khổ, hiểm nguy mà nhân vật đã trải qua trong hành trình ấy. Mỗi động tác, mỗi ánh mắt đều góp phần tạo nên bức tranh chân thực về cuộc sống và tinh thần bất khuất của người dân Việt Nam trong thời chiến.

Trong vở diễn *Người chiến sĩ năm xưa*, hình ảnh Sáu Thành - “Sói xám” trên chiến trường chống giặc, người chiến binh dũng mãnh, mưu lược, do nghệ sĩ Quốc Khánh thủ vai, đã khắc họa thành công một nhân vật bề ngoài mạnh mẽ, gai góc, lầm lì, nhưng bên trong lại tràn đầy tình cảm. Yêu mà không dám nói bởi hiện thực chiến tranh khốc liệt, sự sống và cái chết chỉ cách nhau gang tấc và hơn hết cả đó là người lính cần phải biết đặt vận mệnh của Tổ quốc lên trên hết. Không cần nhiều lời, chỉ bằng hành động lặng lẽ trao chiếc khăn rằn, Sáu Thành gửi gắm trọn vẹn tâm tình khi tiễn biệt Út Vân lên đường học tập. Cảnh chia tay xúc động lòng người bởi sự thể hiện chân thực, phản ánh bi kịch tình yêu giữa chiến tranh khốc liệt. Nghệ thuật diễn xuất chân thực, tinh tế đã phơi bày hiện thực chiến tranh nghiệt ngã, làm rung động khán giả.

Trong vở kịch *Đôi mắt*, các nghệ sĩ đã tái hiện khung cảnh một trạm quân y đã chiến tan hoang sau trận bom tại chiến trường Trường Sơn. Những chiến sĩ bị thương, trong đó có Việt - người lính bị thương đôi mắt vì bom đạn - được đưa về đây. Giữa hiểm nguy cận kề, sự sống và cái chết song hành,

một tình yêu trong sáng, cao đẹp lặng lẽ nảy nở. Tình yêu ấy giữa những người lính đang chiến đấu vì Tổ quốc và nữ quân y dũng cảm, bắt chập bom rơi đạn lạc để cứu chữa thương binh. Âm thanh bom đạn vẫn còn văng vẳng, máy bay chiến đấu vẫn còn in bóng trên nền trời, nhưng cuộc sống vẫn tiếp diễn. Sự tĩnh lặng của rừng sâu chỉ còn tiếng gió vi vu và tiếng hát trong trẻo của những cô gái mở đường. Âm hưởng quan họ tha thiết vọng về, nhắc nhở về quê hương, về một cuộc sống bình yên tưởng chừng như xa vời. Cái chết luôn rình rập, nhưng tình người, tình yêu vẫn vươn lên giữa bom đạn, giữa núi rừng Trường Sơn hùng vĩ... Tất cả được dàn dựng và biểu diễn dung dị như ngoài đời, rung động lòng người.

Nghệ thuật biểu diễn trong Chèo Quân đội đã thành công trong việc khắc họa hình ảnh người lính một cách chân thực, sống động, gần gũi nhưng không mất đi chất Chèo truyền thống. Với sự kết hợp giữa diễn xuất tinh tế, thủ pháp sân khấu hiện đại và cách thể hiện đa dạng, các vở chèo đã giúp khán giả hiểu hơn về những người lính - những con người vừa kiên trung, bất khuất, vừa có đời sống nội tâm phong phú và những trăn trở riêng. Chính sự kết hợp hài hòa này đã giúp Chèo Quân đội khẳng định vị thế vững chắc trong nền sân khấu dân tộc.

2.3.3.2. Nghệ thuật biểu diễn đi vào chiều sâu tâm lý nhân vật người lính

Trong sân khấu Chèo Quân đội, nghệ thuật biểu diễn không chỉ hướng đến việc tái hiện hình ảnh người lính với những phẩm chất kiên trung, bất khuất, mà còn đi sâu vào khai thác những diễn biến nội tâm, những giằng xé cảm xúc của nhân vật. Các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội luôn thể hiện xuất sắc vai diễn người lính, khơi gợi xúc cảm mạnh mẽ của người xem. Sự nhập vai tinh tế, khai thác triệt để chiều sâu tâm lý nhân vật đã tạo nên hiệu quả nghệ thuật cao. Một câu chuyện được kể lại trên sân khấu, mặc dù khán giả vẫn biết đó là “kịch”, là sáng tạo của nghệ sĩ, nhưng vẫn chạm đến trái tim khán giả bằng sự chân thực.

Một trong những đặc điểm nổi bật của nghệ thuật biểu diễn Chèo Quân đội là sự khắc họa tâm lý nhân vật qua từng giai đoạn lịch sử khác nhau. Nếu như người lính trong thời phong kiến chủ yếu được xây dựng với hình tượng anh hùng kiên trung, chiến đấu vì chính nghĩa, thì trong chiến tranh cách mạng và thời kỳ hậu chiến, nhân vật người lính xuất hiện với những sắc thái tâm lý đa dạng hơn. Không còn là những hình mẫu lý tưởng đơn thuần, người lính trong chèo Quân đội đã được khắc họa chân thực hơn, với những hoài bão lớn lao, những trăn trở nội tâm và cả những mất mát, hi sinh. Đây là một bước phát triển quan trọng trong nghệ thuật biểu diễn, giúp chèo Quân đội không chỉ giữ được tinh thần sử thi truyền thống, mà còn mang tính nhân văn sâu sắc hơn, phản ánh chân thực đời sống tinh thần của người lính qua từng thời kỳ. Chẳng hạn, trong *Người anh hùng áo vải*, nhân vật Nguyễn Huệ không chỉ được khắc họa với dáng vẻ oai hùng trên chiến trường mà còn có những giằng xé nội tâm trước khi quyết định lên ngôi Hoàng đế để thống nhất đất nước. Dù là một chiến tướng kiệt xuất, Nguyễn Huệ vẫn là một con người với những trăn trở về trách nhiệm cá nhân và sứ mệnh dân tộc.

Việc thể hiện chiều sâu tâm lý nhân vật trong các vở chèo lịch sử này đòi hỏi diễn viên không chỉ tập trung vào những cảnh chiến đấu, mà còn phải sử dụng ánh mắt, cử chỉ và tông giọng để biểu đạt sự trăn trở của nhân vật. Trong *Sóng dựng Lô Giang*, hình tượng Trần Nguyên Hãn là một ví dụ điển hình về người tướng tài bị đẩy vào tình thế tiến thoái lưỡng nan khi bị gian thần hãm hại, khiến khán giả không chỉ khâm phục khí phách của ông mà còn cảm nhận được nỗi đau khi bị nghi ngờ và phản bội. Những phân đoạn thể hiện tâm lý giằng xé của nhân vật thường được thể hiện bằng những câu hát chèo mang âm hưởng bi tráng, giúp truyền tải được những mâu thuẫn nội tâm mà ngôn từ đôi khi không thể diễn đạt hết.

Bước sang thời kỳ chiến tranh cách mạng, hình tượng người lính trên

sân khấu Chèo Quân đội có sự chuyển biến rõ rệt. Các vở diễn như *Đêm trắng*, *Ánh sao đầu núi*, *Biển vẫn con đường mòn* đã thành công trong việc tái hiện những giằng xé tâm lý của người lính cách mạng. Nếu như trong các vở chèo lịch sử, người lính thường mang dáng dấp của những anh hùng chiến thắng, thì trong chèo cách mạng, họ được khắc họa với những hi sinh, mất mát và cả những đấu tranh nội tâm khốc liệt.

Một trong những vở diễn tiêu biểu thể hiện sâu sắc tâm lý của người lính cách mạng là *Đêm trắng*. Trong vở diễn này, hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện với chiều sâu tâm lý đặc biệt khi phải đưa ra quyết định ký án tử hình một vị tướng biến chất. Đây là một trong những khoảnh khắc hiểm hoai trên sân khấu chèo mà nhân vật chính không chỉ đối diện với kẻ thù, mà còn đối diện với chính mình, với những đau đớn nội tâm không thể diễn tả bằng lời. Để thể hiện điều này, diễn viên chèo phải sử dụng rất nhiều kỹ thuật diễn xuất tinh tế, từ ánh mắt trầm tư đến cách thể hiện giọng nói đầy xúc động, giúp khán giả cảm nhận được những suy tư nặng nề của vị lãnh tụ khi đặt lợi ích dân tộc lên trên những tình cảm cá nhân.

Bên cạnh đó, *Ánh sao đầu núi* và *Biển vẫn con đường mòn* cũng đi sâu vào tâm lý của những người lính nơi chiến tuyến. Không chỉ là những chiến binh dũng cảm, họ còn là những con người với những nỗi nhớ gia đình, tình yêu dang dở và sự lo lắng về tương lai sau chiến tranh. Những phân đoạn mô tả cảnh người lính viết thư về nhà, hay lặng lẽ suy tư trước giờ xung trận thường được diễn đạt bằng những làn điệu chèo trữ tình, giúp truyền tải những xúc cảm chân thực nhất của nhân vật.

Trong khi đó, người lính thời hậu chiến được các nghệ sĩ Chèo Quân đội diễn tả với tâm lý phức tạp, giằng xé giữa quá khứ và hiện tại. Ở *Bến nước đời người*, nhân vật Lăng - một cựu chiến binh bị ảnh hưởng bởi chất độc da cam - không chỉ phải đối diện với những tổn thương về thể xác, mà còn chịu sự kỳ thị từ gia đình và xã hội. Đây là một trong những vở chèo

hiếm hoi khai thác sâu sắc cuộc sống của những người lính sau chiến tranh, khi họ phải tìm cách hòa nhập với xã hội trong khi mang trên mình những di chứng của quá khứ. Cách thể hiện nhân vật này không chỉ đòi hỏi diễn viên phải có sự tinh tế trong diễn xuất, mà còn phải thể hiện được sự đau đớn nội tâm qua từng ánh mắt, từng cử chỉ bất lực nhưng đầy cam chịu.

Tương tự, *Ngày trở về* là câu chuyện về một người lính tình báo trở lại cuộc sống đời thường và bắt đầu hành trình đi tìm lại chính mình, đấu tranh với những ký ức đau thương và những hiểu lầm từ những người xung quanh. Nhân vật trong vở diễn này mang tâm lý dằn vặt, đau khổ khi không thể sống đúng với con người thật của mình trong suốt thời gian hoạt động cách mạng. Những đoạn độc thoại, những ánh mắt lạc lõng giữa phố xá đông người là những thủ pháp nghệ thuật được sử dụng để thể hiện tâm lý nhân vật một cách chân thực nhất.

Để có thể đi sâu vào tâm lý nhân vật, các diễn viên Chèo Quân đội đã áp dụng nhiều kỹ thuật diễn xuất tinh tế, kết hợp giữa nghệ thuật chèo truyền thống với những phương pháp diễn xuất hiện đại. Việc thể hiện nội tâm nhân vật không chỉ dừng lại ở lời thoại, mà còn được truyền tải thông qua ánh mắt, cử chỉ, biểu cảm khuôn mặt, làn điệu chèo và vũ đạo sân khấu. Điều này giúp các vở diễn không chỉ mang tính nghệ thuật cao, mà còn tạo ra sự kết nối cảm xúc mạnh mẽ giữa nhân vật và khán giả.

Trong những vở chèo có chiều sâu tâm lý như *Người về nơi đất cũ* hay *Công lý không gục ngã*, diễn viên chèo thường tận dụng ánh mắt để truyền tải cảm xúc nhiều hơn là lời thoại. Như trong *Người về nơi đất cũ*, nhân vật Trung - một người lính đấu tranh với những thế lực tội phạm và nạn tham nhũng - đã được thể hiện với ánh mắt cương nghị, dứt khoát khi đối diện với kẻ thù nhưng cũng đầy suy tư, trăn trở khi đứng trước những quyết định quan trọng. Ánh mắt của nhân vật không chỉ biểu đạt sự cương quyết hay lo âu mà còn phản ánh cả những tâm tư, nỗi đau mà họ đang che giấu. Trong *Công lý không gục ngã*, nhân vật Ngô Thị Nhậm đã trải qua những dằn vặt tâm lý khi

phải quyết tâm thực thi pháp luật bất chấp áp lực quyền lực. Ánh mắt của nhân vật chuyển từ kiên quyết sang trầm tư, thể hiện sự giằng xé nội tâm khi đối diện với những mâu thuẫn giữa tình cảm cá nhân và trách nhiệm quốc gia. Đây là một trong những kỹ thuật diễn xuất tinh tế của chèo hiện đại, giúp khán giả cảm nhận được tầng sâu tâm lý của nhân vật mà không cần sử dụng quá nhiều lời thoại.

Một trong những nét độc đáo của nghệ thuật Chèo Quân đội là việc sử dụng làn điệu chèo kết hợp với dân ca, tiếng nói, đặc điểm văn hóa vùng miền để bộc lộ cảm xúc nhân vật. Không giống như kịch nói hay điện ảnh, chèo có thể dùng âm nhạc để tạo ra những khoảng lặng cảm xúc, giúp diễn viên truyền tải tâm trạng một cách sâu sắc hơn. Trong *Bến nước đời người*, nhân vật người lính trở về sau chiến tranh đã sử dụng làn điệu chèo trữ tình để bộc lộ nỗi đau bị xã hội xa lánh, sự tuyệt vọng trước số phận. Những câu hát với tiết tấu chậm, giai điệu sâu lắng đã khắc họa rõ nét tâm trạng của nhân vật, khiến người xem dễ dàng đồng cảm với những mất mát mà người lính phải chịu đựng sau chiến tranh. Trong vở *Người chiến sĩ năm xưa*, trong lúc nghỉ ngơi ít ỏi, nhân vật Út Vân hát điệu Hò Nam Bộ cùng đồng đội của mình, làm khán giả liên tưởng ngay đến vùng đất sông nước miền Nam, nơi mà trận chiến đấu chống Mỹ đang diễn ra cam go, ác liệt.

Ngoài ánh mắt và lời ca, nghệ thuật biểu diễn trong Chèo Quân đội còn tận dụng ngôn ngữ cơ thể và múa để làm nổi bật tâm lý của nhân vật. Trong *Đại đội trưởng của tôi* nhân vật Hùng - một đại đội trưởng trẻ tuổi - đứng trước quyết định rút quân hay giữ vững trận địa, từng động tác của anh đều thể hiện rõ sự đấu tranh tâm lý. Động tác bước chân mạnh mẽ nhưng có phần do dự, đôi tay siết chặt thể hiện sự căng thẳng, kết hợp với ngôn ngữ cơ thể để tạo ra hình ảnh một người lính vừa có lý trí mạnh mẽ, vừa mang trong lòng những trăn trở về tính mạng đồng đội.

Những động tác múa trong chèo đã được điều chỉnh để phù hợp với

hình tượng người lính, giúp tăng thêm sự chân thực và sinh động cho đời sống nội tâm nhân vật. Nếu như trong chèo cổ, múa thường mang tính ước lệ với những động tác mềm mại, thì trong Chèo Quân đội, múa được biến đổi với những động tác mạnh mẽ, dứt khoát hơn, phù hợp với bối cảnh chiến tranh và tinh thần người lính. Ví dụ, trong *Người anh hùng áo vải*, hình ảnh Nguyễn Huệ được tái hiện qua những bước chân chắc chắn, những động tác múa kiếm đầy uy nghiêm, kết hợp với nhạc nền dồn dập, tạo nên không khí hào hùng. Ngược lại, trong *Ngày trở về*, những cử động chậm rãi, đôi vai trĩu nặng của nhân vật Trần Đức lại thể hiện rõ sự mệt mỏi, những nỗi niềm chôn giấu của một người lính tình báo sau nhiều năm sống trong vỏ bọc.

Có thể nói, nghệ thuật biểu diễn trong Chèo Quân đội đã có những bước phát triển mạnh mẽ trong việc khai thác chiều sâu tâm lý nhân vật người lính. Bằng cách kết hợp giữa kỹ thuật diễn xuất tinh tế, các vở diễn đã thành công trong việc tạo ra những nhân vật có sức sống, có chiều sâu, giúp khán giả không chỉ nhìn thấy, mà còn cảm nhận được những giằng xé, suy tư của người lính trong mỗi giai đoạn lịch sử. Đây chính là yếu tố làm nên sự khác biệt và giá trị nghệ thuật đặc trưng của Chèo Quân đội trong nền sân khấu hiện đại.

2.3.4. Nghệ thuật dàn dựng

Nghệ thuật dàn dựng sân khấu trong Chèo Quân đội là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa hai phong cách tả chân và tả ý, giúp tái hiện chân thực hình tượng người lính trong bối cảnh lịch sử, chiến tranh và đời sống hậu chiến, đồng thời có nhiều cảnh hoành tráng, không khí sôi động. Việc kết hợp này không chỉ giúp nâng cao tính nghệ thuật của vở diễn, mà còn đảm bảo tính biểu đạt cao, phù hợp với đặc trưng của chèo truyền thống nhưng vẫn có những cải tiến hiện đại để tiếp cận khán giả đương đại vốn chủ yếu đều là lính trẻ trong quân đội.

2.3.4.1. Nghệ thuật dàn dựng theo lối tả chân

Tả chân là “hiện thực đời sống xã hội đã trở thành đối tượng phản ánh

của chèo. Hiện thực trong chèo đã đồng nhất với hiện thực cuộc sống, những mối quan hệ trong chèo cũng chính là những mối quan hệ ngoài đời. Đời thế nào thì chèo như vậy” [89].

Chính vì theo lối tả chân nên các vở diễn Chèo Quân đội được... đạo diễn dàn dựng dưới dạng *Chèo - chính kịch*. Đó là chèo thể hiện những số phận, những tính cách, những mối quan hệ của những con người bình thường của đời thường hàng ngày. Ở đó, có tính bi và có thể có tính hài, gây cho khán giả những suy tư về cuộc đời. Kết cấu của ba vở theo hình thức: *Tự sự - kịch tính - trữ tình*, tức là vừa có mâu thuẫn, xung đột lại vừa có tâm lý sâu sắc [89].

Trang trí của phần nhiều vở diễn mang tính tả thực. Vở diễn *Ánh sao đầu núi* tái hiện hình ảnh đoàn xe đạp thồ khí thế, rộn ràng trên đường hành quân Điện Biên, trước giờ nổ súng. Vở diễn có nhiều cảnh huy động đông diễn viên (khoảng 20 diễn viên đóng vai dân công thồ lương thực lên Điện Biên; 9 diễn viên đóng vai cô gái thanh niên xung phong; 15 diễn viên đóng vai lính và người dân) để phản ánh chân thực không khí chiến đấu, sự tàn khốc của chiến tranh, tinh thần kháng chiến kiến quốc của toàn quân và dân. Hay vở diễn *Điều động lại sau chiến tranh* khắc họa khung cảnh Trường Sơn: lúc là rừng già nguyên sơ, với những cây cổ thụ xanh um, vọng lính được minh họa bằng vải dù buông xuống sân khấu; lúc lại là thảm cảnh chiến tranh tàn khốc, chỉ còn lại những thân cây cháy đen, đổ gục. Sân khấu mô phỏng địa hình đồi núi hiểm trở, với bậc cao, hai bên dốc xuống và cánh cửa tượng trưng cho nhà ở. Vở *Người chiến sĩ năm xưa* sử dụng phong nền gốc cây cháy sém, biểu trưng chiến trường; màu xanh biển tượng trưng dòng sông... Trong *Biển vẫn con đường mòn*, sân khấu được dàn dựng với hình ảnh con tàu vượt biển, những cơn sóng dữ dội và sự truy đuổi của kẻ thù.

Cách dàn dựng theo lối tả chân cũng thể hiện ở trang phục, đạo cụ, ánh sáng và âm thanh sân khấu. Cảnh trạm quân y, cảnh trực chiến, cảnh chiến trường, cảnh tòa án binh, đám cưới; trang phục và vũ khí, vật dụng hàng ngày

của các nhân vật như khăn, túi, thúng, rỏ, bàn ghế, xe đạp... Tiếng bom gào rú rung chuyển đất trời; tiếng máy bay phản lực tác chiến ngay trên đỉnh đầu; tiếng súng vang rền; tiếng pháo nổ ầm ầm, dữ dội; tiếng mưa rơi, nước chảy; tiếng xe thồ chở hàng lên đồi; tiếng chim kêu, vượn hú, gió thổi; tiếng sóng biển gầm gào; ánh sáng mờ tối khi các dân quân âm thầm tải hàng trong đêm, khi các chiến sĩ nằm nghỉ, ngồi tâm tình; ánh lửa đỏ rực của cánh rừng cháy vì bom đạn; ánh sáng thực cảnh ban ngày; mặt biển xanh lấp lánh tung bọt trắng xóa ngoài khơi...

Lối dàn dựng này thích hợp với các tác phẩm chèo cách mạng về đề tài người lính, đặc biệt đề tài chiến tranh cách mạng vốn chịu ảnh hưởng của phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa, tập trung vào hình tượng người chiến sĩ hi sinh vì lý tưởng, đồng thời tiếp nhận thể tài chính kịch, nhất là thể tài chính kịch anh hùng ca, tăng cường tính kịch trong khắc họa cuộc chiến đấu hào hùng. Điều này càng phù hợp với các vở diễn phục vụ cho khán giả là người lính trong quân đội với mục đích tuyên truyền chính trị, cổ vũ chiến đấu một cách trực tiếp nhất, hiệu quả nhanh nhất.

Hơn nữa, lối dàn dựng này cũng được áp dụng trong nhiều vở diễn của các đơn vị chèo dân sự. Nhưng ở sân khấu Chèo Quân đội, lối dàn dựng tả chân này mang tính thực tiễn cao hơn và đậm nét hơn, nhất là những cảnh mưa bom, bão đạn, chiến đấu với kẻ thù, những âm thanh mô phỏng tiếng súng đạn, pháo nổ, bom rơi, trực thăng cất cánh... Bởi lẽ, chỉ những người lính phản ánh về người lính mới có độ chân thực cao hơn so với người dân thường phản ánh về người lính.

Ngoài ra, khi dàn dựng đại cảnh gắn với cuộc chiến tranh, các đơn vị chèo dân sự do hạn chế về tài chính và nhân lực, nên khi dựng đại cảnh thường bị hạn chế, thậm chí tiết kiệm, đơn giản. Còn trên sân khấu Chèo Quân đội, do được Quân đội tạo điều kiện tối đa về tài chính để phục vụ chính trị, cộng với trong điều kiện thiếu các vai diễn lính quần chúng trong các cảnh

diễn mô tả trận chiến, thì có thể huy động những người lính có sẵn trong quân đội tham gia vào vở diễn một cách nhịp nhàng, làm cho các đại cảnh trở nên hấp dẫn, chân thực và chạm đến cảm xúc của người xem – chiến sĩ.

2.3.4.2. Nghệ thuật dàn dựng theo lối tả ý

Khác với tả chân, tả ý không mô phỏng hiện thực trực tiếp mà sử dụng hình ảnh ước lệ, biểu tượng để mở rộng tầng nghĩa và tăng giá trị nghệ thuật.

Trong các vở *Công lý không gục ngã*, *Người về nơi đất cũ*, *Ngày trở về*, phong cách tả ý được vận dụng hiệu quả. Ở *Người về nơi đất cũ*, hình ảnh cây cầu gãy tượng trưng cho sự chia cắt quá khứ và hiện tại, đồng thời phản ánh hành trình nội tâm của nhân vật cựu chiến sĩ Trung. Trong *Công lý không gục ngã*, thanh kiếm trên bàn xử án là biểu tượng cho quyết tâm thực thi công lý. Ở *Ngày trở về*, ánh sáng trầm và âm thanh vọng về từ quá khứ gợi sự ám ảnh, cô đơn và day dứt của nhân vật chính.

Sự kết hợp giữa tả chân và tả ý giúp các vở diễn vừa chân thực vừa giàu biểu tượng. Tả chân đem lại cảm giác trực quan về đời sống và chiến tranh, còn tả ý tạo nên chiều sâu tư tưởng và mở rộng khả năng sáng tạo. Đây cũng là minh chứng cho sự chuyên nghiệp, bản lĩnh của đạo diễn, biên kịch và diễn viên Chèo Quân đội trong việc giữ gìn truyền thống, đồng thời đổi mới để phù hợp với khán giả đương đại.

2.3.4.3. Nghệ thuật dàn dựng hoành tráng, bề thế

Một trong những đặc điểm nổi bật của các vở diễn mang đề tài lịch sử và cách mạng do Nhà hát Chèo Quân đội dàn dựng chính là quy mô hoành tráng, bề thế, đậm chất sử thi. Nghệ thuật dàn dựng không chỉ nhằm tái hiện sự kiện lịch sử với không gian rộng lớn, mà còn khẳng định tầm vóc thời đại, chiều sâu tư tưởng, tạo cho người xem cảm nhận về sức mạnh cộng đồng, về sự hòa quyện giữa cá nhân và dân tộc.

Ở vở *Đại đội trưởng của tôi* được dàn dựng lại năm 2023, tính hoành tráng thể hiện rõ trong những đại cảnh chiến đấu, nơi sân khấu được mở rộng

cả về chiều rộng và chiều sâu, tái hiện hình ảnh đoàn quân ra trận với đội hình đông đảo, xen kẽ tiếng trống trận, ánh sáng đỏ rực và làn điệu chèo trầm hùng. Những lớp diễn ấy không đơn thuần là phong nền minh họa, mà được tổ chức thành một “trường nhìn sử thi”, làm nổi bật khí thế của toàn dân tộc trong công cuộc kháng chiến, đồng thời khắc họa hình tượng người lính tình nguyện vừa gần gũi đời thường, vừa cao cả trong lý tưởng chiến đấu.

Trong các vở *Chu Văn An – Người thầy muôn đời* (2013), *Sáng trong như ngọc một con người* (2014) và *Đại tướng Võ Nguyên Giáp* (2024), nghệ thuật dàn dựng hoành tráng không dựa vào cảnh trí rộng lớn mà thiên về sự bề thế trong cấu trúc lớp diễn và tâm vóc của nhân vật trung tâm. Như ở vở *Chu Văn An – Người thầy muôn đời*, Chu Văn An hiện lên như một nhân cách vượt thời gian, đối diện với triều đình phong kiến thối nát bằng trí tuệ và khí tiết. Sân khấu được thiết kế mang tính biểu tượng cao: ánh sáng tập trung, phong nền giản lược nhưng được mở ra bằng chiều sâu âm nhạc và lời ca, tạo nên sự uy nghi, trang trọng. Đây chính là nghệ thuật dàn dựng hoành tráng ở cấp độ tư tưởng: tôn vinh trí tuệ, chính nghĩa và nhân cách đạo đức, qua đó đưa khán giả đến với những giá trị trường tồn của dân tộc.

Đến vở *Những người mẹ* (2018), tính bề thế lại được thể hiện ở quy mô nhân vật và sự đan xen các tuyến kịch. Tác phẩm khắc họa hình tượng tập thể người mẹ Việt Nam trong chiến tranh, từ hậu phương đến tiền tuyến, từ hi sinh thầm lặng đến nổi đau mất mát, nhưng tất cả cùng hội tụ trong sức mạnh nhân văn và tình yêu đất nước. Các lớp diễn được dàn dựng theo hình thức “liên hoàn sử thi”: cảnh đông đảo, chuyển cảnh nhanh, xen kẽ làn điệu chèo và nhạc nền hiện đại, tạo nên dòng chảy liên tục vừa hào hùng, vừa xúc động. Nhờ đó, tác phẩm đạt đến quy mô hoành tráng không chỉ ở khung cảnh sân khấu mà còn ở chiều sâu cảm xúc tập thể, biến hình tượng người mẹ thành biểu tượng thiêng liêng của dân tộc.

Nhìn tổng thể, nghệ thuật dàn dựng ở các vở diễn này đã đạt đến sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa truyền thống và hiện đại, giữa tính dân gian của chèo với thủ pháp sử thi và ngôn ngữ sân khấu lớn. “Hoành tráng, bề thế” không chỉ là sự phô diễn về số lượng diễn viên hay cảnh trí, mà trước hết là sự khẳng định tầm vóc của sự kiện, của nhân vật lịch sử và cách mạng. Đây là dấu ấn nghệ thuật đặc thù của Nhà hát Chèo Quân đội, cho thấy bản lĩnh sáng tạo của các đạo diễn khi nâng tầm chèo – một loại hình sân khấu dân gian – thành công cụ phản ánh lịch sử dân tộc với tầm vóc rộng lớn, khẳng định vị trí xứng đáng của nó trong đời sống văn hóa – nghệ thuật đương đại.

2.3.4.4. Nghệ thuật dàn dựng tái hiện không khí, tiết tấu sôi động, mạnh mẽ

Ở những vở diễn lịch sử – cách mạng, nhịp điệu sân khấu không đơn thuần là tốc độ chuyển cảnh mà là một cấu trúc nhịp điệu tổng hợp, được kiến tạo bởi tổ chức đội hình – động tác, âm thanh – âm nhạc, ánh sáng, lời thoại, và độ nén xung đột. Khi các lớp yếu tố này được phối hợp như một “bản phối nhiều bè”, sân khấu đạt tới không khí sôi động, mạnh mẽ, tạo cảm giác cuốn khán giả vào vòng xoáy sự kiện. Về hoành tráng có thể đến từ phong cảnh lớn, nhưng sức sống lại đến từ tiết tấu: cách vào – ra của nhân vật, nhịp chớp đèn, điểm rơi trống – chiêng, nhịp thở của quần chúng.

Thứ nhất, nhịp điệu hình thể và tổ chức đội hình là trục xương sống của cảm giác sôi động. Như ở vở *Hùng ca Bạch Đằng Giang*, các trường đoạn thủy chiến được kiến tạo bằng những “đợt sóng” đội hình: mũi thuyền – hàng chèo – cờ lệnh liên tục hoán vị, tiến – thoái theo nhịp trống trận. Việc sử dụng chuyển động đồng bộ (marching, diễu tiến theo đường chéo, xoay vòng) tạo nên cảm giác gia tốc thị giác, khiến xung đột được đẩy lên như thủy triều. Tiết tấu không chỉ nhanh mà còn có độ “gân” nhờ cắt dựng theo nhịp ngắn – dài xen kẽ: những nhát chém dứt khoát của đội hình chiến binh lập tức được “đệm” bằng mảng quần chúng reo hò, rồi chùng xuống nửa nhịp trước khi

bùng nổ cao trào tiếp theo.

Thứ hai, âm thanh – âm nhạc là động cơ đẩy năng lượng sân khấu. Như ở vở *Người anh hùng áo vải*, các lớp hành quân – xuất trận được đẩy nhịp bằng mô-típ tiết tấu trống dồn, tiếng chiêng – náo bạt và bè hô ứng của quần chúng. Sự tổ chức theo lối call-and-response (lời hô của tướng lĩnh – đáp của binh sĩ; hát dẫn – bè đồng ca) khiến tiết tấu có tính lan truyền, dồn ép cảm xúc khán giả. Những đoạn cao trào thường được đạo diễn tăng trường độ nhạc nền, nâng cường độ âm lượng, nhưng không đơn điệu: ngay giữa “con bão” âm thanh vẫn có những khoảng ngắt (break) ngắn – “khoảng lặng chiến thuật” – để tiếng hịch, lời thề hoặc câu hô khẩu hiệu của nhân vật chủ chốt rơi đúng điểm nhấn, rồi âm nhạc lại ập vào, tạo cảm giác từng lớp sóng năng lượng phủ trùm.

Thứ ba, tiết tấu sôi động tạo kịch tính, hấp dẫn. Như ở vở *Biển vắng con đường mòn*, tiết tấu sôi động được kiến tạo tinh tế hơn: tiếng máy tàu rền nền như một trục nhịp, tiếng còi – mô phỏng tín hiệu liên lạc – xen với hô lệnh, tiếng sóng và nhịp chân thủy thủ trên boong tạo ra poly-rhythm (đa tiết tấu) giàu kịch tính. Lúc nguy biến, nhịp ánh sáng quét ngang sân khấu chạy theo hướng tàu, cắt nhanh chuyển cảnh giữa boong – khoang – đài chỉ huy làm tăng cảm giác “thời gian nén”, đẩy xung đột tới trạng thái khẩn cấp. Ở đây, không khí sôi động không phải chỉ do tốc độ nhanh mà do nhịp tổ hợp: tự sự biển cả (trữ tình) và hành động chiến thuật (kịch tính) được lồng ghép nhịp nhàng để năng lượng không bị phẳng.

Thứ tư, lời thoại và “trò nhời” cũng góp phần tạo tiết tấu. Khi thoại được viết theo chu kỳ ngắn, nhiều câu ngắn, xen nhịp ngắt, kết hợp lối đối thoại đuổi (stichomythia), tốc độ giao tiếp tăng, làm bề mặt sân khấu “rần rật” như có dòng điện. Trong các cảnh nghị sự, mệnh lệnh – đáp lệnh – nhắc lệnh được thiết kế như mô thức nhịp, vừa truyền thông tin vừa “đánh nhịp” cho dàn diễn viên. Ngược lại, các câu hát chậm – dài, làn điệu trữ tình ngắn gọn được đặt vào điểm chùng để tạo độ tương phản, khiến khối sôi động tiếp sau

trở nên bùng nổ hơn.

Thứ năm, ánh sáng và cắt dựng sân khấu là bộ nhịp phụ trợ. Chớp đèn theo chu kỳ đều, quét sáng theo phương ngang – chéo, chuyển nhiệt độ màu từ lạnh sang ấm theo nhịp quân trống giúp khán giả cảm nhận “động” ngay cả khi diễn viên ít di chuyển. Cắt cảnh nhanh bằng các mảng phong động, màn LED đổi hình tức thời, hoặc sử dụng đạo cụ di động (cột buồm, cờ trận, trại quân) đẩy tốc độ kể chuyện, tránh “điểm chết” sân khấu.

Quan trọng hơn cả, tiết tấu sôi động không chỉ để “khuấy” khán phòng mà phục vụ chiến lược tư tưởng – mỹ học. Nhịp điệu mạnh làm thăng hoa ý thức cộng đồng: cá nhân hoà vào nhịp tập thể; lời hịch, lời thề không rơi vào giáo huấn mà trở thành xung lực cảm xúc; chiến công hiện lên như kết quả của sự đồng nhịp, đồng lòng. Khi cao trào qua đi, đạo diễn thường trả sân khấu về nhịp thở chậm – những câu hát nền trầm – để “hạ nhiệt” cảm xúc, tạo dư ba và khoảng suy tưởng.

Từ các minh chứng trên, có thể thấy một dàn dựng đạt tới không khí, tiết tấu sôi động, mạnh mẽ là kết quả của tư duy nhịp điệu liên ngành: tổ chức chuyển động – âm nhạc – ánh sáng – lời thoại như một cơ thể nhịp. Chính tính nhịp ấy làm nên sức công phá thẩm mỹ của vở diễn, khiến lịch sử không chỉ được kể lại, mà còn được sống lại như một trải nghiệm giàu năng lượng trên sân khấu.

Tiểu kết

Chương 2 đã nhận diện một cách hệ thống đặc điểm nội dung và hình thức nghệ thuật của Nhà hát Chèo Quân đội trong quan hệ hữu cơ với môi trường chính trị – xã hội, đối tượng phục vụ và truyền thống sân khấu dân tộc. Trước hết, về các yếu tố tác động, Nhà hát hoạt động trong khuôn khổ nhiệm vụ chính trị của Quân đội nhân dân Việt Nam, nên nghệ thuật luôn gắn với yêu cầu tuyên truyền – giáo dục, bồi đắp bản lĩnh chính trị, nâng cao đời sống tinh thần bộ đội và bảo tồn, phát huy giá trị chèo trong môi trường quân đội.

Chính ba trụ cột ấy quy định định hướng sáng tác, lựa chọn đề tài, cách kiến tạo hình tượng và cả phương thức dàn dựng, khiến “tính đảng, tính chiến đấu, tính nhân văn” trở thành bản sắc nội tại, ổn định qua các thời kỳ.

Về phương diện nội dung, hệ thống đề tài của Nhà hát cho thấy sự ưu trội rõ rệt của mảng người lính (64/86 vở, chiếm 74,4%), qua bốn nhóm lớn: người lính thời phong kiến; người lính trong chiến tranh cách mạng; người lính thời hậu chiến; và người lính trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời bình. Các nhóm đề tài này không chỉ tái hiện chiến công, mà còn mở rộng sang những lát cắt hậu chiến, những tổn thương và thách thức trong hòa bình, từ đó làm sâu thêm chiều kích nhân văn của hình tượng người lính. Trên nền đề tài đó, chủ đề tư tưởng kết tinh thành một mạch nguồn nhất quán: (i) tố cáo tội ác, phủ định chế độ phong kiến – thực dân – đế quốc, lên án bọn bán nước, tay sai; (ii) khơi dậy lòng yêu nước, ý chí đấu tranh, hiệu triệu toàn dân vì độc lập; (iii) khẳng định chủ nghĩa anh hùng toàn quân – toàn dân; đồng thời (iv) kiến tạo hệ giá trị xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: “lấy dân làm gốc”, trọng dụng hiền tài, thượng tôn pháp luật, chống thoái hóa, tham nhũng, tôn sư trọng đạo, đoàn kết quân – dân và bảo vệ chủ quyền biển đảo. Nhờ đó, nghệ thuật chèo ở Nhà hát không dừng ở chức năng thẩm mỹ, mà trở thành tiếng nói chính trị – xã hội có sức thuyết phục, bồi đắp ý thức công dân và niềm tự hào dân tộc.

Về hình tượng, người lính là trung tâm cấu trúc: chân thực, giản dị, đời thường nhưng thấm đẫm tâm hồn và tính cách Việt; tỏa sáng bởi tinh thần đồng đội, ý chí vượt gian khổ, hi sinh, phẩm chất anh hùng và lạc quan cách mạng. Đặc biệt, hình tượng này là điểm hội tụ của ba thuộc tính: tính chính trị (lý tưởng, trách nhiệm), tính chiến đấu (ý chí, kỷ luật, hành động) và tính nhân văn (tình người, khoan dung, vị tha). Nhờ thế, dù ở bối cảnh lịch sử nào, người lính trên sân khấu Chèo Quân đội vừa là cá nhân cụ thể, vừa là biểu trưng cộng đồng.

Về hình thức, Nhà hát kết hợp linh hoạt kết cấu tự sự của chèo truyền thống (giáo đầu – thân trò – văn trò, tính mở, ước lệ) với mô hình xung đột

kiểu Aristotle (điểm nút – phát triển – cao trào – cởi nút), đặc biệt hiệu quả ở các vở chính luận – lịch sử và chiến tranh cách mạng. Sự đan cài “trò diễn” (hành động – biểu tượng hình thể) và “trò nhời” (lời thoại – châm biếm – triết luận) giúp cảnh kịch vừa giàu tính trực quan, vừa sâu tư tưởng.

Về thể tài, Nhà hát tập trung vào chính kịch anh hùng ca (tôn vinh lý tưởng, chiến công và phẩm chất cộng đồng) và chính kịch tâm lý – xã hội (đi sâu bi kịch hậu chiến, giằng xé nội tâm, vấn đề đạo đức – công lý trong đời thường), qua đó mở rộng biên độ biểu đạt của chèo hiện đại mà vẫn giữ “hồn cốt” dân gian.

Về nghệ thuật biểu diễn, ưu thế “người lính diễn người lính” tạo nên độ chân thực cao về tác phong, kỷ luật, cảm xúc và ngôn ngữ cơ thể; đồng thời, kỹ thuật diễn xuất hiện đại (nhấn vào ánh mắt, tiết chế lời, khai thác độc thoại nội tâm, phối ghép làn điệu) cho phép đi sâu tâm lý nhân vật, nhất là ở những tình huống đạo đức khó xử và các vết thương tinh thần hậu chiến.

Về dàn dựng, Nhà hát kiến tạo một ngôn ngữ sân khấu kép: tả chân (thực cảnh chiến trường, hậu phương, trang trí – đạo cụ – âm thanh – ánh sáng giàu tính mô phỏng) song hành với tả ý (biểu tượng, ước lệ không gian – thời gian), được nâng đỡ bởi mỹ học “sân khấu lớn”: đại cảnh sử thi, tổ chức đội hình – chuyển động, poly-rhythm âm nhạc – âm thanh – ánh sáng, nhịp cắt cảnh nhanh, tạo không khí sôi động – mạnh mẽ và tầm vóc bề thế cho sự kiện, nhân vật.

Tổng kết lại, chương 2 khẳng định đặc điểm của Nhà hát Chèo Quân đội là sự hòa quyện giữa truyền thống và hiện đại, giữa chức năng thẩm mỹ và sứ mệnh chính trị – văn hóa. Đó là một hệ hình sáng tạo trong đó đề tài người lính làm trục, hệ giá trị dân tộc làm nền, còn kỹ pháp chèo – kịch hiện đại làm phương tiện biểu đạt. Những đặc điểm nội dung và hình thức được nhận diện ở chương này không chỉ lý giải sức sống của kịch mục Nhà hát trong suốt nhiều thập niên, mà còn cung cấp khung tham chiếu để đánh giá chất lượng nghệ thuật, hiệu quả tuyên truyền – giáo dục và định hướng phát triển ở các chương/ phần tiếp theo.

Chương 3

NHỮNG ĐÓNG GÓP NGHỆ THUẬT CỦA NHÀ HÁT CHÈO QUÂN ĐỘI VÀ VẤN ĐỀ GÌN GIỮ, PHÁT HUY TRONG BỐI CẢNH ĐƯƠNG ĐẠI

3.1. Những đóng góp nghệ thuật của Nhà hát Chèo Quân đội

3.1.1. Kế thừa giá trị nghệ thuật chèo truyền thống

Một trong những đóng góp nổi bật của Nhà hát Chèo Quân đội là giống các đơn vị nghệ thuật chèo dân sự khác, có sự kế thừa và phát huy các giá trị nghệ thuật chèo truyền thống trong bối cảnh hiện đại. Việc giữ gìn bản sắc không chỉ thể hiện ở việc sử dụng các làn điệu, thủ pháp quen thuộc của chèo cổ, mà còn ở cách duy trì cấu trúc tự sự, tính ước lệ và lối biểu hiện đặc trưng, nhằm bảo đảm cho loại hình sân khấu dân gian này không bị hòa tan trong dòng chảy nghệ thuật đương đại.

Thứ nhất, về phương diện âm nhạc trong chèo, vốn được coi là linh hồn của loại hình sân khấu này, bởi nó không chỉ tạo bầu không khí, định hình sắc thái cảm xúc cho toàn bộ vở diễn, mà còn là phương tiện trực tiếp để nhân vật bộc lộ tâm trạng, chuyển tải suy nghĩ, lý tưởng và tình cảm. Nhà hát Chèo Quân đội khi kế thừa nghệ thuật chèo truyền thống đã đặc biệt chú trọng tới việc giữ gìn hệ thống làn điệu phong phú của chèo cổ, đồng thời đưa vào cách sử dụng mới để phù hợp với tình huống và tâm lý nhân vật trong bối cảnh hiện đại. Những làn điệu quen thuộc như *sử*, *vía*, *hề môi*, *luyện năm cung*, *đào liễu*, *tò vò*, *đường trường bắn thước*, *quân tử vu địch*, *con gà rừng*, *đường trường thu không*... không chỉ được tái hiện, mà còn được biến hóa sáng tạo nhằm tăng hiệu quả nghệ thuật.

Trong vở *Lá thư tiền tuyến* (Văn Thom), những điệu hát trữ tình vang lên khi nhân vật người lính viết thư về quê, hòa quyện giữa âm nhạc và lời ca, đã khắc họa rõ nét nỗi nhớ thương, khát vọng đoàn tụ. Các làn điệu ấy giữ được tính chất cổ truyền của chèo – mộc mạc, giản dị, dễ đi vào lòng người –

nhưng nhờ sự sắp đặt khéo léo của đạo diễn mà trở nên phù hợp với hoàn cảnh chiến tranh cách mạng. Từ đó, khán giả không chỉ cảm nhận được tâm trạng riêng của nhân vật mà còn thấy được âm hưởng chung của cả một thế hệ ra trận, mang trong mình tình yêu gia đình gắn liền với tình yêu Tổ quốc.

Ở vở *Người năm ấy* (Văn Thơm), âm nhạc lại được vận dụng với sắc thái khác. Nếu chèo cổ thiên về chất trữ tình, nhẹ nhàng, thì ở đây, các làn điệu được đặt trong bối cảnh chiến đấu, mang hơi hướng sử thi, hào hùng. Âm nhạc kết hợp với nhịp trống dồn dập đã làm nổi bật tinh thần chiến đấu quả cảm, khơi dậy sự xúc động mạnh mẽ nơi khán giả. Điều đó cho thấy Nhà hát Chèo Quân đội không đóng khung âm nhạc trong tính chất cổ điển, mà đã biết mở rộng biên độ cảm xúc, đưa vào sắc thái bi hùng của thời đại.

Một điểm đáng chú ý nữa là việc duy trì và phát triển lối hát nói, hát vìa – vốn là thủ pháp đặc trưng trong chèo cổ. Đây là cách hát nửa nói nửa hát, giúp cho lời thoại của nhân vật không rơi vào sự khô cứng, mà trở nên giàu nhạc tính, có khả năng tự sự và biểu cảm cùng lúc. Trong nhiều vở diễn như *Nguyễn Văn Cừ - Tuổi trẻ chí lớn* hay *Biển vẫn con đường mòn*, hát nói, hát vìa được dùng để giới thiệu bối cảnh, phác thảo tâm trạng nhân vật hoặc bộc lộ trực tiếp ý chí, suy tư. Nhờ đó, mạch truyện trở nên liên lạc, tự nhiên, đồng thời khán giả cảm nhận rõ rệt chất chèo thấm đẫm trong từng câu chữ.

Ngoài việc kế thừa, Nhà hát còn tiến hành chuyển hóa sáng tạo các làn điệu cổ để tạo sự hấp dẫn mới. Ví dụ, trong vở *Đại tướng Võ Nguyên Giáp* (NSND Trịnh Thúc Mùi), những đoạn âm nhạc truyền thống được biến đổi tiết tấu, hòa phối với nhạc khí hiện đại, tạo nên âm hưởng rộn ràng, kịch tính, làm nổi bật không khí bi tráng của vở diễn. Hay ở *Người anh hùng áo vải* (NSND Lê Hùng), làn điệu quen thuộc được phối hợp với dàn nhạc cụ dân tộc theo đội hình lớn, gọi ra sự hùng tráng của nghĩa quân khởi nghĩa. Những

sáng tạo này không phá vỡ cấu trúc âm nhạc chèo, mà ngược lại, cho thấy khả năng thích ứng của chất liệu cổ truyền với yêu cầu thẩm mỹ đương đại.

Có thể nói, việc kế thừa âm nhạc chèo truyền thống ở Nhà hát Chèo Quân đội là một sự kế thừa sống động, linh hoạt. Nhà hát không sao chép nguyên xi những giai điệu cổ, mà thổi vào đó hơi thở thời đại, để mỗi làn điệu vừa mang tính quen thuộc, vừa mở ra không gian nghệ thuật mới mẻ. Đây chính là minh chứng cho sức sống bền bỉ của kho tàng âm nhạc chèo, cũng là minh chứng cho tư duy nghệ thuật sáng tạo của các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội trong hành trình bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc.

Thứ hai, về nghệ thuật biểu hiện, các nguyên tắc ước lệ, cách điệu vẫn được duy trì một cách linh hoạt. Đây là nguyên tắc nghệ thuật đã ăn sâu vào ngôn ngữ sân khấu chèo, cho phép khán giả tiếp nhận tác phẩm không qua hình thức tả thực, mà thông qua sự gợi ý, khái quát hóa. Nhà hát Chèo Quân đội khi kế thừa và phát huy nghệ thuật chèo cổ đã ý thức rõ điều này, do đó trong các vở diễn, những thủ pháp ước lệ và biểu tượng được duy trì một cách linh hoạt, sáng tạo, vừa giữ lại phong vị truyền thống, vừa mở ra khả năng đồng sáng tạo với người xem.

Các đạo cụ quen thuộc như quạt, khăn, gậy, mâm đồng... thường xuyên xuất hiện trên sân khấu, nhưng không bị bó hẹp trong một công dụng cụ thể. Chúng có thể hóa thân thành nhiều hình ảnh khác nhau, tùy theo hoàn cảnh kịch. Trong vở *Cô thủ kho và bà sư đuổi chuột* (Cao Lưu), chiếc quạt ban đầu chỉ là vật dụng sinh hoạt, nhưng qua động tác biểu hiện, nó trở thành biểu tượng của trí tuệ, sự nhanh nhẹn, giúp nhân vật vượt qua thử thách. Tính biểu trưng này vừa mang lại sự độc đáo, vừa gợi trí tưởng tượng nơi khán giả. Ở vở *Người anh hùng áo vải* (NSND Lê Hùng), cây gậy xuất hiện trong tay nghĩa quân không chỉ là vũ khí chiến đấu, mà còn là biểu tượng của sức mạnh tập thể, tinh thần nổi dậy của nhân dân. Cách sử dụng đạo cụ như vậy tạo nên

sự khái quát hóa, nâng hành động cụ thể lên thành hình tượng mang tính lịch sử, dân tộc.

Không chỉ dừng lại ở đạo cụ, nghệ thuật biểu hiện trong chèo còn thể hiện qua hệ thống động tác, hình thể của diễn viên. Các bước đi, dáng ngồi, cách vung tay, xoay người... đều mang tính quy ước và được nhà hát duy trì trong nhiều vở diễn. Ví dụ, trong vở *Chuyến đò Sông Mã* (Văn Thơm), chỉ bằng vài động tác chèo thuyền ước lệ, khán giả đã hình dung ra cảnh con đò chở bộ đội vượt sông trong bom đạn. Cách biểu hiện này không cần sự tái hiện cầu kỳ bằng phong cảnh thật, nhưng vẫn tạo cảm giác chân thực nhờ sức gợi hình, gợi cảm. Ở vở *Đại đội trưởng của tôi* (NSND Tự Long), các tấm vải đỏ lúc thì sử dụng như những lá cờ, lúc thì tạo thành giao thông hào, thành con đường máu cho các chiến sĩ xung phong... sự ước lệ trong động tác phát cờ, dàn quân giúp khán giả cảm nhận không khí sử thi hoành tráng mà không cần tái hiện nguyên vẹn trận chiến.

Một điểm đáng chú ý khác là cách các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội duy trì tính biểu trưng trong ngôn ngữ trình diễn. Một cái nháy mắt, một nụ cười, hay thậm chí một cái lắc đầu cũng có thể chứa đựng lớp nghĩa thứ hai, không chỉ nói lên tâm trạng nhân vật mà còn hàm ý về tình huống kịch. Chẳng hạn, trong vở *Người tử tù mất tích* (NSND Doãn Hoàng Giang), dựa trên câu chuyện có thật về người chiến sĩ Mai Tấn Hồng bị giặc tung tin vu cáo khiến một số bà con hiểu lầm, hình tượng nhân vật đứng lặng giữa ánh sáng mờ ảo với chiếc khăn trắng trên tay không chỉ diễn tả nỗi bi thương, nỗi đau bị hiểu lầm của cá nhân mà còn gợi nhớ những oan khuất mà nhiều người chiến sĩ cách mạng từng phải gánh chịu trong chiến tranh, trước khi được đồng chí Nguyễn Quang Vinh và lịch sử minh oan.

Chính nhờ tính ước lệ và biểu trưng, nghệ thuật chèo không bị giới hạn trong không gian vật chất cụ thể, mà mở ra không gian tinh thần rộng lớn.

Khán giả, khi tiếp nhận, không chỉ thấy một câu chuyện cụ thể mà còn liên tưởng đến những giá trị chung của dân tộc, của con người. Nhà hát Chèo Quân đội đã tiếp nối thành công nguyên tắc này, tạo ra những tác phẩm giàu tính nghệ thuật, khác biệt với sân khấu hiện thực, và khẳng định bản sắc riêng của chèo trong dòng chảy nghệ thuật đương đại.

Thứ ba, hệ thống nhân vật kiểu mẫu và trò diễn hề chèo cũng được bảo tồn với mức độ thích ứng. Trong nghệ thuật chèo cổ, hệ thống nhân vật đã được định hình rõ ràng và trở thành một trong những yếu tố quan trọng làm nên bản sắc riêng của loại hình sân khấu này. Các kiểu nhân vật cơ bản như đào thương, đào lệch, kép chính, kép phụ, lão, hề... không chỉ đại diện cho những tầng lớp xã hội khác nhau mà còn mang chức năng thẩm mỹ, giúp khán giả nhận diện nhanh chóng bản chất của nhân vật qua dáng vẻ, ngôn ngữ, hành động. Nhà hát Chèo Quân đội kế thừa truyền thống đó, nhưng đồng thời cũng có sự phát triển, biến đổi để phù hợp với bối cảnh cách mạng và đời sống hiện đại, qua đó tạo nên những hình tượng nhân vật vừa quen thuộc vừa mới mẻ.

Trước hết, hình tượng kép chính trong chèo cổ vốn đại diện cho những người đàn ông chính trực, giàu tình cảm, luôn hướng đến cái thiện. Truyền thống này được Nhà hát kế thừa rõ nét trong nhiều vở diễn. Chẳng hạn, trong vở *Nguyễn Đức Cảnh* (Trần Quỳnh), nhân vật Nguyễn Đức Cảnh vẫn giữ phẩm chất thanh cao, chính trực như một “kép chính” cổ điển, nhưng đồng thời mang khí chất của người lãnh tụ cách mạng, đại diện cho khát vọng độc lập dân tộc. Hình tượng này không còn bó hẹp trong khuôn mẫu trung quân ái quốc như chèo xưa, mà được gắn với lý tưởng thời đại, tạo sự gần gũi và sức lay động mạnh mẽ đối với công chúng.

Bên cạnh đó, hệ thống nhân vật nữ cũng được kế thừa và phát triển. Đào thương trong chèo cổ thường gắn liền với hình tượng người phụ nữ hiền thực, chịu nhiều oan trái, nhưng luôn giữ vững phẩm hạnh và niềm tin vào lẽ phải.

Trong *Bến nước đời người* (NSND Doãn Hoàng Giang), nhân vật người vợ nơi hậu phương là sự tiếp nối mẫu hình này: hiền dịu, thủy chung, giàu đức hy sinh. Song khác với đào thương truyền thống chỉ gắn với bi kịch tình duyên, nhân vật nữ trong chèo quân đội được đặt trong bối cảnh chiến tranh cách mạng, trở thành nguồn động viên tinh thần to lớn cho người lính. Điều đó cho thấy Nhà hát đã mở rộng vai trò của người phụ nữ, làm nổi bật hình ảnh họ không chỉ là nạn nhân của định mệnh, mà còn là chủ thể tích cực của lịch sử.

Ngoài đào thương, các nhân vật nữ còn xuất hiện với vai trò đặc biệt trong những vở lịch sử – cung đình. Ở *Nhiếp chính Ý Lan* (NSND Tào Mạt – NSND Đoàn Long), hình tượng Ý Lan được xây dựng trên nền tảng mẫu hình đào chính truyền thống nhưng được phát triển thành biểu tượng trí tuệ, bản lĩnh chính trị. Nhân vật này vừa mang vẻ đẹp dịu dàng, vừa toát lên phong thái quyết đoán của một nhà lãnh đạo, qua đó khẳng định vai trò và trí tuệ của người phụ nữ Việt Nam trong lịch sử.

Nhân vật phản diện – vốn thường xuất hiện trong chèo cổ dưới dạng đào lệch hay kép ác – cũng được Nhà hát giữ lại và phát triển. Trong *Người trong bóng tối* (NSND Doãn Hoàng Giang), các nhân vật phản diện không chỉ được khắc họa bằng những nét tính cách cường điệu, gây cười như chèo truyền thống, mà còn mang tính hiện thực xã hội rõ rệt, phản ánh sự tha hóa, cơ hội, và những mảng tối của xã hội hiện đại. Sự phát triển này khiến nhân vật phản diện không chỉ dừng lại ở chức năng đối lập, mà còn góp phần phơi bày những mâu thuẫn hiện thực, làm tăng tính thời sự cho vở diễn.

Không thể thiếu trong hệ thống nhân vật là lớp nhân vật hề – một mảng miếng đặc trưng, mang lại tiếng cười, sự châm biếm và bình luận xã hội. Trong vở *Chu Văn An – Người thầy của muôn đời* (NSND Doãn Hoàng Giang), nhân vật hề không chỉ xuất hiện để khuấy động không khí, mà còn phản ánh thói hư tật xấu, phê phán sự quan liêu, hình thức. Tiếng cười ở đây

vừa hóm hỉnh vừa thâm thúy, đúng với tinh thần chèo cổ: dùng hài hước để khơi gợi suy ngẫm. Trong *Nguyễn Chí Thanh – Sáng trong như ngọc một con người* (NSND Doãn Hoàng Giang), hề lại đóng vai trò xoa dịu bầu không khí căng thẳng chiến tranh, giúp cân bằng cảm xúc và duy trì nhịp điệu xen kẽ bi – hài, tạo sự hấp dẫn cho tác phẩm.

Hệ thống nhân vật lão trong chèo cổ – những ông già, bà lão đại diện cho tầng lớp trí thức, nông dân hoặc tầng lớp bình dân – cũng được kế thừa. Trong *Người anh hùng áo vải* (NSND Lê Hùng), hình tượng các bộ lão được đưa vào như những nhân chứng lịch sử, góp phần khẳng định tính chính danh và sức mạnh đoàn kết của nghĩa quân. Sự xuất hiện của họ không chỉ làm dày thêm không khí kịch mà còn giúp tăng tính biểu tượng, gợi nhắc đến truyền thống “kính lão đắc thọ” trong văn hóa Việt.

Từ những dẫn chứng trên có thể thấy, Nhà hát Chèo Quân đội đã kế thừa một cách toàn diện hệ thống nhân vật kiểu mẫu của chèo cổ, đồng thời phát triển và biến đổi để phản ánh hiện thực mới. Nhân vật trong các vở chèo không chỉ là sự lặp lại của những mẫu hình xưa, mà đã được thổi vào hơi thở thời đại, mang tính sử thi hoặc hiện thực rõ rệt. Sự tiếp nối này khẳng định sức sống của hệ thống nhân vật chèo, đồng thời cho thấy khả năng thích ứng, phát triển của loại hình sân khấu truyền thống trong bối cảnh xã hội hiện đại.

Ngoài ra, Nhà hát Chèo Quân đội đã cho thấy nỗ lực bảo tồn và phát triển nghệ thuật chèo truyền thống thông qua hàng loạt tác phẩm được dàn dựng và công diễn. Có thể thấy rõ sự kế thừa đặc trưng cấu trúc “tự sự – trữ tình” trong các vở như *Câu Kiều ru một đời người* (2019, NSND Lê Hùng) hay *Tình sử ngàn năm* (2022, NSND Lê Hùng). Các tác phẩm này đều sử dụng lời dẫn vìa, lời nhân vật mang tính thông báo, xen kẽ với các lớp hát, múa, nói. Thủ pháp ước lệ và kiểu nhân vật quen thuộc của chèo vẫn được bảo lưu, trong khi làn điệu cổ được phối mới, rút gọn để phù hợp với tiết tấu

nhanh và thẩm mỹ tiếp nhận của khán giả đương đại. Qua đó, Nhà hát đã chứng minh sự gắn bó chặt chẽ với truyền thống mà không rơi vào sự lặp lại đơn thuần.

Bên cạnh việc bảo lưu, Nhà hát Chèo Quân đội còn mạnh dạn sáng tạo trong nội dung, đưa nhiều đề tài lịch sử, cách mạng, cũng như những câu chuyện giàu tính nhân văn vào trong chèo. Vở *Ngày trở về* (2020, NSND Lê Hùng) khai thác hành trình của người lính sau chiến tranh, thể hiện sự dung hòa giữa chất bi tráng và chất trữ tình. Các tác phẩm như *Nguyễn Văn Cừ – Tuổi trẻ chí lớn* (2021, NSND Tụ Long) hay *Sóng dựng Lô Giang* (2022, Nguyễn Cao Cường) lại tái hiện những sự kiện, nhân vật lịch sử, vừa mang giá trị giáo dục chính trị, vừa giữ được phong vị dân gian nhờ cấu trúc tự sự quen thuộc. Đặc biệt, *Mặt chữ giữa hoàng cung* (2022, NSND Doãn Hoàng Giang) đã cho thấy cách chèo có thể dung nạp yếu tố chính kịch cung đình mà vẫn giữ được tính ước lệ, biểu trưng, nhờ đó tạo nên sự hòa quyện giữa kịch tính và chất dân gian.

Ở một số vở diễn khác, dấu ấn sáng tạo còn được thể hiện rõ qua nghệ thuật dàn dựng và phong cách biểu diễn. Các đạo diễn như NSND Doãn Hoàng Giang và NSND Tụ Long đã chú trọng việc kết hợp kỹ thuật dàn dựng hiện đại, như ánh sáng, âm nhạc phối khí mới, nhịp điệu nhanh, với phong cách ước lệ truyền thống. Trong *20 năm thù hận* (2020) hay *Biển vẫn con đường mòn* (2021), kịch tính được đẩy cao nhưng vẫn dựa trên nhân vật chức năng, các làn điệu gắn với tâm trạng nhân vật, cùng thủ pháp “nói lời – ngâm – hát” đan xen. Vở *Tình sử ngàn năm* (2022, NSND Lê Hùng) lại thiên về khắc họa tình cảm, nhấn mạnh yếu tố trữ tình sâu lắng, qua đó làm nổi bật sức sống của chèo như một loại hình sân khấu thiên về cảm xúc và tính nhân văn.

Có thể nói, Nhà hát Chèo Quân đội không chỉ dừng lại ở việc sao chép hình thức chèo cổ, mà đã tái tạo, phát triển những giá trị truyền thống trong

một chỉnh thể mới. Việc bảo lưu làn điệu, thủ pháp ước lệ, kiểu nhân vật, trò diễn, kết hợp với sáng tạo về nội dung và kỹ thuật dàn dựng, đã làm nên một diện mạo chèo quân đội vừa quen thuộc vừa mới mẻ. Đây chính là minh chứng cho khả năng “sống” bền của nghệ thuật truyền thống khi được kế thừa trên nền tảng tri thức và tư duy nghệ thuật đương đại.

3.1.2. Phát triển nghệ thuật chèo cách mạng

Bên cạnh việc kế thừa tinh hoa chèo truyền thống, Nhà hát Chèo Quân đội còn có những đóng góp quan trọng trong việc phát triển chèo cách mạng - một hướng sáng tạo thể hiện đậm đặc hơn so với các đơn vị nghệ thuật chèo dân sự vì đặc thù gắn với nhiệm vụ chính trị của Nhà hát trực thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam. Sở dĩ nói như vậy bởi lẽ Nhà hát Chèo Quân đội không chỉ là một đơn vị nghệ thuật, mà còn là công cụ văn hóa – tư tưởng của Quân đội nhân dân Việt Nam, góp phần xây dựng tinh thần chiến đấu và niềm tin cách mạng. Do đó, Chèo cách mạng của Nhà hát vừa tiếp nối bản sắc dân tộc, vừa mang hơi thở của thời đại, mở rộng biên độ nội dung và đổi mới phương thức biểu hiện, đưa thể loại nghệ thuật sân khấu này vượt khỏi giới hạn đề tài cổ tích, sinh hoạt phong kiến để đến gần hơn với cuộc sống đương đại và lý tưởng cách mạng.

Trước hết, về phương diện đề tài, chèo cách mạng của Nhà hát tập trung khai thác những trang sử bi tráng của dân tộc trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc và công cuộc bảo vệ Tổ quốc sau này. Những vở diễn như *Biển vẫn con đường mòn*, *Hoa và Ngàn*, *Đại đội trưởng của tôi* không chỉ tái hiện hiện thực chiến đấu gian khổ, mà còn ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần đoàn kết quân - dân, tình yêu quê hương đất nước. Sự xuất hiện của các hình tượng người lính, bà mẹ, người phụ nữ hậu phương hay cán bộ chiến sĩ trong chèo đã mở ra một không gian nghệ thuật mới, mang tính thời sự và gắn bó chặt chẽ với vận mệnh dân tộc.

Thứ hai, về hình thức biểu hiện, chèo cách mạng của Nhà hát không sao chép nguyên mẫu chèo cổ mà có sự cải tiến linh hoạt để phù hợp với nhịp sống hiện đại. Bên cạnh làn điệu truyền thống, các tác giả và đạo diễn bổ sung những làn điệu mới mang âm hưởng hào hùng, sử dụng nhạc khí quân nhạc, trống trận kết hợp nhạc cụ dân tộc, tạo nên không khí sử thi đặc trưng cho những cảnh chiến trận hoặc hội quân. Nghệ thuật múa và động tác hình thể cũng được mở rộng với các đội hình, động tác mạnh mẽ, giàu tính tạo hình, góp phần tăng cường tính thị giác và sức truyền cảm.

Một điểm nổi bật của chèo cách mạng của Nhà hát là sự nhấn mạnh yếu tố sử thi - anh hùng ca. Các lớp diễn thường được dàn dựng quy mô lớn, kết hợp hát, múa, diễn xuất với hiệu ứng âm thanh, ánh sáng nhằm tạo cảm giác hoành tráng, thể hiện khí thế toàn dân tộc vùng lên. Tuy nhiên, giữa những trường đoạn bi hùng, chèo cách mạng vẫn giữ chất trữ tình đặc hữu, thông qua những lớp hát duyên dáng, mềm mại khắc họa đời sống tình cảm, tình yêu quê hương và sự gắn bó máu thịt giữa người lính với hậu phương.

Ngoài ra, chèo cách mạng của Nhà hát vẫn duy trì sự hiện diện của yếu tố hài hước, thông qua nhân vật hề hoặc những mảng trò dí dỏm, giúp giảm bớt tính căng thẳng, đồng thời chuyển tải những thông điệp nhân văn sâu sắc về đạo lý, tình người trong chiến tranh. Đây chính là sự tiếp nối tinh thần chèo truyền thống nhưng được đặt trong bối cảnh hiện đại với nội dung cách mạng.

Với đóng góp này, Nhà hát Chèo Quân đội đã góp phần định hình thẩm mỹ cách mạng tạo nên một dòng chèo mang đậm màu sắc chính trị – tư tưởng rõ rệt, bổ sung cho chèo dân sự vốn tính chính trị – tư tưởng nhẹ hơn và thiên về đời sống xã hội.

Có thể khẳng định, với những sáng tạo trong nội dung và hình thức, Nhà hát Chèo Quân đội đã góp phần làm cho chèo cách mạng trở thành một dòng chảy quan trọng của sân khấu Việt Nam hiện đại. Dòng chèo này không chỉ giữ

được hồn cốt dân tộc mà còn phản ánh chân thực lịch sử, trở thành phương tiện hữu hiệu để tuyên truyền lý tưởng cách mạng, giáo dục truyền thống yêu nước cho các thế hệ. Nhờ đó, chèo không bị “đóng khung” trong quá khứ mà tiếp tục sống động, thích ứng với yêu cầu của đời sống đương đại, góp phần khẳng định vị thế của sân khấu dân tộc trong bối cảnh hội nhập văn hóa hiện nay.

3.1.3. Hiện đại hóa nghệ thuật chèo đương đại

Trong bối cảnh hội nhập và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ sân khấu hiện nay, Nhà hát Chèo Quân đội đã có những bước đi táo bạo hơn các đơn vị nghệ thuật chèo dân sự trong việc hiện đại hóa nghệ thuật chèo, tạo ra một diện mạo mới mẻ nhưng vẫn giữ được cốt cách truyền thống. Sự hiện đại hóa này không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ ngày càng cao của công chúng, mà còn để khẳng định sức sống bền vững của chèo trong đời sống nghệ thuật đương đại, đồng thời thể hiện sự “mạnh tay” trong đầu tư của Quân đội dành cho đơn vị nghệ thuật của người lính mà các đơn vị nghệ thuật dân sự khác khó có được.

Trước hết, sự đổi mới thể hiện rõ ở việc ứng dụng công nghệ âm thanh, ánh sáng, và kỹ thuật sân khấu hiện đại. Trong nhiều vở diễn quy mô lớn như *Biển vẫn con đường mòn*, *Hùng ca Bạch Đằng Giang*, hay *Bài ca giữ nước*, hệ thống ánh sáng được thiết kế công phu, tạo chiều sâu cho không gian biểu diễn, nhấn mạnh tính sử thi và sự hoành tráng của bối cảnh lịch sử. Những hiệu ứng ánh sáng mô phỏng sóng biển, lửa đạn chiến trường hay ánh hào quang của cung đình đã mang đến trải nghiệm thị giác mạnh mẽ, giúp người xem hòa mình vào không khí kịch. Âm thanh cũng được xử lý bằng công nghệ hiện đại, kết hợp nhạc sống và nhạc nền điện tử, tạo nên sự hài hòa giữa chất liệu truyền thống và hơi thở thời đại.

Bên cạnh công nghệ, hiện đại hóa còn thể hiện ở việc cải tiến dàn dựng và tiết tấu vở diễn. Nếu chèo cổ vốn có nhịp điệu chậm rãi, thiên về trữ tình,

thì chèo đương đại của Nhà hát Chèo Quân đội đã rút ngắn các lớp trò, tăng cường tính hành động và sự kịch tính, phù hợp với nhịp sống nhanh của khán giả hiện nay. Các cảnh diễn được tổ chức theo cấu trúc mở, linh hoạt trong việc chuyển cảnh, kết hợp nhiều lớp diễn song song, làm cho mạch kịch liên lạc, hấp dẫn mà không mất đi tính tự sự vốn có của chèo.

Một điểm nhấn khác trong quá trình hiện đại hóa là việc đưa vào những yếu tố nghệ thuật liên ngành như múa đương đại, âm nhạc điện tử, và các chất liệu mỹ thuật mới trong thiết kế sân khấu. Chẳng hạn, ở một số vở diễn, hình ảnh sân khấu được bổ sung màn chiếu LED hoặc kỹ thuật mapping để tái hiện cảnh biển, núi non, hay không gian cung đình, tạo hiệu ứng vừa chân thực vừa mang tính tượng trưng. Điều này cho phép chèo tiếp cận công chúng trẻ tuổi mà không đánh mất đặc trưng ước lệ và biểu tượng của mình.

Ngoài ra, hiện đại hóa còn nằm ở tư duy đạo diễn và phong cách biểu diễn của nghệ sĩ. Nghệ thuật diễn xuất chèo ngày nay chú trọng hơn đến chiều sâu tâm lý nhân vật, kết hợp giữa kỹ thuật ước lệ truyền thống và biểu hiện hiện thực để tăng sức thuyết phục. Nhờ đó, nhân vật không chỉ là những hình tượng cách điệu mà còn gần gũi, sống động, đáp ứng nhu cầu thưởng thức của khán giả hiện đại.

Có thể khẳng định rằng, quá trình hiện đại hóa chèo đương đại tại Nhà hát Chèo Quân đội không phải là sự phá vỡ truyền thống, mà là sự dung hợp hài hòa giữa cái cũ và cái mới, giữa bản sắc dân tộc và xu hướng thời đại. Đây chính là con đường tất yếu để chèo tồn tại và phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa, đồng thời giữ vững vai trò là loại hình nghệ thuật độc đáo, giàu giá trị nhân văn của dân tộc Việt Nam.

3.1.4. Tạo dựng nên một “chiếu chèo” riêng – “chiếu chèo” Quân đội

Nhà hát Chèo Quân đội đã đưa nghệ thuật chèo chủ yếu phục vụ nhiệm vụ chính trị – quân đội, tạo nên một dòng chèo mang đậm hơi thở của chiến

sĩ, trong khi các đơn vị chèo dân sự khác chủ yếu thiên về nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật chèo truyền thống. Đây là điểm khác biệt nhất trong đóng góp nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội.

Như đã phân tích ở chương 2, có thể thấy các vở diễn thường phản ánh nhiều mặt của hiện thực quân đội từ thực tế huấn luyện, chiến đấu, đời sống bộ đội tạo nên màu sắc riêng biệt so với các đơn vị chèo dân sự vốn thiên về lịch sử, dã sử, dân gian, cổ tích, huyền thoại hay những vấn đề của đời sống xã hội đương đại. Trong đó, các vở diễn khắc họa người lính vừa kiên cường trong chiến đấu, vừa giàu tình cảm, nhân văn trong đời sống thường ngày, thấm đẫm lòng yêu nước và sự gắn bó quân - dân. Người lính hiện lên như một nhân vật chèo mới, kế thừa tinh thần anh hùng trong tích trò cổ nhưng mang hơi thở thời đại. Qua hình tượng người lính, “chiếu chèo” chiến sĩ của Nhà hát Chèo Quân đội không chỉ ca ngợi tình yêu quê hương đất nước, mà còn khẳng định vai trò của quân đội trong bảo vệ Tổ quốc; đã đưa những câu chuyện từ chiến trường, đời sống sinh động, chân thực của người lính vào làn điệu chèo truyền thống, có sự biến tấu, khơi dậy không khí hào hùng, khích lệ tinh thần quân dân, tạo nên màu sắc sử thi và gần gũi với khán giả.

Ở đây, “chiếu chèo” Quân đội thông qua các vở diễn, luôn hướng đến các chủ đề tư tưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, phục vụ bộ đội và nhân dân trong các sự kiện chính trị – quốc phòng. Điều này có nghĩa là sáng tạo nghệ thuật của các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội đều chủ yếu hướng đến mục đích lớn nhất là thực hiện nhiệm vụ chính trị - tư tưởng của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Người nghệ sĩ của “chiếu chèo” Quân đội vừa là chiến sĩ, vừa là người làm nghệ thuật. Điều này tạo nên phong cách biểu diễn kỷ luật, mạnh mẽ, nhưng vẫn giàu cảm xúc. Họ là nhân tố không thể thiếu góp phần tạo dựng

nên “chiều chèo” Quân đội.

3.2. Những yếu tố tác động đến việc giữ gìn, phát huy đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội

3.2.1. Đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước

Nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội không chỉ là một loại hình nghệ thuật truyền thống, mà còn là công cụ quan trọng trong công tác tuyên truyền chính trị, giáo dục tư tưởng và nâng cao đời sống tinh thần của quân nhân. Chính vì vậy, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát huy đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội trong bối cảnh hiện nay. Những chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước không chỉ giúp bảo tồn, phát triển loại hình nghệ thuật truyền thống này, mà còn tạo ra điều kiện thuận lợi để Chèo Quân đội có thể tiếp tục phát huy vai trò của mình trong hệ thống văn hóa nghệ thuật quân đội.

Chính sách bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống đã được thể hiện rõ qua các văn kiện, nghị quyết của Đảng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ V của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã nhấn mạnh việc “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, trong đó có việc bảo tồn và phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống như Chèo. Điều này được cụ thể hóa qua các chính sách hỗ trợ nghệ thuật sân khấu dân tộc, trong đó có Nhà hát Chèo Quân đội. Nhờ có sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, các chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội luôn được đầu tư, từ việc dàn dựng vở diễn cho đến tổ chức các chuyến lưu diễn phục vụ quân nhân và nhân dân tại nhiều địa bàn trên cả nước.

Bên cạnh đó, Nhà nước cũng đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ về kinh phí, đào tạo nhân lực và tổ chức biểu diễn nghệ thuật truyền thống. Các chính sách này tạo điều kiện cho Nhà hát Chèo Quân đội phát triển bền vững

và tiếp tục giữ vững sứ mệnh nghệ thuật của mình. Tuy nhiên, mặc dù sự hỗ trợ là đáng kể, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt trong việc đổi mới nội dung và mở rộng phạm vi tiếp cận khán giả trẻ. Một nghệ sĩ tại Nhà hát Chèo Quân đội chia sẻ: “Chúng tôi rất biết ơn những chính sách hỗ trợ của Nhà nước, nhưng để chèo thực sự phát triển, chúng ta cần có thêm cơ chế để sáng tạo, đổi mới và tiếp cận khán giả trẻ một cách linh hoạt hơn” [PL3. Tr 202].

Là một đơn vị nghệ thuật trực thuộc Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nhà hát Chèo Quân đội luôn đặt nhiệm vụ tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước lên hàng đầu. Các vở diễn của Nhà hát thường xuyên phản ánh tinh thần chiến đấu, lòng yêu nước, phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ, góp phần giáo dục tư tưởng cho quân nhân. Những tác phẩm như *Người chiến sĩ năm xưa*, *Nguyễn Văn Cừ: Tuổi trẻ chí lớn* hay *Ánh sao đầu núi* không chỉ tái hiện những câu chuyện lịch sử mà còn mang tính định hướng chính trị rõ nét. Một khán giả quân nhân chia sẻ: “Xem Chèo Quân đội không chỉ là thưởng thức nghệ thuật, mà còn là một cách để tôi hiểu hơn về truyền thống quân đội, từ đó tự nhắc nhở mình phải sống và cống hiến hết mình”.

Trong bối cảnh thực hiện chủ trương sáp nhập các cơ quan nhà nước để tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của Đảng và Nhà nước trực tiếp tác động không nhỏ đến giữ gìn, phát huy đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội được xây dựng và hình thành, phát triển trong hơn 70 năm qua.

3.2.2. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và giao lưu văn hóa

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra không ít thách thức đối với việc giữ gìn, phát huy đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội. Trong bối cảnh hiện nay, khi nền văn hóa Việt Nam đang ngày càng mở rộng giao lưu với thế giới, việc bảo tồn và phát huy giá trị của nghệ thuật truyền thống như Nhà hát Chèo Quân đội càng

trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Việc tiếp nhận những ảnh hưởng văn hóa quốc tế trong khi vẫn giữ gìn bản sắc dân tộc là một bài toán mà nghệ thuật Chèo Quân đội cần giải quyết để có thể tiếp tục phát triển bền vững. Đây không chỉ là nhiệm vụ của các nhà quản lý nghệ thuật, mà còn là trách nhiệm chung của các nghệ sĩ, nhà nghiên cứu văn hóa và cả khán giả - những người tiếp nhận và bảo tồn di sản quý báu này.

Toàn cầu hóa mang đến sự giao lưu văn hóa mạnh mẽ giữa các quốc gia, giúp nghệ thuật truyền thống của Việt Nam có cơ hội tiếp cận với nhiều nền văn hóa khác nhau. Các xu hướng nghệ thuật hiện đại, các thể loại biểu diễn mới từ phương Tây, Nhật Bản, Hàn Quốc đã tác động đáng kể đến thị hiếu thẩm mỹ của khán giả trẻ, trong đó có các chiến sĩ trong quân đội. Sự xuất hiện của các phương tiện truyền thông kỹ thuật số, mạng xã hội và các nền tảng phát trực tuyến giúp các loại hình nghệ thuật hiện đại dễ dàng tiếp cận với công chúng, trong khi nghệ thuật truyền thống như Chèo Quân đội phải cạnh tranh với nhiều hình thức giải trí khác nhau. Điều này tạo ra một thách thức lớn: làm sao để giữ vững được bản sắc truyền thống nhưng vẫn đảm bảo tính hấp dẫn đối với khán giả hiện đại.

Tuy nhiên, bên cạnh những thách thức, hội nhập quốc tế cũng mang đến nhiều cơ hội. Thông qua các chương trình giao lưu nghệ thuật với các nước bạn, Nhà hát Chèo Quân đội có thể tiếp thu những kỹ thuật dàn dựng hiện đại, cách thức tổ chức biểu diễn chuyên nghiệp hơn, từ đó nâng cao chất lượng các vở diễn. Việc tham gia các liên hoan nghệ thuật quốc tế, tổ chức các buổi biểu diễn giao lưu văn hóa với các đoàn nghệ thuật nước ngoài không chỉ giúp Chèo Quân đội trở nên phong phú hơn về mặt nội dung mà còn giúp mở rộng phạm vi khán giả. Một nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội chia sẻ: “Việc giao lưu với các đoàn nghệ thuật nước ngoài không chỉ giúp chúng tôi học hỏi cách dàn dựng, mà còn giúp nghệ sĩ chèo hiểu hơn về sự đổi mới

cần thiết để giữ chân khán giả trong thời đại mới” [PL3. Tr 202]. Điều này cho thấy rằng hội nhập không chỉ là tiếp thu, mà còn là sự thích nghi sáng tạo để Chèo Quân đội có thể tiếp tục tồn tại và phát triển.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người lính cũng có nhiều thay đổi. Thế hệ chiến sĩ trẻ ngày nay không chỉ tiếp cận với nghệ thuật truyền thống mà còn bị ảnh hưởng bởi các loại hình giải trí hiện đại. Việc tiếp xúc thường xuyên với phim ảnh, âm nhạc, các chương trình giải trí từ nước ngoài đã làm thay đổi thị hiếu thưởng thức nghệ thuật của họ, khiến nghệ thuật Chèo Quân đội phải đổi mới để tiếp cận khán giả hiện đại hơn. Một khảo sát thực hiện trong quá trình nghiên cứu cho thấy mức độ quan tâm của chiến sĩ trẻ đối với nghệ thuật truyền thống có xu hướng giảm dần nếu nội dung không được đổi mới, hấp dẫn hơn. Tuy nhiên, nếu Chèo Quân đội có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, sử dụng các yếu tố kỹ thuật sân khấu tiên tiến, thì khả năng thu hút khán giả trẻ sẽ cao hơn đáng kể. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc sáng tạo trong dàn dựng, biên kịch và trình diễn để nghệ thuật Chèo Quân đội có thể hòa nhập mà không mất đi bản sắc riêng.

Tóm lại, toàn cầu hóa và hội nhập văn hóa vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với Chèo Quân đội. Việc tiếp thu những tinh hoa nghệ thuật thế giới nhưng vẫn giữ vững bản sắc dân tộc sẽ giúp Nhà hát Chèo Quân đội tiếp tục phát huy giá trị của mình trong thời đại mới. Nghệ thuật chèo không chỉ cần đổi mới để phù hợp với thị hiếu khán giả hiện đại, mà còn cần phải được quảng bá và bảo tồn như một phần quan trọng của di sản văn hóa Việt Nam. Nếu có chiến lược phát triển đúng đắn, Chèo Quân đội sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của chiến sĩ và người dân, khẳng định vị thế của mình trong dòng chảy văn hóa dân tộc và quốc tế.

3.2.3. Sự phát triển khoa học và công nghệ

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ trong những thập kỷ gần đây đã tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có nghệ thuật biểu diễn. Đối với Nhà hát Chèo Quân đội, khoa học và công nghệ không chỉ đóng vai trò hỗ trợ nâng cao chất lượng biểu diễn mà còn mở ra nhiều cơ hội mới trong việc bảo tồn, phát huy và lan tỏa giá trị của loại hình nghệ thuật này đến đông đảo công chúng. Việc ứng dụng công nghệ vào nghệ thuật truyền thống như Chèo Quân đội đã trở thành một xu hướng tất yếu, giúp loại hình này vừa giữ được bản sắc dân tộc vừa có thể tiếp cận với khán giả hiện đại một cách hiệu quả hơn.

Một trong những tác động rõ rệt nhất của công nghệ đối với Chèo Quân đội là sự phát triển của hệ thống âm thanh, ánh sáng và kỹ thuật sân khấu. Trước đây, các buổi biểu diễn chèo thường bị giới hạn trong không gian hẹp với các thiết bị truyền thống, làm giảm phần nào hiệu ứng thị giác và trải nghiệm của khán giả. Tuy nhiên, với sự hỗ trợ của công nghệ hiện đại, các vở diễn Chèo Quân đội ngày nay đã được nâng cấp với hệ thống âm thanh vòm, ánh sáng lập trình, hiệu ứng sân khấu 3D giúp tái hiện bối cảnh một cách sống động và hấp dẫn hơn. Điều này không chỉ nâng cao tính thẩm mỹ mà còn giúp truyền tải nội dung một cách mạnh mẽ hơn đến người xem.

Bên cạnh đó, sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số cũng giúp Chèo Quân đội mở rộng phạm vi tiếp cận khán giả thông qua các nền tảng trực tuyến. Trước đây, các buổi diễn Chèo Quân đội chủ yếu phục vụ trực tiếp trong các đơn vị quân đội, tại các hội trường hoặc sân khấu lưu động. Tuy nhiên, với sự phổ biến của Internet và mạng xã hội, Chèo Quân đội hoàn toàn có thể mở rộng đối tượng khán giả thông qua các nền tảng như YouTube, Facebook, TikTok hoặc các ứng dụng phát trực tuyến khác. Việc số hóa các vở diễn, xây dựng kho lưu trữ tư liệu số không chỉ giúp lưu giữ di sản văn hóa

mà còn tạo cơ hội để nghệ thuật này tiếp cận với thế hệ trẻ, những người vốn quen thuộc với công nghệ và các phương thức tiếp nhận nội dung số hóa.

Một khía cạnh quan trọng khác mà công nghệ đem lại cho Chèo Quân đội là việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và thực tế ảo (VR) vào quá trình sáng tạo nghệ thuật. Các phần mềm hỗ trợ sáng tác kịch bản, công nghệ mô phỏng giọng nói AI hay thực tế ảo giúp tái hiện bối cảnh lịch sử có thể mang đến những trải nghiệm mới mẻ cho khán giả. Chẳng hạn, thông qua công nghệ VR, người xem có thể được đưa vào không gian của một vở diễn cổ xưa, trải nghiệm không khí lịch sử và cảm nhận nghệ thuật chèo theo cách chưa từng có trước đây. Những tiến bộ này không chỉ giúp nâng cao trải nghiệm của khán giả mà còn mang đến những phương thức biểu diễn mới lạ, giúp Chèo Quân đội tránh khỏi nguy cơ bị mai một trong thời đại số.

Tóm lại, sự phát triển của khoa học và công nghệ đã và đang mở ra nhiều cơ hội cho Chèo Quân đội, giúp loại hình nghệ thuật này đổi mới và tiếp cận với khán giả rộng rãi hơn. Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ cần được thực hiện một cách có chọn lọc, đảm bảo rằng các yếu tố truyền thống vẫn được bảo tồn trong khi nghệ thuật được nâng cao về mặt kỹ thuật và trải nghiệm. Nếu có chiến lược phù hợp, Chèo Quân đội không chỉ tiếp tục phát huy giá trị của mình mà còn có thể khẳng định vị thế trong nền nghệ thuật đương đại, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

3.2.4. Sự thay đổi thị hiếu và nhu cầu tiếp nhận nghệ thuật của khán giả

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, sự thay đổi thị hiếu và nhu cầu tiếp nhận nghệ thuật của khán giả đã trở thành một yếu tố có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của Nhà hát Chèo Quân đội. Nếu như trước đây, chèo vốn gắn bó mật thiết với đời sống tinh thần của người nông dân, được biểu diễn trong các không gian làng xã với khán giả chủ yếu là người

dân địa phương và cán bộ, chiến sĩ, thì nay, khi đời sống xã hội biến đổi nhanh chóng, nhu cầu thưởng thức nghệ thuật cũng theo đó thay đổi đáng kể. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết cho nghệ thuật chèo nói chung và Chèo Quân đội nói riêng: vừa phải bảo tồn bản sắc truyền thống, vừa phải thích nghi với thị hiếu và kỳ vọng mới của khán giả.

Trước hết, cần nhìn nhận rằng, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, mức sống và trình độ dân trí của công chúng ngày càng được nâng cao. Khán giả hiện đại không chỉ dừng lại ở việc thưởng thức nghệ thuật như một hình thức giải trí đơn thuần, mà còn mong muốn tìm thấy ở đó những giá trị nhân văn, những thông điệp mang tính giáo dục, gợi mở và phản ánh chân thực đời sống xã hội. Bên cạnh đó, trong môi trường giao lưu quốc tế mạnh mẽ, khán giả Việt Nam đã và đang tiếp cận với nhiều loại hình nghệ thuật đa dạng, từ nhạc kịch Broadway, opera, ballet cho đến K-pop, phim truyền hình Hàn Quốc hay các show truyền hình thực tế của phương Tây. Sự đa dạng này khiến thị hiếu thẩm mỹ của công chúng trở nên phong phú hơn, nhưng đồng thời cũng tạo nên một áp lực cạnh tranh lớn đối với nghệ thuật truyền thống như chèo.

Một trong những biểu hiện rõ rệt của sự thay đổi thị hiếu là ở thế hệ trẻ, đặc biệt là lực lượng chiến sĩ trong quân đội – đối tượng khán giả quan trọng của Nhà hát Chèo Quân đội. Các khảo sát xã hội học cho thấy, phần lớn giới trẻ ngày nay có xu hướng yêu thích những loại hình giải trí hiện đại, giàu tính thị giác và dễ tiếp nhận như phim điện ảnh, ca nhạc, game show, các sản phẩm trên nền tảng số (YouTube, TikTok, Netflix...). Trong khi đó, nghệ thuật chèo vốn mang tính ước lệ, đòi hỏi khán giả phải có sự am hiểu nhất định về văn hóa, ngôn ngữ, làn điệu và phong cách biểu diễn. Khoảng cách giữa truyền thống và hiện đại khiến chèo khó tiếp cận trực tiếp đến đối tượng khán giả trẻ nếu không có sự đổi mới về cách thức thể hiện. Đây chính là một

thách thức lớn đối với Chèo Quân đội trong việc duy trì sức hút của mình.

Tuy nhiên, thay đổi thị hiếu cũng mở ra những gợi ý mới cho sự phát triển. Khán giả trẻ có xu hướng yêu thích các sản phẩm nghệ thuật ngắn gọn, súc tích, giàu cảm xúc và dễ chia sẻ trên các nền tảng truyền thông. Điều này cho thấy Chèo Quân đội hoàn toàn có thể thích nghi bằng cách rút gọn một số lớp trò, tăng nhịp điệu biểu diễn, kết hợp với công nghệ âm thanh, ánh sáng, cũng như đưa các trích đoạn đặc sắc lên nền tảng số để lan tỏa rộng rãi hơn. Việc kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại sẽ giúp chèo giữ được bản sắc nhưng vẫn phù hợp với cách tiếp nhận của công chúng đương đại.

Một khía cạnh khác của sự thay đổi nhu cầu tiếp nhận nghệ thuật là khán giả ngày nay mong muốn có sự tương tác nhiều hơn với nghệ sĩ và tác phẩm. Không chỉ thụ động ngồi xem, họ còn muốn tham gia vào quá trình thưởng thức, thậm chí sáng tạo lại tác phẩm thông qua việc chia sẻ, bình luận, hay tái hiện trên mạng xã hội. Xu hướng này tạo cơ hội để Chèo Quân đội tiếp cận khán giả theo hướng mở, chẳng hạn như tổ chức các buổi giao lưu sau vở diễn, các workshop tìm hiểu làn điệu chèo, hoặc các cuộc thi tái hiện trích đoạn chèo trên nền tảng trực tuyến. Khi khán giả được tham gia nhiều hơn, họ sẽ có sự gắn kết sâu sắc hơn với nghệ thuật truyền thống.

Ngoài ra, một bộ phận khán giả trung niên và cao tuổi – vốn đã quen thuộc với nghệ thuật chèo – lại có nhu cầu được hoài niệm, tìm về với những giá trị truyền thống, nhất là trong bối cảnh xã hội hiện đại đầy biến động. Đáp ứng nhu cầu này, Chèo Quân đội cần duy trì những vở diễn trung thành với phong cách cổ điển, bảo lưu đầy đủ làn điệu, trò diễn, và lối kể chuyện truyền thống. Sự phân hóa nhu cầu của khán giả theo độ tuổi, nghề nghiệp và nền tảng văn hóa đặt ra yêu cầu cho Nhà hát phải đa dạng hóa sản phẩm nghệ thuật: vừa có tác phẩm mang tính bảo tồn, vừa có tác phẩm mang tính cải tiến và sáng tạo.

Đặc biệt, đối với khán giả là chiến sĩ trong quân đội – lực lượng mà Nhà hát Chèo Quân đội phục vụ trực tiếp – nhu cầu thưởng thức nghệ thuật cũng có những đặc điểm riêng. Trong môi trường quân ngũ, các chiến sĩ thường tìm đến nghệ thuật như một hình thức giải trí, thư giãn sau những giờ huấn luyện căng thẳng, đồng thời cũng như một kênh bồi dưỡng lý tưởng, tinh thần và giá trị truyền thống. Vì vậy, các vở diễn của Chèo Quân đội cần vừa đảm bảo tính hấp dẫn, hiện đại, vừa phải mang hàm lượng giáo dục, gợi nhắc lịch sử, truyền thống và lý tưởng cách mạng. Đây là một yêu cầu kép, đòi hỏi sự tinh tế trong lựa chọn kịch bản, dàn dựng và biểu diễn.

Một vấn đề khác cần lưu ý là sự thay đổi trong cách khán giả tiếp nhận nghệ thuật. Trước kia, thưởng thức chèo thường gắn liền với không gian sân khấu trực tiếp, khán giả và nghệ sĩ có sự giao tiếp mặt đối mặt. Ngày nay, với sự phát triển của công nghệ, khán giả có thể tiếp cận các vở diễn chèo thông qua màn hình tivi, điện thoại, máy tính. Điều này vừa mở ra cơ hội lan tỏa rộng hơn, nhưng cũng làm thay đổi trải nghiệm thẩm mỹ. Khi không còn sự giao tiếp trực tiếp, cảm xúc có thể giảm sút, sự tương tác giữa nghệ sĩ và khán giả cũng bị hạn chế. Do đó, Chèo Quân đội cần tính toán cách thức dung hòa giữa biểu diễn trực tiếp và phát sóng trực tuyến, sao cho vừa mở rộng phạm vi khán giả, vừa giữ được chất “sống” đặc trưng của nghệ thuật sân khấu.

Tóm lại, sự thay đổi thị hiếu và nhu cầu tiếp nhận nghệ thuật của khán giả trong bối cảnh toàn cầu hóa vừa đặt ra thách thức, vừa mở ra cơ hội cho Nhà hát Chèo Quân đội. Thách thức ở chỗ chèo phải cạnh tranh gay gắt với nhiều loại hình giải trí hiện đại, phải tìm cách giữ chân khán giả trẻ vốn quen thuộc với nhịp sống nhanh và sự hấp dẫn thị giác. Cơ hội nằm ở việc nếu biết tận dụng những xu hướng mới – như sự tương tác khán giả, nhu cầu trải nghiệm đa dạng, và công nghệ truyền thông số – thì Chèo Quân đội hoàn toàn có thể khẳng định vị thế độc đáo của mình. Nghệ thuật chèo, với tính ước lệ,

tự sự và trữ tình, có lợi thế lớn trong việc truyền tải những giá trị nhân văn và tinh thần dân tộc, điều mà nhiều loại hình giải trí hiện đại không dễ dàng có được. Vấn đề còn lại là cách thức tổ chức, dàn dựng và quảng bá sao cho phù hợp với nhu cầu, thị hiếu khán giả trong thời kỳ hội nhập.

3.2.5. Sự thiếu hụt đội ngũ sáng tạo trong ngành chèo

Một trong những thách thức lớn đối với việc giữ gìn, phát huy đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội trong bối cảnh hiện nay là sự thiếu hụt đội ngũ sáng tạo, bao gồm tác giả kịch bản, đạo diễn, nhạc sĩ và diễn viên. Sự khan hiếm này không chỉ ảnh hưởng đến khả năng đổi mới nghệ thuật mà còn đe dọa sự kế thừa và phát triển lâu dài của Chèo Quân đội. Khi số lượng nghệ sĩ trẻ theo đuổi chèo ngày càng giảm, trong khi đội ngũ nghệ sĩ kỳ cựu dần rời xa sân khấu, ngành chèo đối mặt với một bài toán nan giải: làm sao để vừa bảo tồn giá trị truyền thống vừa tiếp tục sáng tạo để phù hợp với thời đại mới?

Một trong những nguyên nhân chính của tình trạng này là sự hạn chế trong công tác đào tạo và thu hút nhân tài vào lĩnh vực Chèo. Hiện nay, mặc dù có một số cơ sở đào tạo nghệ thuật vẫn duy trì các chương trình giảng dạy Chèo, nhưng số lượng học viên theo học rất ít, đặc biệt là trong lĩnh vực sáng tác kịch bản và đạo diễn sân khấu. Hầu hết sinh viên nghệ thuật có xu hướng chọn các ngành nghề có tiềm năng phát triển mạnh hơn như điện ảnh, truyền hình hoặc nhạc nhẹ, thay vì theo đuổi nghệ thuật truyền thống như Chèo. Một giảng viên tại Trường Đại học VHNT Quân đội nhận xét: “Chúng tôi rất nỗ lực trong việc đào tạo thế hệ trẻ cho nghệ thuật chèo, nhưng số lượng sinh viên đăng ký mỗi năm giảm dần. Các bạn trẻ ngày nay ít quan tâm đến chèo vì họ không thấy được tiềm năng phát triển nghề nghiệp từ loại hình nghệ thuật này”.

Bên cạnh đó, việc sáng tạo trong ngành Chèo Quân đội đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa yếu tố truyền thống và sự đổi mới để đáp ứng nhu cầu

thường thức hiện đại. Tuy nhiên, sự thiếu hụt các nhà biên kịch giỏi, những người có thể viết kịch bản chèo phù hợp với thời đại mới, đang là một trở ngại lớn. Nhiều vở diễn hiện nay vẫn mang màu sắc quen thuộc, khai thác chủ yếu đề tài lịch sử hoặc cách mạng mà chưa có nhiều sáng tạo mới mẻ. Điều này dẫn đến sự lặp lại trong nội dung, khiến khán giả trẻ ít cảm thấy hấp dẫn. Một đạo diễn tại Nhà hát Chèo Quân đội chia sẻ: “Chúng tôi luôn mong muốn có thêm những kịch bản chèo mới, mang hơi thở của thời đại, nhưng không có nhiều tác giả trẻ dám thử sức với thể loại này”.

Thực tế cũng cho thấy rằng sự thiếu hụt tài năng trẻ trong ngành chèo không chỉ xuất phát từ khó khăn trong đào tạo mà còn liên quan đến chính sách đãi ngộ và cơ hội phát triển nghề nghiệp. Mức lương và chế độ đãi ngộ dành cho nghệ sĩ chèo hiện nay vẫn chưa đủ hấp dẫn để thu hút nhân lực trẻ. Trong khi đó, các nghệ sĩ trẻ thường phải đối mặt với con đường sự nghiệp không ổn định, thu nhập bấp bênh và ít có cơ hội được thể hiện tài năng trên những sân khấu lớn. Điều này dẫn đến một thực trạng đáng lo ngại: số lượng nghệ sĩ trẻ chọn gắn bó với nghệ thuật chèo ngày càng ít, khiến ngành chèo gặp khó khăn trong việc duy trì và phát triển đội ngũ kế cận.

Một vấn đề khác cần nhận mạnh trong bối cảnh thiếu hụt đội ngũ sáng tạo của ngành chèo là sự mất cân đối trong chuyên môn. Hiện nay, trong Nhà hát Chèo Quân đội vẫn còn tồn tại tình trạng nhiều nghệ sĩ giỏi biểu diễn, nhưng lại khan hiếm tác giả kịch và đạo diễn chuyên nghiệp. Điều này dẫn đến việc các vở diễn thường phải tái sử dụng kịch bản cũ hoặc chỉnh sửa lại các tác phẩm đã có thay vì sáng tạo ra những tác phẩm hoàn toàn mới. Khi thiếu một đội ngũ sáng tác mạnh, sự phát triển nghệ thuật chèo khó có thể bắt kịp những biến đổi của xã hội, và dần trở nên xa rời khán giả trẻ tuổi – đối tượng mà chèo cần tiếp cận để duy trì sức sống lâu dài.

Không những thế, việc thiếu hụt nhạc sĩ chuyên trách sáng tác cho chèo cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng các vở diễn. Âm nhạc trong chèo vốn giữ vai trò quan trọng, tạo nên linh hồn và không khí đặc trưng cho tác phẩm. Tuy nhiên, khi thiếu vắng những nhạc sĩ trẻ am hiểu cả truyền thống và hiện đại, nhiều vở diễn buộc phải sử dụng lại giai điệu quen thuộc, khiến khán giả cảm thấy nhàm chán. Sự thiếu mới mẻ này cũng làm hạn chế khả năng cạnh tranh của chèo so với các loại hình nghệ thuật khác đang liên tục đổi mới về âm nhạc, dàn dựng và trình diễn.

Một khía cạnh khác cũng cần được đề cập là tính chuyên nghiệp trong công tác đào tạo và bồi dưỡng nhân lực. Thực tế cho thấy, nhiều nghệ sĩ trẻ khi ra trường chưa có đủ cơ hội thực hành trên sân khấu lớn. Họ thường bị giao những vai nhỏ, vai phụ, dẫn đến thiếu trải nghiệm và dễ nản lòng. Chính sự thiếu cơ chế khuyến khích này khiến nhiều nhân tố tiềm năng bỏ cuộc giữa chừng. Trong khi đó, những người có khả năng gắn bó lại gặp phải rào cản lớn về tài chính do thu nhập từ nghề không đủ để họ yên tâm cống hiến lâu dài.

Ngoài ra, sự thiếu hụt đội ngũ sáng tạo trong ngành chèo Quân đội còn gắn liền với thách thức bảo tồn và phát huy truyền thống. Một mặt, Nhà hát cần giữ gìn những giá trị đặc trưng của chèo – như lối hát, điệu múa, nhạc cụ dân tộc; mặt khác, lại phải đổi mới để đáp ứng thị hiếu hiện đại. Nếu không có đội ngũ sáng tạo am hiểu cả hai yếu tố này, chèo dễ rơi vào tình trạng hoặc quá xa rời truyền thống, hoặc quá bảo thủ, khó thu hút được sự quan tâm của thế hệ trẻ. Đây chính là mâu thuẫn cơ bản mà chỉ những người làm nghề tâm huyết, có tri thức sâu và bản lĩnh sáng tạo mới có thể giải quyết được.

Để khắc phục tình trạng này, cần có một chiến lược dài hạn về phát triển nhân lực chèo. Trước hết, các cơ sở đào tạo nghệ thuật cần tăng cường quảng bá để thu hút học viên trẻ quan tâm đến ngành chèo. Có thể áp dụng chính sách học bổng, hỗ trợ chi phí học tập, hoặc cam kết tuyển dụng sau khi

tốt nghiệp để tạo động lực cho sinh viên. Bên cạnh đó, cần đổi mới chương trình giảng dạy, kết hợp giữa lý thuyết truyền thống với thực hành hiện đại, ví dụ như sử dụng công nghệ sân khấu số, kỹ thuật âm thanh – ánh sáng tiên tiến để đào tạo sinh viên bắt kịp xu hướng.

Một giải pháp khác là mở rộng hợp tác quốc tế. Nhiều quốc gia châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc hay Trung Quốc cũng có các loại hình sân khấu truyền thống tương tự chèo, nhưng họ đã thành công trong việc vừa bảo tồn vừa hiện đại hóa. Việc trao đổi nghệ sĩ, tổ chức các chương trình biểu diễn giao lưu, hoặc gửi sinh viên đi học tập ngắn hạn ở nước ngoài sẽ giúp chèo Quân đội có thêm cơ hội học hỏi, mở rộng tầm nhìn và cập nhật các phương pháp sáng tạo mới.

Bên cạnh đó, Nhà hát Chèo Quân đội cũng nên tận dụng sức mạnh của công nghệ số để giải quyết phần nào sự thiếu hụt nhân lực sáng tạo. Hiện nay, trí tuệ nhân tạo và công nghệ dựng sân khấu ảo có thể hỗ trợ trong việc viết kịch bản, xây dựng bối cảnh, thậm chí gợi ý ý tưởng dàn dựng. Mặc dù không thể thay thế hoàn toàn sự sáng tạo của con người, nhưng đây sẽ là công cụ hỗ trợ hữu ích, giúp tiết kiệm thời gian và tạo điều kiện để nghệ sĩ tập trung nhiều hơn vào các yếu tố nghệ thuật cốt lõi.

Ngoài ra, cần phải có chính sách đãi ngộ hợp lý để giữ chân và khích lệ nghệ sĩ trẻ. Thu nhập bấp bênh, chế độ đãi ngộ hạn chế đang là rào cản lớn khiến nhân lực trẻ không mặn mà với nghề. Vì vậy, ngoài lương cơ bản, Nhà hát cần tạo thêm các khoản hỗ trợ, chế độ khen thưởng khi nghệ sĩ có tác phẩm mới, hoặc cho phép họ tham gia các hoạt động biểu diễn bên ngoài để gia tăng thu nhập. Khi đời sống nghệ sĩ được đảm bảo, họ mới có thể yên tâm cống hiến và sáng tạo lâu dài.

Cuối cùng, không thể thiếu sự đồng hành và ủng hộ của công chúng. Khán giả chính là nguồn động lực quan trọng để nghệ sĩ tiếp tục sáng tạo.

Nếu các chiến sĩ và xã hội quan tâm, ủng hộ các chương trình chèo, thì nghệ sĩ mới có thêm niềm tin và cảm hứng để gắn bó. Do đó, cần tăng cường công tác truyền thông, quảng bá chèo Quân đội trên các nền tảng số, đưa nghệ thuật chèo đến gần hơn với công chúng, đặc biệt là giới trẻ. Khi có sự kết nối chặt chẽ giữa nghệ sĩ và khán giả, quá trình bảo tồn và phát triển chèo sẽ thuận lợi hơn nhiều.

3.3. Vấn đề giữ gìn, phát huy đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội trong bối cảnh đương đại

3.3.1. Giữ vững tư tưởng chính trị trong đội ngũ nghệ sĩ - chiến sĩ Nhà hát Chèo Quân đội

Trong bối cảnh xã hội hiện đại với nhiều biến động về tư tưởng, kinh tế và văn hóa, việc giữ vững tư tưởng chính trị trong đội ngũ nghệ sĩ - chiến sĩ Nhà hát Chèo Quân đội không chỉ là một nhiệm vụ quan trọng, mà còn là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của phong cách Chèo Quân đội. Đội ngũ nghệ sĩ trong Nhà hát không đơn thuần là những người biểu diễn nghệ thuật, mà họ còn đóng vai trò là những người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa tư tưởng, truyền tải những giá trị cốt lõi của Quân đội Nhân dân Việt Nam, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc trước những tác động mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Giữ vững tư tưởng chính trị trong nghệ thuật không phải là việc đơn giản, nhất là khi văn hóa đương đại đang có xu hướng pha trộn giữa truyền thống và hiện đại, giữa nghệ thuật chính thống và giải trí thương mại. Trong môi trường nghệ thuật nói chung, việc tiếp thu cái mới, sáng tạo nội dung để phù hợp với thị hiếu công chúng là điều tất yếu, nhưng với Nhà hát Chèo Quân đội, nhiệm vụ quan trọng hơn là làm sao để quá trình đổi mới ấy không làm mất đi tinh thần cách mạng, tư tưởng chính trị vững chắc mà nghệ thuật Chèo Quân đội đã xây dựng trong nhiều thập kỷ qua. Điều này đòi hỏi sự kiên

định trong định hướng nghệ thuật, đồng thời cũng cần có sự linh hoạt trong phương thức tiếp cận để phù hợp với thị hiếu khán giả hiện đại mà không làm mất đi bản sắc vốn có.

Đội ngũ nghệ sĩ - chiến sĩ trong Nhà hát Chèo Quân đội không chỉ đơn thuần tiếp nhận những kịch bản, lời thoại có sẵn mà còn là những người có trách nhiệm cao trong việc sáng tạo, nâng cao chất lượng nội dung để truyền tải được những thông điệp sâu sắc về tư tưởng chính trị. Để làm được điều này, họ không chỉ cần có chuyên môn nghệ thuật vững vàng mà còn phải có nhận thức chính trị sâu sắc, hiểu được những giá trị truyền thống, lịch sử quân đội và tình hình thực tiễn đất nước. Một số nghệ sĩ trong Nhà hát đã chia sẻ rằng việc tham gia các đợt tập huấn chính trị, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh và nắm bắt các đường lối, chủ trương của Đảng đã giúp họ có cái nhìn toàn diện hơn về nhiệm vụ của mình, từ đó thể hiện được trọn vẹn hơn ý nghĩa của các vở diễn trên sân khấu.

Không chỉ có nhiệm vụ biểu diễn, Nhà hát Chèo Quân đội còn thực hiện nhiều chương trình lưu diễn tại các đơn vị quân đội, vùng biên giới, hải đảo - nơi mà tinh thần chiến đấu của người lính cần được củng cố mạnh mẽ nhất. Những chương trình này không chỉ mang tính giải trí mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục tư tưởng chính trị, hun đúc tinh thần yêu nước, khơi gợi niềm tự hào và trách nhiệm với đất nước của mỗi quân nhân. Một chiến sĩ từng tham gia các buổi biểu diễn của Nhà hát chia sẻ rằng: “Những vở diễn của Nhà hát không chỉ là nghệ thuật, mà còn là bài học sống động về truyền thống anh hùng của dân tộc. Chúng tôi cảm thấy như được sống lại những thời khắc lịch sử, từ đó có thêm động lực để hoàn thành nhiệm vụ”.

Tuy nhiên, để tiếp tục giữ vững tư tưởng chính trị trong nghệ thuật Chèo Quân đội, cần có những giải pháp cụ thể nhằm củng cố bản lĩnh chính trị của đội ngũ nghệ sĩ. Trước hết, cần tăng cường các chương trình đào tạo tư

tướng chính trị cho nghệ sĩ Nhà hát, giúp họ có nhận thức đúng đắn về vai trò của nghệ thuật trong nhiệm vụ bảo vệ và phát triển nền văn hóa dân tộc. Ngoài ra, cần có cơ chế hỗ trợ và khuyến khích nghệ sĩ trẻ tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, sáng tác kịch bản có tính định hướng chính trị cao, đảm bảo nội dung của các vở diễn luôn phản ánh đúng tinh thần của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Một yếu tố quan trọng nữa là sự đổi mới trong cách thể hiện tư tưởng chính trị trên sân khấu Chèo Quân đội. Thay vì trình bày các nội dung chính trị theo cách truyền thống, mang tính tuyên truyền khô cứng, cần có những cách tiếp cận sáng tạo, kết hợp giữa các yếu tố nghệ thuật hiện đại với nội dung mang tính giáo dục sâu sắc. Việc sử dụng âm nhạc, hình ảnh sân khấu hấp dẫn, xây dựng các tuyến nhân vật có chiều sâu tâm lý sẽ giúp khán giả, đặc biệt là các chiến sĩ trẻ, tiếp thu tư tưởng chính trị một cách tự nhiên, không gượng ép. Một số vở diễn đã thành công trong việc làm mới cách truyền tải tư tưởng chính trị, chẳng hạn như *Tổ quốc gọi tên mình*, *Những người lính canh trời*, hay *Người chiến sĩ năm xưa*. Những vở diễn này không chỉ làm sống lại những câu chuyện lịch sử hào hùng mà còn khơi dậy lòng tự hào dân tộc, tinh thần trách nhiệm trong mỗi quân nhân trẻ.

Tóm lại, giữ vững tư tưởng chính trị trong đội ngũ nghệ sĩ - chiến sĩ Nhà hát Chèo Quân đội không chỉ là nhiệm vụ mang tính chiến lược, mà còn là một yêu cầu tất yếu để đảm bảo việc giữ gìn, phát huy đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội trong bối cảnh đương đại. Điều này đòi hỏi một sự kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo tư tưởng, nâng cao nhận thức chính trị, đổi mới cách truyền tải và tạo điều kiện để nghệ sĩ phát triển một cách bền vững. Khi tư tưởng chính trị được thể hiện một cách sáng tạo và phù hợp, nghệ thuật Chèo Quân đội không chỉ giữ vững giá trị truyền thống mà còn trở thành một phương tiện mạnh mẽ để truyền tải những thông điệp quan trọng về

lòng yêu nước, ý chí kiên cường và trách nhiệm với Tổ quốc đến mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ chiến sĩ trẻ hôm nay.

3.3.2. Tăng cường giáo dục nhận thức và xây dựng đội ngũ chuyên môn vững vàng

Quan triệt quan điểm của Đảng về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Nhà hát Chèo Quân đội luôn phải chú trọng việc giữ gìn, phát huy đặc điểm nghệ thuật chèo trong Quân đội. Điều này góp phần đưa các vở diễn của Nhà hát mang đậm nét tinh hoa văn hóa dân tộc đến với bộ đội và nhân dân, động viên họ phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao, chống lại các âm mưu của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa; tác động của mặt trái kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng làm văn hóa dân tộc bị lai căng, ảnh hưởng không nhỏ đến thị hiếu của khán giả, trong đó có cán bộ, chiến sĩ Quân đội, làm cho họ không mấy mặn mà với sân khấu Chèo.

Để giữ gìn, phát huy đặc điểm nghệ thuật chèo trong Quân đội, Nhà hát Chèo Quân đội không thể không tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, nghệ sĩ. Thực tiễn đã chứng minh nghệ thuật chèo truyền thống đã có vai trò quan trọng trong sự nghiệp văn học - nghệ thuật nước nhà nói chung, trong Quân đội nói riêng, góp phần giữ vững hồn cốt dân tộc trong tâm hồn mỗi cán bộ, chiến sĩ. Trên cơ sở nhận thức đúng, mỗi nghệ sĩ, diễn viên, nhạc công nêu cao trách nhiệm đối với việc bảo tồn, phát triển nghệ thuật chèo, không ngừng sáng tạo, yêu mến, gắn bó với nghề, với Nhà hát.

Bên cạnh đó, để giữ gìn, phát huy đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội, vấn đề quan trọng hàng đầu là phải xây dựng đội ngũ những người làm nghề có chuyên môn vững vàng, gắn bó với nghệ thuật chèo truyền thống. Do đó, việc Nhà hát thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho các nghệ sĩ theo phương châm: bám sát các tích

chèo truyền thống; thông qua thực tiễn sáng tác, biểu diễn để bồi dưỡng, kết hợp bồi dưỡng tại chỗ với gửi đi đào tạo ở các nhà trường; định kỳ thực hiện đánh giá chuyên môn đối với cán bộ, diễn viên, nhạc công, nhân viên kỹ thuật để có biện pháp bồi dưỡng, đào tạo; khuyến khích họ tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ. Hội đồng chuyên môn, lực lượng sáng tác đề cao trách nhiệm, mở rộng cộng tác với các tác giả, đạo diễn, nhạc sĩ, họa sĩ, biên đạo múa trong và ngoài Quân đội để có vở mới, chất lượng, vừa góp phần bảo tồn giá trị truyền thống, vừa mang hơi thở thực tiễn cuộc sống trong Quân đội để bổ sung cho các chương trình nghệ thuật.

Ngoài ra, trước xu thế phát triển hiện nay, việc cách tân Chèo trên nền Chèo cổ mà không làm đứt mạch truyền thống là vấn đề đặt ra cấp bách, sao cho các vở diễn của “Chiêu chèo Quân đội” luôn thu hút đông đảo cán bộ, chiến sĩ thưởng thức mà không làm mất đi các giá trị truyền thống. Bởi vậy, Nhà hát Chèo Quân đội không thể không nghiên cứu thực trạng phát triển nghệ thuật Chèo trong Quân đội hiện nay; ảnh hưởng của môi trường văn hóa, xã hội với nghệ thuật sân khấu truyền thống nói chung, nghệ thuật Chèo nói riêng; đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển nghệ thuật Chèo. Để làm được điều đó, Nhà hát tiếp tục bảo tồn, sưu tầm kịch bản và dựng lại những vở diễn, những tích cổ có tính nghệ thuật cao; dựng lại các vở diễn xuất sắc của Nhà hát Chèo Quân đội; bảo tồn để phổ biến những làn điệu, động tác múa chèo; bảo tồn và phát triển nhạc khí trong dàn nhạc sân khấu Chèo; bảo tồn, lưu giữ trang phục, cách bài trí sân khấu, hóa trang trong sân khấu chèo của Quân đội.

Bên cạnh những giải pháp đã nêu, việc nâng cao nhận thức cho cán bộ, nghệ sĩ cần được tiến hành thường xuyên, liên tục và bằng nhiều hình thức phong phú. Không chỉ dừng lại ở việc tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị chuyên môn, mà còn có thể thông qua những chuyến đi thực tế đến các đơn

vị, các vùng quê – nơi mà nghệ thuật chèo đã gắn bó lâu đời với đời sống văn hóa của nhân dân. Qua đó, nghệ sĩ có cơ hội trải nghiệm trực tiếp, học hỏi những làn điệu chèo dân gian, tiếp xúc với khán giả cơ sở, từ đó khơi dậy niềm tự hào và ý thức trách nhiệm trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Việc xây dựng đội ngũ chuyên môn vững vàng không chỉ tập trung vào lực lượng diễn viên và nhạc công, mà còn phải coi trọng các khâu biên kịch, đạo diễn, biên đạo múa, thiết kế mỹ thuật sân khấu, âm thanh, ánh sáng. Đây là những mắt xích quan trọng góp phần làm nên sự thành công của một vở diễn chèo. Nếu chỉ chú trọng đến biểu diễn mà bỏ qua khâu sáng tác, dàn dựng thì khó có thể tạo ra tác phẩm có giá trị lâu dài. Do vậy, Nhà hát cần có chính sách khuyến khích sáng tạo, đầu tư mạnh mẽ hơn cho các tác giả trẻ, mở ra các cuộc thi sáng tác kịch bản chèo để tìm kiếm ý tưởng mới, đồng thời trao cơ hội cho những đạo diễn trẻ thể nghiệm cách dàn dựng hiện đại nhưng vẫn giữ tinh thần chèo truyền thống.

Một trong những vấn đề nổi bật hiện nay là sự thiếu hụt lực lượng kế cận. Nhiều nghệ sĩ gạo cội của Nhà hát đã nghỉ hưu hoặc không còn trực tiếp tham gia biểu diễn, trong khi lớp trẻ chưa thật sự đủ bản lĩnh để đảm đương vai trò trụ cột. Điều này đòi hỏi Nhà hát phải có chiến lược đào tạo nhân lực bài bản, lâu dài, trong đó kết hợp giữa truyền nghề trực tiếp từ thế hệ đi trước với việc gửi cán bộ, nghệ sĩ đi đào tạo chính quy tại các trường nghệ thuật trong và ngoài quân đội. Bên cạnh đó, nên xây dựng các chương trình hợp tác đào tạo với Học viện Âm nhạc Quốc gia, Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh để tạo điều kiện cho nghệ sĩ chèo được tiếp cận phương pháp giảng dạy hiện đại, mở rộng vốn hiểu biết về nhiều loại hình sân khấu.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ giải trí, thị hiếu của khán giả ngày càng đa dạng, đòi hỏi Nhà hát Chèo Quân đội phải quan tâm hơn nữa đến việc bồi dưỡng tư duy sáng tạo cho nghệ sĩ.

Nếu không có khả năng cập nhật xu hướng, nghệ sĩ rất dễ rơi vào lối mòn, dẫn đến sự nhàm chán trong biểu diễn. Vì vậy, song song với việc học tập truyền thống, mỗi nghệ sĩ cần được tạo điều kiện tiếp xúc với các loại hình nghệ thuật khác, học hỏi kỹ thuật dàn dựng hiện đại, rèn luyện khả năng sáng tạo để có thể kết hợp nhuần nhuyễn yếu tố truyền thống và hiện đại.

Một hướng đi quan trọng khác là tăng cường ứng dụng công nghệ số trong bảo tồn và phát triển nghệ thuật chèo. Việc số hóa các kịch bản cổ, ghi hình và lưu trữ những vở diễn kinh điển, hay xây dựng thư viện trực tuyến về làn điệu, nhạc cụ, phục trang chèo không chỉ góp phần bảo tồn mà còn giúp nghệ sĩ trẻ dễ dàng tiếp cận kho tàng nghệ thuật truyền thống. Đồng thời, các nền tảng số như YouTube, Facebook, Zalo hay các ứng dụng di động cũng có thể trở thành kênh quảng bá hữu hiệu, đưa hình ảnh chèo Quân đội đến gần hơn với bộ đội và nhân dân, đặc biệt là giới trẻ vốn quen thuộc với các phương tiện truyền thông hiện đại.

Ngoài ra, để củng cố đội ngũ chuyên môn vững vàng, Nhà hát cần chú trọng đến công tác xây dựng môi trường làm việc giàu tính sáng tạo, khuyến khích nghệ sĩ chủ động đề xuất ý tưởng, mạnh dạn thử nghiệm. Một môi trường cởi mở, nơi các ý tưởng đổi mới được trân trọng và thử nghiệm sẽ giúp nghệ sĩ cảm thấy hứng khởi, từ đó gắn bó lâu dài với nghề. Đời sống vật chất và tinh thần của nghệ sĩ cũng cần được quan tâm thỏa đáng; bởi chỉ khi yên tâm về cuộc sống, họ mới toàn tâm toàn ý cống hiến cho nghệ thuật.

Có thể nói, việc tăng cường giáo dục nhận thức và xây dựng đội ngũ chuyên môn vững vàng là hai yếu tố then chốt trong chiến lược giữ gìn và phát huy nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội. Đây không chỉ là nhiệm vụ trước mắt, mà còn là yêu cầu mang tính lâu dài, quyết định sự tồn tại và phát triển của một loại hình nghệ thuật truyền thống trong môi trường quân đội và trong bối cảnh xã hội hiện đại. Khi nhận thức của cán bộ, nghệ sĩ

được nâng cao, khi đội ngũ sáng tạo và biểu diễn được rèn luyện, bổ sung, thì Chèo Quân đội mới có thể tiếp tục khẳng định vị thế của mình, vừa bảo tồn giá trị truyền thống, vừa tạo sức sống mới phù hợp với thời đại.

3.3.3. *Đổi mới và nâng cao chất lượng sáng tạo nghệ thuật*

Trong thời đại mới, khi thị hiếu nghệ thuật ngày càng đa dạng và yêu cầu của khán giả không ngừng thay đổi, việc đổi mới và nâng cao chất lượng sáng tạo nghệ thuật là nhiệm vụ quan trọng đối với Nhà hát Chèo Quân đội. Đổi mới không chỉ giúp giữ chân khán giả truyền thống mà còn thu hút thêm các thế hệ khán giả trẻ, đảm bảo rằng nghệ thuật Chèo Quân đội không bị lạc hậu mà tiếp tục phát triển bền vững trong môi trường văn hóa hiện đại.

Một trong những yếu tố cốt lõi của quá trình đổi mới là việc nâng cao chất lượng nội dung kịch bản. Các vở diễn cần được xây dựng một cách hấp dẫn hơn, kết hợp giữa các giá trị truyền thống với nội dung mang tính thời sự, phản ánh những vấn đề của xã hội đương đại. Nếu trước đây, các vở Chèo Quân đội tập trung chủ yếu vào đề tài lịch sử, chiến tranh và cách mạng, thì ngày nay, việc mở rộng chủ đề sang đời sống quân nhân trong thời bình, tình cảm gia đình, trách nhiệm với Tổ quốc và các vấn đề mang tính nhân văn sâu sắc sẽ giúp tạo ra sự đa dạng và phong phú trong nội dung nghệ thuật. Một số vở diễn gần đây như *Tổ quốc nơi đầu sóng*, *Người lính thời bình* đã bước đầu khai thác được những góc nhìn mới, nhận được nhiều phản hồi tích cực từ khán giả.

Bên cạnh nội dung, hình thức thể hiện cũng cần được đổi mới để nâng cao chất lượng sáng tạo nghệ thuật. Nhà hát Chèo Quân đội có thể áp dụng công nghệ sân khấu tiên tiến, kết hợp ánh sáng, âm thanh và hiệu ứng hình ảnh để tạo nên không gian biểu diễn hấp dẫn hơn. Việc sử dụng màn hình LED, sân khấu quay, hiệu ứng 3D có thể giúp tái hiện những cảnh chiến đấu, thiên nhiên hùng vĩ hay những bối cảnh lịch sử một cách chân thực và sống

động hơn. Việc cải tiến sân khấu sẽ tạo ra những hiệu ứng hình ảnh tốt nhất, giúp người xem không chỉ nghe mà còn cảm nhận được toàn bộ không khí của vở diễn.

Đào tạo và nâng cao trình độ nghệ sĩ cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng để thúc đẩy sự đổi mới trong nghệ thuật Chèo Quân đội. Hiện nay, các nghệ sĩ trẻ cần được tiếp cận với nhiều phương pháp biểu diễn mới, học hỏi từ các loại hình nghệ thuật khác nhau để có thể phát triển kỹ năng diễn xuất và sáng tạo hơn trên sân khấu. Việc tổ chức các chương trình giao lưu, hợp tác quốc tế, mời chuyên gia trong và ngoài nước về đào tạo sẽ giúp nâng cao chất lượng biểu diễn và tạo ra những tác phẩm có chiều sâu hơn.

Ngoài ra, đổi mới trong cách tiếp cận khán giả cũng là một chiến lược quan trọng. Nếu trước đây, Chèo Quân đội chỉ biểu diễn trực tiếp tại các đơn vị quân đội, các nhà hát lớn, thì ngày nay, việc đưa chèo lên các nền tảng số như YouTube, Facebook, TikTok hay tổ chức các chương trình giao lưu trực tuyến sẽ giúp tiếp cận đông đảo khán giả hơn. Thực tế cho thấy rằng, một số chương trình nghệ thuật khi được phát trực tuyến đã thu hút hàng nghìn lượt xem và nhận được phản hồi tích cực từ cộng đồng mạng. Điều này chứng tỏ rằng nghệ thuật truyền thống hoàn toàn có thể tồn tại và phát triển mạnh mẽ nếu biết cách thích nghi với xu hướng thời đại.

Ngoài các giải pháp đổi mới về nội dung, hình thức và phương pháp tiếp cận khán giả, cần quan tâm đến việc xây dựng chiến lược phát triển sáng tạo nghệ thuật lâu dài, trong đó nhấn mạnh vai trò của nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ. Các công trình nghiên cứu về lịch sử, ngôn ngữ, âm nhạc, vũ đạo chèo cần được thực hiện thường xuyên để tạo cơ sở lý luận vững chắc cho sáng tác và biểu diễn. Việc kết hợp nghiên cứu khoa học với thực tiễn dàn dựng sẽ giúp cho các tác phẩm chèo vừa mang tính nghệ thuật cao, vừa có tính chân thực và tính hiện đại, phù hợp với nhu cầu thưởng thức ngày nay.

Đổi mới nghệ thuật chèo Quân đội cũng không thể tách rời công tác quảng bá và truyền thông. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt của các loại hình giải trí hiện đại, việc xây dựng hình ảnh thương hiệu cho Nhà hát Chèo Quân đội là vô cùng cần thiết. Các hoạt động truyền thông cần đi theo hướng chuyên nghiệp, từ việc thiết kế poster, trailer giới thiệu vở diễn, cho đến việc sử dụng mạng xã hội để lan tỏa những trích đoạn đặc sắc. Nếu có sự phối hợp chặt chẽ giữa sáng tạo nghệ thuật và công tác truyền thông, chèo Quân đội sẽ dễ dàng tiếp cận và tạo được hiệu ứng tích cực trong công chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ vốn quan tâm nhiều đến hình thức trình bày và sự hấp dẫn của thông điệp.

Một hướng đi quan trọng khác là khuyến khích sự tham gia của khán giả trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. Việc tổ chức các buổi tọa đàm sau khi công diễn, mời khán giả góp ý, hay xây dựng những chương trình giao lưu trực tiếp giữa nghệ sĩ và bộ đội sẽ giúp tạo ra cầu nối, khiến người xem cảm thấy mình là một phần của sân khấu. Cách tiếp cận này không chỉ nâng cao hiệu quả tuyên truyền mà còn giúp nghệ sĩ có thêm góc nhìn mới để tiếp tục đổi mới trong sáng tác và biểu diễn.

Bên cạnh đó, việc đào tạo và bồi dưỡng nghệ sĩ trẻ cần chú trọng đến việc nuôi dưỡng cá tính sáng tạo. Thay vì đào tạo theo khuôn mẫu cứng nhắc, cần tạo điều kiện để nghệ sĩ có cơ hội thử nghiệm, sáng tạo ra những cách thể hiện mới, miễn là không phá vỡ cấu trúc cốt lõi của chèo. Những thử nghiệm có thể thành công hoặc chưa đạt như mong muốn, nhưng đó chính là cách để hình thành một thế hệ nghệ sĩ bản lĩnh, dám nghĩ dám làm, góp phần tạo ra những bước đột phá cho nghệ thuật chèo Quân đội trong tương lai.

Để đảm bảo chất lượng sáng tạo nghệ thuật, cũng cần chú trọng đến yếu tố đạo đức nghề nghiệp. Mỗi nghệ sĩ không chỉ là người sáng tạo, biểu diễn mà còn là người truyền tải văn hóa, giữ gìn hồn cốt dân tộc. Vì vậy, ý thức trách nhiệm, lòng yêu nghề và sự tận tụy của nghệ sĩ chính là nền tảng

quan trọng để tạo ra những tác phẩm nghệ thuật vừa có giá trị thẩm mỹ, vừa mang tính giáo dục sâu sắc.

Cuối cùng, đổi mới và nâng cao chất lượng sáng tạo nghệ thuật cần gắn liền với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Quân đội. Các vở diễn chèo không chỉ để giải trí, mà còn là công cụ giáo dục tinh thần yêu nước, ý chí chiến đấu, phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ. Khi vừa đạt được giá trị nghệ thuật, vừa thực hiện được nhiệm vụ chính trị, thì chèo Quân đội mới thực sự phát huy được vai trò đặc thù của mình, trở thành điểm tựa tinh thần vững chắc cho cán bộ, chiến sĩ trong mọi hoàn cảnh.

3.3.4. Tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới trên nền tảng văn hóa dân tộc

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới để làm giàu và phát triển nghệ thuật truyền thống là xu hướng tất yếu. Đối với Chèo Quân đội, quá trình này không chỉ giúp đổi mới, nâng cao chất lượng nghệ thuật mà còn tạo ra những cơ hội để quảng bá giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là làm thế nào để tiếp nhận những yếu tố hiện đại mà vẫn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc, tránh nguy cơ bị lai tạp hoặc mất đi những giá trị cốt lõi của nghệ thuật truyền thống.

Việc học hỏi tinh hoa văn hóa thế giới không có nghĩa là đánh mất đi bản sắc mà phải dựa trên nền tảng của văn hóa dân tộc. Các loại hình nghệ thuật truyền thống của nhiều nước trên thế giới như Opera (Ý), Kabuki (Nhật Bản), Kịch Noh (Nhật Bản), Nhạc kịch Broadway (Mỹ) đều có những đặc điểm đặc sắc có thể học hỏi. Chẳng hạn, nghệ thuật sân khấu của Nhật Bản với việc sử dụng trang phục, hóa trang tỉ mỉ và cách thức biểu đạt cường điệu có thể giúp Chèo Quân đội nâng cao yếu tố thị giác trong biểu diễn. Trong khi đó, các vở nhạc kịch phương Tây lại có cách dàn dựng chuyên nghiệp với việc kết hợp giữa âm nhạc, diễn xuất và hiệu ứng sân khấu hiện đại, điều này có thể là gợi ý để cải tiến hình thức biểu diễn của Chèo, giúp vở diễn trở nên sinh động hơn.

Một ví dụ điển hình của việc tiếp thu và kết hợp văn hóa là sự thành công của một số vở diễn hiện đại kết hợp giữa nghệ thuật truyền thống Việt Nam và các yếu tố quốc tế. Một số chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội đã áp dụng thành công các hiệu ứng ánh sáng, âm thanh, sân khấu hiện đại để tạo ra những trải nghiệm hấp dẫn hơn cho khán giả mà không làm mất đi giá trị cốt lõi của chèo.

Bên cạnh việc tiếp thu các yếu tố sân khấu hiện đại, Chèo Quân đội cũng có thể học hỏi từ cách tiếp thị và quảng bá nghệ thuật của các nền văn hóa khác. Các chương trình nghệ thuật quốc tế thường có những chiến lược tiếp cận khán giả rất hiệu quả, như tổ chức lưu diễn quốc tế, xây dựng các kênh truyền thông chuyên nghiệp trên nền tảng số và kết hợp giữa biểu diễn trực tiếp và trình chiếu trực tuyến. Nếu Chèo Quân đội có thể học hỏi những mô hình này, kết hợp với việc xây dựng hình ảnh thương hiệu nghệ thuật rõ ràng, thì chắc chắn sẽ tạo ra được sự lan tỏa rộng rãi hơn trong cộng đồng trong nước và quốc tế.

Tuy nhiên, quá trình tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới không thể diễn ra một cách tùy tiện, mà cần có sự chọn lọc để đảm bảo giữ vững đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội. Bởi lẽ việc học hỏi các yếu tố nghệ thuật từ bên ngoài cần có một chiến lược cụ thể, trong đó xác định rõ những yếu tố nào phù hợp với chèo, những yếu tố nào có thể cải tiến mà không làm mất đi bản sắc, sao cho người xem vẫn thấy được hồn cốt dân tộc trong từng vở diễn.

Có thể nói, việc tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới trên nền tảng văn hóa dân tộc là một trong những hướng đi quan trọng giúp nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội được giữ gìn, phát huy mạnh mẽ hơn trong thời đại mới. Quá trình này cần được thực hiện một cách có chọn lọc, dựa trên nền tảng vững chắc của nghệ thuật chèo, đồng thời áp dụng những yếu tố phù hợp

để làm phong phú thêm hình thức biểu diễn và mở rộng đối tượng khán giả. Khi làm tốt điều này, Chèo Quân đội không chỉ có thể khẳng định vị thế của mình trong nền nghệ thuật Việt Nam mà còn có thể vươn ra thế giới, trở thành một trong những đại diện tiêu biểu của văn hóa dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế.

3.3.5. Đầu tư công nghệ biểu diễn nâng cao hiệu quả nghệ thuật

Trong bối cảnh công nghệ ngày càng phát triển mạnh mẽ, việc ứng dụng công nghệ vào nghệ thuật biểu diễn không chỉ là một xu hướng mà còn là một yêu cầu tất yếu để nâng cao chất lượng nghệ thuật và thu hút khán giả hiện đại. Đối với Nhà hát Chèo Quân đội, đầu tư công nghệ biểu diễn có thể tạo ra sự thay đổi tích cực, giúp nâng cao trải nghiệm thị giác, thính giác cho người xem và tăng cường khả năng truyền tải nội dung nghệ thuật một cách sinh động, sâu sắc hơn.

Một trong những ứng dụng quan trọng của công nghệ vào các vở diễn của Nhà hát Chèo Quân đội là việc sử dụng hệ thống âm thanh, ánh sáng và kỹ thuật sân khấu hiện đại. Trước đây, các vở diễn chèo truyền thống chủ yếu dựa vào diễn xuất của nghệ sĩ và phần nhạc đệm đơn giản. Tuy nhiên, ngày nay, việc áp dụng hệ thống âm thanh đa chiều, ánh sáng lập trình, hiệu ứng sân khấu 3D có thể giúp tái hiện những bối cảnh lịch sử, trận chiến, không gian thiên nhiên một cách chân thực và sống động hơn. Nhờ đó, khán giả không chỉ nghe mà còn cảm nhận được toàn bộ không khí của vở diễn, tăng cường sự kết nối với nội dung nghệ thuật.

Bên cạnh việc nâng cấp sân khấu truyền thống, Nhà hát Chèo Quân đội cũng có thể tận dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR) để mang lại những trải nghiệm nghệ thuật mới lạ. Với công nghệ VR, người xem có thể được đưa vào không gian của vở diễn, quan sát cận cảnh từng chi tiết, cảm nhận được sự chân thực của câu chuyện. Trong khi đó, công nghệ

AR có thể giúp tạo ra những hiệu ứng tương tác độc đáo giữa nghệ sĩ và khán giả, khiến họ không còn là những người xem thụ động, mà trở thành một phần của vở diễn, giúp nâng cao trải nghiệm, mở ra những cơ hội mới trong việc quảng bá chèo đến đông đảo khán giả.

Ngoài sân khấu truyền thống, Nhà hát Chèo Quân đội có thể mở rộng phạm vi tiếp cận thông qua các nền tảng số và truyền thông trực tuyến. Việc phát trực tiếp các buổi biểu diễn trên YouTube, Facebook, TikTok hay xây dựng các kho lưu trữ video nghệ thuật số không chỉ giúp bảo tồn di sản chèo mà còn tạo điều kiện để nghệ thuật này tiếp cận với công chúng rộng rãi hơn, đặc biệt là giới trẻ. Thực tế cho thấy rằng, những chương trình nghệ thuật khi được đăng tải trên nền tảng số đã thu hút hàng chục nghìn lượt xem và nhận được nhiều phản hồi tích cực từ cộng đồng mạng. Điều này cho thấy rằng chèo hoàn toàn có thể tồn tại và phát triển trong thời đại kỹ thuật số nếu có chiến lược tiếp cận phù hợp.

Tuy nhiên, để đầu tư công nghệ biểu diễn một cách hiệu quả, cần có sự đầu tư bài bản cả về hạ tầng kỹ thuật lẫn đào tạo nhân lực. Một số đơn vị nghệ thuật hiện nay đã ứng dụng thành công công nghệ vào biểu diễn, nhưng chưa có sự đồng bộ về mặt kỹ thuật, dẫn đến việc chưa khai thác được tối đa tiềm năng của công nghệ trong sân khấu. Do đó, Nhà hát Chèo Quân đội cần có kế hoạch đầu tư hệ thống trang thiết bị hiện đại, đồng thời tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu cho nghệ sĩ, đạo diễn, kỹ thuật viên để họ có thể làm chủ công nghệ và áp dụng một cách sáng tạo vào các vở diễn.

Bên cạnh những ưu điểm nổi bật, việc ứng dụng công nghệ biểu diễn trong nghệ thuật chèo cũng đặt ra không ít thách thức. Một trong những thách thức lớn nhất là nguy cơ làm mờ nhạt bản sắc truyền thống nếu quá lạm dụng các yếu tố kỹ thuật hiện đại. Chèo vốn có sức hấp dẫn riêng từ làn điệu, cử chỉ, động tác và sự giao lưu trực tiếp giữa nghệ sĩ với khán giả. Nếu chạy theo

công nghệ mà bỏ quên yếu tố này, nghệ thuật chèo sẽ dần đánh mất hồn cốt, trở thành một sản phẩm giải trí lai tạp, thiếu sự khác biệt. Vì vậy, việc kết hợp công nghệ cần được cân nhắc thận trọng, chỉ nên dừng lại ở mức hỗ trợ và làm nổi bật giá trị truyền thống, chứ không thay thế hoàn toàn bản chất của nghệ thuật chèo.

Một vấn đề khác là chi phí đầu tư công nghệ thường rất lớn. Các thiết bị âm thanh, ánh sáng hiện đại, màn hình LED, công nghệ 3D, VR, AR đều có giá thành cao, đòi hỏi ngân sách đáng kể. Nếu không có sự hỗ trợ từ Nhà nước và Quân đội, Nhà hát Chèo Quân đội khó có thể tự chủ hoàn toàn về kinh phí. Bên cạnh đó, việc duy trì và bảo dưỡng các thiết bị hiện đại cũng là một thách thức, đòi hỏi đội ngũ kỹ thuật viên phải có trình độ chuyên môn cao, thường xuyên được đào tạo nâng cấp kiến thức. Đây là bài toán cần sự phối hợp giữa nhiều cơ quan, tổ chức để vừa đảm bảo nguồn lực tài chính, vừa xây dựng được đội ngũ nhân lực đủ khả năng vận hành.

Ngoài khía cạnh kinh phí và bảo tồn bản sắc, việc ứng dụng công nghệ vào nghệ thuật chèo cũng cần quan tâm đến tâm lý tiếp nhận của khán giả. Không phải tất cả khán giả đều sẵn sàng đón nhận những hình thức biểu diễn quá hiện đại. Đặc biệt, với những khán giả lớn tuổi, vốn quen thuộc với chèo cổ truyền, việc đưa quá nhiều yếu tố công nghệ có thể tạo cảm giác xa lạ. Do đó, cần có lộ trình từng bước, vừa đổi mới vừa giữ gìn, để khán giả dần thích nghi và chấp nhận những thay đổi. Một hướng đi hợp lý là áp dụng công nghệ ở mức vừa phải trong các vở diễn truyền thống, sau đó thử nghiệm mạnh mẽ hơn ở những tác phẩm mới, phù hợp với thị hiếu khán giả trẻ.

Việc đầu tư công nghệ cũng nên gắn liền với công tác nghiên cứu khán giả. Khán giả trẻ có xu hướng yêu thích sự mới mẻ, tương tác, trong khi khán giả trung niên và cao tuổi lại quan tâm nhiều đến tính truyền thống, chiều sâu

nội dung. Nắm bắt được nhu cầu này, Nhà hát có thể xây dựng những sản phẩm nghệ thuật đa dạng: một số vở diễn giữ nguyên phong cách chèo truyền thống, một số khác kết hợp công nghệ hiện đại, và cũng có thể sáng tạo ra những phiên bản rút gọn, trình diễn trực tuyến để phù hợp với khán giả mạng xã hội.

Ngoài ra, cần coi trọng việc hợp tác với các đơn vị công nghệ và truyền thông để phát triển nghệ thuật biểu diễn. Các doanh nghiệp công nghệ có thể hỗ trợ tư vấn, cung cấp thiết bị, đồng thời phối hợp cùng Nhà hát xây dựng các sản phẩm nghệ thuật số như video 360 độ, phim tài liệu tương tác, ứng dụng di động giới thiệu chèo. Đây sẽ là bước đi quan trọng để chèo Quân đội không chỉ dừng lại ở sân khấu truyền thống, mà còn mở rộng sang lĩnh vực giải trí số, đáp ứng nhu cầu khán giả trong thời đại toàn cầu hóa.

Từ những phân tích trên có thể thấy, đầu tư công nghệ biểu diễn vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với nghệ thuật chèo trong Quân đội. Nếu biết kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa nghệ thuật và công nghệ, thì chèo Quân đội không những được bảo tồn mà còn có thể phát triển mạnh mẽ, vươn ra khỏi phạm vi quân đội để tiếp cận rộng rãi công chúng trong nước và quốc tế. Đây chính là con đường tất yếu để nghệ thuật chèo thích ứng với thời đại mới, khẳng định vị thế của mình trong nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Tóm lại, việc đầu tư công nghệ biểu diễn là một giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả nghệ thuật Chèo Quân đội, giúp loại hình này không chỉ giữ vững giá trị truyền thống mà còn phát triển mạnh mẽ trong thời đại số. Khi được áp dụng đúng cách, công nghệ không chỉ giúp cải thiện chất lượng biểu diễn mà còn mở rộng phạm vi tiếp cận khán giả, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật Chèo Quân đội một cách bền vững và hiện đại.

Tiểu kết

Chương 3 đã phác họa một bức tranh toàn diện về những đóng góp nghệ thuật của Nhà hát Chèo Quân đội và những vấn đề đặt ra trong công cuộc gìn giữ, phát huy giá trị chèo trong bối cảnh đương đại. Trước hết, thành tựu nổi bật của Nhà hát thể hiện ở năng lực kế thừa sáng tạo: hệ thống làn điệu, cấu trúc tự sự – trữ tình, thủ pháp ước lệ, biểu trưng và hệ nhân vật kiểu mẫu được bảo tồn một cách sống động, đồng thời được “kích hoạt” bằng các thủ pháp dàn dựng mới để thích ứng với cảm quan thẩm mỹ hiện nay. Nhiều vở diễn minh chứng cho sức sống của kho tàng chèo cổ khi được đặt vào không gian, thời gian và tâm thế của con người đương đại.

Song song với đó, Nhà hát đã góp phần hình thành và phát triển một dòng chèo cách mạng mang màu sắc sử thi – anh hùng ca, vừa khắc họa lịch sử đấu tranh của dân tộc, vừa kiến tạo hệ giá trị tinh thần cho người lính hôm nay. Các tác phẩm không chỉ kể chuyện quá khứ mà còn tạo năng lượng tích cực cho hiện tại, qua đó khẳng định chức năng thẩm mỹ gắn liền chức năng xã hội – chính trị của sân khấu quân đội.

Quá trình hiện đại hóa ngôn ngữ sân khấu là điểm nhấn tiếp theo. Việc cải tiến tiết tấu, tổ chức lớp trò, sử dụng mỹ thuật, âm thanh, ánh sáng và các thiết bị sân khấu hiện đại đã mở rộng biên độ biểu đạt, gia tăng trải nghiệm thẩm mỹ mà không đánh mất bản sắc ước lệ của chèo. Cách tiếp cận liên ngành, kết hợp chất liệu múa, âm nhạc đương đại, cùng các giải pháp truyền thông – thương hiệu, giúp chèo Quân đội đối thoại hiệu quả hơn với công chúng trẻ.

Những sáng tạo về nội dung và hình thức gắn với phản ánh hiện thực quân đội, xây dựng tập trung hình tượng người lính với muôn mặt của đời sống huấn luyện, chiến đấu, tình quân – dân... cùng chủ đề tư tưởng gắn với nhiệm vụ chính trị - tư tưởng của quân đội, được thể hiện qua những người

chiến sĩ – nghệ sĩ, Nhà hát Chèo Quân đội còn đóng góp cho ngành chèo khi tạo dựng nên một “chiều chèo” riêng - “chiều chèo” chiến sĩ.

Ở bình diện tác động ngoại sinh, chương này chỉ ra những động lực và thách thức đan xen. Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước là nền tảng bảo trợ quan trọng cho nhiệm vụ bảo tồn – phát huy; đồng thời, xu thế toàn cầu hóa, hội nhập văn hóa đặt ra yêu cầu chọn lọc, tiếp thu tinh hoa thế giới trên nền tảng bản sắc dân tộc. Sự phát triển khoa học – công nghệ tạo điều kiện nâng chất biểu diễn và mở rộng không gian số cho lưu trữ, quảng bá; nhưng cũng kéo theo cạnh tranh gay gắt về thị phần chú ý và rủi ro “mờ bản sắc” nếu lạm dụng kỹ thuật.

Một biến số then chốt là sự biến đổi thị hiếu công chúng, đặc biệt trong lực lượng chiến sĩ trẻ. Nhu cầu trải nghiệm nhanh, giàu tương tác, thiên về thị giác và tính thời sự đòi hỏi đổi mới nội dung, hình thức, phương thức tiếp cận. Chèo Quân đội cần đồng thời duy trì một “trục bảo tồn” cho nhóm khán giả trung niên – cao tuổi và một “trục cải tiến” cho khán giả trẻ, kết nối hai trục bằng các sản phẩm rút gọn, trích đoạn số, chương trình giao lưu – tương tác sau buổi diễn.

Các thách thức nội sinh được nhận diện rõ: thiếu hụt và mất cân đối đội ngũ sáng tạo (kịch tác gia, đạo diễn, nhạc sĩ), cơ hội thực hành hạn chế cho nghệ sĩ trẻ, chế độ đãi ngộ chưa đủ cạnh tranh. Đây là những nút thắt ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đổi mới và tính liên tục thế hệ. Giải quyết vấn đề này đòi hỏi chiến lược nhân lực dài hạn: tuyển chọn – học bổng – cam kết việc làm; truyền nghề hệ thống; liên kết đào tạo với các cơ sở nghệ thuật; cơ chế đặt hàng kịch bản; quỹ hỗ trợ thử nghiệm sáng tạo; và lộ trình nghề nghiệp – đãi ngộ rõ ràng.

Về phương thức giữ gìn và phát huy, chương này đề xuất một gói giải pháp đồng bộ. Trên phương diện tư tưởng, tiếp tục củng cố bản lĩnh chính trị,

nâng cao tri nhận thẩm mỹ – văn hóa cho nghệ sĩ – chiến sĩ; đổi mới cách chuyển tải nội dung chính trị theo hướng giàu kịch tính, nhân vật có chiều sâu, ngôn ngữ sân khấu hiện đại để thông điệp được tiếp nhận tự nhiên. Trên phương diện chuyên môn, xây dựng đội ngũ toàn chuỗi sáng tạo (biên kịch – đạo diễn – âm nhạc – mỹ thuật – kỹ thuật), khuyến khích thử nghiệm trong biên độ bảo tồn cấu trúc lõi của chèo. Trên phương diện công nghệ, đầu tư hạ tầng âm thanh, ánh sáng, cảnh quan số; ứng dụng VR/AR ở mức hỗ trợ bản sắc; phát triển tài nguyên số hóa, nền tảng số và mô hình biểu diễn kết hợp trực tiếp – trực tuyến. Trên phương diện công chúng, triển khai nghiên cứu khán giả, thiết kế sản phẩm theo phân khúc, tăng hoạt động giáo dục – trải nghiệm, mở rộng truyền thông thương hiệu và hợp tác đối tác công nghệ, truyền thông.

Từ những phân tích trên, có thể rút ra kết luận khái quát: sức sống của chèo Quân đội trong bối cảnh đương đại được quyết định bởi năng lực cân bằng giữa bảo tồn và đổi mới. Bảo tồn không đồng nghĩa với bất động; đổi mới không đồng nghĩa với đánh đổi bản sắc. Khi tư tưởng – con người – công nghệ – công chúng được kết nối bằng chiến lược nhất quán, Nhà hát Chèo Quân đội có đủ điều kiện để tiếp tục khẳng định vai trò: vừa là thiết chế nghệ thuật giữ hồn dân tộc, vừa là lực lượng xung kích trên mặt trận văn hóa tư tưởng.

Tiểu kết này đồng thời mở ra định hướng cho chương tiếp theo: chuyển từ khung phân tích – đánh giá sang hệ giải pháp thực thi và mô hình quản trị phát triển. Trọng tâm sẽ là cơ chế đặt hàng sáng tạo; kiến trúc chương trình, danh mục tác phẩm nền – trực – thử nghiệm; chiến lược số hóa và truyền thông; cũng như hệ đo lường tác động nghệ thuật – xã hội phù hợp với đặc thù một nhà hát trong quân đội.

KẾT LUẬN

1. Nhà hát Chèo Quân đội là đơn vị nghệ thuật Chèo duy nhất của cả nước trực thuộc Quân đội nhân dân, được ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phục vụ đời sống tinh thần cho bộ đội. Ngay từ ngày đầu mới thành lập cho đến những năm tháng kháng chiến chống Mỹ, suốt dọc tuyến đường Trường Sơn lịch sử và trải khắp chiều dài đất nước, nơi nào có bộ đội và thanh niên xung phong là có dấu chân các diễn viên của Nhà hát Chèo Quân đội. Sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, Nhà hát Chèo Quân đội vẫn vững vàng định hướng kế thừa và phát triển nghệ thuật chèo truyền thống để xây dựng các vở diễn phục vụ Quân đội. Hàng loạt vở diễn ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ca ngợi tư tưởng yêu nước thương dân, sống có nghĩa, có tình, phê phán và lên án cái xấu, cái ác được dàn dựng mang đậm dấu ấn riêng của Nhà hát Chèo Quân đội. Bước vào công cuộc đổi mới đất nước, Nhà hát Chèo Quân đội đã nhanh chóng đổi mới cả nội dung và hình thức hoạt động nghệ thuật, tiếp tục khai thác đề tài lịch sử dân gian, đồng thời phát động tìm chọn, dàn dựng nhiều vở về đề tài lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng, thể hiện nổi bật hình tượng người chiến sĩ cả trong cuộc sống chiến đấu cũng như trong hòa bình. Các chương trình, vở diễn của Nhà hát Chèo Quân đội luôn có giá trị tư tưởng chính trị, tính chiến đấu, tính thời sự và nghệ thuật, để lại nhiều dấu ấn trong trái tim người xem - người lính và trong quá trình phấn đấu, trưởng thành của Nhà hát Chèo Quân đội. Các chương trình, vở diễn của Nhà hát đã cùng lớp lớp cán bộ, nghệ sĩ vượt qua những khó khăn, biến động, vượt qua những thách thức để tô thắm thêm truyền thống vẻ vang của Nhà hát.

2. Có ba yếu tố tác động để đặc điểm nghệ thuật của Nhà hát Chèo Quân đội, đó là: yêu cầu phục vụ chính trị trong Quân đội của Nhà hát Chèo

Quân đội; yêu cầu nâng cao đời sống tinh thần cho người lính; và yêu cầu bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc nói chung và nghệ thuật chèo truyền thống nói riêng.

3. Đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội trên phương diện nội dung thể hiện ở đề tài, hình tượng nhân vật và chủ đề tư tưởng. Về đề tài, các vở diễn của Nhà hát Chèo Quân đội chủ yếu đi vào 4 nhóm chính: nhóm đề tài người lính thời phong kiến, nhóm đề tài người lính trong chiến tranh cách mạng, nhóm đề tài người lính hậu chiến và nhóm đề tài người lính trong thời kỳ đổi mới. Về hình tượng nhân vật, các vở diễn chủ yếu xây dựng hình tượng nhân vật người lính với đặc điểm: Chân thực, giản dị, đời thường; thấm đượm tâm hồn và tính cách dân tộc; tinh thần đồng đội cao đẹp; đối mặt với nhiều gian khổ, hi sinh; phẩm chất anh hùng; tinh thần lạc quan cách mạng; hòa trộn giữa tính chính trị, tính chiến đấu và tính nhân văn. Về chủ đề tư tưởng, các vở diễn của Nhà hát Chèo Quân đội chủ yếu ca ngợi người lính trong mọi hoàn cảnh; đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; bảo vệ, phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc và quân đội.

4. Đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội trên phương diện nội dung thể hiện ở kết cấu, thể tài, nghệ thuật biểu diễn và nghệ thuật dàn dựng. Về kết cấu, các vở diễn của Nhà hát Chèo Quân đội vẫn giữ nguyên tinh thần của kết cấu tự sự trong chèo truyền thống nhưng có những cải biên đáng kể để phù hợp với nội dung và đối tượng khán giả của mình. Về thể tài, các vở diễn của Nhà hát Chèo Quân đội chủ yếu đi vào thể tài chính kịch anh hùng ca và thể tài chính kịch tâm lý xã hội. Về nghệ thuật biểu diễn, các nghệ sĩ Nhà hát Chèo Quân đội chủ yếu khai thác lối diễn chân thực, sống động về người lính và đi vào chiều sâu tâm lý nhân vật người lính. Về nghệ thuật dàn dựng sân khấu trong Chèo Quân đội là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa hai phong cách tả chân và tả ý, trang trí hoành tráng, bề thế và không khí, tiết tấu

sôi động, mạnh mẽ giúp tái hiện chân thực hình tượng người lính

5. Nhà hát Chèo Quân đội đã có những đóng góp quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển nghệ thuật chèo trong bối cảnh hiện đại. Đơn vị không chỉ kế thừa các giá trị truyền thống về làn điệu, cấu trúc trò diễn, tính ước lệ, mà còn sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của chèo cách mạng khi đưa vào nhiều đề tài cách mạng, làm phong phú nội dung và tăng tính thời sự. Đồng thời, Nhà hát còn mạnh dạn hiện đại hóa chèo thông qua đổi mới hình thức dàn dựng, ứng dụng công nghệ sân khấu, nâng cao tính thị giác, tạo sự hấp dẫn đối với khán giả đương đại nhưng vẫn giữ bản sắc đặc trưng. Với tư cách là đơn vị nghệ thuật chèo của Quân đội Nhân dân Việt Nam, những sáng tạo về nội dung, hình thức đi cùng với đội ngũ nghệ sĩ – chiến sĩ, Nhà hát Chèo Quân đội đã tạo dựng cho mình một “chiều chèo” riêng – “chiều chèo” chiến sĩ. Với những nỗ lực này, Nhà hát Chèo Quân đội không chỉ giữ vững vai trò tiên phong trong sáng tạo nghệ thuật mà còn góp phần khẳng định sức sống bền bỉ của chèo trong đời sống văn hóa hiện nay.

6. Việc giữ gìn và phát huy đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội chịu sự tác động của nhiều yếu tố cả khách quan lẫn chủ quan. Về khách quan, đường lối văn hóa và chính sách phát triển nghệ thuật của Đảng và Nhà nước định hướng rõ nhiệm vụ bảo tồn bản sắc dân tộc, song bối cảnh kinh tế thị trường, xu thế toàn cầu hóa và giao thoa văn hóa đã làm thay đổi thị hiếu khán giả, đặt ra yêu cầu chèo phải thích ứng linh hoạt. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ truyền thông và các loại hình giải trí hiện đại cũng tạo sức ép, buộc nghệ thuật chèo phải đổi mới hình thức biểu đạt để thu hút công chúng. Về chủ quan, đội ngũ nghệ sĩ, đạo diễn và cán bộ quản lý của Nhà hát là nhân tố quyết định chất lượng sáng tạo, bởi năng lực chuyên môn, khả năng đổi mới cùng ý thức bảo tồn truyền thống ảnh hưởng trực tiếp đến việc duy trì bản sắc chèo. Bên cạnh đó, nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và

chế độ đãi ngộ cũng đóng vai trò quan trọng, chi phối khả năng đầu tư cho những tác phẩm quy mô, chất lượng cao.

7. Trong bối cảnh cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay, để tiếp tục giữ gìn, phát huy đặc điểm nghệ thuật chèo của Nhà hát Chèo Quân đội), đòi hỏi đội ngũ nghệ sĩ - chiến sĩ Nhà hát Chèo Quân đội phải luôn giữ vững tư tưởng chính trị của “người lính chèo”; tăng cường giáo dục nhận thức và xây dựng đội ngũ chuyên môn vững vàng; không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng sáng tạo nghệ thuật; không ngừng tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới trên nền tảng văn hóa dân tộc và đầu tư công nghệ biểu diễn nâng cao hiệu quả nghệ thuật, phục vụ Quân đội nhân dân Việt Nam./.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Vũ Tự Long (2024), “Đổi mới và nâng cao chất lượng sáng tạo nghệ thuật trong sân khấu Chèo Quân đội”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia *Di sản nghệ thuật Việt Nam - Bảo tồn và phát huy*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng, tr.371-378.
2. Vũ Tự Long (2024), “Conservation solutions and promotion of Cheo cultural and artistic values in extracurricular activities at elementary schools” (Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa nghệ thuật chèo trong các hoạt động ngoại khóa tại trường tiểu học), Hội thảo khoa học Quốc tế *Giáo dục tiểu học trong xu thế hội nhập - Primary education in the integration trends*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.157-162.
3. Vũ Tự Long (2025), “Giao thoa văn hóa và sự đổi mới trong sân khấu chèo cách mạng”, Tạp chí *Lý luận phê bình Văn học-Nghệ thuật*, số 3, tr.92-103.
4. Vũ Tự Long (2025), “Hoạt động nghệ thuật chèo truyền thống về đề tài lực lượng vũ trang, chiến tranh cách mạng của Nhà hát Chèo Quân đội giá trị định hướng tư tưởng cho bộ đội thời kỳ mới”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *50 năm văn học, nghệ thuật về đề tài lực lượng vũ trang, chiến tranh cách mạng sau ngày đất nước thống nhất (30.4.1975 - 30.4.2025) - Thành tựu, những vấn đề đặt ra và định hướng phát triển*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.358-374.
5. Vũ Tự Long (2025), “Mối quan hệ và thách thức của nghệ thuật chèo quân đội trong xã hội đương đại”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 602, tr.118-122.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lại Nguyên Ân (2003), *150 thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
2. Trần Bảng (1979), “Chèo - sân khấu ước lệ”, Tạp chí *Nghiên cứu văn hóa nghệ thuật* (số 2), tr55-59.
3. Trần Bảng (1963), *Chèo - một hiện tượng sân khấu dân tộc*, Nxb Hội sân khấu, Hà Nội.
4. Trần Bảng (1979), “Chèo - sân khấu tự sự”, Tạp chí *Sân khấu*, (số 3).
5. Trần Bảng (1999), *Khái luận về chèo*, Viện sân khấu, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh xuất bản, Hà Nội.
6. Becton Bréch (1993), *Bàn về sân khấu tự sự*, Hội nghị sân khấu Việt Nam, Hà Nội.
7. Hà Văn Cầu (1961), “Múa chèo”, *Văn nghệ* (số 47), tr25-29.
8. Hà Văn Cầu (1961), “Nguyễn Đình Nghi người mở đầu cho phong trào Chèo cải lương”, *Văn nghệ* (4).
9. Hà Văn Cầu (1964), *Tìm hiểu phương pháp viết chèo*, Nxb Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.
10. Hà Văn Cầu (1964), *Quá trình hình thành và phát triển của nghệ thuật chèo*, Ban nghiên cứu chèo, Hà Nội.
11. Hà Văn Cầu (1973), *Hề - Chèo chọn lọc*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
12. Hà Văn Cầu (1976), *Tuyển tập chèo cổ* (sưu tầm và giới thiệu), Nxb Văn hóa, Hà Nội.
13. Hà Văn Cầu (1977), *Mấy vấn đề trong kịch bản chèo*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
14. Hà Văn Cầu (1999), “Từ chèo cổ đến chèo hiện đại”, *Văn hóa nghệ thuật* (số 1), tr.35-39.
15. Hà Văn Cầu (2000), “Lại nói về hiện đại hóa chèo”, *Văn hiến*, (số 2).
16. Hà Văn Cầu (2001), “Chèo truyền thống và chèo hiện đại”, *Văn hóa*

nghệ thuật (số 11)

17. Hà Văn Cầu (2005), *Lịch sử nghệ thuật chèo*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
18. Hoàng Chương (1986), *Mấy vấn đề về sân khấu truyền thống*, Viện sân khấu, Hà Nội.
19. Hoàng Chương (1993), *Đi tìm vẻ đẹp sân khấu dân tộc*, Viện sân khấu, Hà Nội.
20. Lộng Chương (1963), “Cần viết lại một số tích chèo cũ”, *Nghiên cứu Văn học*, (số 2).
21. Lộng Chương (1966), “Bàn về phép tự sự trong chèo”, *Tuần báo văn nghệ* ngày 24/6/1966.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, phần II, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
23. Cao Kim Điền (1961), “Nghệ thuật chèo cổ truyền”, *Báo Quân đội nhân dân*, (số 26).
24. Đàm Hà (1966), “Về trang trí sân khấu chèo”, *Văn hóa*, (số 9).
25. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử và Nguyễn Khắc Phi (1999), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
26. Bùi Đức Hạnh (2002), *Bàn về làn điệu chèo mới*, Viện Sân khấu, Hà Nội.
27. Nguyễn Thị Thu Huyền (2013), *Tục ngữ - ca dao truyền thống trong kịch bản chèo hiện đại*, Luận văn Thạc sĩ Văn học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội.
28. Lê Thanh Hiền sưu tập (1996), *Tổng luận Nghệ thuật chèo nửa sau thế kỷ XX*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
29. Lê Thanh Hiền (sưu tầm và biên soạn)(2006), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX: Kịch bản chèo 1900 - 1945, Quyển sáu - tập 1*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
30. Lê Thanh Hiền (sưu tầm và biên soạn) (2006), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX: Kịch bản chèo 1945 - 2000, Quyển sáu - tập 2*, Nxb Văn hóa

thông tin, Hà Nội.

31. Thu Hiền (1992), “Chèo truyền thống sẽ ra sao?”, *Báo Hà Nội mới*, ngày 18/4.
32. Bùi Huy Hiếu (1964), “Nghệ thuật trang trí sân khấu chèo”, *Báo Văn nghệ*, (số 72).
33. Phạm Thị Thu Hoài (2005), *Khảo sát các nhà nghiên cứu sân khấu về quá trình bác học hóa chèo*, Khóa luận chuyên ngành Văn học, Đại học khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội.
34. Đào Mạnh Hùng (2003), *Sân khấu truyền thống Việt Nam, bản sắc dân tộc và sự phát triển*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
35. Đào Mạnh Hùng (2025), “Thế hệ Konstantin Stanislavski trong lịch sử sân khấu Việt Nam”, <https://redsvn.net/the-he-konstantin-stanislavski-trong-lich-su-san-khau-viet-nam2/>
36. Nguyễn Thúc Khiêm (1930), “Khảo cứu hát tuồng và hát chèo”, *Nam Phong* (số 141).
37. Vũ Khắc Khoan (1974), *Tìm hiểu sân khấu chèo*, Nxb Lửa Thiêng, Sài Gòn.
38. Hoàng Kiều (2001), *Tìm hiểu các làn điệu chèo*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
39. Hoàng Kiều (1985), “Lại bàn về biện pháp phát triển chèo”, *Những vấn đề sân khấu*, Viện Sân khấu, Hà Nội.
40. Đặng Văn Lung (1977), “Thêm một giả thuyết về nguồn gốc nghệ thuật chèo”, *Văn hóa nghệ thuật*, (số 1).
41. Phương Lưu, Nguyễn Xuân Nam, Thành Thế Thái Bình (1988), *Lý luận văn học*, tập 3, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
42. Huỳnh Lý - Hoàng Ngọc Phách (1958), *Chèo và tuồng*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
43. Bùi Thị Thanh Mai (2018), “Vai trò của lý thuyết trong nghiên cứu nghệ thuật ở Việt Nam”, <https://www.studocu.vn/vn/document/dai-hoc-kinh-te-quoc-dan/kinh-te-bao-hiem/vai-tro-ca-ly-thuyt-trong->

nguyen-cu-n/78999141

44. Tào Mạt (Nguyễn Đăng Thục) (1986), *Bài ca giữ nước - Bộ ba chèo lịch sử*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
45. Tào Mạt (1995), *Tác phẩm chọn lọc*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
46. Tú Mỡ (1952), *Hát chèo*, Ngành Văn nghệ xuất bản, Việt Bắc.
47. Tú Mỡ (1960), *Bước đầu viết chèo*, Nxb Phổ thông (Bộ văn hóa), Hà Nội.
48. Nguyễn Văn Nội (1966), “Đặc điểm kịch nói và chèo”, *Văn hóa số* (số 7).
49. Nhiều tác giả (2024), *Bảo vệ và phát huy giá trị di sản trình diễn dân gian và nghệ thuật chèo trong xã hội đương đại*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
50. Trần Đình Ngôn (1981), “Một vấn đề của Chèo cần được quan tâm”, *Tạp chí nghiên cứu nghệ thuật*, (số 5).
51. Trần Đình Ngôn (1996), *Kịch bản chèo từ dân gian đến bác học*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
52. Trần Đình Ngôn (1996), *Yếu tố dân gian và yếu tố bác học trong kịch bản chèo*, Luận án Tiến sĩ Văn học dân gian, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội.
53. Trần Đình Ngôn (2011), *Những nguyên tắc cơ bản trong nghệ thuật chèo*, Nxb Thời đại, Hà Nội.
54. Trần Đức Ngôn (1999), “Sân khấu truyền thống - con đường tồn tại và phát triển”, *Văn hóa nghệ thuật*, (số 4).
55. Trần Việt Ngữ - Hoàng Kiều (1964), *Bước đầu tìm hiểu sân khấu chèo*, Nxb Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.
56. Trần Việt Ngữ - Hoàng Kiều (1967), *Bước đầu tìm hiểu tiếng cười trong chèo cổ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
57. Trần Việt Ngữ (1970), *Âm nhạc trong nghệ thuật chèo*, Tư liệu Viện sân khấu.
58. Trần Việt Ngữ (1980), *Cách viết một vở chèo*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.

59. Trần Việt Ngữ (1983), “Về những đặc điểm nghệ thuật của chèo cổ”, *Nghiên cứu nghệ thuật*, (số 3).
60. Trần Việt Ngữ (1983), “Lại bàn vấn đề người làm chủ chèo cổ”, *Nghiên cứu văn học*, (số 4).
61. Trần Việt Ngữ (1995), *Nguyễn Đình Nghi và chèo cải lương*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
62. Trần Việt Ngữ (1996), *Về nghệ thuật chèo*, Viện Âm nhạc Việt Nam, Hà Nội.
63. Trần Việt Ngữ (2001), “Thực trạng sân khấu chèo qua hội diễn cuối cùng của thế kỉ XX”, *Văn hóa nghệ thuật* (số 4).
64. Nhiều tác giả (1970), *Mấy vấn đề về nghệ thuật chèo*, Viện sân khấu - Sở văn hóa thông tin Thái Bình xuất bản, Hà Nội.
65. Nhiều tác giả (1995), *Sân khấu và người lính*, Viện Sân khấu xb, Hà Nội.
66. Nhiều tác giả (1995), *Nguyễn Đình Nghi và sự phát triển nghệ thuật chèo*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
67. Nhiều tác giả (1995), *Thực trạng Chèo hôm nay*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
68. Nguyễn Thị Nhung (1985), “Một số vấn đề cơ bản trong việc phát triển sân khấu truyền thống chèo”, *Những vấn đề sân khấu*, Viện Sân khấu, Hà Nội.
69. Hoàng Ngọc Phách - Huỳnh Lý (1958), *Chèo và Tuồng*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
70. Đình Quang (1960), “Một vài ý nghĩ về hình thức nghệ thuật trong các vở ca kịch dân tộc”, *Văn học*, (số 33).
71. Đình Quang (1983), *Phương pháp sân khấu Bectôn Brech*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
72. Đình Quang (2001), *Văn học nghệ thuật Thăng Long - Hà Nội, quá khứ và hiện tại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
73. Đình Quang (2003), *Về đặc trưng Tuồng, Chèo truyền thống và hướng*

phát triển, Nxb Sân khấu, Hà Nội.

74. Mịch Quang (1995), *Âm nhạc và sân khấu kịch hát dân tộc*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
75. Mịch Quang (2000), *Kinh dịch với nghệ thuật truyền thống*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
76. Dân Quốc (2002), *Mỹ thuật chèo truyền thống Việt Nam*, Công trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, Bộ Văn hóa - Thông tin.
77. Trần Đình Sử (2015), “Tiếp nhận phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa”, <https://trandinhstu.wordpress.com>.
78. Bùi Hoài Sơn (2022), “Giá trị văn hóa Việt Nam nhìn từ các chiều cạnh giá trị quốc gia, vùng, miền, tộc người”, Tạp chí Cộng sản điện tử, ra ngày 10 tháng 8.
79. Nguyễn Văn Thành (1995), “Vua Chồm - Một thành công mới của nhà hát chèo”, Tạp chí *Sân khấu*, (số 170).
80. Tất Thắng (1993), *Kịch hát truyền thống nhận thức từ một phía*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
81. Tất Thắng (1994), *Di sản sân khấu và đạo đức truyền thống*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
82. Tất Thắng (1997), “Tính trò diễn của sân khấu truyền thống Việt Nam”, *Văn học*, (số 3).
83. Tất Thắng (2001), *Đi tìm bản sắc dân tộc trong chèo*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
84. Tất Thắng (2007), *Nghệ thuật chèo nhận thức từ một phía*, Nxb Văn học, Hà Nội.
85. Chu Văn Thúc (1958), “Tham luận hội thảo khoa học về chèo”, *Những vấn đề sân khấu*, Viện Sân khấu, Hà Nội.
86. Tổng cục Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam (2004), *Kỷ yếu 50 năm Đoàn Nghệ thuật Tổng cục Hậu cần (1954-2004)*, Nhà xuất bản

Quân đội nhân dân, Hà Nội.

87. Trần Trí Trắc (1999), *Sân khấu học đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
88. Trần Trí Trắc (2004), “Dáng đứng của chiêng chèo Tổng cục Hậu cần”, *Kỷ yếu 50 năm Đoàn Nghệ thuật Tổng cục Hậu cần (1954-2004)*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội.
89. Trần Trí Trắc (2020), *Chèo cách mạng*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
90. Trần Trí Trắc (2024), *Bản sắc của Nhà hát Chèo Quân đội*, Tạp chí Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật, tháng 9, <https://lyluanphebinh.vn/tin-tuc/nguyen-cuu-trao-doi/2876/ban-sac-cua-nha-hat-cheo-quan-doi>.
91. Đôn Truyền (2001), *Đến với nhạc chèo*, Nxb Viện Sân khấu, Hà Nội.
92. Bùi Thanh Vân (2011), *Khai thác các giá trị văn hóa của nghệ thuật chèo cổ ở Vùng Đồng bằng bắc bộ Việt Nam phục vụ phát triển du lịch*, Luận văn Thạc sĩ Du lịch, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội.
93. Trần Quốc Vượng - Phan Kế Hoành (1984), “Tiếp cận tổng thể với cội nguồn và diễn tiến của sân khấu cổ truyền Việt Nam”, *Sân khấu*, số 1.
94. Trần Quốc Vượng - Đinh Xuân Lâm (1996), “Về nguồn gốc và lịch sử của tuồng chèo Việt Nam”, *Tạp chí Văn học*, (4).
95. Trần Quốc Vượng chủ biên (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
96. Trần Quốc Vượng (2006), *Môi trường con người và văn hóa*, Nxb Văn hóa thông tin và Viện văn hóa, Hà Nội.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM**

Vũ Tụ Long

**ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT CHÈO
CỦA NHÀ HÁT CHÈO QUÂN ĐỘI**

PHỤ LỤC LUẬN ÁN TIẾN SĨ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ SÂN KHẤU

Hà Nội - 2025

MỤC LỤC

Phụ lục 1:	Bảng thống kê tác phẩm biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội thực hiện từ năm 1991 tới 2023	198
Phụ lục 2:	Ảnh các vở diễn	202
Phụ lục 3:	Ảnh hoạt động biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội	215

Phụ lục 1. Bảng thống kê các vở diễn của Nhà hát Chèo Quân đội

STT	Tên tác phẩm	Đạo diễn	Năm
1	<i>Trần Quốc Toản ra quân</i>	Văn Thơm	?
2	<i>Nguyễn Viết Xuân</i>	Văn Thơm – Đỗ Tùng	?
3	<i>Cô thủ kho và bà sư đuổi chuột</i>	Cao Lưu	?
4	<i>Chuyến đò Sông Mã</i>	Văn Thơm	?
5	<i>Đường về trận địa</i>	Văn Thơm	?
6	<i>Anh lái xe và cô chống lầy</i>	Văn Thơm	?
7	<i>Con đường và tuổi trẻ</i>	NSND Ngọc Phương	?
8	<i>Lá thư tiền tuyến</i>	Văn Thơm	?
9	<i>Con đường và đồng đội</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	?
10	<i>Đường lên biên giới</i>	Trần Quỳnh	?
11	<i>Nguyễn Đức Cảnh</i>	Trần Quỳnh	?
12	<i>Đôi mắt</i>	Cao Lưu	?
13	<i>Người năm ấy</i>	Văn Thơm	?
14	<i>Những con hươu xanh</i>	NSUT Tạ Xuyên	1978
15	<i>Ngôi sao màu xanh lá</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	?
16	<i>Bông mận trắng</i>	NSND Phạm Thị Thành	?
17	<i>Cô thợ chữa pháo</i>	Cao Lưu	?
18	<i>Lý Thánh Tông tuyển hiền</i>	NSND Tào Mạt – NSND Đoàn Long	?
19	<i>Nhiếp chính Ý Lan</i>	NSND Tào Mạt – NSND Đoàn Long	1980
20	<i>Lý Nhân Tông kế nghiệp</i>	NSND Tào Mạt – NSND Đoàn Long	1985
21	<i>Chiếc bóng oan khiên</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	1989
22	<i>Người trong bóng tối</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	1989
23	<i>Tình yêu Yến Hoa</i>	NSUT Bùi Đức Hạnh	1989

24	<i>Người về từ thiên đường</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	1989
25	<i>Tiếng hát người áo rách</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	1990
26	<i>Hoa tuyết trinh</i>	TS Trần Đình Ngôn	1990
27	<i>Nước mắt bà chúa kho</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	1991
28	<i>Chuyện tình bên mái đình xưa</i>	TS Trần Đình Ngôn	1996
29	<i>Người tử tù mất tích</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	1995
30	<i>Nữ tú tài</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	1995
31	<i>Trái tim người con gái</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	1996
32	<i>Điều động lại sau chiến tranh</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	1997
33	<i>Mẹ chung</i>	NSND Bùi Đức Sừ	1997
34	<i>Chuyện tình người mất tích</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	1997
35	<i>Con mưa cuộc đời</i>	NSUT Bùi Đức Hạnh	1997
36	<i>Người anh hùng áo vải</i>	NSND Lê Hùng	1999
37	<i>Ông trạng xứ Đoài</i>	NSND Lê Hùng	1999
38	<i>Nước mắt nàng sơn nữ</i>	NSUT Đào Lê	1999
39	<i>Lời ước nguyện</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	2001
40	<i>Vẫn còn công lý</i>	NSND Lê Hùng	2002
41	<i>Người đi đòi nợ Phạt</i>	Lâm Yến	2003
42	<i>20 năm oan trái</i>	NSUT Quốc Trọng	2003
43	<i>Ánh sao đầu núi</i>	NSND Lê Hùng	2004
44	<i>Đồng đội</i>	NSND Lê Hùng	2004
45	<i>Chuyện người xưa</i>	NSND Xuân Huyền	2005
46	<i>Một lần vấp ngã</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	2006
47	<i>Trạng Quỳnh</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	2007
48	<i>Đêm trắng</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	2008
49	<i>Hùng ca Bạch Đằng giang</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	2009

50	<i>Bến nước đời người</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	2010
51	<i>Thương nhớ trầu cau</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	2011
52	<i>Tiếng đàn vùng mê thảo</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	2012
53	<i>Lưu Bình - Dương Lễ</i>	NSND Bùi Đắc Sửu	2012
54	<i>Đêm Nguyễn Công Hoan</i>	NSND Lê Hùng	2013
55	<i>Người tình nguyện</i>	NSND Lê Hùng	2013
56	<i>Chu Văn An - Người thầy muôn đời</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	2013
57	<i>Sáng trong như ngọc một con người</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	2014
58	<i>Điều động lại sau chiến tranh</i>	NSUT Quốc Trọng	2014
59	<i>Quan Âm Thị Kính</i>	NSUT Đoàn Vinh	2015
60	<i>Ba ngày làm vua</i>	NSND Lê Hùng	2015
61	<i>Người chiến sĩ năm xưa</i>	NSND Lê Hùng	2015
62	<i>Ánh sao đầu núi (dựng lại)</i>	NSND Lê Hùng	2016
63	<i>Đời luận anh hùng</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	2016
64	<i>Công lý không gục ngã</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	2017
65	<i>Người về nơi đất cũ</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	2017
66	<i>Rặng trâm bầu</i>	NSND Lê Hùng	2018
67	<i>Những người mẹ</i>	NSND Lê Hùng	2018
68	<i>Bến nước Ngũ Bồ</i>	NSND Lê Hùng	2019
69	<i>Câu Kiều ru một đời người</i>	NSND Lê Hùng	2019
70	<i>Ngày trở về</i>	NSND Lê Hùng	2020
71	<i>20 năm thù hận</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	2020
72	<i>Nguyễn Văn Cừ - Tuổi trẻ chí lớn</i>	NSND Tự Long	2021
73	<i>Biển vẫn con đường mòn</i>	NSND Tự Long	2021
74	<i>Trinh Nguyên</i>	NSUT Đoàn Vinh	2021
75	<i>Sóng dựng Lô Giang</i>	Nguyễn Cao Cường	2022

76	<i>Mặt chữ giữa hoàng cung</i>	NSND Doãn Hoàng Giang	2022
77	<i>Tình sử ngàn năm</i>	NSND Lê Hùng	2022
78	<i>Đôi ngọc lưu ly</i>	NSUT Đoàn Vinh	2023
79	<i>Đất liền và biển cả</i>	NSND Trương Hải Thọ	2023
80	<i>Đại đội trưởng của tôi</i>	NSND Vũ Tự Long	2023
81	<i>Tám lòng vàng</i>	NSND Trương Hải Thọ	2024
82	<i>Đại tướng Võ Nguyên Giáp</i>	NSND Trịnh Thúy Mùi	2024
83	<i>Dòng sông kể chuyện</i>	NSND Hoài Huệ	2024
84	<i>Vùng trời bình yên</i>	NSND Tự Long	2025
85	<i>Trái tim màu đỏ</i>	Nguyễn Cao Cường	2025

Phụ lục 2. Ảnh các vở diễn tiêu biểu của Nhà hát Chèo Quân đội



Ảnh 01: Cảnh trong vở *Nữ tú tài*.
HCV Hội diễn Nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc năm 1995.
(Nguồn ảnh: Phòng Truyền thống Nhà hát Chèo Quân đội).



Ảnh 02: Cảnh trong vở *Người tử tù mất tích*.
HCV Hội diễn Nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quân năm 1995.
(Nguồn ảnh: Phòng Truyền thống Nhà hát Chèo Quân đội)



Ảnh 03: Cảnh trong vở *Điều động lại sau chiến tranh*.
 Giải A giải thưởng BQP về đề tài LLVT và chiến tranh cách mạng;
 Giải A giải thưởng Hội NSSK Việt Nam năm 1997
 (Nguồn ảnh: Phòng Truyền thống Nhà hát Chèo Quân đội)



Ảnh 04: Cảnh trong vở *Hùng ca Bạch Đằng giang*.
 HCB Hội diễn Nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc năm 2009.
 (Nguồn ảnh: Phòng Truyền thống Nhà hát Chèo Quân đội).



Ảnh 05: Cảnh trong vở *Bến nước đời người*.
HCB Liên hoan các vở Chèo đề tài hiện đại năm 2011.
(Nguồn ảnh: Phòng Truyền thống Nhà hát Chèo Quân đội)



Ảnh 06: Cảnh trong vở *Chu Văn An - Người thầy của muôn đời*. HCV Hội diễn sân khấu Chèo chuyên nghiệp toàn quốc năm 2013; Giải thưởng Văn học nghệ thuật năm 2013 do Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam trao tặng.
(Nguồn ảnh: Phòng Truyền thống Nhà hát Chèo Quân đội)



Ảnh 07: Cảnh trong vở *Tiếng đàn vùng mê thảo*.
Vở diễn xuất sắc nhất tại Hội diễn sân khấu Chèo chuyên nghiệp toàn quốc năm 2013.
(Nguồn ảnh: Phòng Truyền thống Nhà hát Chèo Quân đội)



Ảnh 08: Cảnh trong vở *Nguyễn Chí Thanh - Sáng trong như ngọc một con người*.
HCV Hội diễn Nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quân năm 2014.
(Nguồn ảnh: Phòng Truyền thống Nhà hát Chèo Quân đội)



Ảnh 09: Cảnh trong vở *Người chiến sĩ năm xưa*. HCV Liên hoan sân khấu toàn quốc về “Hình tượng người chiến sĩ Công an nhân dân” lần thứ III năm 2015.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 10: Cảnh trong vở *Đời luận anh hùng*. HCV Cuộc thi Nghệ thuật Chèo chuyên nghiệp toàn quốc năm 2016.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 11: Cảnh trong vở *Ánh sao đầu núi*. Đạt giải Vở diễn xuất sắc nhất tại Cuộc thi Nghệ thuật Chèo chuyên nghiệp toàn quốc năm 2016.
(Nguồn ảnh: NSND Hoàng Song Hào)



Ảnh 12: Cảnh trong vở *Rặng trám bầu*. Giải Xuất sắc về đề tài LLVT và chiến tranh cách mạng tại Hội diễn Nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quân năm 2018.
(Nguồn ảnh: Lê Văn Khanh)



Ảnh 13: Cảnh trong vở *Những người mẹ*.
HCV Hội diễn Nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quân năm 2018.
(Nguồn ảnh: Lê Văn Khanh)



Ảnh 14: Cảnh trong vở *Bến nước Ngũ Bồ*.
Tham gia Liên hoan nghệ thuật Chèo toàn quốc năm 2019.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 15: Cảnh trong vở *Công lý không gục ngã*.
HCV Liên hoan nghệ thuật Chèo toàn quốc năm 2019.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 16: Cảnh trong vở *Câu Kiều ru một đời người*.
Tham gia Liên hoan sân khấu quốc tế thử nghiệm lần thứ IV năm 2019.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 17: Cảnh trong vở *Hai mươi năm thù hận*.
Vở diễn tham gia Liên hoan sân khấu toàn quốc về
“Hình tượng người chiến sĩ Công an nhân dân” lần thứ IV năm 2020.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 18: Cảnh trong vở *Ngày trở về*. Huy chương Vàng trong Liên hoan sân khấu
toàn quốc về “Hình tượng người chiến sĩ Công an nhân dân” lần thứ IV năm 2020.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 19: Cảnh trong vở *Biển vẫn con đường mòn*. Vở diễn chào mừng kỷ niệm 60 năm Ngày mở đường Hồ Chí Minh trên biển, năm 2021.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 20: Cảnh trong vở *Nguyễn Văn Cừ - Tuổi trẻ chí lớn*. Công trình chào mừng Kỷ niệm 110 năm ngày sinh Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



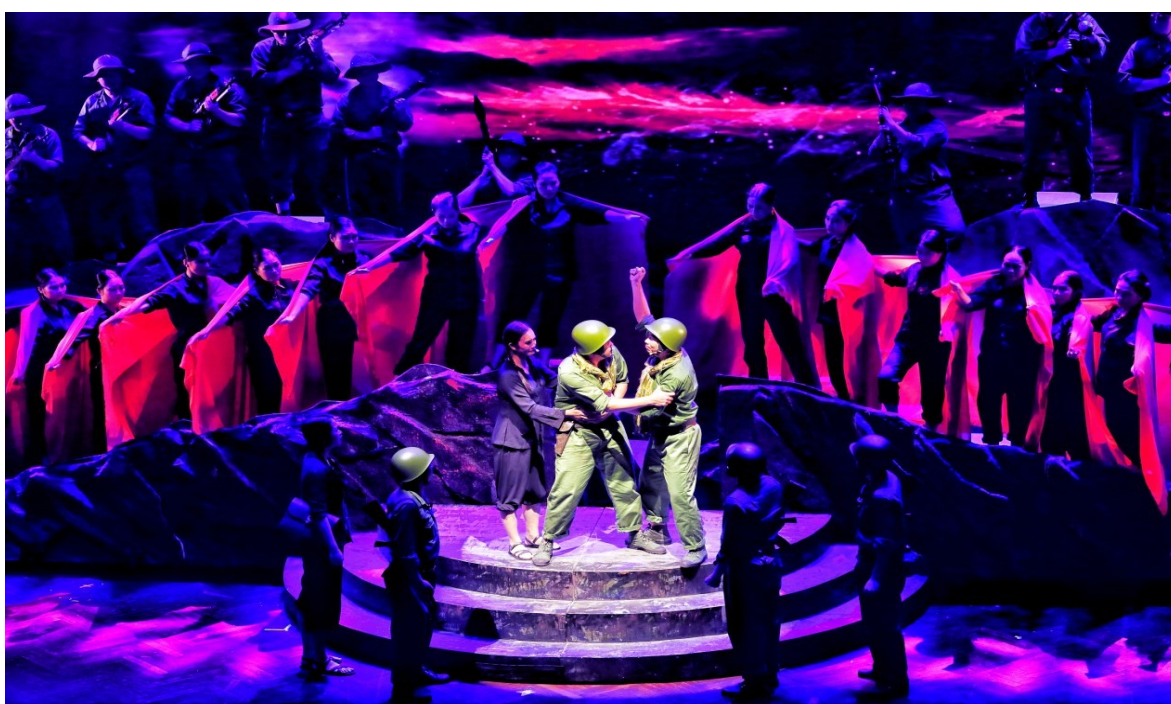
Ảnh 21: Cảnh trong vở *Tình sử ngàn năm*.
Tham gia Liên hoan nghệ thuật Chèo toàn quốc năm 2022.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 22: Cảnh trong vở *Mặt chữ giữa hoàng cung*.
Huy chương vàng Liên hoan nghệ thuật Chèo toàn quốc năm 2022.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 23: Cảnh trong vở *Đất liền và biển cả*. Huy chương vàng Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp về đề tài quốc phòng toàn dân năm 2023.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 24: Cảnh trong vở *Đại đội trưởng của tôi*. Huy chương Bạc Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp về đề tài quốc phòng toàn dân năm 2023. (Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 25: Cảnh trong vở *Đại tướng Võ Nguyên Giáp*.
Huy chương Vàng Liên hoan sân khấu Hà Nội mở rộng năm 2024.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 26: Cảnh trong vở *Dòng sông kể chuyện*. Công trình chào mừng kỷ niệm 80 năm
ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam. (Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)

Phụ lục 3. Ảnh hoạt động biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội



Ảnh 01: Cán bộ, chiến sĩ Đoàn 285, Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng chủ tịch Hồ Chí Minh đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2017. Nguồn ảnh: Đoàn 285



Ảnh 02: Cán bộ, chiến sĩ Bộ Tư lệnh Vùng 4, Quân chủng Hải Quân đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội năm 2017. Nguồn ảnh: Nguyễn Hương Giang



Ảnh 03: Cán bộ và nhân dân Khu phố Kim Thiều, Phường Hương Mạc, Tp. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2018.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 04: Khách giả đón xem vở diễn tham gia Liên hoan chèo toàn quốc năm 2019 của Nhà hát Chèo Quân đội tại Bắc Giang. (Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 05: Cán bộ, chiến sĩ Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam, đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2020.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 06: Cán bộ và nhân dân phường Đồng Ky, Tp. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2020.
(Nguồn ảnh: Nguyễn Thu Hải)



Ảnh 07: Cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 2, Quân khu 5, đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2022. (Nguồn ảnh: Nguyễn Hương Giang)



Ảnh 08: Cán bộ và nhân dân xã Xuân Thủy, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2022.
(Nguồn ảnh: Phạm Quang Duy)



Ảnh 09: Cán bộ và nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2022.
(Nguồn ảnh: Trung tâm phát thanh truyền hình Huyện Yên Dũng)



Ảnh 10: Khán giả đón xem vở diễn tham gia Liên hoan chèo toàn quốc năm 2022 của Nhà hát Chèo Quân đội tại Hà Nam. (Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 11: Cán bộ và nhân dân Khu phố Trang Liệt, phường Trang Hạ, Tp. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2022.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 12: Cán bộ và nhân dân thôn Bát Phí, xã Yên Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2023.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 13: Cán bộ và nhân dân phường Đồng Ky, Tp. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2023.
(Nguồn ảnh: Phạm Quang Duy)



Ảnh 14: Khán giả đón xem chương trình công diễn của Nhà hát Chèo Quân đội tại rạp của Nhà hát, năm 2023. (Nguồn ảnh: Lê Văn Khanh)



Ảnh 15: Cán bộ và nhân dân xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2023. (Nguồn ảnh: Trần Văn Đón).



Ảnh 16: Cán bộ và chiến sĩ Ban chỉ huy quân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2024. (Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 17: Du khách xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội tại Triển lãm 80 năm thành lập Văn hóa Nghệ thuật Quân đội, năm 2024.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang).



Ảnh 18: Cán bộ, giảng viên, học viên Học viện Quân y đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2024. (Nguồn ảnh: Đinh Chí Cường).



Ảnh 19: Cán bộ và nhân dân Khu phố Kim Thiều, phường Hương Mạc, Tp. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2024.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang).



Ảnh 20: Cán bộ và nhân dân làng Tống Xá, thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2024. (Nguồn ảnh: Trần Văn Đón).



Ảnh 21: Đồng bào các dân tộc Huyện Phong Thổ, Tỉnh Lai Châu đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2024.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 22: Đồng bào các dân tộc Huyện Phong Thổ, Tỉnh Lai Châu đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2024. (Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 23: Cán bộ và chiến sĩ Trung đoàn 754, Bộ chỉ huy quân sự Tỉnh Sơn La đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2024.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 24: Cán bộ và chiến sĩ Trung đoàn 754, Bộ chỉ huy quân sự Tỉnh Sơn La đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2024.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 25: Cán bộ và chiến sĩ Trung đoàn 880, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lai Châu đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2024.
(Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 26: Cán bộ và nhân dân phường Kim Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2024.
(Nguồn ảnh: Trần Văn Đón)



Ảnh 27: Cán bộ và chiến sĩ Ban Chỉ huy Khu vực phòng thủ 1 – Thuận Châu, Bộ Chỉ huy quân sự Tỉnh Sơn La đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2025. (Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)



Ảnh 28: Cán bộ và chiến sĩ Trung đoàn 102, Sư đoàn 308, Quân đoàn 12 đón xem chương trình biểu diễn của Nhà hát Chèo Quân đội, năm 2025. (Nguồn ảnh: Phạm Huy Quang)